

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 1**VÀO TRỊNH PHỦ***(Trích Kí Thượng kinh kí sự-Lê Hữu Trác)***I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.
- Bức tranh chân thực, sinh động về cuộc sống xa hoa uy quyền nơi phủ chúa Trịnh và thái độ, tâm trạng của nhân vật “tôi” khi vào phủ chúa chữa bệnh cho Trịnh Cán.
- Vẻ đẹp tâm hồn Lê Hữu Trác: danh y, nhà thơ, nhà văn, nhà nho, thanh cao, coi thường danh lợi. Những nét đặc sắc về bút pháp kí sự: tài quan sát, miêu tả sinh động những sự việc có thật; lối kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn; chọn lựa chi tiết đặc sắc; đan xen văn xuôi và thơ.
- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

2 . Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS trình bày suy nghĩ và cảm xúc của bản thân trước yẻ đẹp nhân cách Lê Hữu Trác.
- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sưu tầm tranh, ảnh về Lê Hữu Trác
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** Nhìn hình đoán tác giả

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

* **GV** tổ chức cuộc thi ***Ai nhanh hơn***

Các nhóm sẽ thi kể tên các Danh y- thầy thuốc nổi tiếng của VN?

Gợi ý: Tôn Thất Tùng, Phạm Ngọc Thạch, Tuệ Tĩnh, Đặng Văn Ngữ, Hải Thượng Lãn Ông, Đặng Văn Chung, Hồ Đắc Di

- HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Giáo viên giới thiệu vào bài: Trong số 7 bậc danh y của VN thì Lê Hữu Trác đặc biệt hơn cả. Bởi vì ông không chỉ là một thầy thuốc nổi tiếng mà còn được xem là một trong những tác giả văn học có những đóng góp lớn cho sự ra đời và phát triển của thể loại kí sự. Ông đã ghi chép một cách trung thực và sắc sảo hiện thực của cuộc sống trong phủ chúa Trịnh qua “Thượng kinh kí sự” (Kí sự lên kinh). Để hiểu rõ tài năng, nhân cách của Lê Hữu Trác cũng như hiện thực xã hội Việt Nam thế kỉ XVIII, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh (Trích Thượng kinh kí sự)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

- a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Nội dung chính của Tiểu dẫn gồm những ý gì? Tóm tắt từng ý. Định hướng (GV nhấn mạnh một vài nét nổi bật): HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i> , SGK, tr. 3.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: Lê Hữu Trác (1724 – 1791) hiệu là Hải Thượng Lãn Ông; là một danh y, nhà văn, nhà thơ lớn nửa cuối thế kỉ XVIII. Ông là tác giả của bộ sách y học nổi tiếng <i>Hải thượng y tông tâm lĩnh</i> .

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.
- + HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:

HS Tái hiện kiến thức và trình bày.

1. Tác giả:

Tác giả (1724 – 1791). Hiệu là Hải Thượng Lãn Ông (Ông già lười ở đất

Thượng Hồng)

- Quê quán: Làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, thị trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên)
- Về gia đình: Có truyền thống học hành thi cử, đỗ đạt làm quan
- Phần lớn cuộc đời hoạt động y học và trước tác của ông gắn với quê ngoại (Hương Sơn – Hà Tĩnh)

2. Tác phẩm: Đoạn “Vào phủ chúa Trịnh” nói về việc Lê Hữu Trác lên tới Kinh đô được dẫn vào phủ chúa để bắt mạch, kê đơn cho Trịnh Cán.
+

2. Tác phẩm (SGK)

Đoạn trích được rút ra từ *Thượng kinh kí sự* - tập kí sự bằng chữ Hán hoàn thành năm 1783, xếp ở cuối bộ *Hải thượng y tông tâm lĩnh* - ghi lại việc tác giả được triệu vào phủ của để khám bệnh kê đơn cho thế tử.

<p>GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>* GV hướng dẫn cách đọc: giọng chậm rãi, từ tốn, chú ý đọc một số câu thoại, lời của quan chánh đường, lời thể tử, lời người thầy thuốc trong phủ, lời tác giả,...</p> <p>GV đọc trước một đoạn.</p> <p>* GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: <i>Quang cảnh và cuộc sống đầy uy quyền của chúa Trịnh được tác giả miêu tả như thế nào?</i></p> <p>Nhóm 2: <i>Thái độ của tác giả bộc lộ</i></p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản</p> <p>1. Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh và thái độ của tác giả</p> <p>* Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh</p>

<p><i>như thế nào trước quang cảnh ở phủ chúa? em có nhận xét gì về thái độ ấy?</i></p> <p>Nhóm 3: Nhân vật Thế tử Cán hiện ra như thế nào?</p> <p>Nhóm 4: Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang được thể hiện như thế nào khi khám bệnh cho Thế tử?</p> <p>* GV đặt câu hỏi: Em hãy nhận xét về tài năng, phẩm chất của Lê Hữu Trác?</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>* Nhóm 1 - Sự cao sang, quyền quý cùng cuộc sống hưởng thụ cực điểm của nhà chúa:</p>	<p>+ Vào phủ chúa phải qua nhiều lần cửa và “ Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp”. “ Đâu đâu cũng là cây cối um tùm chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoang mùi hương”</p> <p>+ trong khuôn viên phủ chúa “ Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi.</p> <p>(phân tích bài thơ mà tác giả ngâm) + Nội cung được miêu tả gồm những chiếu gấm, màn là, sập vàng, ghế rồng, đèn sáng lấp lánh, hương hoa ngào ngạt, cung nhân xúm xít, mặt phần áo đỏ...</p> <p>+ ăn uống thì “ Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn của ngon vật lạ”</p> <p>+ Về nghi thức: Nhiều thủ tục... Nghiêm đến nỗi tác giả phải “ Nín thở đứng chờ ở xa)</p> <p>=> Phủ chúa Trịnh lộng lẫy sang trọng uy nghiêm được tác giả miêu tả bằng tài quan sát tỉ mỉ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động giữa con người với cảnh vật. Ngôn ngữ giản dị mộc mạc...</p>
--	---

<p>+ Quang cảnh tráng lệ, tôn nghiêm, lộng lẫy (đường vào phủ, khuôn viên vườn hoa, bên trong phủ và nội cung của thế tử,...).</p> <p>+ Cung cách sinh hoạt, nghi lễ, khuôn phép (cách đưa đón thầy thuốc, cách xưng hô, kẻ hầu, người hạ, cảnh khám bệnh,...)</p> <p>* Nhóm 2 : - Tỏ ra dừng dưng, sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa “ Khác gì ngư phủ đào nguyên thừa nào”</p> <p>- không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>- Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ “ Đi trong tối om...”</p> <p>- Nơi thế tử ngự: không khí trở lạnh lẽo, thiếu sinh khí</p> <p>- Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán:</p> <p>+ Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng</p>	<p>* Thái độ của tác giả</p> <p>- Tỏ ra dừng dưng trước những quyền rũ của vật chất. Ông sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa “ Khác gì ngư phủ đào nguyên thừa nào”</p> <p>- Mặc dù khen cái đẹp cái sang nơi phủ chúa xong tác giả tỏ ra không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do</p> <p>2. Thế tử Cán và thái độ, con người Lê Hữu Trác</p> <p>* Nhân vật Thế tử Cán:</p> <p>- Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ “ Đi trong tối om...”</p> <p>- Nơi thế tử ngự: Vây quanh bao nhiêu là vật dụng gấm vóc lụa là vàng ngọc. Người thì đông nhưng đều im lặng</p> <p>- Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán:</p>
--	--

<p>+ Biết khen người giữa phép tắc “Ông này lạy khéo”</p> <p>+ Đúng dậy cởi áo thì “Tinh khí khô hết, mặt khô, rồn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại - > một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>- Thái độ, tâm trạng và những suy nghĩ của nhân vật “tôi”</p> <p>+ Dứng dưng trước những quyển rũ vật chất, không đồng tình trước cuộc sống quá no đủ, tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do;</p> <p>+ Lúc đầu, có ý định chữa bệnh cầm chừng để tránh bị công danh trôi buộc. Nhưng sau đó, ông thẳng thắn đưa ra cách chữa bệnh, kiên trì giải thích, dù khác ý với các quan thái y;</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến</p>	<p>+ Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng</p> <p>+ Biết khen người giữa phép tắc “Ông này lạy khéo”</p> <p>+ Đúng dậy cởi áo thì “Tinh khí khô hết, mặt khô, rồn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại -> một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí</p> <p>=> Tác giả vừa tả vừa nhận xét khách quan Thế tử Cán được tái hiện lại thật đáng sợ. Tác giả ghi trong đơn thuốc “ 6 mạch tế sắc và vô lực...trong thì trống”. Phải chăng cuộc sống vật chất quá đầy đủ, quá giàu sang phú quý nhưng tất cả nội lực bên trong là tinh thần ý chí, nghị lực, phẩm chất thì trống rỗng?</p> <p>* Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang khi khám bệnh cho Thế tử</p> <p>- Một mặt tác giả chỉ ra căn bệnh cụ thể, nguyên nhân của nó, một mặt ngầm phê phán “Vì Thế tử ở trong chôn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi”</p> <p>+ Ông rất hiểu căn bệnh của Trịnh Cán, đưa ra cách chữa thuyết phục nhưng lại</p>
--	--

<p>thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>sợ chữa có hiệu quả ngay, chúa sẽ tin dùng, công danh trời buộc. Để tránh được việc ấy chỉ có thể chữa cảm chừng, dùng thuốc vô thường vô phạt. Song, làm thế lại trái với y đức. Cuối cùng phẩm chất, lương tâm trung thực của người thầy thuốc đã thắng. Khi đã quyết tác giả thẳng thắn đưa ra lý lẽ để giải thích -> Tác giả là một thầy thuốc giỏi có kiến thức sâu rộng, có y đức</p> <p>3. Về đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác: một thầy thuốc giỏi, bản lĩnh, giàu kinh nghiệm, y đức cao; xem thường danh lợi, quyền quý, yêu tự do và nếp sống thanh đạm.</p>
<p>Hoạt động 4: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS tổng kết bài học *</p> <p>GV nêu câu hỏi:</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>Bút pháp ký sự đặc sắc của tác giả</p> <p>- Quan sát tỉ mỉ. ghi chép trung thực, miêu tả cụ thể, sống động, chọn lựa</p>

<p>- Giá trị nổi bật của đoạn trích là gì? Giá trị ấy thể hiện ở những khía cạnh nào?</p> <p>- Nhận xét nghệ thuật viết kí của tác giả?</p> <p>*GV nêu câu hỏi:</p> <p>Qua đoạn trích, bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp tâm hồn của tác giả?</p> <p>Nêu ý nghĩa văn bản?</p> <p>* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên</p>	<p>được những chi tiết “đắt”, gây ấn tượng mạnh.</p> <p>- Lời kể hấp dẫn, chân thực, hài hước.</p> <p>- Kết hợp văn xuôi và thơ làm tăng chất trữ tình cho tác phẩm, góp phần thể hiện một cách kín đáo thái độ của người viết.</p> <p>2 . Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Đoạn trích <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> phản ánh quyền lực to lớn của Trịnh Sâm, cuộc sống xa hoa, hưởng lạc trong phủ chúa đồng thời bày tỏ thái độ coi thường danh lợi, quyền quý của tác giả..</p>
---	--

bảng.

Giá trị hiện thực của đoạn trích:

-Vẽ lại được bức tranh chân thực và sinh động về quang cảnh và cảnh sống trong phủ chúa Trịnh:

xa hoa, quyền quý, hưởng lạc...

- Con người và phẩm chất của tác giả: tài năng y lí, đức độ khiêm nhường, trung thực cứng cỏi, lễ sống trong sạch, thanh cao, giản dị, không màng công danh phú quý.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

Đáp án: 1d,2b,3b

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

1. Sắp xếp sự việc diễn ra sau đây đúng theo trình tự:

1 .Thánh chỉ 2 .Qua mấy lần trưởng giám 3. Vườn cây ,hành lang 4. Bắt mạch kê đơn 5.Vào cung 6. Nhiều lần chữa 7. Hậu mã quân túc trực 8. gác tía, phòng trà 9. Cửa lớn, đại đường, quyền bồng 10.Hậu mã quân túc trực 11. về nơi trọ 12. Hậu cung .

HS suy nghĩ và trả lời:.....

2. Qua đoạn trích anh (chị) thấy Lê Hữu Trác là người như thế nào?

- Là người thầy thuốc

- Là nhà văn.....

- Là một ông quan....

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

1 / Văn bản trên có nội dung: thể hiện suy nghĩ, những băn khoăn của người thầy thuốc. Bản khoản ấy thể hiện thái độ của ông đối với danh lợi và lương tâm nghề nghiệp, y đức của người thầy thuốc. Không đồng tình ủng hộ sự xa hoa nơi phủ chúa, không màng danh lợi nhưng ông không thể làm trái lương tâm.

2 / Câu văn “*Bệnh thế này không bỏ thì không được*” thuộc loại câu phủ định nhưng lại có nội dung khẳng định.

3/ N hững diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn :

- Có sự mâu thuẫn, giằng co:

+ Hiểu căn bệnh, biết cách chữa trị nhưng sợ chữa có hiệu quả ngay sẽ được chúa tin dùng, bị công danh trói buộc.

+ Muốn chữa cầm chừng nhưng lại sợ trái với lương tâm, y đức, sợ phụ lòng cha ông.

- Cuối cùng phẩm chất, lương tâm của người thầy thuốc đã thắng. Ông gạt sang một bên sở thích cá nhân để làm tròn trách nhiệm.

- Là một thầy thuốc có lương tâm và đức độ;

- Khinh thường lợi danh, quyền quý, yêu thích tự do và nếp sống thanh đạm, giản dị nơi quê nhà

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“Bệnh thế này không bỏ thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hòa hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ: Cha ông mình đòi đợi chịu ơn chịu nước, ta phải dốc hết lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được”.

(Trích Vào phủ chúa Trịnh, Tr8, SGK Ngữ văn 11 NC, Tập I, NXBGD 2007)

1/ Văn bản trên có nội dung gì?

2/ Xác định hình thức loại câu trong câu văn “Bệnh thế này không bỏ thì không được”. Câu này có nội dung khẳng định, đúng hay sai ?

3/ Trình bày những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn? - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- Dựng lại chân dung Lê Hữu Trác qua đoạn trích.
- Nêu suy nghĩ về hình ảnh thế tử Trịnh Cán.

- Chuẩn bị bài: Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 2:

TỪ NGÔN NGỮ CHUNG ĐẾN LỜI NÓI CÁ NHÂN I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết khái niệm về ngôn ngữ, lời nói cá nhân
- Hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể
- Nhận diện được biểu hiện của ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân trong văn bản
- Vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc trong lời nói cá nhân

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết vấn đề: HS lý giải được hiện tượng sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay, thể hiện được quan điểm của cá nhân đối với hiện tượng "sáng tạo" ngôn ngữ ở lứa tuổi học sinh.
- Năng lực sáng tạo: HS bộc lộ được thái độ đúng đắn với việc sử dụng TV, sáng tạo ra vốn từ cá nhân nhằm làm giàu cho TV.
- Năng lực giao tiếp TV: HS hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể; hs cũng được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV văn hóa.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Sử dụng đúng TV trong 2 lĩnh vực bút ngữ và khẩu ngữ, làm quen với các lời nói cá nhân được sáng tạo mới hiện nay.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 . Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- GV giao nhiệm vụ:
- * **GV nêu tình huống và đặt câu hỏi:** Có 2 em bé:

Em bé A: Con muốn ăn cơm

Em bé B bị khiếm thanh nên có cử chỉ: đưa tay và cơm vào miệng.

GV: Như vậy em bé A đã dùng phương tiện gì để mẹ hiểu được ý em ? (ngôn ngữ) **GV:** Vậy ngôn ngữ là gì ?

GV: Có phải cá nhân nào cũng sử dụng ngôn ngữ giống nhau không ?

GV: Không phải cá nhân nào cũng sử dụng ngôn ngữ giống nhau. Người Việt ngôn ngữ của họ là tiếng Việt “ thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc” nhưng với người Anh là tiếng Anh... Vậy ngôn ngữ là gì ? Ngôn ngữ là của chung hay của riêng mỗi cá nhân?

- HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (1) Thành phần tình thái – (2)Thành phần cảm thán –(3) Các thành phần tình thái, cảm thán

* **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: Cha ông ta khi dạy con cách nói năng, cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày thường sử dụng câu ca dao:

“Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”

Để hiểu được điều này, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học : “Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội**

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>* GV đặt câu hỏi: <i>Tại sao ngôn ngữ là tài sản chung của XH ?</i> (GV phát vấn HS trả lời)</p> <p>Tính chung trong ngôn ngữ của cộng đồng được biểu hiện qua những phương diện nào ? (GV chia HS theo nhóm nhỏ trả lời câu hỏi trình bày trước lớp)</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận - Những nét chung của ngôn ngữ xã hội trong lời nói cá nhân: âm, tiếng, từ, ngữ cố định, quy tắc và phương tiện ngữ pháp chung,...</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p>	<p>I. Ngôn ngữ - Tài sản chung của xã hội.</p> <p>+ Là phương tiện để giao tiếp. + Ngôn ngữ có những yếu tố, quy tắc chung, thể hiện:</p> <p>1/ Các yếu tố chung của ngôn ngữ.</p> <p>+ Các âm và các thanh. + Các tiếng. + Các từ. + Các ngữ cố định (Thành ngữ, quán ngữ).</p> <p>2/ Các quy tắc, phương thức chung.</p> <p>+ Quy tắc cấu tạo các kiểu câu. + Phương thức chuyển nghĩa của từ.</p>
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	

Hoạt động 2: Tìm hiểu những biểu hiện của lời nói cá nhân.

- a) **Mục tiêu:** hướng dẫn HS nắm được những biểu hiện của lời nói cá nhân.
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

* **GV đặt câu hỏi:** Theo em, thế nào là lời nói cá nhân?

- GV nêu VD và yêu cầu HS phân tích.

1/Tại sao dù không nhìn mặt nhưng mình vẫn nhận ra ca sĩ nào đang hát?

2/ Vốn từ ngữ của mỗi cá nhân giống nhau không? Vì sao?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

II/ Lời nói- sản phẩm riêng của cá nhân.**1/ Khái niệm:****2/ Biểu hiện.**

+ Giọng nói cá nhân.

+ Vốn từ ngữ cá nhân.

+ Sự chuyển đổi, sáng tạo khi sử dụng từ ngữ chung quen thuộc.

+ Việc sáng tạo từ mới.

+ Việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo quy tắc, phương thức chung. => Biểu hiện cụ thể nhất của lời nói cá nhân là phong cách ngôn ngữ của nhà văn.

<p>- Lời nói cá nhân là sản phẩm vừa được tạo ra nhờ các yếu tố và quy tắc, phương thức chung, vừa có sắc thái riêng và phần đóng góp của cá nhân.</p> <p>- Những nét riêng, sự sáng tạo của cá nhân khi dùng ngôn ngữ chung: giọng nói, vốn từ, sự chuyển đổi nghĩa cho từ, việc tạo ra từ mới,...</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 5: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: Hiểu được nội dung vừa học</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p><i>GV hướng dẫn HS luyện tập bằng hình thức hoạt động nhóm</i></p> <p>Nhóm 1: Bài tập 1 Nhóm 2: Bài tập 2</p> <p>Nhóm 3+4: Bài tập 3</p> <p>Từng nhóm lần lượt trả lời</p>	<p>III/ Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>Từ “ Thôi” in đậm được dùng với nghĩa: sự mất mát, sự đau đớn. “ Thôi” là hư từ được nhà</p>

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

Bài tập 1. : Từ *thôi* đã được dùng với nghĩa: sự mất mát, sự đau đớn. *Thôi* là hư từ được nhà thơ dùng như động từ nhằm diễn đạt nỗi đau của mình khi nghe tin bạn mất, đồng thời cũng là cách nói giảm, nói tránh để làm vơi đi nỗi đau mất mát người ở lại.

Bài tập 2. Hai câu thơ của Hồ Xuân Hương được sắp xếp theo lối đối lập: *xiên ngang – đâm toạc; mặt đất – chân mây; rêu từng đám – đá mấy hòn*, kết hợp với hình thức đảo ngữ. Thiên nhiên trong hai câu thơ như cũng mang theo nỗi niềm phần uất của con người. Nhà thơ sử dụng biện pháp đảo ngữ để làm nổi bật tâm trạng phần uất của thiên nhiên mà cũng là sự phần uất của nhà thơ. Các động từ mạnh như *xiên, đâm* kết

thơ dùng trong câu thơ nhằm diễn đạt nỗi đau của mình khi nghe tin bạn mất, đồng thời cũng là cách nói giảm để nhẹ đi nỗi mất mát quá lớn không gì bù đắp nổi.

2. Bài tập 2

- Tác giả sắp xếp từ ngữ theo lối đối lập kết hợp với hình thức đảo ngữ -> làm nổi bật sự phần uất của thiên nhiên mà cũng là sự phần uất của con người -> Tạo nên ấn tượng mạnh mẽ làm nên cả tính sáng tạo của HXH

hợp với các bộ ngữ như *ngang*, *toạc* thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh của thi sĩ.

Bài tập 3.

- Sức gợi, sự liên tưởng của từ ngữ đã khẳng định được sức sáng tạo của Bác, đặc biệt là từ *lồng*.
- Cấu trúc so sánh mới lạ ở hai câu đầu (theo cấu trúc so sánh thông thường thì câu thơ đầu là Tiếng hát như như tiếng suối).
- Điệp ngữ cuối câu 3 và đầu câu 4 (chưa ngủ) như chờ một kết thúc bất ngờ, độc đáo: vì lo nỗi nước nhà. Bài thơ Cảnh khuya của Bác là sản phẩm mang đậm dấu ấn phong cách sáng tạo, thể hiện được vẻ đẹp rất cổ điển nhưng cũng rất hiện đại của một thi sĩ – chiến sĩ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Bài tập 3. Có thể khẳng định ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội, lời nói là sản phẩm của từng cá nhân. Có thể nhận thấy mối quan hệ này qua bài thơ Cảnh khuya của Hồ Chí Minh.:

- Sức gợi, sự liên tưởng của từ ngữ đã khẳng định được sức sáng tạo của Bác, đặc biệt là từ *lồng*.

+ Từ *lồng* gợi nhớ đến

Chinh phụ ngâm: Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm / Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông / Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng / Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xót đau. Từ *lồng* cũng gợi nhớ đến Truyện Kiều: Vàng gieo ngấn nước, cây *lồng* bóng sân.

- Cấu trúc so sánh mới lạ ở hai câu đầu (theo cấu trúc so sánh thông thường thì câu thơ đầu là Tiếng hát như như tiếng suối).

- Điệp ngữ cuối câu 3 và đầu câu

4 (chưa ngủ) như chờ một kết

thức bất ngờ, độc đáo: vì lo
nỗi nước nhà.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS
- a. Từ *mọn mẫn* là từ mới được tạo ra nhờ phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt:
- Dựa vào các từ có phụ âm đầu làm (chẳng hạn: muộn màng).
 - Dựa vào thanh điệu (thanh huyền).
 - Từ mọn mẫn dùng để chỉ một vật nào đó nhỏ bé, ra đời muộn.
- b. Từ *giỏi giang* cũng là từ mới được tạo ra nhờ phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt.
- Dựa vào các từ chỉ sự đảm đang, tháo vát của một người nào đó: giỏi giang, nhanh nhẹn.
 - Dựa vào những từ chỉ hình dáng: nhỏ nhắn.
- c. Từ *nội soi* là thuật ngữ dùng trong y học mới được tạo ra trong thời gian gần đây nhờ vào phương thức cấu tạo từ mới trong tiếng Việt:
- Từ nội dùng để chỉ những gì thuộc về bên trong: nội tâm, nội thất... - Từ soi dùng để chỉ hoạt động dùng ánh sáng chiếu vào.
 - Nội soi chính là dùng phương pháp đưa một ống nhỏ vào bên trong cơ thể, qua đó có thể quan sát và phát hiện ra bệnh lí của con người.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- GV giao nhiệm vụ:

Tại sao các từ sau đây được gọi là từ mới:

a. Từ *mọn mẫn*

b. Từ *giỏi giang*

c. Từ *nội soi*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HUỐNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ - Cho Hs đọc lại phần ghi nhớ SGK/ 35. - Hoàn thành các bài tập còn lại. - Chuẩn bị bài: <i>Tự tình</i>
--

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 3:

TỰ TÌNH (Bài hai)**- Hồ Xuân Hương- I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

Nêu được các thông tin về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được
ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong
văn bản.

- Nhận ra được nội dung cảm xúc, ý nghĩa, tâm trạng của nhân vật trữ tình, phát hiện được các
hình ảnh, chi tiết nghệ thuật của bài thơ

- Thấy được tài năng nghệ thuật của nhà thơ

2. Năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại

-Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa văn bản

- Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của các nhà thơ được gửi
gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội
dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: học sinh nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm; hiểu được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu tác phẩm; hình thành và nâng cao những xúc cảm thẩm mỹ...

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, phiếu bài tập, câu hỏi
- Tranh ảnh tác giả, , hình ảnh trực quan (rêu, đá), nhạc, video
- Bảng phụ
- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS (bảng nhóm)
- Bảng giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** GV chiếu hình ảnh về tác giả

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: - Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

- Chuẩn bị bảng lắp ghép

- Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nổi tiếng của VHTĐ Việt Nam. Bà được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm. Thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, là niềm khao khát sống mãnh liệt. Đặc biệt những bài thơ Nôm của bà là cảm thức về thời gian tinh tế, tạo nền cho tâm trạng. “Tự tình” (Bài II) là một trong những bài thơ tiêu biểu cho điều đó, đồng thời thể hiện được những đặc sắc về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần tiểu dẫn *GV gọi một HS đọc phần tiểu dẫn SGK sau đó tóm tắt ý chính. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi: <p>1. Tác giả Hồ Xuân Hương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa xác định được năm sinh năm mất. - Sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX. 	<p>I. Tiểu dẫn</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ Xuân Hương là một <i>thiên tài kĩ nữ</i> nhưng cuộc đời lại gặp nhiều bất hạnh. - Thơ Hồ Xuân Hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng. <p>2. Sáng tác :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm
--	---

<p>- Quê quán: Làng Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.</p> <p>- Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho nghèo, cha làm nghề dạy học.</p> <p>- Là người đa tài đa tình phóng túng, giao thiệp với nhiều văn nhân tài tử, đi rất nhiều nơi và thân thiết với nhiều danh sĩ. Cuộc đời, tình duyên của Hồ Xuân Hương nhiều éo le ngang trái,</p> <p>-> Hồ Xuân Hương là một thiên tài kì nữ, là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam. Được mệnh danh là “ bà chúa TN</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	<p>chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.</p> <p>-Tác phẩm nhan đề tự tình là tự bộc lộ tâm tình .</p> <p>3 .Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật</p>
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. Đọc hiểu chi tiết:</p>

luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

*** Nhóm 1**

Câu 1 - Thời gian: Đêm khuya (quá nửa đêm) -> Yên tĩnh, con người đối diện với chính mình, sống thật với mình

- Không gian: Yên tĩnh vắng lặng (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)

- Âm thanh; Tiếng trống cầm canh -> nhắc nhở con người về bước đi của thời gian

+ “Văng vẳng” -> từ láy miêu tả âm thanh từ xa vọng lại (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)

+ “ Trống canh dồn” -> tiếng trống dồn dập, liên hồi, vội vã

- Chủ thể trữ tình là người phụ nữ một mình trơ trọi, đơn độc trước không gian rộng lớn:

Câu 2: nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.

+ “Trơ”: Trơ trọi, lẻ loi, cô đơn. Trơ lỳ: Tủi

hổ bẽ bàng, thách thức bền gan

+ Kết hợp từ “ Cái + hồng nhan”: vẻ đẹp của người phụ nữ bị rẻ rúng...

+ Nghệ thuật đảo ngữ -> nhấn mạnh vào sự trơ trọi nhưng đầy bản lĩnh của Xuân Hương => xót xa, chua chát

+ Câu 2: nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.

<p>+ Hình ảnh tương phản: Cái hồng nhan > < nước non</p> <p>-> Nỗi cô đơn khủng khiếp của con người</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>- Hai câu thực:</p> <p>Câu 3 gọi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa- Mượn rượu để giải sầu: Say rồi lại tỉnh -> vòng luẩn quẩn không lối thoát</p> <p>Câu 4: Nỗi chán chường, đau đớn e chề - Ngắm vàng trăng: Thì trăng xế bóng – Khuyết – chưa tròn -> sự mượn màng đỡ dang của cuộc đời nhà thơ: Tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc chưa trọn vẹn</p> <p>-Nghệ thuật đối -> tô đậm thêm nỗi sầu đơn lẻ của người mượn màng lỡ dở</p> <p>=> Niềm mong mỏi thoát khỏi hoàn cảnh thực tại nhưng không tìm được lối thoát.</p> <p>Đó cũng chính là thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>- Hai câu luận:</p> <p>Cảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phần uất và bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của HXH.</p>	<p>b. Hai câu tiếp (Câu 3 + 4)</p> <p>+ Câu 3: gọi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng.</p> <p>+ Câu 4: nỗi chán chường, đau đớn, e chề (chú ý mối tương quan giữa vàng trăng và thân phận nữ sĩ).</p> <p>c. Hai câu tiếp (Câu 5 + 6)</p> <p>Cảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phần uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.</p>
---	---

- Tác giả dùng cách diễn đạt: + Nghệ thuật đối + Nghệ thuật đảo ngữ -> Mạnh mẽ dữ dội, quyết liệt

+ Động từ mạnh “xiên” “đâm” kết hợp các bổ ngữ ngang dọc -> cách dùng từ độc đáo -> sự phản kháng của thiên nhiên => dường như có một sức sống đang bị nén xuống đã bắt đầu bật lên mạnh mẽ vô cùng.

* Nhóm 4

- Hai câu kết:

- Cách dùng từ:

+ Xuân: Mùa xuân, tuổi xuân

+ Ngán: Chán ngán, ngán ngẩm

-> Mùa xuân đến mùa xuân đi rồi mùa xuân lại lại theo nhịp tuần hoàn vô tình của trời đất còn tuổi xuân của con người cứ qua đi mà không bao giờ trở lại => chua chát, chán ngán

- Ngoảnh lại tuổi xuân không được cuộc tình, khối tình mà chỉ mảnh tình thôi. Mảnh tình đem ra san sẻ cũng chỉ được đáp ứng chút xíu Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xh phong kiến xưa.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

d. Hai câu kết

Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.	
Hoạt động 4: Tổng kết a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV: Đặt câu hỏi Em hãy cho biết trong bài thơ tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Qua đó hãy nêu ý nghĩa của văn bản. Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Các nhóm lần lượt trình bày + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh sinh động; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ. 2. Ý nghĩa văn bản. Bản lĩnh HXH được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi, phần uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được sống hạnh phúc.
kiến thức then chốt lên bảng.	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.
- b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='b'

[2]='c'

[3]='a'

[4]='d'

[5]='c'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi: **Câu hỏi 1:** Hồ Xuân Hương đã để lại tác phẩm nào?

- Thanh Hiên thi tập.
- Lưu hương kí.
- Quốc âm thi tập.
- Bạch Vân quốc ngữ thi tập.

Câu hỏi 2: Từ *dồn* trong câu thơ mang nét nghĩa nào?

- Làm cho tất cả cùng một lúc tập trung về một chỗ.
- Làm cho ngày càng bị thu hẹp phạm vi và khả năng hoạt động đến mức có thể lâm vào chỗ khó khăn, bế tắc.
- Hoạt động được tiếp diễn liên tục với nhịp độ ngày càng nhanh hơn.
- Liên tiếp rất nhiều lần trong thời gian tương đối ngắn.

Câu hỏi 3: Từ *trơ* trong câu thơ “Trơ cái hồng nhan với nước non” không chứa đựng nét nghĩa nào?

- a. Tỏ ra không biết hổ thẹn, không biết gượng trước sự chê bai, phê phán của người khác.
- b. Ở trạng thái phơi bày ra, lộ trần do không còn hoặc không có sự che phủ, bao bọc thường thấy.
- c. Ở vào tình trạng chỉ còn lẻ loi, trơ trọi một thân một mình.
- d. Sượng mặt ở vào tình trạng lẻ loi khác biệt quá so với xung quanh, không có sự gần gũi, hòa hợp.

Câu hỏi 4: Ý nào không được gọi ra từ câu “Trơ cái hồng nhan với nước non”?

- a. Thể hiện thái độ mỉa mai của tác giả khi rơi vào tình trạng lẻ loi.
- b. Thể hiện sự tủi hổ, xót xa xưa tác giả khi nhận ra hoàn cảnh của mình.
- c. Thể hiện sự thách thức, sự bèn gan cầu tác giả trước cuộc đời.
- d. Thể hiện sự rẻ rúng của tác giả với nhan sắc của mình.

Câu hỏi 5: Cụm từ *say* lại tỉnh trong câu “Chén rượu hương đưa say lại tỉnh” gọi lên điều gì?

- a. Sự vượt thoát khỏi hoàn cảnh của nhân vật trữ tình.
- b. Những tâm trạng thường trực của nhân vật trữ tình.
- c. Sự lẩn quẩn, bế tắc của nhân vật trữ tình.
- d. Bản lĩnh của nhân vật trữ tình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

- 1/ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ?
- 2/ Em hiểu từ *hồng nhan* là gì ? Ghi lại 2 thành ngữ có từ *hồng nhan*.
- 3/ Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì ?

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: “*Bầm Trời, cánh con thực nghèo khó*

.....

Biết làm có được mà dám theo”.

(Trích *Hầu trời* , Tản Đà, Tr 15, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)

1/ Nêu ý chính của văn bản?

2 / Xác định biện pháp tu từ (về từ) trong câu thơ *Văn chương hạ giới rẻ*

như bèo ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó ?

3 / Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng lãng mạn hay cảm hứng hiện thực ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng đó của nhà thơ ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật

- Gv chốt lại: tâm trạng buồn tủi chán chường và khát vọng hạnh phúc của HXH.

- Chuẩn bị bài: *Viết bài số 1*

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tiết 4-5 Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

BÀI VIẾT SỐ 1 I. MỤC ĐÍCH:

1 .Kiến thức:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận

2.Kĩ năng:

- Kĩ năng viết văn nghị luận

- Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có đủ bố cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung

3. Thái độ, phẩm chất:

- Thái độ: Có tình cảm chân thành trước những vấn đề có ý nghĩa trong cuộc sống - Phẩm chất: Sống yêu thương, sống tự chủ và sống trách nhiệm...

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung:
 - + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực riêng:
 - + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
 - + Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
 - + Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

B. Phương tiện thực hiện:

Cách thức tiến hành - Học sinh làm bài tại lớp 90 phút.

- GV đọc và chép đề lên bảng.
- Yêu cầu các em nghiêm túc thực hiện nội quy tiết học.

D. Tiến trình dạy học

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3. . Bài mới.

- GV: SGK, SGV, bài soạn, tài liệu..
- HS: Giấy viết bài.

C. B. Phương tiện thực hiện:

Cách thức tiến hành - Học sinh làm bài tại lớp 90 phút.

- GV đọc và chép đề lên bảng.
- Yêu cầu các em nghiêm túc thực hiện nội quy tiết học.

D. Tiến trình dạy học

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3. . Bài mới.

B. Phương tiện thực hiện:

Cách thức tiến hành - Học sinh làm bài tại lớp 90 phút.

- GV đọc và chép đề lên bảng.

- Yêu cầu các em nghiêm túc thực hiện nội qui tiết học.

D. Tiến trình dạy học

1. ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ: Không.

3. . Bài mới.

THIẾT LẬP MA TRẬN:

Mức độ NLDG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
I. Đọc hiểu					
<i>Số câu</i>	01	02	01		04
<i>Số điểm</i>	0,5	1,5	1,0		3,0
<i>Tỉ lệ</i>	5%	15%	10%		30%
II. Tạo lập văn bản					
<i>Số câu</i>			0	01	01
<i>Số điểm</i>			0	7	7
<i>Tỉ lệ</i>			0%	100%	100%
Tổng cộng					
<i>Số câu</i>	01	02	01	01	05
<i>Số điểm</i>	0,5	1,5	1,0	7,0	10
<i>Tỉ lệ</i>	0,5%	15 %	10 %	70 %	100 %

C. BIÊN SOẠN ĐỀ THEO MA TRẬN

Phần I: Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:

BÀI HỌC TỪ NHỮNG NGƯỜI NGHÈO KHỔ

Một ngày kia, một người cha cùng gia đình giàu có dẫn đưa con trai đi du lịch đến một đất nước với mục đích là cho con trai mình thấy ở nơi đó người ta sống nghèo khổ ra sao.

Họ ở một ngày, một đêm trong nông trại của một gia đình nghèo khổ. Khi kết thúc chuyến đi, người cha hỏi con mình:

- Con thấy chuyến đi như thế nào?

- Rất thú vị cha ạ!

Ngạc nhiên trước câu trả lời của đứa con, người cha hỏi lại:

- Con có nhìn thấy những người sống ở đó nghèo khổ đến thế nào không?

- Vâng, có!

Vậy con đã học được những gì nào?

Cậu con trai trả lời:

- Con nhìn thấy chúng ta nuôi một con chó, họ có bốn con. Chúng ta có một cái hồ rộng đến giữa khu vườn, họ có một dòng suối nhỏ không có nơi kết thúc.

Chúng ta có những bóng đèn thấp sáng khu vườn, họ có những vì sao. Sân trong nhà chúng ta kéo dài ra tận đến sân trước, họ có cả một chân trời.

Khi cậu con trai dứt lời, người cha im lặng không nói được gì.

Cậu bé nói tiếp:

- Cảm ơn cha đã cho con thấy họ nghèo khổ đến thế nào!

(Theo **Quà tặng cuộc sống** tr.101,102 - NXB Văn học, 2014)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (0,5 đ)

Câu 2: Phân tích hiệu quả của biện pháp nghệ thuật tương phản lời nói của cậu con trai: " Con nhìn thấy chúng ta nuôi một con chó, họ có bốn con. Chúng ta có một cái hồ rộng đến giữa khu vườn, họ có một dòng suối nhỏ không có nơi kết thúc. Chúng ta có những bóng đèn thấp sáng khu vườn, họ có những vì sao. Sân trong nhà chúng ta kéo dài ra tận đến sân trước, họ có cả một chân trời." (1 ,0 đ)

Câu 3: Vì sao người cha lại « nín lặng không nói được gì » sau khi nhận được câu trả lời của cậu con trai? (0,5đ)

Câu 4: Thông điệp có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị thông qua câu chuyện trên? (1 ,0đ)

Phần I: Làm văn (7,0 điểm)

"Một quyển sách tốt là một người bạn hiền" Hãy giải thích và chứng minh ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

ĐỌC HIỂU

1 .Phương thức biểu đạt chính: tự sự/ Phương thức tự sự

2. Đối lập tương phản: tài sản của cha con cậu bé tưởng là nhiều nhưng lại là ít và tài sản của những người dân nghèo tưởng là thiếu thốn nhưng lại là nhiều trong cái nhìn của cậu bé.

+ Tác dụng: làm nổi bật sự khác biệt giữa cuộc sống của gia đình cậu bé với những người nghèo khổ, từ đó cho thấy một thái độ sống, một cách nhìn khác về sự giàu - nghèo trong xã hội.

3. Người cha lại « *nín lặng không nói được gì* » sau khi nhận được câu trả lời của cậu con trai, vì mục đích ban đầu của ông là muốn cho con trai thấy *nơi đó người ta sống nghèo khổ ra sao* nhưng hóa ra, con trai ông lại giúp ông nhận ra không phải người ta nghèo khổ mà cha con ông mới là người *nghèo khổ*.

4. Học sinh rút ra được một trong những bài học sau:

- Cần nhìn nhận cuộc sống bằng thái độ tích cực, lạc quan, yêu đời và cả sự hài hước, dí dỏm.

- Sự giàu nghèo trong cuộc sống chỉ mang tính chất tương đối. Điều đáng quý đối với cuộc sống con người không phải là sự giàu có về vật chất mà là sự giàu có về tinh thần. - Sự nghèo khổ về vật chất không đáng sợ bằng sự nghèo nàn về tâm hồn...

LÀM VĂN

1 . *Yêu cầu về kĩ năng:*

- Làm đúng một bài kiểu nghị luận xã hội giải thích và chứng minh, bài viết có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

- Bài viết cần phải liên hệ thực tế, có thể là một câu chuyện có thật trong cuộc sống hoặc câu chuyện từ bản thân mà giá trị của một quyển sách tốt mang lại.

2. *Yêu cầu về kiến thức :*

- Đề bài yêu cầu học giải thích và chứng minh “một quyển sách tốt là một người bạn hiền.

- Bài viết cần nêu được giá trị của một quyển sách tốt, giải thích “sách tốt là bạn hiền”, qua đó nêu được ý nghĩa, bài học mà sách tốt đem lại cho bản thân.

Bài làm phải đảm bảo ba phần cơ bản dưới đây:

a, Mở bài :

Sách là một phương tiện quan trọng giúp ta rất nhiều trong quá trình học tập và rèn luyện, giúp ta giải đáp thắc mắc, giải trí...Do đó, có nhận định " Một quyển sách tốt là người bạn hiền".

b, Thân bài

- Giải thích Thế nào là sách tốt và tại sao ví sách tốt là người bạn hiền + Sách tốt là loại sách mở ra cho ta chân trời mới, giúp ta mở mang kiến thức về nhiều mặt: cuộc sống, con người, trong nước, thế giới, đời xưa, đời nay, thậm chí cả những dự định tương lai, khoa học viễn tưởng.

+ Bạn hiền đó là người bạn có thể giúp ta chia sẻ những nỗi niềm trong cuộc sống, giúp ta vươn lên trong học tập, cuộc sống. Do tác dụng tốt đẹp như nhau mà có nhận định ví von "Một quyển sách tốt là một người bạn hiền".

- Phân tích, chứng minh vấn đề

+ Sách tốt là người bạn hiền kể cho ta bao điều thương, bao kiếp người điêu linh đói khổ mà vẫn giữ trọn vẹn nghĩa tình:

- Ví dụ để hiểu được số phận người nông dân trước cách mạng không gì bằng đọc tác phẩm tắt đèn của Ngô Tất Tố, Lão Hạc của Nam Cao.

- Sách cho ta hiểu và cảm thông với bao kiếp người, với những mảnh đời ở những nơi xa xôi, giúp ta vươn tới chân trời của ước mơ, ước mơ một xã hội tốt đẹp.

+ Sách giúp ta chia sẻ, an ủi những lúc buồn chán: Truyện cổ tích, thần thoại,...

- Bàn bạc, mở rộng vấn đề

+ Trong xã hội có sách tốt và sách xấu, bạn tốt và bạn xấu.

+ Liên hệ với thực tế, bản thân:

c, Kết luận

- Khẳng định, suy nghĩ, cảm xúc rút ra bài học cho bản thân.

BIỂU ĐIỂM

+ Điểm 9-10: đáp ứng tất cả các yêu cầu trên, văn viết trôi chảy, có cảm xúc.

+ Điểm 7-8: đáp ứng được cơ bản các yêu cầu trên, thiếu sót một vài ý, mắc một vài lỗi không đáng kể.

+ Điểm 5-6 : Đáp ứng ở mức trung bình các yêu cầu của đề. Hiểu đề chưa thấu đáo, bài làm còn chung chung, diễn đạt thiếu trôi chảy

+ Điểm 3-4: bài viết sơ sài, chưa hiểu đề, hoặc viết lan man.

+ Điểm 1-2: lạc đề, chưa hiểu đề

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 6:**CÂU CÁ MÙA THU***(Thu điếu)* **I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

Nêu được các thông tin về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh thu điển hình cho mùa thu làng cảnh VN vùng đồng bằng Bắc Bộ.

- Vẻ đẹp tâm hồn thi nhân: tấm lòng yêu thiên nhiên, quê hương đất nước, tâm trạng thời thế.

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

- Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa văn bản

- Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của nhà thơ được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: học sinh nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm; hiểu được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu tác phẩm; hình thành và nâng cao những xúc cảm thẩm mỹ...

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, phiếu bài tập, câu hỏi

- Tranh ảnh tác giả Nguyễn Khuyến, hình ảnh trực quan về mùa thu, nhạc, video
- Bảng phụ
- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS (bảng nhóm)
- Bảng giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu và HS trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
 - GV giao nhiệm vụ:
 - + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
 - +Chuẩn bị bảng lắp ghép
 - + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - **HS** thực hiện nhiệm vụ:
 - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
 - **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: *Thu là thơ của đất trời, thơ là thu của lòng người và mùa thu là đề tài quen thuộc của thi nhân từ xưa đến nay. Và nhiều tác giả có những vần thơ nổi tiếng về mùa thu như “Tiếng thu” (Lưu Trọng Lư), cảm thu, tiễn thu của (Tản Đà), Đây mùa thu tới(Xuân Diệu),... Và hôm nay ta sẽ đến với cảnh thu điển hình của làng cảnh Việt Nam: mùa thu ở Bắc Bộ qua bài “ Thu điếu” Nguyễn Khuyến.)*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

- a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	. Tìm hiểu chung:

<p><i>GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ngắn gọn về : quê hương, gia đình, bút hiệu, cuộc đời, sự nghiệp nhà thơ Nguyễn Khuyến. - GV yêu cầu HS đọc và chia bố cục bài thơ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng <p>GV giảng thêm về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn của tác giả</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>(1835- 1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Thắng sau đổi thành Nguyễn Khuyến</p>	<p>1. Tác giả: (1835- 1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Thắng sau đổi thành Nguyễn Khuyến -</p> <p>Quê quán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh xuất thân: - Bản thân: - Cuộc đời làm quan hơn 10 năm không màng danh lợi, không hợp tác với kẻ thù sau đó về ở ẩn tại quê nhà <p>-> NK là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, kiên quyết không hợp tác với kẻ thù.</p>
--	---

<p>- Quê quán: Làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam</p> <p>- Hoàn cảnh xuất thân: Trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống khoa bảng</p> <p>-> ảnh hưởng đến Nguyễn Khuyến</p> <p>- Bản thân: Thông minh, chăm chỉ, đỗ đạt cao (Đỗ đầu cả 3 kì thi Hương, Hội, Đình -> Tam nguyên Yên Đỗ)</p> <p>- Cuộc đời làm quan hơn 10 năm không màng danh lợi, không hợp tác với kẻ thù sau đó về ở ẩn tại quê nhà</p> <p>-> NK là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, kiên quyết không hợp tác với kẻ thù.</p>	<p>2. Tác phẩm:</p> <p>- Sáng tác của Nguyễn Khuyến cả chữ Hán và chữ Nôm với số lượng lớn , còn 800 bài thơ văn</p> <p>- Nội dung thơ NK thể hiện tình yêu đất nước bạn bè , phản ánh cs thuần hậu chất phác.</p> <p>- Đóng góp lớn nhất của ông là mảng đề tài viết về làng quê, đặc biệt là mùa thu, tiêu biểu là chùm thơ thu. - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.</p>
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ và nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó.</p> <p>GV: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm, HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi:</p>	<p>II. Đọc hiểu chi tiết:</p> <p>1. Nội dung:</p>

Nhóm 1+2: *Phân tích cảnh thu qua bài thơ? (qua điểm nhìn, màu sắc, âm thanh, không khí, cảnh vật, nhận xét chung?)*

Nhóm 3+4: *Phân tích Tình thu qua bài thơ? Bài thơ "Câu cá mùa thu " nói chuyện câu cá mà thực ra có phải là câu cá hay không? Vì sao?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

HS trả lời:

* **Nhóm 1 + 2 :**

-Trong bài thơ "Câu cá mùa thu", cảnh thu được cảm nhận từ gần đến cao xa, rồi từ cao xa trở lại gần: từ chiếc thuyền câu nhìn ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu.

a/ Hai câu đề:

Giới thiệu mùa thu với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối hài hoà *ao thu, chiếc thuyền câu* bé tẻo teo; bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu. và của tiết trời mùa thu, gợi cảm giác lạnh lẽo, yên tĩnh lạ thường

+ Hình ảnh: Chiếc thuyền câu bé tẻo teo -> rất nhỏ(chú ý cách sử dụng từ láy và cách gieo vần “eo” của tác giả)

+Từ ngữ: lẽo, veo, teo...có độ gợi cao

- Cũng từ ao thu ấy tác giả nhìn ra mặt ao và không gian quanh ao-> đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. **b/ Hai câu thực:**

<p>- <i>Từ điểm nhìn ấy, cảnh thu</i> mở ra nhiều hướng thật sinh động.</p> <p>- Các từ ngữ tả màu sắc: nước <i>trong veo</i>, sóng <i>biếc</i>, trời <i>xanh ngắt</i> ; tả đường nét: sóng <i>hơi gợn tí</i>, lá vàng <i>khẽ đưa vèo</i> , tầng mây <i>lơ lửng</i>. Hiệu quả nghệ thuật của những từ ngữ đó là : tạo không khí mùa thu dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật làng quê Bắc Bộ nói riêng, nông thôn Việt Nam nói chung.</p> <p>* Nhóm 3+4:</p> <p>- <i>Bài thơ "Câu cá mùa thu "</i> nói chuyện <i>câu cá</i> mà thực ra người đi câu cá không chú ý gì vào việc câu cá. Nói câu cá nhưng thực ra là đón nhận trời thu, cảnh thu vào lòng. Cái dáng <i>vèo</i> của lá vàng dường như xuất hiện lác lõng nhưng nó lại rất hợp với cái tâm sự thời thế của nhà thơ- một sự đau buồn trước sự thay đổi quá nhanh chóng của thời thế. Cái thế ngồi bó gối ôm cần đầy tâm trạng của nhà thơ ở hai câu thơ cuối cũng góp phần thể hiện nổi bật tâm sự ấy. - Cảnh thu trong bài thơ "Câu cá mùa thu " là cảnh đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn vì Không gian trong bài thơ là một không gian tĩnh, vắng người, vắng tiếng: <i>Ngõ trúc quanh co khách vắng teo</i>. Các chuyển động rất nhẹ, rất</p>	<p>Tiếp tục nét vẽ về mùa thu với hình ảnh sóng <i>biếc</i> gợn thành hình, lá vàng rơi thành tiếng, gợi về tĩnh lặng của mùa thu.</p> <p>+Mặt ao – sóng <i>biếc</i>->nước mặt ao phản chiếu màu cây màu trời trong xanh một màu</p> <p>- <i>hơi gợn tí</i> -> chuyển động rất nhẹ =>sự chăm chú quan sát của tác giả</p> <p>+ Hình ảnh “ Lá vàng.....”-> đặc trưng tiêu biểu của mùa thu. “ <i>khẽ đưa vèo</i>” -> chuyển động rất nhẹ rất khẽ => Sự cảm nhận sâu sắc và tinh tế.</p> <p>c/ Hai câu luận:</p> <p>Không gian của bức tranh thu được mở rộng cả về chiều cao và sâu với nét đặc trưng của cảnh thu đồng bằng Bắc Bộ thanh , cao, trong, nhẹ...</p> <p>- Không gian mùa thu được mở rộng:</p> <p>+Trời <i>xanh ngắt</i> -> xanh thuần một màu trên diện rộng => đặc trưng của mùa thu.</p>
--	---

<p>khẽ không đủ tạo âm thanh: sóng <i>hơi gợn</i> , mây <i>lơ lửng</i> , lá <i>khẽ đưa</i> . Cuối bài thơ có một tiếng động âm thanh duy nhất nhưng lại mơ hồ, khiến cảnh vật càng thêm tĩnh lặng. Không gian đó đã đem đến sự cảm nhận về một nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>+ Tầng mây lơ lửng trên bầu trời -> quen thuộc gần gũi, yên bình, tĩnh lặng.</p> <p>- Khung cảnh làng quê quen thuộc:ngõ xóm quanh co, hàng cây tre, trúc....->yên ả tĩnh lặng. d/ Hai câu kết:</p> <p>Hình ảnh của ông câu cá trong không gian thu tĩnh lặng và tâm trạng u buồn trước thời thế. - Trong cái không khí se lạnh của thôn quê bỗng xuất hiện hình ảnh một người câu cá:</p> <p>- Tựa gối ôm cần....Cá đâu đớp động.+ “ Buông”: Thả ra(thả lỏng) đi câu để giải trí,để ngắm cảnh MT+ Tiếng cá “đớp động dưới chân bèo”-> sự chăm chú quan sát của nhà thơ trong không gian yên tĩnh của mùa thu.</p>
<p>Hoạt động 4: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p>III. Tổng kết</p>

- GV: Đặt câu hỏi Em hãy cho biết, nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản? Gv cho hs đọc ghi nhớ.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày
- + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

1 . Nghệ thuật

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.
- Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.

2 . Ý nghĩa văn bản

Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mỹ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='c'

[2]='c'

[3]= 'b'

[4]='b'

[5]= 'b'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Nội dung của sáu câu đầu trong bài thơ "*Câu cá mùa thu*" là gì?

- Giới thiệu quang cảnh thiên nhiên nơi tác giả sống.
- Nêu lên sự đánh giá của tác giả về sự vật, hiện tượng xung quanh mình.
- Miêu tả thần thái mùa thu ở một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ.
- Miêu tả một kiểu câu cá của nhà thơ.

Câu hỏi 2: Nét nghĩa nào sau đây phù hợp với từ *lơ lửng* ?

- Nổi lên thành những vệt, những nếp nhăn nhỏ thoáng thấy qua trên bề mặt phẳng.
- Di chuyển hoặc biến đổi trạng thái một cách rất nhanh, chỉ trong khoảnh khắc, đến mức như có muốn làm gì cũng không thể kịp.
- Ở trạng thái di động nhẹ ở khoảng giữa, lưng chừng, không dính vào đâu, không bám vào đâu.
- Cách đánh mức hoặc mức độ hoạt động không gây ra tiếng ồn hoặc một chuyển động có thể làm ảnh hưởng không khí yên tĩnh chung.

Câu hỏi 3: *Vắng teo* nghĩa là gì?

- Vắng vẻ và lặng lẽ.
- Rất vắng, không có hoạt động của con người.
- Vắng vẻ và thưa thớt.
- Không có mặt ở nơi lẽ ra phải có mặt.

Câu hỏi 4: Cảnh vật mùa thu được nhắc đến trong sáu câu thơ đầu có đặc điểm gì? a. Vừa sinh động vừa giàu sức sống.

- b. Vừa trong vừa tĩnh lặng.
- c. Vừa lạnh lẽo vừa hiu hắt.
- d. Vừa tươi tắn vừa mát mẻ.

Câu hỏi 5: Câu thơ thứ sáu trong bài thơ có sử dụng mô típ *ngõ trúc vắng teo* trong thơ cổ. Mô típ này dùng để nói về điều gì?

- a. Cảnh thiên nhiên tĩnh lặng.
- b. Nhà (ai đó) vắng người.
- c. (Ai đó) không làm quan.
- d. Nhà (ai đó) rất nghèo

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1/Các từ láy trong bài thơ :

-*lạnh lẽo* : không hẳn nói về cái lạnh của nước mà nói về không khí đượm vẻ hiu hắt của cảnh vật cũng như tâm trạng u uẩn của nhà thơ.

-*tẻo teo*: có thể được giải thích là rất nhỏ (chiếc thuyền câu nhỏ), âm *eo* được lặp lại gợi liên tưởng về một chiếc thuyền câu đang mỗi lúc một thu hẹp, phù hợp với cái nhìn của nhà thơ muốn mọi vật thu lại vừa trong tầm mắt, không mở ra quá rộng làm cho không khí suy tư bị loãng đi.

- *lơ lửng* : vừa gợi hình ảnh đám mây đọng lại lơ lửng giữa tầng không, vừa gợi trạng thái mơ màng của nhà thơ.

Hiệu quả nghệ thuật : tạo ra vẻ thuần Nôm cho tác phẩm mà còn có tác dụng làm tăng nhạc tính. Từ láy vừa mô phỏng dáng dấp, động thái của sự vật, làm cho sự vật hiện lên sống động, vừa thể hiện được biến đổi tinh vi trong cảm xúc chủ quan của người sáng tạo

2/ Từ *đâu* trong câu *Cá đâu đớp động dưới chân bèo* là đại từ phiếm chỉ .

Ý nghĩa nghệ thuật: Một tiếng động duy nhất - tiếng cá đớp mồi càng làm tăng thêm sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật. Cái tĩnh bao trùm được gọi lên từ một cái "động" rất nhỏ. Đây là nghệ thuật lấy "động" nói "tĩnh", một thủ pháp nghệ thuật gọi tả quen thuộc của thơ cổ điển.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc bài thơ Câu cá mùa thu:

1/ Xác định các từ láy trong bài thơ ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của các từ láy đó?

2 / Từ *đâu* trong câu *Cá đâu đớp động dưới chân bèo* là đại từ phiếm chỉ hay hư từ phủ định? Nêu ý nghĩa nghệ thuật của từ này ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN

- HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật

-Gv chốt lại: Cảnh mùa thu đồng bằng Bắc Bộ và tâm trạng của tác giả.

- Chuẩn bị bài: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận;

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 7:

PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nắm được khái niệm tìm hiểu đề, lập dàn ý, văn nghị luận

Xác định đúng vấn đề cần nghị luận, thao tác lập luận, phạm vi tư liệu trong quá trình phân tích đề

- Nắm vững cách phân tích và xác định yêu cầu của đề bài, cách lập dàn ý cho bài viết
- Có ý thức và thói quen phân tích đề và lập dàn ý trước khi làm bài

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn giáo viên đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.
- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành dàn ý. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm khi làm dàn ý.
- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Những câu danh ngôn, những câu châm ngôn quen thuộc; những đề bài NLVH
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu và HS trả lời câu hỏi
- Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV** giao nhiệm vụ: GV đưa ra tình huống: Có một đề văn như sau: Phân tích chất dân gian trong bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương

Một bạn học sinh làm bài bằng cách lần lượt phân tích bài thơ theo bố cục Đề-Thực-Luận-Kết.

Theo em, cách làm đó đúng hay sai? Vì sao?

- **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: cách làm đó không đúng, do bạn đó không phân tích đề nên không xác định đúng vấn đề cần nghị luận, bài không đủ ý vì thiếu chuẩn bị dàn ý ...

- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: *Trong chương trình ngữ văn THCS, chúng ta đã làm quen với văn nghị luận, đặc biệt là đã rèn luyện được một số kĩ năng như: cách lập luận, cách xây dựng luận điểm, luận cứ... Trong tiết học này, chúng ta sẽ rèn luyện thêm một kĩ năng nữa nhằm tránh trường hợp lạc đề, xa đề khi làm bài: kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS phân tích đề**

a) **Mục tiêu:** HS biết cách phân tích đề

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV cho HS đọc đề 1, đề 2 ở SGK.</p> <p>+ Trong 2 đề trên, đề nào có định hướng cụ thể, đề nào đòi hỏi người viết phải tự xác định hướng triển khai?</p> <p>+ Vấn đề cần nghị luận ở mỗi đề: yêu cầu về nội dung, các luận điểm...</p> <p>+ Giới hạn dẫn chứng, các thao tác cần nghị luận ở cả hai đề?</p>	<p>I/ PHÂN TÍCH ĐỀ.</p> <p>* Đề 1:</p> <p>a.Phân tích đề:</p> <p>+ Vấn đề cần nghị luận:</p> <p>+ Yêu cầu về nội dung:</p>
--	---

<p>+ Từ những cách tìm hiểu trên, hãy trình bày thế nào là cách phân tích đề văn?</p> <p>HS chia thành 4 nhóm:</p> <p>+ Nhóm 1; 2: Trả lời câu hỏi yêu cầu ở đề 1</p> <p>+ Nhóm 3 ; 4: Trả lời câu hỏi yêu cầu ở đề 2</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận -+ HS cử người trình bày trước lớp</p> <p>Kết quả mong đợi:</p>	<p>+ Yêu cầu về phương pháp:</p> <p>b.Lập dàn ý:</p> <p>* Đề 2:</p> <p>a.Phân tích đề:</p> <p>+ Vấn đề cần nghị luận:</p> <p>+ Yêu cầu về nội dung:</p> <p>+ Yêu cầu về phương pháp:</p> <p>b.Lập dàn ý: GV yêu cầu HS căn cứ vào kết quả phân tích đề để lập dàn ý cho bài viết.</p> <p>=> Là chỉ ra những yêu cầu về nội dung, thao tác chính và phạm vi dẫn chứng của đề ...</p> <p>- Trước khi phân tích đề phải:</p> <p>+ Đọc kĩ đề.</p> <p>+ Chú ý các từ then chốt.</p>
---	--

<p>HS trả lời</p> <p>- Đề 1 thuộc dạng có định hướng, nêu rõ yêu cầu về nội dung, giới hạn dẫn chứng. -Đề 2 là đề “ mở”: người viết phải tự tìm xem tâm sự, diễn biến, biểu hiện nỗi niềm của HXH).</p> <p>Nhóm 1; 2: Trả lời</p>	<p>+ Xác định quan hệ ngữ pháp giữa các vế ở đề ra.</p> <p>- Phải xác định được đây là đề có định hướng cụ thể hay mở rộng.</p> <p>+ <i>Vấn đề cần nghị luận:</i></p>
---	---

<p>+ Vấn đề cần nghị luận: “việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới”</p> <p>+ Yêu cầu về nội dung: thấy được các ý.</p> <p>- Người Việt Nam có nhiều điểm mạnh: thông minh, nhạy bén...</p> <p>- Người Việt Nam cũng không ít điểm yếu:hồng kiến thức, khả năng thực hành,...</p> <p>- Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu.</p> <p>+ Yêu cầu về phương pháp: sử dụng thao tác lập luận bình luận, giải thích, chứng minh; dùng dẫn chứng thực tế xã hội là chủ yếu.</p> <p>Nhóm 3; 4: Trả lời câu hỏi yêu cầu ở đề 2 + Vấn đề cần nghị luận: Tâm sự của HXH trong “Tự tình” II.</p> <p>+ Yêu cầu về nội dung: Nêu cảm nghĩ của mình về tâm sự và diễn biến tâm trạng của HXH: nỗi cô đơn, chán chường, khát khao được sống hạnh phúc ...</p> <p>+ Yêu cầu về phương pháp: sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ</p>	<p>+ <i>Yêu cầu về nội dung:</i></p> <p>+ <i>Yêu cầu về phương pháp:</i></p>
---	--

HXH là chủ yếu.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
Hoạt động 2: Hướng dẫn Hs lập dàn ý. a) Mục tiêu: HS biết cách lập dàn ý b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: HS thực hiện được các yêu cầu của GV d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV nhắc HS nhớ lại bộ cục bài nghị luận, nội dung và nhiệm vụ mỗi phần. + <i>Thế nào là luận điểm? ở đề 1, có thể xác định được bao nhiêu luận điểm, bao nhiêu luận cứ? là những luận điểm, luận cứ nào?</i> + <i>Nhắc lại khái niệm luận cứ?</i> + <i>Vai trò mỗi phần trong lập dàn ý?</i> <i>Phần đặt vấn đề có nhiệm vụ gì? Nhiệm vụ của giải quyết vấn đề là gì? Phần kết thúc vấn đề có nhiệm vụ gì?</i>	II/ LẬP DÀN Ý. + Là sắp xếp các ý theo trình tự logic. 1/ Xác lập luận điểm. 2/ Xác lập luận cứ. 3/ Sắp xếp luận điểm, luận cứ (lập luận). a/ Mở bài: Giới thiệu định hướng triển khai vấn đề. b/ Thân bài: Triển khai lần lượt các luận điểm, luận cứ theo trình tự logic. c/ Kết bài: Tóm lược, nhấn mạnh, mở rộng...

**Bước 2: HS thảo luận,
thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi

Mở bài : Nhìn chung phần mở bài thường có nhiệm vụ giới thiệu và định hướng triển khai vấn đề

Thân bài : Sắp xếp các luận điểm, luận cứ trong luận điểm theo một trình tự logic (quan hệ chính thể - bộ phận, quan hệ nhân - quả , diễn biến tâm trạng...)

Kết bài : Tóm lược nội dung đã trình bày hoặc nêu những nhân định, bình luận, nhằm khơi gợi suy nghĩ cho người đọc.+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét

<p>và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 3: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS biết cách lập dàn ý</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: HS thực hiện được các yêu cầu của GV</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Tổ chức hoạt động nhóm:</p> <p>Nhóm 1+2: bài tập 1</p> <p>Nhóm 3+4: bài tập 2</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p>	<p>1. Bài tập 1:</p> <p>a. Phân tích đề:</p> <p>- Vấn đề cần nghị luận: Giá trị hiện thực sâu sắc của đoạn trích <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> -</p> <p>Nội dung:</p> <p>+ Bức tranh cụ thể sinh động về cuộc sống xa hoa nhưng thiếu sinh khí của những người trong phủ chúa Trịnh, tiêu biểu là thế tử Trịnh Cán</p> <p>+ Thái độ phê phán nhẹ nhàng mà thấm thía cũng như dự cảm về sự suy tàn đang tới gần của triều Lê – Trịnh thế kỷ XVIII</p> <p>- Phương pháp: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ</p> <p>- Phạm vi dẫn chứng: văn bản <i>Vào phủ chúa</i></p> <p><i>Trịnh</i> là chủ yếu</p>

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

b. Lập dàn ý:

* Mở bài:

- Cuộc sống giàu sang, xa hoa, phù phiếm đầy giả tạo của chúa Trịnh

- Khắc họa rõ nét chân dung ốm yếu đầy bệnh hoạn của Trịnh Cán, điển hình sự suy đồi của tập đoàn phong kiến Đàng

Ngoài * Thân bài:

- Cuộc sống giàu sang, xa hoa, phù phiếm của chúa Trịnh

+ Cảnh giàu sang của vua chúa khác hẳn người thường

+ Đồ đạc nhân gian chưa từng thấy

+ Lầu son gác tía, rèm châu, hiên ngọc, sập vàng

+ Đồ ăn toàn của ngon vật lạ + Bức chân dung Trịnh Cán

o Vây quanh cậu bé bao nhiêu là vật dụng (gấm vóc lụa là, vàng, ngọc, sập, nệm, đèn, hương hoa, màn trướng,...)

o Người hầu hạ, cung tần, mỹ nữ đứng gần hoặc chực ở xa. Tất cả chỉ là cái bóng vật vờ, mờ ảo, thiếu sinh khí

+ Thái độ và dự cảm của tác giả

	<p>o Phê phán cuộc sống ích kỷ, giàu sang, phê phán của nhà chúa. Đặt cuộc sống xa hoa ấy vào thảm cảnh của người dân thường</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Nhìn lại một cách khái quát - Nêu nhận xét.</p> <p>2 . Bài tập 2: Phân tích đề:</p> <p>- Vấn đề cần nghị luận: Tài năng sử dụng ngôn ngữ dân tộc của Hồ Xuân Hương - Nội dung:</p> <p>+ Dùng văn tự Nôm</p> <p>+ Sử dụng các từ ngữ thuần Việt đặc dụng</p> <p>+ Sử dụng hình thức đảo trật tự từ trong câu -</p> <p>Phương pháp: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với bình luận</p> <p>- Phạm vi dẫn chứng: thơ Hồ Xuân Hương là chủ yếu.</p>
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh * Nhóm 1,2 trình bày kết quả thảo luận:</p> <p>Bài tập 1 :</p> <p>(-Yêu cầu về nội dung: Mối quan hệ giữa trí tuệ và hành động</p> <p>-Yêu cầu về phương pháp: sử dụng các thao tác nghị luận: giải thích, phân tích, bình luận</p>	

- *Yêu cầu phạm vi dẫn chứng:* liên quan đến xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:*

Xác định 3 yêu cầu: *Yêu cầu về nội dung; Yêu cầu về phương pháp; Yêu cầu phạm vi tư liệu cho đề bài sau:*

Đề: Suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến sau đây: “Trí tuệ phải đồng hành

động. Không có trí tuệ thì hành động là vô bổ. Nhưng không có hành động thì trí tuệ là căn cỗi”. (R.M Du Gard)

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

I/ Mở bài:

- Dẫn ý liên quan - Trích nhận định.

II/ Thân bài:

1. Giải thích ý kiến:

Câu nói trên khẳng định vai trò quan trọng của học vấn. Càng học nhiều, càng có nhiều kiến thức, con người càng nhận thức được những hiểu biết của mình là ít ỏi, hạn chế.

2. Bàn luận ý kiến

a. Khẳng định câu nói trên là đúng, bởi vì:

- Càng học nhiều, con người càng hiểu được kiến thức của nhân loại là vô cùng vô tận, đa dạng, phong phú ở nhiều lĩnh vực khác nhau...
- Càng học nhiều, con người càng hiểu được tốc độ phát triển về khoa học, kĩ thuật, tri thức... của thế giới rất nhanh, nếu không học tập sẽ lạc hậu...
- Càng học nhiều, con người còn tự nhận thức, khám phá chính mình, hiểu biết những hạn chế và giới hạn của mình.

b. Bàn luận mở rộng:

- Học tập là công việc suốt đời của con người, đặc biệt là tự học.
- Học để có kiến thức, học để hiểu chính mình mà khắc phục những hạn chế, thiếu sót.
- Học phải gắn với hành. Phê phán những người coi thường việc học... (Cần có dẫn chứng từ đời sống, sách vở để chứng minh).

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức được câu nói trên là lời khuyên bổ ích. Học vẫn có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với mỗi con người.
- Vượt khó khăn để nỗ lực học suốt đời, biết khiêm tốn để tiến bộ...

III/ Kết bài:

- Tóm lại tư tưởng - Liên hệ bản thân

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Lập dàn ý cho đề bài sau:

" Cần phải học thật nhiều để nhận thức được rằng mình biết còn rất ít". (M.

Mongttxkio - Pháp, 1000 danh ngôn nổi tiếng, NXBT Văn hoá - Thông tin, năm 2009)

Anh/chị suy nghĩ gì về câu nói trên?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

Nhắc lại phần ghi nhớ/ tr.24

- Chuẩn bị bài: Thao tác lập luận phân tích.
--

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 8:

THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nắm được khái niệm về thao tác, phân tích, so sánh

Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong những ngữ liệu cho trước

- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích
- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học

Xây dựng được dàn ý cho bài văn nghị luận gắn với các thao tác lập luận: phân tích, so sánh;

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn GV đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.
- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3 . Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ: GV cho HS tìm hiểu ngữ liệu sau:

Trơ/cái hồng nhan/ với nước non /

Trong phép đảo ngữ, nữ sĩ đã đặt từ “trơ” lên đầu câu thơ gây một ấn tượng mạnh mẽ. Từ “trơ” đứng riêng ra, ăn hẵn một nhịp vừa nói được

thể lẻ loi, trơ trọi lại vừa nói đến sự vô duyên (trơ ra). Từ “trơ” còn hàm chứa nhiều ngữ nghĩa hơn thế : “trơ” có nghĩa là tủi hổ : “Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ” (Nguyễn Du, Truyện Kiều) ; “trơ” cùng hàm ý mỉa mai cay đắng, xót xa khi đi với tổ hợp từ “cái hồng nhan”, thì ra “hồng nhan” đi với “bạc phận”, “hồng nhan” bị bỏ rơi, chẳng ai đoái hoài đến, đang “trơ” ra với “nước non” (không gian), với thời gian vô thủy vô chung !

(Trích Kỹ năng đọc-hiểu Ngữ văn 11, Đỗ Kim Phong)

Chỉ ra câu văn phân tích từ “ trơ ”trong câu thơ của Hồ Xuân Hương ? - **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: HS chỉ ra ít nhất có 3 câu
- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: Trong bài văn nghị luận, thao tác lập luận phân tích giữ vai trò quan trọng, quyết định phần lớn đến sự hình thành công của bài văn. Thao tác lập luận phân tích nhằm mục đích gì, cách thức tiến hành như thế nào, bài học hôm nay sẽ làm rõ những vấn đề ấy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

- a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm GV Yêu cầu học sinh đọc đoạn trích trong SGK và trả lời các câu hỏi. + <i>Xác định nội dung ý kiến đánh giá của tác giả đối với nhân vật Sở Khanh?</i> + <i>Để thuyết phục người đọc, tác giả đã phân tích ý kiến của mình như thế</i>	I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích 1. Ví dụ: (SGK) - Luận điểm (ý kiến, quan niệm): - Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm: - Thao tác phân tích kết hợp chặt

<p>nào? + Chỉ ra sự kết hợp chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn trích?</p>	<p>chẽ với tổng hợp</p> <p>⇒ Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố để xem xét một cách</p>
---	---

<p>+ Từ việc tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là phân tích trong văn nghị luận? Mục đích, yêu cầu của thao tác này là gì?</p> <p>+ Kể thêm một số đối tượng phân tích trong các bài văn nghị luận (xã hội và văn học)?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc và trả lời</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- Luận điểm (ý kiến, quan niệm): Sở Khanh là kẻ bản thiêu, bản tiện, đại diện của sự đồi bại trong xã hội truyện Kiều</p> <p>- Các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm</p> <p>+ Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính</p> <p>+ Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại, bất</p>	<p>kỹ càng nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng</p> <p>Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp.</p> <p>2. Mục đích của phân tích là làm rõ đặc điểm về nội dung và hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của sự vật, hiện tượng, từ đó thấy được giá trị của chúng.</p> <p>3. Yêu cầu của phân tích:</p> <p>- Yêu cầu: Phân tích nên gắn với tổng hợp để khái quát lại luận điểm đã nêu.</p>
--	---

chính đó: Giả	
<p>làm người tử tế để đánh lừa một cô gái ngây thơ, hiếu thảo; trở mặt một cách trơ tráo; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.</p> <p>- Mục đích của phân tích: làm rõ đặc điểm về nội dung, hình thức, cấu trúc và các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng (sự vật, hiện tượng).</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS cách phân tích</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được nội dung và ý nghĩa văn bản.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS tìm hiểu cách lập luận phân tích trong các đoạn trích ở mục II, SGK tr26, từ đó xác định cách phân tích ở từng đoạn văn:</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p>	<p>II. Cách phân tích</p> <p>* Ví dụ 1; 2 (SGK)</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng:</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả:</p>

<p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>* Ví dụ 1; 2 (SGK)</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng: Đồng tiền vừa có tác dụng tốt, vừa có tác dụng xấu</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Phân tích sức mạnh tác quái của đồng tiền → thái độ phê phán và khinh bỉ của Nguyễn Du khi nói đến đồng tiền</p> <p>- Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân: Tác hại của đồng tiền (Kết quả) vì một loạt hành động gian ác, bất chính đều do đồng tiền chi phối (nguyên nhân)</p> <p>- Trong quá trình lập luận phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp</p> <p>Ví dụ 2:</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng: Các ảnh hưởng xấu của việc bùng nổ dân số đến con người: Thiếu lương thực, thực phẩm; suy dinh dưỡng, suy thoái nòi giống; thiếu việc làm, thất nghiệp</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả: Bùng nổ dân số (nguyên nhân) ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống con người (Kết quả)</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p>	<p>- Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân: - Trong quá trình lập luận phân tích luôn gắn liền với khái quát tổng hợp</p> <p>Ví dụ 2:</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng:</p> <p>- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân - kết quả:</p> <p>⇒ Cách phân tích: Chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định</p>
--	---

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
--	--

Hoạt động 4: Tổng kết

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng làm bài tập
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ nội dung và nghệ thuật
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Chia lớp thành 2 nhóm làm 2 ngữ liệu với 2 yêu cầu:

+ *Phân tích cách phân chia đối tượng trong đoạn trích nêu trên?*

+ *Chỉ ra mối quan hệ giữa phân tích và tổng hợp được thể hiện trong mỗi đoạn trích?*

- **GV:** Lưu ý: việc phân tích thường dựa trên các mối quan hệ:

+ Các yếu tố, các phương diện nội bộ tạo nên đối tượng và quan hệ giữa chúng với nhau

+ Quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan (quan hệ nhân – quả, quan hệ kết quả - nguyên nhân)

+ Thái độ, sự đánh giá của người phân tích đối với các đối tượng được phân tích

- **GV** chia nhóm thảo luận:

Nhóm 1+2: Bài tập 1 Nhóm 3+4: Bài tập 2

III. LUYỆN TẬP:**1. Bài tập 1****2. Bài tập 2**

Nhóm 1+2: Bài tập 1

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập +
HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời +
GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

Các quan hệ làm cơ sở để phân tích :

I. Quan hệ nội bộ của đối tượng (diễn biến, các cung bậc tâm trạng của Thúy Kiều): đau xót, quẩn quanh và hoàn toàn bế tắc

II. Quan hệ giữa đối tượng này với các đối tượng khác có liên quan: Bài thơ *Lời kĩ nữ* của Xuân Diệu với bài *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị

Nhóm 3+4: Bài tập 2**Phân tích vẻ đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật trong *Tự tình II***

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc. Chú ý phân tích các từ ngữ: *văng vẳng, tro, cái hồng nhan, xiên ngang, đâm toạc, tí con con*

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trái nghĩa : *say – tỉnh, khuyết – tròn, đi – lại*

- Nghệ thuật sử dụng phép lặp từ ngữ (xuân), phép tăng tiến (*san sẻ - tí – con con*) Chú ý: Thoát nhìn sự thay đổi *san sẻ - tí – con con* là sự giảm dần (*tiệm thoái*) nhưng ở

đây xét về mức độ cô đơn, sự thiệt thòi về tình cảm của tác giả thì lại là tăng tiến

- Phép đảo trật tự cú pháp trong câu 5 và 6.
- + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh: 1a, 2d

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi: **Câu hỏi 1:** Mục đích cuối cùng của phân tích là gì?

a. Để thấy được giá trị, ý nghĩa của các sự vật, hiện tượng.

b. Để suy ra một nhận thức (hay kết luận) mới.

c. Để thể hiện rõ chủ kiến của người viết.

d. Để tìm hiểu nguồn gốc của sự vật, hiện tượng.

Câu hỏi 2: Đọc đoạn văn sau được viết theo cách phân tích nào?

Đạo đức gồm cả luân lí mà luân lí chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, nghĩa, lí, trí, tín, cần, kiệm. Nhân là có lòng thương người; Nghĩa là làm việc phải; Lễ là ăn ở cho có lễ độ; Trí để làm việc cho đúng; Tín là nói với ai cũng giữ lời cho người ta tin mình mới làm được việc; Cần là làm việc phải siêng năng; Kiệm là ăn ở dành dùm trong lúc no để phòng lúc đói, lúc có

đề phòng lúc không...Người đạo đức là người đã ở trong đạo làm người vậy. Đạo đức đã như thế thì không có mới, có cũ, có đông, có tây nào nữa nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức, ấy mới là người trọn vẹn. Dầu nhà bác học đề ra học thuyết nào khác nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lí của đạo đức, nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được.

(Phan Châu Trinh, Bài diễn thuyết về đạo đức luân lí ĐôngTây, Giảng văn 9,

Nhà sách Khai Trí)

- a. Liên hệ, đối chiếu.
- b. Chỉ ra nguyên nhân – kết quả.
- c. Phân loại đối tượng.
- d. Cắt nghĩa, bình giá.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Gợi ý:

Tác dụng của biện pháp đảo ngữ và các động từ được sử dụng :

- Miêu tả hình ảnh thiên nhiên như muốn vùng lên, phá ngang, phần uất với đất trời ;
- Đó là hình ảnh thiên nhiên qua cảm nhận của người mang sẵn niềm phần uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương .

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Phân tích tác dụng của biện pháp đảo ngữ và các động từ được sử dụng trong hai câu thơ sau của nhà thơ Hồ Xuân Hương-bài Tự tình II:

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4 . Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

Tập viết các đoạn văn vận dụng thao tác phân tích.

- Chuẩn bị bài: Thương vợ (Trần Tế Xương)

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 9:**THƯƠNG VỢ**

(Trần Tế Xương) **I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

Nêu được các thông tin về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

- Cảm nhận được ân tình sâu nặng của nhà thơ đối với bà Tú – một người vợ điển hình của truyền thống Việt Nam

- Thấy được khả năng tả người, gọi cảnh đầy tài hoa, việc sử dụng Tiếng Việt chuẩn xác, tinh tế và sự sáng tạo bài thơ Nôm Đường luật đạt giá trị cao.

2 . Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng, tâm sự của TTX được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhằm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong tác phẩm

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 . Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Ngữ liệu để thực hiện thao tác lập luận bác bỏ; ;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

- Chuẩn bị bảng lắp ghép

* **HS:**

- Nhìn hình đoán tác giả Trần Tế Xương

- Lắp ghép tác phẩm với tác giả

- Đọc, ngâm thơ liên quan đến bài thơ Thương vợ - **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Trong XH phong kiến, thân phận những người phụ nữ bao giờ cũng gắn liền với những vất vả, khó khăn, thậm chí còn gắn liền với những bi kịch. Sự cảm thông của XH với họ là cần thiết nhưng cần thiết nhất có lẽ là tình cảm của chính những thành viên trong gia đình với cuộc sống của những người vợ, người mẹ, là động lực để họ vươn lên, hoàn thành tốt trách nhiệm của mình. Tú Xương là một người chồng đã thấu hiểu những khó khăn, vất vả của*

bà Tú. Bài thơ “Thương vợ” giúp chúng ta hiểu hơn tấm lòng của ông với người vợ của mình.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a) **Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 1-2 HS đọc tiểu dẫn. GV nhận xét và nêu câu hỏi em hãy nêu vài nét về tác giả Trần Tế Xương - HS tiếp nhận câu hỏi <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi: <p>1. Tác giả: (1870 – 1907)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê quán: Làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, Nam Định. 	<p>I. Lí thuyết:</p> <p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Tế Xương (1870- 1907). - Quê làng Vị Xuyên - Mỹ Lộc - Nam Định. - Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử. - Sáng tác gồm hai mảng: trữ tình và trào phúng. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài: Viết về bà Tú, đề tài thường thấy trong thơ văn Tế Xương. - Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật.
--	--

<p>- Tên khai sinh: Trần Duy Uyên, tự Mộng Trai, hiệu Mộng tích.</p> <p>- Con người:</p> <p>+ Đi học sớm nổi tiếng thông minh, giỏi thơ phú</p> <p>+ Cá tính sắc sảo, sống phóng túng, không gò mình vào khuôn phép trường thi. Tám lần thi hỏng chỉ đậu Tú tài.</p> <p>→ Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử.</p> <p>2. Sự nghiệp.</p> <p>* Để lại hơn 100 bài thơ gồm nhiều thể loại: Thơ, phú, câu đối...</p> <p>* Nội dung:</p> <p>- Thơ trào phúng:</p> <p>+ Có sức châm biếm mạnh mẽ sâu sắc. + Tiếng cười trong thơ Tú Xương có nhiều cung bậc: Châm biếm sâu cay, đả kích quyết liệt, tự trào mang sắc thái ân hận ngậm ngùi...</p> <p>- Trữ tình</p> <p>+ Nỗi u hoài trước sự đổi thay của làng quê.</p> <p>+ Tâm sự bất mãn với đời. Bộc lộ lòng yêu nước xót xa trước vận mệnh dân tộc.</p>	<p>- <i>Thương vợ</i> là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất.</p>
---	--

→ Thơ trào phúng và trữ tình của ông đều xuất phát từ tấm lòng gắn bó sâu nặng với dân tộc, đất nước; có cống hiến quan trọng về phương diện nghệ thuật cho thơ ca dân tộc.

3 . Tác phẩm:

- Là bài thơ hay nhất, cảm động nhất của Tú xương viết về bà Tú; vừa ân tình, hóm hỉnh + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Đọc, hiểu văn bản/ Phân tích hai câu đề

a) **Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung, nghệ thuật hai câu đề.

b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm được bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV mời một HS đọc văn bản, sau đó GV nhận xét cách đọc (Lưu ý cách đọc, giọng đọc phù hợp với nội dung cảm xúc).

II. Đọc, hiểu văn bản.

*** GV đặt câu hỏi:**

Câu 1: Nêu nội dung chính ở 2 câu đề? Em có nhận xét gì về thời gian, địa điểm làm ăn của bà Tú ? Thời gian, địa điểm đó có gì đặc biệt ?

Câu 2: Em hiểu Nuôi đủ là thế nào? Phân tích cách dùng từ với, số từ, nhịp thơ và ý nghĩa của câu thơ?

Câu 3: Qua những chi tiết trên cho thấy bà Tú là người như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

-Thời gian *quanh năm*, làm việc liên tục, không trừ ngày nào.

- Địa điểm: *mom sông*, rất cheo leo, nguy hiểm, không ổn định.

1. Hai câu đề: Lời kể về công việc làm ăn và gánh nặng gia đình mà bà Tú phải đảm đương.

<p>=> Công việc và hoàn cảnh làm ăn vất vả, ngược xuôi.</p> <p>- <i>nuôi đủ</i> cả gia đình, không thiếu cũng không dư. Cách dùng số đếm độc đáo <i>một chồng</i> bằng cả <i>năm con</i>, ông Tú nhận mình cũng là đứa con đặc biệt. Kết hợp với cách ngắt nhịp 4/3 thể hiện nỗi cực nhọc của vợ.</p> <p>Bà Tú là người đảm đang, chu đáo với chồng con.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 2: Đọc, hiểu văn bản/ Phân tích 2 câu thực</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung, nghệ thuật câu thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: HS làm được bài tập</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p>2. Hai câu thực : Đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú</p>

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm. GV chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi.

? (**nhóm 1**): ? *Hình ảnh nào đọng lại sâu sắc khi đọc hai câu thơ trên? Tìm ít nhất hai câu ca dao nói về hình ảnh con cò?*

? (**nhóm 2**): *Dùng từ **thân cò** gợi cho em điều gì khi liên hệ với hình ảnh bà Tú?*

? (**nhóm 3**): *Tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ? Tác dụng của biện pháp NT đó trong việc thể hiện nội dung?*

? (**nhóm 4**): *Làm rõ ý nghĩa của những từ láy **lặn lội**, **eo sèo** ? Nhận xét gì về cảnh buôn bán của bà Tú (không gian, thời gian)?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

Đại diện từng nhóm trả lời:

- Hình ảnh *thân cò* gợi nỗi vất vả, đơn chiếc khi làm ăn.
 - *Lặn lội ... khi quăng văng* : nỗi gian truân, lo lắng, lam lũ, cực nhọc. - *Eo sèo... buổi đò đông* : sự chen lấn, xô đẩy, giành giật ẩn chứa sự bất trắc “đò đông”.
 - Nghệ thuật đảo ngữ, phép đối, hoán dụ, ẩn dụ, sáng tạo từ hình ảnh dân gian nhấn mạnh sự lao động khổ cực của bà Tú.
- Thực cảnh mưu sinh của bà Tú :
Không gian, thời gian rợn ngợp, nguy hiểm đồng thời thể hiện lòng xót thương da diết của ông Tú.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Hoạt động 2: Đọc, hiểu văn bản/ Phân tích 2 câu luận và kết.

a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung, nghệ thuật câu thơ

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS làm được bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Gv đặt câu hỏi:

+ *Tác giả đã sử dụng những nghệ thuật gì trong hai câu đề? Qua đó làm nổi bật được nét đẹp nào của bà Tú? + Tác giả đã vận dụng văn học dân gian qua những hình ảnh nào trong câu thơ?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

3. Hai câu luận : Cảnh đời oái oăm mà bà Tú gánh chịu

Cảnh đời lận đận mà bà Tú phải gánh chịu, bà Tú hiện thân của một cuộc đời vất vả qua đó thấy được nỗi cảm thông sâu sắc, tấm lòng yêu thương vợ của tác giả.

4. Hai câu kết: Nhà thơ tự chỉ mình và chỉ thời đời đen bạc.

và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

HS trả lời cá nhân:

-Cách dùng từ tăng tiến *một; hai; năm; mười*, phép đối, vận dụng sáng tạo thành ngữ dân gian đã gợi sự gian khổ, lao nhọc cũng tăng lên gấp bội. - *Áu đành phận, dám quản công*: Đức hy sinh thầm lặng cao quý vì chồng con, ở bà hội tụ cả sự tận tảo, đảm đang, nhẫn nại.

HS trả lời cá nhân:

- Tú Xương tự trách mình, nhận mình có khuyết điểm, vô tích sự. Sự *hờ hững*, biểu hiện của *thói đời* bạc bẽo.

- Nhận mình có khiếm khuyết, phải ăn bám vợ, để vợ phải nuôi con và chồng.

Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội, Tú Xương cũng chỉ cả thói đời đen bạc.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

<p>nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>GV tích hợp kiến thức lịch sử thời đại Tú Xương đang sống để hướng dẫn học sinh cắt nghĩa nguyên nhân nhà thơ rơi vào cảnh sống dở, chết dở, <i>có như không</i>.</p>	
<p>Hoạt động 2: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung, nghệ thuật bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc k iến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: HS làm được bài tập</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV giúp HS nắm được nghệ thuật và ý nghĩa của toàn bài thơ.</p> <p>Câu 1: Các biện pháp nghệ thuật đã được sử dụng trong bài thơ là gì?</p> <p>Câu 2: Theo em tác giả đã thành công khi vận dụng các biện pháp nghệ thuật đó ở mức độ nào?</p> <p>Câu 3: Nội dung bài thơ nói lên điều gì?</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>+ Từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm. + Vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ của văn học dân gian.</p> <p>+ Hình tượng nghệ thuật độc đáo.</p> <p>+ Việt hóa thơ Đường</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản</p> <p>Bài thơ phác họa chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào, và một cách nhìn về thân</p>

Câu 4: Bài thơ thể hiện tình cảm và cách nhìn nhận như thế nào về thân phận người phụ nữ?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

HS trả lời cá nhân:

-Cách dùng từ tăng tiến *một; hai; năm; mười*, phép đối, vận dụng sáng tạo thành ngữ dân gian đã gợi sự gian khổ, lao nhọc cũng tăng lên gấp bội. - *Âu đành phận, dám quản công*: Đức hy sinh thầm lặng cao quý vì chồng con, ở bà hội tụ cả sự tàn tảo, đảm đang, nhẫn nại.

HS trả lời cá nhân:

- Tú Xương tự trách mình, nhận mình có khuyết điểm, vô tích sự. Sự *hờ hững*, biểu hiện của *thói đời* bạc bẽo.

phận người phụ nữ của Tú Xương.

- Nhận mình có khiếm khuyết, phải ăn bám vợ, để vợ phải nuôi con và chồng.

Từ tấm lòng thương vợ đến thái độ đối với xã hội, Tú Xương cũng chửi cả thói đời đen bạc.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='d'

[3]='c'

[4]='d'

[5]='a'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi: **Câu hỏi 1:** Con người Tú Xương có đặc điểm gì?

- a. Là con người thông minh, cần cù, chăm chỉ, đạt đỉnh vinh quang trong học tập, khoa cử.
- b. Là người con có hiếu, người thầy mẫu mực, nhà nho tiết tháo, sống theo đạo nghĩa của nhân dân.
- c. Là con người giàu năng lực, có cốt cách tài tử phong lưu, biết sống và dám sống, không ngần ngại khẳng định cá tính của mình.
- d. Là người có cá tính đầy góc cạnh, phóng túng, không chịu gò mình vào khuôn sáo trường quy.

Câu hỏi 2: Hình ảnh bà Tú được gọi lên như thế nào trong hai câu thơ đầu bài thơ *Thương vợ*?

- a. Nhỏ bé, tội nghiệp.
- b. Vất vả, cô đơn.
- c. Thông minh, sắc sảo.
- d. Tàn tảo, đảm đang.

Câu hỏi 3: Tiếng cười nào được cất lên trong câu thứ hai của bài thơ *Thương vợ*?

- a. Châm biếm bọn đàn ông vô tích sự một cách sâu cay.
- b. Đả kích bọn đàn ông vô tích sự một cách quyết liệt.
- c. Mỉa mai, tự trào về cái vô tích sự của mình.
- d. Chế nhạo, giễu cợt.

Câu hỏi 4: Dòng nào nói không đúng về hình ảnh bà Tú được gọi lên trong câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng”?

- a. Cô đơn.
- b. Vất vả.

c. Tội nghiệp.

d. Yếu đuối.

Câu hỏi 5: Tú Xương gửi gắm tâm sự qua hai câu luận của bài thơ *Thương vợ* ?

a. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú.

b. Sự trân trọng của ông đối với tình yêu thủy chung của bà Tú.

c. Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình.

d. Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

1/ Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

2/ - *quanh năm* là từ chỉ thời gian, nghĩa là trọn cả năm, cả tháng, không trừ một ngày nào, hơn thế lại đăng đặc hết năm này qua năm khác, triền miên không dứt.

-*mom sông* : là từ chỉ không gian, nơi có thể đất hiểm trở, là doi đất nhô ra, ba bề là nước , khá chênh vênh nguy hiểm .

Hiệu quả nghệ thuật: Không chỉ là lời giới thiệu mà còn gợi ra nét tảo tần, vất vả ngược xuôi trong công việc lam lũ của bà Tú.

3/ Cách đếm *Nuôi đủ năm con với một chồng* khác với cách đếm thông thường ở điểm đáng lẽ ra người ta sẽ đếm từ 1 đến 5 và ông chồng nữa là 6

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc bài thơ *Thương vợ* :

1/ Xác định thể thơ của bài thơ?

2/ Giải thích và nêu ý nghĩa hai từ *quanh năm* và *mom sông* ?

3/ Cách đếm *Nuôi đủ năm con với một chồng* khác với cách đếm thông thường ở điểm nào ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách đếm đó?

Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ , về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- Học thuộc lòng bài thơ.

- Phân tích sự vận dụng sáng tạo hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian trong bài thơ.

- Chuẩn bị bài: Đọc thêm: KHÓC DƯƠNG KHUÊ

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần

Tiết 10 Ngày soạn:

Ngày dạy:

KHÓC DƯƠNG KHUÊ

-Nguyễn Khuyến- **I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

Nêu được các thông tin về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

-Tình cảm thân thiết của nhà thơ đối với bạn trong bài ” Khóc Dương Khuê”

-Thái độ mỉa mai phẫn uất của nhà thơ đối với chế độ thi cử đương thời . Qua đó, thấy được sự nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân pk nửa buổi đầu và tâm sự của TX trước tình cảnh đất nước.

2 . Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng của các tác giả được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi bài thơ.
- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhằm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong mỗi tác phẩm

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 . Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV, Tài liệu tham khảo .

Soạn giáo án - SGK, SGV, Tài liệu tham khảo - Sưu tầm tranh, ảnh về Dương Khuê, về thi cử ngày xưa.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu và HS trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ: - Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) - Chuẩn bị bảng lắp ghép

* HS:

- Nhìn hình đoán tác giả Nguyễn Khuyến, Tú Xương

- Lắp ghép tác phẩm với tác giả

- Đọc, ngâm thơ liên quan đến bài thơ Khóc Dương Khuê - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới:

Bên cạnh những vần thơ viết về làng cảnh Bắc Bộ thì Nguyễn Khuyến còn là nhà thơ chuyên viết về tình bạn thân thiết như “ Bạn đến chơi nhà “, “ khóc Dương Khuê”,...Bài thơ “ khóc Dương Khuê “ được viết khi nhà thơ hay tin Dương Khuê – bạn đồng khoa với ông qua đời. Bài thơ thể hiện tình bạn thủy chung chân thành của Nguyễn Khuyến.

- Tú Xương đã từng viết:

“ Nào có ra gì cái chữ nho.

Ông nghề ông cống cũng nằm co.

Chi bằng đi học làm ông phán.

Tối rượu sâm, banh sáng sữa bò.”

Đúng vậy, cuối thế kỉ XIX khi thực dân sang xâm lược nước ta cùng với sự mục ruỗng thối nát của XHPK cuộc sống của các nhà nho vô cùng khổ cực, đặc biệt là những nhà nho thất cơ lỡ vận nhưng khoa thi Hán học vẫn được tổ chức. Vậy thực trạng của các khoa thi đó như thế nào, điều này được Tú Xương phản ánh trong bài thơ “ Vịnh khoa thi Hương “.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản Khóc Dương Khuê**

- a) **Mục tiêu:** Biết về tác giả và tác phẩm, nội dung và ý nghĩa bài thơ
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:</i></p> <p>Thao tác 1: Tìm hiểu tác giả:</p> <p>GV đặt câu hỏi</p> <p><i>Em hãy trình bày những nét chính về tác giả ?</i></p>	<p>Bài Khóc Dương Khuê A. Tiểu dẫn:</p> <p>- Giới thiệu: Dương Khuê (1839-1902) người làng Vân Đình tỉnh Hà Đông</p> <p>- Bài thơ lúc đầu có tên (Văn đồng niên Vân Đình tiền sĩ Dương Thượng Thư)</p> <p>B. Đọc hiểu văn bản:</p>

Thao tác 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1

Nhận xét sơ bộ về tình bạn sau khi tiếp cận bài thơ? Giá trị nghệ thuật qua cách dùng từ ở 2 câu thơ đầu?

Nhóm 2.

Tình bạn thăm thiết, thủy chung giữa hai người được thể hiện như thế nào?

Nhóm 3.

Hãy phân tích những biện pháp nghệ thuật tu từ thể hiện nỗi trống vắng của nhà thơ khi bạn qua đời? Em hiểu câu thơ này như thế nào?

Rượu ngon không có bạn hiền

Không mua, không phải không tiền

không mua?

Nhóm 4.

Đọc lại bài thơ. Phân tích diễn biến tâm trạng của tác giả trong bài thơ? Rút ra ý nghĩa?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

I. Đọc văn bản, bố cục

- Bố cục: 4 phần
- + 2 câu thơ đầu: nỗi đau ban đầu
- + 20 câu tiếp: Hồi tưởng lại những kỷ niệm về tình bạn
- + 12 câu tiếp; Tâm trạng day dứt khi bạn dứt áo ra đi.
- + 4 câu thơ cuối: Trở lại nỗi đau mất bạn

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nội dung:

- Hai câu đầu: Nỗi xót xa khi nghe tin bạn mất. Câu thơ như một tiếng thở dài. nỗi mất mát ngậm ngùi như chia sẻ với trời đất. Nhịp điệu câu thơ cũng tạo nên sự nghẹn ngào, xót xa.
- Từ câu 3 đến câu 22: Tình bạn chân thành, thủy chung gắn bó, tiếng khóc như giải bày, làm sống lại những kỷ niệm của tình bạn thăm thiết: tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.

<p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Nguyễn Khuyến: 1835 , quê Hà Nam. Dương Khuê: 1839, quê Hà Sơn Bình.</p> <p>- Hai người kết bạn từ thuở thi đậu, Nguyễn Khuyến bỏ quan về quê, Dương Khuê vẫn làm quan. Nhưng cả hai vẫn giữ tình bạn gắn bó.</p> <p>- Nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến làm bài thơ này khóc bạn.</p> <p>- Bài thơ viết bằng chữ Hán có nhan đề là : <i>Văn đồng niên Văn Đình tiến sĩ Dương Thượng thư</i>. Có bản dịch là <i>Khóc bạn</i>. Lâu nay quen gọi là <i>Khóc Dương Khuê</i>.</p> <p>- Sau này tự tác giả dịch ra chữ Nôm.</p> <p>2. Tìm hiểu bài thơ <u>Nhóm 1 trình bày:</u></p> <p>Câu thơ như tiếng thở dài</p> <p>- Hư từ : <i>Thôi</i> Tiếng than nhẹ nhàng, gợi cảm, đau đọt ngọt khi vừa nghe tin bạn mất.</p>	<p>- Những câu thơ còn lại: Nỗi hẫng hụt mất mát. Mất bạn, Nguyễn Khuyến hẫng hụt, như mất đi một phần cơ thể. Những hình ảnh, điển tích càng tăng thêm nỗi trống vắng khi bạn không còn.</p> <p>2. Nghệ thuật: Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.</p> <p>3. Ý nghĩa văn bản</p> <p>Bài thơ giúp ta hiểu về tình bạn thủy chung, gắn bó, hiểu thêm một khía cạnh khác của nhân cách Nguyễn Khuyến.</p>
---	---

- Cách xưng hô : *Bác* : Sự trân trọng tình bạn người cao tuổi.

- Hình ảnh : *Man mác, ngậm ngùi* : → nỗi mát mát như chia sẻ với đất trời. Nhịp điệu câu thơ cũng tạo nên sự nghẹn ngào chua xót.

Nghệ thuật nói giảm, cách dùng hư từ và những hình ảnh mang tính tượng trưng, làm nhẹ nỗi đau đớn khi nghe tin bạn mất.

Nhóm 2 trình bày:

-Tiếng khóc như giải bày, làm sông lại những kỉ niệm của tình bạn thấm thiết:, hay tiếng khóc mang cảm hứng nhân sinh của kẻ sĩ bất lực trước thời cuộc.

- Cùng thi đậu, cùng vui chơi, cùng nhau uống rượu, cùng gặp nhau một lần, cả hai cùng sống trong cảnh hoạn nạn và cùng đang trong tuổi già.

Tình bạn keo sơn, thấm thiết. Bộc lộ nỗi niềm trong tâm trạng thâm kín với nỗi đau thời thế.

Nhóm 3 trình bày: Mất bạn Nguyễn Khuyến như mất đi một phần cơ thể.

- Muốn gặp bạn nhưng tuổi già không cho phép. Nay bạn mất, đau đớn vô cùng.

- Mất bạn trở nên cô đơn : Rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy, giường treo lên.
 - Ngôn ngữ thơ đạt đến mức trong sáng tuyệt vời: Lấp 5 từ *không* trong tổng số 14 từ để diễn tả một cái không trống rỗng đến ghê gớm khi mất bạn.

Tình bạn già mà vẫn keo sơn, gắn bó.

Nhóm 4 trình bày:

Cách sử dụng từ và hình ảnh, sử dụng điển tích, âm điệu của câu thơ song thất lục bát, nhân vật trữ tình tự bộc lộ tâm trạng.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản Vinh khoa thi Hương

a) **Mục tiêu:** HS nắm được cách đọc thơ và hiểu nội dung, nghệ thuật khổ thơ

b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:**

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài Vinh khoa thi Hương

<p>Thao tác 1: Tìm hiểu tác giả:</p> <p>GV đặt câu hỏi</p> <p><i>Em hãy trình bày những nét chính về tác giả ?</i></p> <p>-GV yêu cầu HS đọc diễn cảm</p> <p>Chú ý cách ngắt nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, giọng điệu trào phúng cay độc, mạnh mẽ của Tú Xương để đọc cho phù hợp những câu thơ có phép đối, những động từ, từ láy độc đáo.</p> <p>Thao tác 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>1. Hai câu đề</p> <p>Cho biết cảnh trường thi được tác giả miêu tả như thế nào?</p> <p>2. Hai câu thực và hai câu luận</p> <p>GV hỏi: <i>Nét đặc sắc của trong cặp đối như thế nào và thể hiện điều gì? Các từ láy lôi thôi, ậm ọ thuộc loại từ láy gì? Ý nghĩa biểu vật và biểu cảm của chúng.</i></p> <p>3. Hai câu kết</p> <p><i>Phân tích tâm trạng, thái độ của tác giả trước hiện thực trường thi? Nêu ý nghĩa nhấn nhủ ở hai câu cuối?</i></p> <p>GV: <i>Qua bài thơ em hãy nêu nghệ thuật và văn bản trên có ý nghĩa như thế nào? Liên hệ đến việc thi cử hiện nay?</i></p>	<p>A. Tiểu dẫn</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>Bài Vịnh khoa thi Hương (có bản ghi là Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu) là bài thơ thuộc đề tài thi cử, thể hiện thái độ mỉa mai phần uất của nhà thơ đối với chế độ thi cử đương thời và con đường khoa cử của riêng ông.</p> <p>B. Đọc hiểu văn bản</p> <p>I. Đọc văn bản, thể thơ, bố cục</p> <p>+ Thể thơ: Thất ngôn bát cú, + bố cục: Đề thực luận kết</p> <p>II. Tìm hiểu văn bản</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- Hai câu đầu: Sự xáo trộn của trường thi...</p> <p>- Bốn câu tiếp: Cảnh trường thi nhốn nháo ô hợp.</p> <p>- Hai câu cuối: Thức tỉnh các sĩ tử và nỗi xót xa của nhà thơ trước cảnh mất nước.</p>
--	---

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

HS trả lời:

1. Hai câu đề

Chủ yếu mang tính tự sự: kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu. Theo thông lệ do nhà nước mở, cứ 3 năm 1 lần.

Nét đặc biệt: thí sinh Hà Nội và Nam Định thi chung ở Nam Định (theo chủ trương giảm bớt kì thi để đến năm 1915, 1918 bỏ hẳn kì thi chữ Hán). Từ *lần* chỉ sự lần lộn, báo trước sự thiếu nghiêm túc, ô hợp, láo nháo trong thi cử.

2. Hai câu thực và hai câu luận

Tác giả sử dụng nghệ thuật đảo trật tự của pháp, kết hợp với những từ giàu hình ảnh, âm thanh nhấn mạnh vào sự nhốn nháo ô hợp của

2. Nghệ thuật:

- Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, âm thanh đảo trật tự cú pháp;

- Nhân vật trữ tình tự nhận thức, bộc lộ sự hài hước châm biếm;

3. Ý nghĩa văn bản

Bài thơ cho người đọc thấy được thái độ trọng danh dự và tâm sự lo nước thương đời của tác giả trước tình trạng thi cử trong buổi đầu chế độ thuộc địa nửa phong kiến.

trường thi. Sĩ tử thì nhếch nhác, lồi thoi.

Trường thi đầy những cảnh chướng tai gai mắt (sĩ tử nhếch nhác, mù đầm thì vấy lê,..)

3. Hai câu kết

Chủ yếu chuyển giọng trữ tình, lay gọi ai đó, thực chất là sĩ tử - những trí thức, những nhân tài đất nước trong hiện tại cần thấy sự nhục nhã của hoàn cảnh, thân phận, của đất nước mà căm ghét bọn ngoại bang, bọn sứ đầm, đừng quên nhục mất nước. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

Trả lời :

[1]='b'

[2]='b'

[3]='d'

[4]='a'

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Nét nghĩa nào phù hợp với từ nhớ trong câu: “Nhớ từ thưở từ đấng khoa ngày trước” ?

- Giữ lại trong trí óc điều đã cảm biết, nhận biết để rồi sau đó có thể tái hiện được.
- Tái hiện ra trong trí óc những điều trước đó đã từng nhận biết, cảm biết.
- Nghĩ đến với tình cảm tha thiết, muốn được gặp, được thấy người hay cảnh thân thiết nào đó hiện đang ở cách xa.
- Nghĩ đến với nỗi buồn tiếc người vào hay những gì đó đáng quý mà vĩnh viễn mất đi, qua đi.

Câu hỏi 2: Từ *thôi* được lặp ba lần trong câu: *“Biết thôi, thì thôi thì thôi mới là!”* góp phần thể hiện nội dung gì?

- Tác giả muốn Dương Khuê không nhắc đến chuyện tuổi già.
- Tác giả như muốn quên đi thật nhanh những điều bất đắc dĩ.
- Tác giả ngậm ngùi về tuổi già của mình và bạn.
- Tác giả dự cảm về sự ra đi của mình và bạn.

Câu hỏi 3: Hình ảnh *quan sứ* và *mụ đầm* được nói đến trong hai câu luận cho thấy điều gì?

- Tầm quan trọng của khoa thi năm Đinh Dậu.
- Sự khoa trương của khoa thi năm Đinh Dậu.
- Quy mô rộng rãi và to lớn của khoa thi năm Đinh Dậu.
- Sự thiếu tôn nghiêm và có phần lộ bịch của khoa thi năm Đinh Dậu.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

Trả lời:

1/ Thể thơ lục bát. Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 thể hiện đúng trường độ dứt đoạn của tiếng nấc nghẹn ngào trong nỗi đau đến quá bất ngờ. Câu bát nhịp 4/4 chậm lại, dần trải đều đặn làm nỗi đau lan tỏa ra không gian, trời đất.

2/ Cụm từ *thôi đã thôi rồi* sử dụng biện pháp tu từ nói giảm.

Hiệu quả nghệ thuật: dùng để giảm nhẹ nỗi đau nhưng thực chất đầy đau đớn, mất mát của nhà thơ khi nghe tin bạn mất.

3 / Từ láy *man mác*, *ngậm ngùi* có ý nghĩa diễn tả tâm trạng đau đớn, xót xa của nhà thơ khi nghe tin bạn mất. Nỗi đau ấy nhuốm cả trời đất, lan tỏa trong không gian và thấm vào chiều sâu tâm hồn.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc hai thơ sau và trả lời câu hỏi:

Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

(Trích Khóc Dương Khuê, Nguyễn Khuyến)

1/ Xác định thể thơ của hai câu thơ? Cách ngắt nhịp như thế nào? Hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp đó là gì?

2/ Cụm từ *thôi đã thôi rồi* sử dụng biện pháp tu từ gì ? Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì?

3/ Từ láy *man mác*, *ngậm ngùi* có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả tâm trạng của nhà thơ khi nghe tin bạn mất?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật.

Gv chốt lại: - Tình bạn chân thành thủy chung.

- Cảnh trường thi và tâm trạng của tác giả.

- Chuẩn bị bài: *Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân*

***Rút kinh nghiệm:**

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 11:

TỪ NGÔN NGỮ CHUNG ĐẾN LỜI NÓI CÁ NHÂN (Tiếp) I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- *Biết được biểu hiện của cái chung trong ngôn ngữ của XH và cái riêng trong lời nói của cá nhân, mối tương quan giữa chúng.*

Nhận biết khái niệm về ngôn ngữ, lời nói cá nhân

Hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS lý giải được hiện tượng sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay, thể hiện được quan điểm của cá nhân đối với hiện tượng "sáng tạo" ngôn ngữ ở lứa tuổi học sinh.

- Năng lực sáng tạo: HS bộc lộ được thái độ đúng đắn với việc sử dụng TV, sáng tạo ra vốn từ cá nhân nhằm làm giàu cho TV.

- Năng lực giao tiếp TV: HS hiểu về các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể; hs cũng được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV văn hóa.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Sử dụng đúng TV trong 2 lĩnh vực bút ngữ và khẩu ngữ, làm quen với các lời nói cá nhân được sáng tạo mới hiện nay.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu và HS trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: Gv nêu vấn đề: Khi muốn thể hiện quan điểm, tư tưởng của bản thân về một vấn đề gì đó, chúng ta thể hiện bằng cách nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời - GV đánh giá, nhận xét.

Giáo viên giới thiệu vào bài: Ngôn ngữ là tài sản chung, là phương tiện giao tiếp chung của cả cộng đồng xã hội; còn lời nói là sản phẩm được cá nhân tạo ra trên cơ sở vận dụng các yếu tố ngôn ngữ chung và tuân thủ các quy tắc chung. Vấn đề này đã được chứng minh trong bài học lần trước, để củng cố lại kiến thức chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung tiếp theo qua bài học ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu_ Quan hệ giữa ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>thức chủ động, biết trước tình thế xã hội để chọn cách ứng xử đúng đắn.</p> <p>- Ngôn ngữ chung là cơ sở sản sinh ra lời nói</p> <p>Lời nói cá nhân là kết quả hiện thực hóa của ngôn ngữ.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS làm bài tập để luyện tập củng cố. Đại diện trình bày.</p> <p>Nhóm 1: Bài tập 1.</p> <p>Nhóm 2: Bài tập 2.</p>	<p>* Bài 1.</p> <p>Nách tường bông liễu bay sang láng giềng.</p> <p>(Nguyễn Du)</p> <p>- Nách -> góc, phần giao nhau giữa hai bức tường. Phương thức chuyển nghĩa (ẩn dụ)</p> <p>* Bài 2 .</p>

<p><u>Nhóm 3:</u> Bài tập 3.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét</p>	<p>Ngán nỗi <i>xuân</i> đi <i>xuân</i> lại lại.</p> <p>- Xuân (đi): Tuổi xuân, vẻ đẹp con người.</p> <p>- Xuân (lại): Nghĩa gốc- Mùa xuân.</p> <p>Cảnh <i>xuân</i> đã bẻ cho người chuyên tay.</p> <p>- Vẻ đẹp người con gái.</p> <p><i>Mùa xuân</i> là tết trồng cây</p> <p>Làm cho đất nước càng ngày càng <i>xuân</i>.</p> <p>- Mùa xuân: Nghĩa gốc, chỉ mùa đầu tiên trong một năm.</p> <p>- Xuân: Sức sống, tươi đẹp.</p> <p>* Bài 3 .</p> <p><i>Mặt trời</i> xuống biển như hòn lửa</p> <p>Sóng đã cài then đêm sập cửa.</p> <p>- Mặt trời: Nghĩa gốc, được nhân hóa Từ ấy trong tôi bùng nắng hạ <i>Mặt trời</i> chân lý chói qua tim - Mặt trời: Lý tưởng cách mạng.</p> <p><i>Mặt trời</i> của bắp thì nằm trên đồi</p> <p><i>Mặt trời</i> của mẹ con nằm trên lưng.</p> <p>- Mặt trời(của bắp): Nghĩa gốc.</p> <p>- Mặt trời (của mẹ): ẩn dụ - đứa con.</p> <p>* Bài 4.</p> <p>Từ mới được tạo ra trong thời gian gần đây:</p>
--	---

và bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.	- Mọm mắ: Nhỏ, quá nhỏ Qui tắc tạo từ lấy, lắ phụ âm đầu. - Giỏi giắ: Rất giỏi Lắ phụ âm đầu. - Nội soi: Từ ghép chính phụ Soi: <i>Chính</i> Nội: <i>Phụ</i>
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học. b) Nội dung: Hs hoạt động cá <i>suy nghĩ, thảo luận và trả lời</i> - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.	
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau c) Sản phẩm: Kết quả của HS <i>Trả lời:</i> d) Tổ chức thực hiện: - GV giao nhiệm vụ: 1. Người ta học tiếng mẹ đẻ chủ yếu qua: A-Các phương tiện truyền thông đại chúng B- Sách vở ở nhà trường C-Các bài ca dao, dân ca, những câu thành ngữ, tục ngữ,... D-Giao tiếp hàng ngày trong gia đình và xã hội.	

2. Nhà văn Nguyễn Tuân là người thích đi đây đi đó và đã có nhiều tùy bút kể về những chuyến đi của mình. Trong một tùy bút, tác giả dùng kết hợp ga bay thay cho sân bay. Điều đó chứng tỏ:

A- Tác giả cho rằng kết hợp sân bay là kết hợp không chuẩn.

B- Tác giả muốn mọi người dùng ga bay thay cho sân bay

C- Tác giả là một nhà văn lớn, một bậc thầy của ngôn ngữ tiếng Việt

D- Tác giả đã có một sáng tạo ngôn ngữ cá nhân dựa trên ngôn ngữ chung.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (1 PHÚT)

- Cho Hs đọc lại phần ghi nhớ SGK/ 35.

- Hoàn thành các bài tập còn lại.

- Chuẩn bị bài: *Bài ca ngất ngưỡng*

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 12:

BÀI CA NGẤT NGƯỠNG

(*Nguyễn Công Trứ*)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

:- Nắm được những tri thức về thể hát nói là thể thơ dân tộc bắt đầu phổ biến rộng rãi từ TK XIX.

:- Hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tính cách một nhà nho và hiểu được vì sao có thể coi đó là sự thể hiện bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực - Hiểu

đúng nghĩa của khái niệm “ngắt ngưỡng” để không nhầm lẫn với lối sống lập dị của một số người hiện đại.

2. Năng lực:

-Năng lực giải quyết vấn đề: Tiếp nhận một thể loại văn học mới: hát nãi, lý giải được "hiện tượng NCT" được thể hiện trong văn bản, thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá cái tôi NCT.

-Năng lực sáng tạo: Xác định được lối sống, phong cách sống NCT từ những góc nhìn khác nhau; HS trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình trước "hiện tượng NCT", nên có những suy nghĩ sáng tạo.

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhằm để giải quyết vấn đề GV đặt ra.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ:cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ văn học; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ như cái đẹp/cái xấu; cái cao cả/cái thấp hèn...

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sơ đồ tranh, ảnh về Nguyễn Công Trứ
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

+Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

+Chuẩn bị bảng lắp ghép

+ Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Công Trứ*

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Trong lịch sử văn học Việt Nam, người ta thường nói đến chữ ‘ngông’: ngông như Tản Đà, ngông như Nguyễn Tuân và ngông như Nguyễn Công Trứ. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu được chữ ngông ấy của nhà thơ Nguyễn Công Trứ*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm</p> <p>* GV giới thiệu bài mới, + PP giới thiệu: thuyết trình...</p> <p>* GV gọi hs đọc phần tiểu dẫn sgk, gv đưa ra câu hỏi hs trả lời.</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Phần tiểu dẫn sgk trình bày những nội dung nào?</i> <i>Nêu những nét cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Công Trứ?</i> <i>Hãy xác định hoàn cảnh sáng tác, thể loại và đề tài của bài thơ?</i> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>I I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả: Nguyễn Công Trứ (1778- 1858)</p> <p>- Nguyễn Công Trứ là nhà nho tài tử, trung thành với lí tưởng trí quân trạch dân; cuộc đời phong phú, đầy thăng trầm; sống bản lĩnh, phóng khoáng và tự tin, có nhiều đóng góp cho dân nước;</p> <p>- Góp phần quan trọng vào việc phát triển thể hát nói trong văn học Việt Nam.</p> <p>2 . Bài thơ :</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>- Thể loại:</p> <p>- Đề tài:</p> <p>3. Bố cục : 3 phần</p> <p>-6 câu đầu: Ngát ngưỡng trong chốn quan trường.</p>
--	---

<p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>1. Tác giả: Nguyễn Công Trứ (1778-1858)</p> <p>-Quê: Hà Tĩnh , xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo.</p> <p>- Có tài, có cá tính, đỗ đạt làm quan nhưng con đường làm quan gặp nhiều thăng trầm.</p> <p>- Là người có công đầu với thể loại ca trù.</p> <p>2. Bài thơ :</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ sáng tác trong thời gian ông cáo quan về ở ẩn tại quê nhà.(1848)</p> <p>- Thể loại : hát nói là thể tổng hợp giữa ca nhạc và thơ, có tính chất tự do thích hợp với việc thể hiện con người cá nhân.</p> <p>- Đề tài: thái độ sống của bản thân theo lối tự thuật.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	<p>-10 câu tiếp: Ngất ngưỡng khi đã về hưu.</p> <p>-3 câu cuối: Tuyên ngôn khẳng định cá tính, bản lĩnh.</p>
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tìm hiểu 6 câu đầu</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ và nội dung, ý nghĩa câu thơ</p>	

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. **c)**

Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>GV gọi hs đọc và hướng dẫn hs giải thích từ khó.</p> <p>GV giải thích 1 số từ khó</p> <p>* GV đặt câu hỏi:</p> <p>1. <i>Hãy giải thích nội dung ý nghĩa từ “ngất ngưỡng”? Từ nghĩa ấy em hãy xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ?</i> (hs trả lời cá nhân, gv nhận xét chốt ý)</p> <p>2. <i>Em hãy cho biết ý nghĩa câu mở đầu của bài thơ? Nhận xét cách biểu đạt của nhà thơ?</i></p> <p>3. <i>Trong thời gian làm quan, NCT đã thể hiện thái độ “ngất ngưỡng” của mình như thế nào?</i></p> <p>4. <i>Vậy tại sao ông coi việc làm quan là mất tự do vậy mà vẫn ra làm quan?</i></p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>II. Đọc–hiểu:</p> <p>1. Cảm hứng chủ đạo :</p> <p>- Từ “ ngất ngưỡng” : → thể cao chênh vênh, không vững, nghiêng ngã. → tư thế, thái độ cách sống ngang tàng, vượt thế tục của con người.</p> <p>- <i>Ngất ngưỡng</i> : Là phong cách sống nhất quán của Nguyễn Công Trứ: Kể cả khi làm quan, ra vào nơi triều đình, và khi đã nghỉ hưu. Tác giả có ý thức rất</p>
---	--

<p>luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>HS trả lời:</p> <p>- Câu 1:</p> <p><i>“Vũ trụ nội mạc phi phận sự”</i></p> <p>Mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ta: Thái độ tự tin, ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và tài năng của bản thân.</p> <p>- Câu 2:</p> <p><i>“Ông Hi văn tài bộ đã vào lồng”</i></p> <p>Ông coi việc nhập thể làm quan như một trói buộc, nhưng đó là điều kiện, phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình.</p> <p>- Câu 3, 4, 5, 6: Liệt kê tài năng hơn người:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giỏi văn chương (khi thủ khoa) + Tài dùng binh (thao lược) <p>Tài năng lỗi lạc xuất chúng: văn võ song toàn</p> <p>- Khoe danh vị, xã hội hơn người:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tham tán + Tổng đốc + Đại tướng (bình định Trấn Tây) + Phủ doãn Thừa Thiên 	<p>rõ về tài năng và bản lĩnh của mình.</p> <p>2 / 6 câu đầu: Ngắt ngưỡng <u>trong chốn quan trường</u>:</p> <p>“ Vũ trụ nội mạc phi phận sự”</p> <p>→ mọi việc trong trời đất đều là phận sự của ông.</p> <p>=> Tuyên ngôn về chí làm trai của nhà thơ. Quan niệm sống là hành động.</p> <p>- Nêu những việc mình đã làm ở chốn quan trường và tài năng của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài học (thủ khoa). + Tài chính trị (tham tán, tổng đốc) + Tài quân sự (thao lược) <p>đã làm ông thành “một tay” (con người nổi tiếng) về tài trí.</p> <p>→ Tự hào mình là một người tài năng lỗi lạc, danh vị vẻ vang văn võ toàn tài.</p> <p>=> 6 câu thơ đầu là lời từ thuật chân thành của nhà thơ lúc làm</p>
---	--

<p>Thay đổi chức vụ liên tục, không chịu ở yên hoặc làm việc gì quá lâu</p> <p>Hệ thống từ Hán Việt uy nghiêm trang trọng, âm điệu nhịp nhàng, nhiều điệp ngữ: khẳng định tài năng lỗi lạc, địa vị xã hội vẻ vang, xứng đáng một con người xuất chúng.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>quan khẳng định tài năng và lí tưởng trung quân, lòng tự hào về phẩm chất, năng lực và thái độ sống tài tử, phóng khoáng khác đời ngạo nghễ của một người có khả năng xuất chúng. Hay thái độ sống của người quân tử bản lĩnh, đầy tự tin, kiên trì lí tưởng</p>
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tìm hiểu 10 câu thơ tiếp</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ và nội dung, ý nghĩa câu thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>GV cho học sinh thảo luận nhóm</p> <p>+ Thời gian: 4' <u>Nhóm 1+2:</u></p>	<p>3. 10 câu tiếp: Ngất ngưỡng <u>khi đã về hưu</u></p> <p><u>- Cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân: 6 câu đầu</u></p>

1. Quảng đời về hưu, nhà thơ đã có cách sống và quan niệm sống như thế nào?
nhận xét về cách sống và quan niệm sống của tác giả?

Nhóm 3.

Em nhận xét gì về cá tính và bản lĩnh của tác giả ở 3 câu thơ cuối?

Nhóm 4:

4. Từ “ngát ngưỡng” được tác giả làm cảm hứng chủ đạo trong bài khẳng định điều gì?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

HS trả lời:

Nhóm 1+2: trả lời

* Cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân: 6 câu đầu

- + Cưỡi bò đeo đạc ngựa.
- + Đi chùa có gót tiên theo sau.

- Quan niệm sống:

- + “Được mất ... ngọn đông phong”
- + “Khi ca... khi tùng” “khi” lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ triền miên.
- + “Không ...tục”: không phải là Phật, không phải là tiên, không vương tục, sống thoát tục, sống không giống ai, sống ngát ngưỡng.

4. 3 câu thơ cuối: Tuyên ngôn khẳng định cá tính, bản lĩnh:

- + “Chẳng trái Nhạc.. Nghĩa vua tôi cho trọn đạo sơ chung” → khẳng định bản lĩnh, khẳng định tài năng sánh ngang bậc danh tướng. Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành.

<p>Chứng kiến cảnh ấy bọt cũng nức cười-> Là những hành động khác thường, ngược đời, đối nghịch thậm chí lập dị với quan điểm của các nhà nho phong kiến. Đó là một cá tính nghệ sĩ, sống phóng túng, tự do, thích gì làm nấy, sống theo cách riêng của mình.</p> <p><u>- Quan niệm sống:</u></p> <p>+ “Được mất ... ngọn đông phong”</p> <p>->NCT không màng đến chuyện khen chê được mất của thế gian, sánh mình với bậc danh tướng, khẳng định lòng trung với vua, nhấn mạnh thái độ sống ngất ngưỡng. Sống ung dung yêu đời vượt thế tục nhưng một lòng trung quân.</p> <p>+ “Khi ca... khi tùng” “khi” lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ triền miên .</p> <p>+ “ Không ...tục”: không phải là Phật, không phải là tiên, không vương tục , sống thoát tục, sống không giống ai, sống ngất ngưỡng.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>- Câu cuối: vừa hỏi vừa khẳng định: mình là một đại thần trong triều, không có ai sống ngất ngưỡng như ông cả.</p> <p>- Nêu bật sự khác biệt của mình so với đám quan lại khác: công hiến, nhiệt huyết.</p>	<p>+ Câu thơ cuối:“ Trong triều ai ngất ngưỡng như ông”</p>
--	---

<p>- Ý thức muốn vượt ra khỏi quan niệm “đạo đức” của nhà nho.</p> <p>- Thể hiện tấm lòng sắt son, trước sau như một đối với dân, với nước.</p> <p>Ngất ngưỡng nhưng phải có thực tài, thực danh</p> <p>* Nhóm 4 : sự khác biệt của NCT với đám quan lại pk, là sự tự ý thức về tài năng, phẩm chất và quan niệm sống thoát tục của NCT. Qua đó ta thấy rõ một nhân cách cứng cỏi, 1 tài năng, 1 phẩm giá của một danh sĩ nửa đầu TK XIX.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 2: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ và nội dung, ý bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Đặc sắc nghệ thuật:</p>

<p>GV: Nêu đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ?</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>HS trả lời:</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>Vận dụng thành công thể hát nói để bộc lộ tài năng, nhân cách cũng như quan niệm sống của tác giả. Giai điệu thơ hóm hỉnh, trào phúng.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Con người Nguyễn Công Trứ thể hiện trong hình ảnh “ông ngất ngưỡng”: từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn tự do phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh mẽ, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến.</p>
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh</p> <p>ĐÁP ÁN</p>	

[1]='d'

[2]='a'

[3]='a'

[4]='b'

[5]='a'

Trả lời:

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Ý nào nói không đúng đặc điểm của thể hát nói?

- a. Có sự chuyển hóa linh hoạt giữa các câu thơ dài ngắn khác nhau trong bài.
- b. Số câu trong bài không cố định, dao động từ 7 câu đến 23 câu.
- c. Gồm cả nhạc, cả thơ và lời nói.
- d. Dùng hình thức biên văn, câu văn 4 chữ, 6 chữ, 8 chữ sóng đôi với nhau.

Câu hỏi 2: Thể hát nói phù hợp với việc diễn tả tâm trạng của các nghệ sĩ nào?

- a. Tài hoa ,tài tử.
- b. Khuôn mẫu, mực thước.
- c. Thâm trầm, kín đáo.
- d. Bồng bột, nông nổi.

Câu hỏi 3: Nghĩa gốc của từ **ngắt ngang** là gì?

- a. Dùng để chỉ một tư thế nghiêng ngã, không vững đến mức chực ngã.
- b. Dùng để chỉ một dáng điệu, cử chỉ không nghiêm chỉnh, không đứng đắn.
- c. Dùng để chỉ tư thế nằm không ngay ngắn, không nghiêm chỉnh, lộn xộn.
- d. Dùng cho một ai đó tự nghĩ mình hơn người, luôn coi thường người khác.

Câu hỏi 4: Thực chất thái độ sống **ngắt ngang** ở Nguyễn Công Trứ là gì?

- a. Coi thường tất cả, chỉ coi trọng bản thân.
- b. Vươn lên trên thế tục, sống khác đời, khác người.

- c. Sống lệ thuộc vào người khác, và những thói quen cố hữu, nhàm chán.
 - d. Không dám sống hết mình cho mình và cho người, lo sợ dư luận xã hội.
- Câu hỏi 5:** Câu “ *Vũ trụ nội mạc phi vận sự* ” cho thấy Nguyễn Công Trứ là con người như thế nào?
- a. Có trách nhiệm cao với cuộc đời.
 - b. Có tài năng xuất chúng, hơn người.
 - c. Có niềm tin sắt đá vào bản thân.
 - d. Có lòng yêu nước tha thiết.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1 / Nội dung chính của đoạn thơ : Nguyễn công Trứ với lối sống ngất ngưỡng khi đương chức, đương quyền.

2/ Câu thơ *Vũ trụ nội mạc phi vận sự* được hiểu : Trong trời đất, không có việc gì không phải là phận sự của ta. Ý nghĩa của câu thơ là thể hiện quan niệm của nhà nho đầy tự tin, tự hào vào tài trí và lí tưởng của mình.

3/ Phép liệt kê trong đoạn thơ : Nguyễn Công Trứ liệt kê các vị trí, chức quan ông đã trải qua. Đó là những vị trí cao nhất trong phạm vi của nó: Thủ khoa (đứng đầu khoa thi Hương, tức Giải nguyên), Tham tán (đứng đầu đội quan văn tham chiến: Tham tán quân vụ, Tham tán đại thần), Tổng đốc (Đứng đầu một tỉnh

hoặc vài ba tỉnh), Đại tướng (cầm đầu đội quân bình Trấn Tây), Phủ doãn (Đứng đầu ở kinh đô).

Hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê : khẳng định niềm tự hào về một tài năng lỗi lạc, xuất chúng mà bất cứ kẻ sĩ nào thời trung đại cũng mơ ước và nể trọng. Qua đó, tác giả cũng tự cho rằng mình hơn người ở tài năng, một trong những biểu hiện đầu tiên về *ngất ngưỡng* trong bài thơ.

. d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Vũ trụ nội mạc phi phận sự,

Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng.

Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông, Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng.

Lúc bình Tây, cầm cờ Đại tướng,

Có khi về, Phủ doãn Thừa Thiên

(Trích Bài ca ngất ngưỡng- Nguyễn Công Trứ) 1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên ?

2 / Câu thơ *Vũ trụ nội mạc phi phận sự* được hiểu như thế nào ? Ý nghĩa của câu thơ là gì ?

3 / Xác định phép liệt kê trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của phép liệt kê đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ , về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật.

- Chuẩn bị bài: *Bài ca ngất đi trên*

bãi cát

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 13

BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT

(Sa hành đoản ca)

- Cao Bá Quát- **I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

Nêu được các thông tin về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Nắm được trong hoàn cảnh nhà Nguyễn trị trệ, bảo thủ, CBQ tuy vẫn đi thi nhưng đã tỏ ra chán ghét con đường mưu danh cầu lợi tầm thường. Bài thơ biểu lộ tinh thần phê phán của ông đối với học thuật và sự bảo thủ trì trệ của chế độ nhà Nguyễn nói chung, góp phần lí giải hành động khởi nghĩa của ông về sau vào năm 1854

- Hiểu được mối quan hệ giữa nội dung nói trên và hình thức nghệ thuật của bài thơ cổ thể về nhịp điệu, hình ảnh... Các yếu tố hình thức này có đặc điểm riêng, phục vụ cho việc chuyển tải

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: Tiếp nhận một thể loại văn học mới: thể hành, lý giải được hiện tượng đời sống trong XHPK được thể hiện trong văn bản (học hành, thi cử, đỗ đạt, làm quan), thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá thái độ tác giả. - Năng lực sáng tạo: Xác định được tâm trạng và suy nghĩ CBQ từ những góc nhìn khác nhau; HS trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với vấn đề đề, nên có những suy nghĩ sáng tạo.

- Năng lực hợp tác: thảo luận nhằm để giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn ngữ văn học; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ như cái đẹp/cái xấu; cái cao cả/cái thấp hèn...

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sưu tầm tranh, ảnh, sách về Cao Bá Quát
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

* GV giao nhiệm vụ:

+ Nhìn hình đoán tác giả Cao Bá Quát

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả

+ Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả ***HS** thực hiện nhiệm vụ:

* **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

* **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: *Sống trong một xã hội mục nát của triều Nguyễn, không ít những nhà nho đã chán ghét cuộc sống mưu cầu danh lợi tầm thường để khao khát có một cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Cao Bá Quát là một trong những nhà nho ấy. Để hiểu rõ hơn tâm hồn và nhân cách của ông, chúng ta sẽ tìm hiểu Bài ca ngắn đi trên bãi cát của ông.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục đích, yêu cầu của viết tiểu sử tóm tắt

- a) **Mục tiêu:** Biết mục đích, yêu cầu của viết tiểu sử tóm tắt
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV: Yêu cầu học sinh đọc phần Tiểu dẫn.</p> <p>+ GV: Từ phần <i>Tiểu dẫn</i> trên, hãy cho biết những nét chính về tác giả?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	<p>A. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Cao Bá Quát là người có tài cao, nổi tiếng văn hay chữ tốt và có uy tín lớn trong giới trí thức đương thời (<i>thần Siêu thánh Quát</i>).</p> <p>- Tác giả là người có khí phách hiên ngang, có tư tưởng tự do, ôm ấp hoài bão lớn, mong muốn sống có ích cho đời.</p> <p>2. Tác phẩm:</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời: viết trong khi đi thi Hội.Trên đường vào kinh đô Huế, qua các tỉnh miềnTrung đầy cát trắng(Quảng Bình, Quảng Trị).</p> <p>- Thể loại: thơ cổ thể, không bó buộc về luật, không hạn chế về số câu, gieo vần linh hoạt.</p>

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản,

- a) **Mục tiêu:** HS hiểu cách đọc, chia bố cục và hiểu nội dung, ý nghĩa văn bản
- b) **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học**tập**

- + **GV:** Gọi HS đọc bài thơ, chú thích, thảo luận tìm bố cục bài thơ.
- + **GV:** Lưu ý về giọng điệu, nhịp.
- + **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản
- + **GV:** Hoàn cảnh ra đời của bài thơ ảnh hưởng thế nào đến nội dung của nó?
- + **GV:** Hình ảnh bãi cát được miêu tả như thế nào qua 4 câu thơ đầu? Hình ảnh bãi cát là hình ảnh thực hay đó là hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng? Giải thích?
- + **GV:** Diễn biến tâm trạng của người khách đi trên cát được thể hiện như thế nào?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS

B. Đọc hiểu văn bản I. Đọc- bố cục

- Giải nghĩa từ khó
- Thể thơ: cổ thể- hành ca ->

Một thể loại thơ cổ Trung

Quốc có phần tự do về số tiếng, số câu, vần, nhịp điệu.

- Bố cục: 3 phần

+ Bốn câu đầu: tiếng khóc cho cuộc đời bể dâu.

+ Tám câu tiếp: tiếng thở dài, oán trách bởi ý thức sâu sắc về mâu thuẫn giữa khát vọng, hoài bão của mình và thực tế cuộc đời trớ trêu, ngang trái.

+ Ba câu cuối: tiếng kêu bi phẫn, tuyệt vọng

II. Tìm hiểu văn bản*1. Nội dung:*

- Bốn câu đầu: Tiếng khóc cho cuộc đời dâu bể: Hình ảnh bãi cát dài

<p>cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>a. Hình tượng bãi cát: - Mang ý nghĩa tả thực:</p> <p>+ “<i>Bãi cát dài lại bãi cát dài</i>”</p> <p>Điệp từ: gọi lên hình ảnh những bãi cát nối tiếp nhau đến vô tận.</p> <p>+ “<i>Đi một bước lùi một bước</i>”</p> <p>Đi trên cát nhọc nhằn, khó khăn, vất vả hơn con đường bình thường. Điều mà Cao Bá Quát đã trải nghiệm nhiều lần trên con đường đi tìm công danh.</p> <p>- Nghĩa ẩn dụ, tượng trưng: con đường đời đầy chông gai mà kẻ sĩ như Cao Bá Quát phải dấn thân để mưu cầu công danh.</p> <p>b. Hình tượng lũ khách:</p> <p>- “<i>Đi một bước như lùi một bước</i>”</p> <p><i>Lữ khách trên đường nước mắt rơi</i>”</p> <p>Cảnh tượng một người đi trong không gian mù mịt, mênh mông, khó xác định được phương hướng.</p> <p>- “<i>Lữ khách trên đường nước mắt rơi</i>”</p>	<p>mênh mông, nối tiếp nhau, hình ảnh con đường như bất tận, mờ mịt, tình cảnh của người đi đường.</p> <p>+ Đi một bước như lùi một bước, vừa là cảnh thực vừa là tượng trưng cho con đường công danh gập ghềnh của tác giả.</p> <p>- Hình ảnh bãi cát: Tượng trưng cho môi trường xã hội, con đường đời đầy chông gai, gian khổ, nhọc nhằn</p> <p>- Hình ảnh người đi trên cát: Tượng trưng cho con người buộc phải dấn thân trong cuộc đời để mưu cầu sự nghiệp, công danh cho bản thân, cho gia đình, dòng họ</p> <p>+ Mặt trời lặn mà vẫn còn đi, nước mắt rơi lẫn cả, tâm trạng đau khổ. => Nhà thơ nhìn thấy con đường danh lợi đáng chán đáng buồn, đầy chông gai.</p>
---	--

<p>Lúc mặt trời đã lặn, con người đều tìm chốn nghỉ ngơi, người lữ khách vẫn mãi miết trên con đường vất vả đến nỗi phải tuôn rơi nước mắt.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>+ GV: Giải thích thêm.</p> <p>Là người tài năng nhưng thi hội đậu hạng hai lại bị đánh xuống hạng bét. Cả ba lần vào Huế thi đình đều bị đánh hỏng</p>	
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu 8 câu thơ tiếp theo</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung, ý nghĩa câu thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>*Nhóm 1: Đang từ xúc động, đau khổ (nước mắt rơi), dòng tâm trạng và suy nghĩ của nhà thơ chuyển biến như thế nào?</p>	<p>- Tám câu tiếp: Tiếng thở than, oán trách bởi ý thức sâu sắc về mâu thuẫn giữa khát vọng, hoài bão của mình và thực tế cuộc đời trớ trêu ngang trái.</p>

<p>Phân tích 6 câu tiếp theo để lí giải tâm trạng của họ Cao. Vì sao ông lại có suy nghĩ và tâm trạng ấy?</p> <p>Em hiểu cụm từ <i>đường danh lợi</i> như thế nào trong hoàn cảnh chế độ phong kiến?</p> <p>Nhóm 2: Người đang đi bỗng dừng lại gọi hỏi bãi cát. Những câu hỏi liên tiếp thể hiện tâm trạng gì của ông? Hình ảnh thiên nhiên lại được miêu tả có dụng ý gì? Em hiểu khúc đường cùng (cùng đồ) là thế nào?</p> <p>Nhóm 3: Nhận xét cách xưng hô và dụng ý nghệ thuật của nó trong bài thơ.</p> <p>Nhóm 4: Mâu thuẫn trong tâm trạng của người đi trên cát có ý nghĩa gì?</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p>	<p>+ Nỗi chán nản vì tự mình hành hạ thân xác, theo đuổi công danh và ước muốn trở thành ông Tiên có phép ngủ kĩ.</p> <p>+ Sự căm dỗ của cái bả công danh đối với người đời.</p> <p>+ Nỗi băn khoăn, trăn trở: đi tiếp hay từ bỏ con đường công danh?</p>
---	---

*** Nhóm 1**

- Hai câu: *Không học ...lợi suốt, giận khôn voi dẫn từ tích cổ.* Ở đây, tác giả tự cảm thấy giận mình vì không có khả năng như người xưa, mà phải tự mình hành hạ thân xác mình, chán nản, mệt mỏi vì công danh - danh lợi.

Hai câu tiếp: *Xưa nay... đường đời* nói về sự cám dỗ của cái bả công danh đối với người đời. Vì công danh - danh lợi (danh vọng đi với quyền lợi) mà con người phải bôn tẩu - vất vả xuôi ngược, khó nhọc mà vẫn đổ xô vào. Hai câu thơ đã thể hiện sự chán ghét, khinh bỉ của Cao Bá Quát đối với phường danh lợi. Ông muốn đứng cao hơn bọn ấy, không muốn đi theo con đường đau khổ ấy, nhưng chưa biết tìm lối rẽ nào và đi về đâu, theo hướng nào.

Hai câu tiếp: *Đầu gió ... tỉnh bao người* tiếp tục thể hiện tâm trạng chán ghét danh lợi và phường danh lợi như kẻ say sưa trong quán rượu, thấy quán rượu ngon, rượu thơm thì đua tìm đến và say sưa thưởng thức một cách tầm thường. Danh lợi cũng là một thứ rượu ngon dễ cám dỗ, làm say người. Câu hỏi của nhà thơ như trách móc, như giận dữ,

như lay tỉnh người khác nhưng cũng chính là tự hỏi bản thân. Ông đã nhận ra tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, con đường công danh đương thời là vô nghĩa, tầm thường.

*** Nhóm 2**

- Câu cảm và những câu hỏi tu từ tiếp theo chứng tỏ tâm trạng bồn chồn, day dứt và có phần bế tắc .

- Khúc đường cùng (cùng đồ) ở đây hoàn toàn chỉ có nghĩa biểu tượng. Nỗi tuyệt vọng trùn lên cả bãi cát dài, cả người đi. Ông chỉ còn có thể hát lên bài ca về con đường cùng của mình, về sự bế tắc, tuyệt vọng của mình trước cuộc đời.

- Tư thế dừng lại nhìn bốn phía mà hỏi vọng lên trời cao, lại hỏi chính lòng mình thể hiện khối mâu thuẫn lớn đang đè nặng trong tâm trí nhà thơ.

*** Nhóm 3**

Ba đại từ nhân xưng khác nhau: khách - lữ khách, anh ấy: đại từ nhân xưng ngôi thứ 3 số ít; quân: anh, ông: đại từ nhân xưng ngôi thứ 2, số ít; ngã - tôi, ta: đại từ nhân xưng ngôi thứ 1, số ít. Tác giả muốn đặt mình vào các vị trí khác nhau, các điểm nhìn

<p>khác nhau để có những cách nói khác nhau bộc lộ tâm trạng của chính mình, đối thoại với chính mình, thể hiện mâu thuẫn hiện tồn trong tâm trí mình.</p> <p>* Nhóm 4</p> <p>Đó là mâu thuẫn giữa khát vọng sống cao đẹp với hiện thực đen tối, mù mịt, giữa tinh thần xông pha vì lí tưởng của kẻ sĩ với thói cầu danh lợi của người đời và những khó khăn gian khổ trên con đường đi tìm chân lí</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=></p> <p>Ghi kiến thức then chốt lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung, ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Nhận xét giá trị nghệ thuật trong bài thơ?</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Sử dụng thơ cổ thể, hình ảnh có tính biểu tượng.</p>

Qua phân tích bài thơ em hãy nêu ý nghĩa của bài thơ?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng

- Thủ pháp đối lập, sáng tạo trong dùng điển tích.

2. Ý nghĩa văn bản:

Khúc bi ca mang đậm tính nhân văn của một con người cô đơn, tuyệt vọng trên đường đời thể hiện qua hình ảnh bãi cát dài, con đường cùng và hình ảnh người đi cùng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

Trả lời:

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='c'

[3]='a'

[4]= 'b'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Ý nào sau đây không nói về đặc điểm nổi bật của con người Cao Bá Quát?

- a. Có tài cao, nổi tiếng hay chữ, viết chữ đẹp.
- b. Có uy tín lớn trong giới trí thức, được tôn vinh như bậc “thánh”.
- c. Có khí phách hiên ngang, tư tưởng tự do, phóng khoáng,
- d. Có thái độ sống ngất ngưỡng, ngông ngạo, khinh bạc.

Câu hỏi 2: *Bãi cát* và *con đường* trong bài thơ [Sa hành đoản ca](#) của Cao Bá Quát tượng trưng cho cái gì?

- a. Những thử thách trong cuộc sống đối với tác giả và nhiều trí thức đương thời.
- b. Con đường đời, con đường công danh nhọc nhằn của tác giả và của nhiều trí thức đương thời.
- c. Những hiểm nguy rình rập táa giả và những trí thức đương thời có cùng tư tưởng với ông.
- d. Những cái đích mà tác giả và biết bao trí thức đương thời đang mơ ước vươn tới.

Câu hỏi 3: Hình ảnh người đi đường – nhân vật trữ tình – nhà thơ được tác giả khắc họa như thế nào trong bài?

- a. Thật khôn khổ.
- b. Có nhiều nghị lực.
- c. Hay gặp khó khăn.
- d. Gặp nhiều may mắn.

Câu hỏi 4: Khi nói về “hạng người danh lợi”, trong lòng tác giả có nhiều mâu thuẫn. Ý nào sau đây không phải là một trong những mâu thuẫn:

- a. Tác giả cho rằng con đường mình đang đi là cao cả nhưng hầu như chỉ có mình đi trên con đường ấy.
- b. Con đường mà “hạng người danh lợi” đang đi là thấp hèn nhưng lại có vô số người theo.
- c. Tác giả khinh bỉ những phường danh lợi tầm thường kia nhưng lại chưa xót nhận ra sự cô độc của mình.
- d. Tác giả vừa muốn đi tiếp con đường mà mình đã chọn, vừa muốn đi chung con đường với “hạng người danh lợi”.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1/ Nội dung chính của đoạn thơ

- Nguyễn Công Trứ với lối sống ngất ngưỡng khi từ quan.

- Nhà thơ tổng kết lại toàn bộ cuộc đời “ngất ngưỡng”.

2/ - Sau khi cỡi mũ, cáo quan ra khỏi cuộc sống bó buộc chốn quan trường bon chen, Nguyễn Công Trứ có những hành vi kỳ quặc, lập dị đến ngất ngưỡng. Người ta cưỡi ngựa đi giao du thiên hạ thì ông cưỡi bò, lại còn đeo cho một cái đạc ngựa khiến cả chủ lẫn tớ đều ngất ngưỡng. Đi thăm thú cảnh chùa mà vẫn đeo kiếm cung bên người và mang theo “một đôi di”. Rõ ràng trong bộ dạng từ bi Nguyễn Công

Trứ vẫn vương đầy nợ trần, vẫn đeo bông đăng sau mấy bóng giai nhân.
Cốt cách của một khách tài tử, văn nhân chính là ở đó...

- Đó là lối sống phá cách của một con người thích làm những chuyện trái khoáy ngược đời để ngạo đời, thể hiện thái độ và khát vọng sống tự do tự tại.

3/ Thủ pháp đối lập trong đoạn thơ :

- Ông là người vừa giỏi văn (Thủ khoa, Tổng đốc, Phủ doãn) , vừa giỏi võ (Tham tán, Đại tướng).

- Ông là một tay kiếm cung (dữ dội) - đáng từ bi (hiền lành); gót tiên (thoát tục, già lão) - một đôi di (đầy trần tục, trẻ trung); Bụt (Phật với triết lí khổ hạnh, nghiêm trang) - nực cười (con người lạc quan, hài hước, bao dung); được - mất; khen- chê; ca, tửu, các tòng (hành lạc, phóng lãng) - Phật Tiên (thoát tục, tiết dục); ca, tửu, các tòng (hành lạc, tao nhã) - tục (đời thường); Phật Tiên (thoát tục) - tục (đời thường); Hàn, Nhạc (quan võ, nhập thế) - Mai Phúc (quan văn, ẩn sĩ xuất thế); vua - tôi; sơ - chung.

Hiệu quả nghệ thuật : Ngắt ngưỡng đối với Nguyễn Công Trứ không phải là lệch chuẩn, là phá bỏ mà chính là sự đa tài, đa nghệ và bản lĩnh cao cả của mình; là sự xuất chúng, quảng bác của bản thân. Điều đó lí giải những mâu thuẫn trong cuộc đời Nguyễn Công Trứ mà người ta đã từng đặt ra đối với ông. Ông đã tự hào vì dám sống cho mình, bỏ qua sự gò bó của lễ và danh giáo.)

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Đô môn giải tổ chi niên,

.....

Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.

Trong triều ai ngắt ngưỡng như ông.

(Trích Bài ca ngất ngưỡng- Nguyễn Công Trứ) 1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên ?

2/ Sau khi cởi mũ, cáo quan ra khỏi cuộc sống bó buộc chốn quan trường bon chen, Nguyễn Công Trứ có những hành vi kỳ quặc, lập dị đến ngất ngưỡng. Đó là những việc gì? Ý nghĩa của hành động đó?

3/ Xác định thủ pháp đối lập trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của thủ pháp đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

*HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật.

*Gv chốt lại: Hình ảnh bãi cát dài và tâm trạng của tác giả đi trên bãi cát.

- Chuẩn bị bài: Luyện tập thao tác lập luận phân tích.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần 14

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết

LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích trong những ngữ liệu cho trước
- Thao tác phân tích và mục đích của phân tích - Yêu cầu và một số cách phân tích trong văn nghị luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.
- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát thành các luận điểm.
- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung. HS biết cách lắng nghe người khác, giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
- Đồ dùng học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước) -Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi:

Mục đích cuối cùng của phân tích là gì?

a. Để thấy được giá trị, ý nghĩa của các sự vật, hiện tượng.

b. Để suy ra một nhận thức (hay kết luận) mới.

c. Để thể hiện rõ chủ kiến của người viết.

d. Để tìm hiểu nguồn gốc của sự vật, hiện tượng.

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **phương án a**

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Tiết trước chúng ta đã nắm lí thuyết về thao tác lập luận phân tích. Tiết này chúng ta tiếp tục làm bài luyện tập để củng cố kiến thức bài học.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh thực hành bài tập 1**

a) **Mục tiêu:** HS làm và hiểu được bài tập

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Gọi HS đọc mục I (SGK)</p> <p>GV gọi HS đọc BT 1/SGK trang 43</p> <p>Tự ti và tự phụ là hai thái độ trái ngược nhau nhưng đều ảnh hưởng không tốt đến kết quả học tập và công tác . Anh (Chị) hãy phân tích hai căn bệnh trên.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>a. Những biểu hiện của thái độ tự ti và tự phụ</p> <p>- Biểu hiện của thái độ tự ti :</p> <p>+ Luôn tự coi mình là kém cỏi, không bằng mọi người</p> <p>+Mặc cảm e dè, không dám phấn đấu, không dám vươn lên</p> <p>-Biểu hiện của thái độ tự phụ:</p> <p>+Luôn tự coi mình là hơn người, giỏi giang, không ai bằng mình.</p> <p>+Kiêu ngạo, coi thường mọi người, chỉ nghĩ đến bản thân.</p> <p>b. Tác hại của tự ti và tự phụ :</p>	<p><u>1.Bài tập 1/SGK trang 43</u></p> <p>a. Những biểu hiện của thái độ tự ti và tự phụ</p> <p>- Biểu hiện của thái độ tự ti : - Biểu hiện của thái độ tự phụ:</p> <p>b. Tác hại của tự ti và tự phụ :</p> <p>c. Khẳng định một thái độ sống hợp lí:</p>
---	---

- Tự ti: Dễ xa lánh mọi người, ít có điều kiện học tập để tiến bộ, tự mình làm mất đi ý chí tiến thủ, sống không hòa hợp với tập thể và cộng đồng.

-Tự phụ: Khó gần mọi người, dễ nảy sinh chủ quan, không ọc hỏi được tập thể để tiến bộ, dễ bị cô lập do lối sống ích kỉ, không hòa hợp với cộng đồng.

c. Khẳng định một thái độ sống hợp lí:

Sống phải hòa hợp với mọi người trong một quan hệ bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ với nhau, học hỏi nhau để cùng tiến bộ.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

Hoạt động 2: - GV hướng dẫn HS đọc BT 2/SGK trang 43

a) Mục tiêu: HS nắm được đặc điểm cơ bản của loại hình ngôn ngữ tiếng việt.

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV hướng dẫn HS đọc BT 2/SGK trang 43</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ Học sinh viết đoạn văn (có vận dụng thao tác lập luận phân tích)</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>a. Xác định các ý chính cần có:</p> <p>+ Lôi thôi -> từ láy tượng hình chỉ sự lôi thôi, luộm thuộm</p> <p>+ ậm ọe -> từ láy tượng thanh chỉ âm thanh to vướng trong cổ họng nên nghe không rõ tiếng</p> <p>- Phân tích nghệ thuật đảo trật tự cú pháp</p> <p>+ Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ / Sĩ tử vai đeo lọ lôi thôi</p> <p>+ ậm ọe quan trường miệng thét loa / Quan trường miệng thét loa ậm ọe</p> <p>- Phân tích sự đối lập giữa 2 hình ảnh sĩ tử và quan trường</p> <p>- Suy nghĩ về cách thi cử ngày xưa</p> <p>b. Xác định cách lập luận: Tổng- phân- hợp</p>	<p>2. Bài tập 2: Phân tích nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình tượng và cảm xúc qua các từ: <i>Lôi thôi, ậm ọe</i></p> <p>a. Xác định các ý chính cần có:</p> <p>- Phân tích nghệ thuật đảo trật tự cú pháp</p> <p>- Phân tích sự đối lập giữa 2 hình ảnh sĩ tử và quan trường</p> <p>- Suy nghĩ về cách thi cử ngày xưa</p> <p>b. Xác định cách lập luận:</p> <p>Tổng- phân- hợp</p>
--	--

<p>- Phân tích cụ thể nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cú pháp, hình ảnh</p> <p>- Nêu cảm nghĩ về cách thi cử ngày xưa và liên hệ cách thi cử ngày nay.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS vận dụng lí thuyết để làm bài tập</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Đoạn văn sau viết theo cấu trúc nào?</p> <p><i>Chúng ta thừa nhận rằng trong thời đại bùng nổ thông tin, sách và ấn phẩm báo chí thì nhiều, nhưng quyền hưởng thụ văn hoá của nhân dân thì vẫn còn khoảng cách khá xa nông thôn và thành thị, đặc biệt là với vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Trước tình hình đó, nhiều tờ báo đã tìm cách hạ giá bán để báo có thể đến tay bà con nghèo. Nhưng đối với sách thì còn khó hơn vì giá giấy, công in tăng mà sách lại in ít bản nên giá sách không thể hạ. Từ đó</i></p>	<p>Quy nạp</p>

dẫn đến hệ quả dễ thấy là thị trường mà bị sách thu hẹp chưa từng có.

(Theo Nguyễn Hữu Giới, Tlđđ)

a. Diễn dịch.

b. Móc xích

c. Quy nạp

d. Song hành.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS đọc ngữ liệu 1 và tiến hành thảo luận nhóm

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS Trả lời: Cắt nghĩa, bình giá.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đoạn văn sau được viết theo cách phân tích nào?

Đạo đức gồm cả luân lí mà luân lí chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi. Đã gọi là người thì phải có nhân, nghĩa, lí, trí, tín, cần, kiệm.

Nhân là có lòng thương người; Nghĩa là làm việc phải; Lễ là ăn ở cho

có lễ độ; Trí để làm việc cho đúng; Tín là nói với ai cũng giữ lời cho người ta tin mình mới làm được việc; Cần là làm việc phải siêng năng; Kiệm là ăn ở dành dùm trong lúc no để phòng lúc đói, lúc có để phòng lúc không...Người đạo đức là người đã ở trong đạo làm người vậy. Đạo đức đã như thế thì không có mới, có cũ, có đông, có tây nào nữa nghĩa là nhất thiết đời nào, người nào cũng phải giữ đạo đức, ấy mới là người trọn vẹn. Dầu nhà bác học đề ra học thuyết nào khác nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lí của đạo đức, nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được.

(Phan Châu Trinh, Bài diễn thuyết về đạo đức luân lí Đông Tây, Giảng văn 9, Nhà sách Khai Trí)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

- Nhắc lại lí thuyết về thao tác lập luận phân tích

- Đọc thêm 2 đoạn văn trong SGK

- Chuẩn bị bài: bài Đọc thêm

Tuần Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 15:

CHẠY GIẶC

(Nguyễn Đình Chiểu)

BÀI CA PHONG CẢNH HƯƠNG SƠN

(Chu Mạnh Trinh) **I. MỤC TIÊU**

1. Kiến thức:

Nêu được các thông tin về tác giả (cuộc đời, sự nghiệp);- Nêu được ngắn gọn thông tin cơ bản về tác phẩm (Xuất xứ, đề tài, bố cục)

- Liệt kê được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

Làm rõ hiệu quả của các từ ngữ, hình ảnh và các biện pháp tu từ nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

- Đất nước rơi vào tay giặc, cảnh “xẻ nghé tan đàn”, thái độ tác giả.

- Lựa chọn từ ngữ, kết hợp tả thực, tạo hình ảnh (Chạy giặc) - Một cái nhìn bao quát về phong cảnh Hương Sơn.
- Tấm lòng thành kính với cảnh đẹp của quê hương đất nước.
- Cách sử dụng từ, giọng điệu bài hát nói khoan thai, nhẹ nhàng. (Bài ca phong cảnh Hương Sơn)

2. Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS xác định được ý tưởng của các tác giả được gửi gắm trong bài thơ; trình bày được suy nghĩ và cảm xúc của mình đối với giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi bài thơ.
- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong mỗi tác phẩm

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sưu tầm tranh, ảnh về các tác giả, tác phẩm liên quan đến Nguyễn Đình Chiểu, Chu Mạnh Trinh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung:

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- **GV** giao nhiệm vụ:

+Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

+Chuẩn bị bảng lắp ghép

+ Nhìn hình đoán tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Chu Mạnh Trinh

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: Thơ trung đại Việt Nam ngoài các tác giả các em đã học, chúng ta còn có hai nhà thơ tiêu biểu như Nguyễn Đình Chiểu với bài Chạy giặc, Chu Mạnh Trinh với bài Hương sơn phong cảnh ca. Hôm nay chúng ta tập trung đọc thêm 2 bài thơ này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a) **Mục tiêu:** Biết các thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: cho học sinh đọc phần tiểu dẫn và nêu hoàn cảnh sáng tác và bố cục.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>* GV đặt câu hỏi:</p> <p><i>Bài thơ viết về đề tài gì ? đó là đề tài như thế nào trong thơ ca?</i></p> <p><i>Hoàn cảnh sáng tác bài thơ?</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả. 2 . Tác phẩm - SGK.</p>
<p><i>Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung từng phần?</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản Chạy giặc

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được cách đọc thơ và nội dung, ý nghĩa bài thơ
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản

II. Đọc hiểu văn bản.**1. Định hướng nội dung và nghệ thuật.**

- **GV:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản Chạy giặc.

+**Câu 1:** *Phân tích đặc sắc ngôi bút hiện thực của tác giả khi tả cảnh đất nước và nhân dân miền Nam khi giặc Pháp đến xâm lược?*

+ **Câu 2:** *Tâm tình, tâm trạng tác giả?*

GV: *Nhận xét giá trị nghệ thuật trong bài thơ? Qua phân tích bài thơ, em hãy nêu ý nghĩa của bài thơ?*

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

Câu 1 : Cảnh tan nát, tan tác, đổ vỡ thể thảm của người dân chạy loạn, đặc biệt là trẻ em, cảnh nhà cửa làng xóm bị đốt phá, cướp bóc tan hoang, điêu tàn. Thời cuộc đã vỡ như bàn cờ thế mà người cầm quân phút sa tay, lỡ bước, không thể cứu vãn.

a. Nội dung:

- Cảnh đau thương của đất nước được hiện lên qua những hình ảnh:

+ Lũ trẻ lơ xơ chạy + Đàn chim đảo dác bay.

+ Bến Ghé tan bọt nước.

+ Đồng Nai nhuộm màu mây.

Hình ảnh chân thực dựng lên khung cảnh hoảng loạn của nhân dân, sự chết chóc, tang thương của đất nước trong buổi đầu có thực dân Pháp xâm lược.

- Tâm trạng của tác giả: Đau buồn, xót thương trước cảnh nước mất nhà tan.

- Thái độ của tác giả: Căm thù giặc xâm lược. Mong mỗi có người hiền tài đứng lên đánh đuổi thực dân, cứu đất nước thoát khỏi nạn này. Lòng yêu nước, lòng căm thù giặc của Nguyễn Đình Chiểu.

b. Nghệ thuật :

- Tả thực kết hợp với khái quát, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh.

<p>Câu 2: Tâm tình, tâm trạng tác giả: đau xót, buồn thương, mong mỏi và thất vọng. Qua đó nổi bật nội dung yêu dân, thương dân, yêu nước sâu nặng của tác giả.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>- Biện pháp đối lập, câu hỏi tu từ.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Bài thơ gọi lại một thời đau thương của dân tộc, gọi lòng căm thù kẻ thù xâm lược.</p>
<p>Hoạt động 4: Hướng dẫn tìm hiểu tác giả</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV: cho học sinh đọc phần tiểu dẫn và nêu vài nét về Chu Mạnh Trinh và Chùa Hương Sơn.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>BÀI CA PHONG CẢNH HƯƠNG SƠN</p> <p>I. Tiểu dẫn.</p> <p>1.Tác giả.</p> <p>- Chu Mạnh Trinh (1862- 1905)</p> <p>- Quê quán:</p> <p>- Không chỉ giỏi về thơ mà còn là một nhà kiến trúc nổi tiếng.</p> <p>2. Bài thơ.</p>

<p>luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>GV:</p> <p>- Chu Mạnh Trinh (1862- 1905)</p> <p>- Quê quán: làng Phú Thị- Đông Yên phủ Khoái Châu nay thuộc huyện Văn Giang Hưng Yên.</p> <p>- Không chỉ giỏi về thơ mà còn là một nhà kiến trúc nổi tiếng.</p>	<p>- Đây là một trong ba bài thơ ông viết về Hương Sơn vào dịp ông đứng trông coi trùng tu, tôn tạo quần thể danh thắng nơi đây.</p> <p>- Bài thơ làm theo thể hát nói, có biến thể.</p>
<p>Hoạt động 4: Hướng dẫn tìm hiểu chi tiết văn bản Bài ca phong cảnh Hương Sơn</p> <p>Sơn</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>1. GV tổ chức thảo luận nhóm Nhóm 1:</p> <p><i>Nội dung của 4 câu thơ đầu? Cảnh Hương Sơn được giới thiệu thông qua những hình thức giá trị nghệ thuật nào?</i></p>	<p>II. Đọc hiểu văn bản.</p> <p>1. Đọc</p> <p>2. Định hướng nội dung và nghệ thuật.</p> <p>a. Cái thú ban đầu đến với Hương Sơn.</p>

<p>Nhóm 2: <i>Tâm trạng và cảm xúc của tác giả khi đến với Hương Sơn như thế nào?</i></p> <p>Nhóm 3. <i>Nêu đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?</i></p> <p>2. GV đặt câu hỏi: Qua đọc hiểu bài thơ, em hãy rút ra ý nghĩa của bài thơ ?</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>Nhóm 1: - Câu hỏi tu từ: Vừa giới thiệu, vừa khẳng định. - Phép lặp: Giới thiệu khái quát cảnh chùa Hương. + Thể giới cảnh bụt - cảnh tôn giáo. + Danh lam thắng cảnh số 1 của nước Nam.</p> <p>Nhóm 2:</p>	<p>- Câu hỏi tu từ: Vừa giới thiệu, vừa khẳng định. - Phép lặp: Giới thiệu khái quát cảnh chùa Hương. + Thể giới cảnh bụt - cảnh tôn giáo. + Danh lam thắng cảnh số 1 của nước Nam. - Cảnh vật cụ thể của Hương Sơn: + Phép nhân hoá: Chim <i>thỏ thẻ</i> ; cá <i>lững lờ</i>. + Hình ảnh ẩn dụ, biện pháp tu từ đối: Tạo sắc thái huyền diệu. Cảnh như có hồn, nhuộm màu Phật giáo. phảng phất sự biến hóa thần tiên. + Điệp từ <i>này</i> ; cách ngắt nhịp 4 /3, nghệ thuật so sánh, dùng từ láy, từ tượng hình gợi cảm. Sự hăm hở, niềm yêu thích và khả năng tạo hình sinh động, biến hoá của tác giả. Câu thơ giàu chất hội họa, cảm hứng thẩm mỹ, gây sự ngỡ ngàng, thể hiện lòng yêu thiên nhiên và</p>
---	--

- Sự hoà quyện giữa tâm lòng thành kính với tình yêu quê hương đất nước: Tác giả khoác lên cảnh vật linh hồn con người (chim cúng trái, cá nghe kinh) làm cho nó trở lên có hồn, phảng phất không khí của thần tiên, xa lánh cõi trần. Đây là giá trị nhân bản cao đẹp trong tâm hồn nhà thơ, là sự khẳng định nhu cầu tinh thần của con người hướng thiện.

Nhóm 3.

Nghệ thuật tả cảnh qua sự phối hợp khéo âm thanh, màu sắc, không gian từ bao quát đến điểm tên đến theo bước chân du khách vừa đi vừa nhìn, vừa nghe vừa cảm nhận, tưởng tượng và nguyên cầu, lòng lâng lâng và thành kính.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

lòng tự hào về Nam thiên đệ nhất động của tác giả.

b. Nỗi lòng của du khách. -

Xúc động thành kính. Cảm hứng tôn giáo đầy trang nghiêm đối với đạo Phật.

- Cảm hứng thiên nhiên chan hoà với cảm hứng tôn giáo và lòng tín ngưỡng Phật giáo. Càng xa càng lưu luyến mê say.

c. Nghệ thuật:

Sử dụng từ tạo hình, giọng thơ nhẹ nhàng, sử dụng nhiều kiểu câu khác nhau, ngữ điệu tự do, phù hợp với tư tưởng phóng khoáng.

3. Ý nghĩa văn bản:

Tình yêu quê hương, đất nước hoà quyện với tâm linh, hướng con người tới niềm tự hào về đất nước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

Trả lời:

ĐÁP ÁN

[1]='b'-[2]='d'-[3]='b'-[4]='d'

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Con người Chu Mạnh Trinh có đặc điểm gì nổi bật?

- a. Là một ông quan thanh liêm và rất yêu thương dân chúng..
- b. Là người tài hoa, sành nghệ thuật, đặc biệt là kiến trúc.
- c. Là người giàu năng lực, có cốt cách tài tử phong lưu..
- d. Không chịu gò mình vào khuôn sáo trường quy

Câu hỏi 2: [Cảnh Hương Sơn](#) **không** được giới thiệu từ góc độ nào?

- a. Từ ao ước chủ quan của tác giả.
- b. Từ hình ảnh thực đang bày ra trước mắt tác giả.
- c. Từ ý kiến đánh giá xếp hạng của người xưa.
- d. Từ tình cảm, cảm xúc của người dân địa phương.

Câu hỏi 3: Cụm từ *cảnh Bụt* cho thấy cảnh Hương Sơn có đặc điểm gì?

- a. Đẹp như chốn bồng lai tiên cảnh.
- b. Vẻ đẹp thoát tục, thanh cao, pha màu tôn giáo thiêng liêng.
- c. Mọi vật đều yên tĩnh, trầm lắng, u buồn.
- d. Cảnh ẩn chứa nhiều điều huyền bí, linh thiêng.

Câu hỏi 4: Câu: “ *Kìa non non, nước nước, mây mây*” cho thấy cái địa thế riêng của cảnh Hương Sơn như thế nào?

- a. Là một thắng cảnh tự nhiên, không có dấu vết nhân tạo.
- b. Là nơi có cả cảnh núi non và biển cả bao la.

- c. Là nơi có không gian vô cùng rộng lớn.
- d. Là một quần thể không gian nhiều tầng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1 / Cảm hứng bao trùm bài thơ là nỗi xót xa, đau đớn của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trước cảnh mất nước

2/ Ý nghĩa của các yếu tố thời gian, không gian trong câu thơ mở đầu với hiện thực được nói tới : Câu thơ mở đầu gọi ra không gian của một phiên chợ, thời gian lúc tan chợ- khi mọi người mua bán xong xuôi và trở về nhà. Lựa chọn không gian, thời gian đó, nhà thơ muốn diễn tả sự đổ vỡ bất ngờ của một nhịp sống bình thường khi tiếng súng vừa đột ngột vang lên.

3/ Biện pháp tu từ trong 2 câu 3-4 là đảo trật tự cú pháp và đảo ngữ cuối dòng thơ.

Hiệu quả nghệ thuật : nhấn mạnh vẻ bàng hoàng, bơ vơ, tan tác của cả con người và thiên nhiên.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung : từ nỗi đau nước mất nhà tan trong bài thơ, thí sinh suy nghĩ về giá trị của cuộc sống hòa bình hôm nay. Từ đó, thể hiện ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc bài thơ Chạy giặc (Nguyễn Đình Chiểu) 1/ Nêu cảm hứng bao trùm bài thơ ?

2 / Ý nghĩa của các yếu tố thời gian, không gian trong câu thơ mở đầu với hiện thực được nói tới là gì?

3 / Xác định biện pháp tu từ trong 2 câu 3-4 và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó.

4/ Qua bài thơ, viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ giá trị cuộc sống hòa bình hôm nay.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài.

- Gv chốt lại: Bài Chạy giặc, hiểu đất nước rơi vào tay giặc, cảnh "Xẻ nghé tan đàn", thái độ của tác giả. Vẻ đẹp của Hương Sơn và thể hát nói.

- Chuẩn bị bài: *Trả bài số 1*

***Rút kinh nghiệm:**

Tiết 16

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

TRẢ BÀI SỐ 1, HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI SỐ 2

(Bài viết ở nhà)

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.Kiến thức:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về văn tự sự

- Tích hợp với tiếng Việt

2.Kĩ năng:

- Kĩ năng viết văn tự sự

- Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có đủ bộ cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung

3.Thái độ, phẩm chất:

- Thái độ: Có tình cảm chân thành trước những vấn đề có ý nghĩa trong cuộc sống - Phẩm chất: Sống yêu thương, sống tự chủ và sống trách nhiệm...

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất,
năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông

- Năng lực riêng:

+ Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
+ Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
+ Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

III. Chuẩn bị

1. Thầy: - SGK, SGV, Tài liệu tham khảo .

2 . Trò: Chuẩn bị các câu hỏi, bài tập, sản phẩm...

IV. Tổ chức dạy và học .

1. Ổn định lớp (1 phút)

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ (3 phút) Không

Bước 3. Tổ chức dạy và học bài mới

Ho't ®éng của GV và HS	Y'u cÇu cÇn ®'t.
------------------------	------------------

Ho't @éng 1 .

- Y^au cÇu HS nh³/₄c l'i @Ò búi vư ph©n tÝch @Ò.
- HS n^au dụn ý búi viỐt cña m×nh - GV @èi chỒu vúi @,p ,n vư kỐt luỀn

Ho't @éng 2 .

GV nhỀn xĐt nh÷ng u @iỐm, nh íc @iỐm búi viỐt. §,nh gi, kỐt qu¶.

1 . Phân tích đề :

- Đề bài yêu cầu học giải thích và chứng minh “một quyển sách tốt là một người bạn hiền.

- Bài viết cần nêu được giá trị của một quyển sách tốt, giải thích “sách tốt là bạn hiền”, qua đó nêu được ý nghĩa, bài học mà sách tốt đem lại cho bản thân.

2. NhỀn xĐt chung.**a) 'u @iỐm:**

- Nh×n chung c,c em hiƯu @Ò, biỐt c,ch triỐn khai ý. N³/₄m @ íc néi dung vư ý nghĨa c©u nãi.

- Lêy @ íc mét sè dến chøng @Ó minh hãa cho luỀn @Ò.

- Gi¶i thÝch @ íc nghĨa cña tống tở, c©u quan trãng vư tíu biƯu trong @Ò búi @Ó

	<p>lạm tiÒn ®Ò cho sù ph©n tÝch vµ nªu c¶m nhËn c, nh©n.</p> <p>b) Nh íc ®iÓm.</p> <p>- Bụi viÕt ch a mẽ rãng, ch a bụi tá ® íc ý kiÕn cña m×nh mét c, ch cô thÓ vµ rã rúng.</p> <p>- DiÕn ®¹t ®«i chệ cßn chung chung, mê nh¹t.</p> <p>- Ch a biÕt triÓn khai ý, nªn bụi viÕt hÇu nh chØ mới đồng l'i ẽ c, ch c³/4t nghÛa c©u nãi.</p> <p>- PhÇn liªn hÖ b¶n th©n cßn yÕu.</p> <p>c) KÖt qu¶:</p> <p>- §iÓm 8- 9: em</p> <p>- §iÓm 7 - 8: em.</p> <p>- §iÓm 5 - 6: em</p> <p>- §iÓm 3 - 4: em.</p>
--	---

BÀI VIẾT SỐ 2 I. MỤC TIÊU KIỂM TRA:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng làm văn nghị luận xã hội lớp 11
- Đánh giá khả năng tạo lập văn bản của học sinh

Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh theo các chuẩn sau:

Làm văn:

- Những kiến thức cơ bản về văn nghị luận (Lập dàn ý bài văn nghị luận, Lập luận trong văn nghị luận, Các thao tác lập luận)

- Kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận

II. THIẾT LẬP MA TRẬN:

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
I. Đọc hiểu					
<i>Số câu</i>	<i>2</i>	<i>1</i>	<i>01</i>		<i>04</i>
<i>Số điểm</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>		<i>3,0</i>

<i>Tỉ lệ</i>	10%	10%	10%		30%
II. Tạo lập văn bản					
<i>Số câu</i>				01	01
<i>Số điểm</i>				7,0	7,0
<i>Tỉ lệ</i>				70%	70%
Tổng cộng					
<i>Số câu</i>	02	01	01	01	05
<i>Số điểm</i>	1,0	,10	1,0	7,0	10,0
<i>Tỉ lệ</i>	10 %	10 %	10 %	70 %	100 %

III. BIÊN SOẠN ĐỀ

PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Ai về thăm mẹ quê ta
 Chiều nay có đưa con xa nhớ thăm...
 Bầm ơi có rét không bầm!
 Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
 Bầm ra ruộng cấy bầm run
 Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non
 Mạ non bầm cấy mấy đon
 Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.
 Mưa phùn ướt áo tứ thân
 Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!
 Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều
 Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!
 Con đi trăm núi ngàn khe
 Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
 Con đi đánh giặc mười năm
 Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.
 (Tố Hữu)

Câu 1 : Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?(0,5 đ)

Câu 2 : Xác định chủ đề của bài thơ?(0,5đ)

Câu 3 : Chỉ ra và nêu tác dụng của 2 trong số biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ trên?(1,0đ)

Câu 4 : Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào?(Trình bày thành 1 đoạn văn từ 5-7 dòng)(1,0đ)

PHẦN LÀM VĂN

Cảm nhận về bi kịch duyên phận và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương qua bài thơ **Tự tình** (bài II).

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM:

PHẦN ĐỌC HIỂU:

Câu 1: (0.5 đ) Thể thơ: lục bát

Câu 2: (0,5đ) Chủ đề bài thơ: Viết về tình cảm chân thành của người chiến sĩ cách mạng với người mẹ quê tần tảo, thương con./ Viết về người mẹ, tình mẹ

Câu 3 : Biện pháp nghệ thuật:(1,0đ)

Sử dụng từ láy: heo heo, lâm thâm, sớm sớm chiều chiều => thấy được sự khắc nghiệt của thời tiết và nỗi vất vả của người mẹ.

Điệp ngữ: “con đi”, “chẳng bằng”=> Nhấn mạnh khó nhọc của người mẹ

Câu 4: (1,0đ)

- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ

- Hs cảm nhận được hình ảnh người mẹ (bầm) hiện lên với sự tần tảo sớm hôm, luôn lo lắng cho con.

PHẦN LÀM VĂN

I. Yêu cầu về kĩ năng:

1. Về nội dung: Phân tích được tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương trong bài thơ

2. Về phương pháp làm bài: Làm đúng kiểu bài phân tích, cảm thụ thơ trữ tình. Khi viết bài, người viết có thể vận dụng nhiều thao tác nghị luận như phân tích, giải thích, chứng minh, nêu cảm nghĩ...

II. Yêu cầu về kiến thức: Bài làm phải đảm bảo 3 phần cơ bản dưới đây:

2.1 . Mở bài:

Giới thiệu bài thơ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Bi kịch duyên phận và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.

2.2. Thân bài:

* Hai câu đề: Nỗi buồn tủi của nhân vật trữ tình.

- Câu phá đề:

+ Mở ra thời gian đêm khuya, gợi không gian vắng vẻ, mênh mông

+ Đây còn là không gian, thời gian của tâm trạng: nhịp trống gấp gấp liên hồi thể hiện bước đi dồn dập của thời gian, sự rối bời của tâm trạng - Câu thơ thứ hai:

+ Từ *trơ* đầu câu và nhịp thơ 1/3/3: nhấn mạnh sự tủi hổ, bẽ bàng

+ Hai chữ *hồng nhan* chỉ nhan sắc người phụ nữ đi cùng chữ *cái* rẻ rúng, mỉa mai, gợi lên nỗi xót xa, đau đớn thâm thía

+ Bên cạnh nỗi đau, còn thấy bản lĩnh của Xuân Hương: bền gan, thách đố

* Hai câu thực: Nỗi bế tắc

- Tìm đến rượu để quên đời, nhưng không quên được, hương rượu đắng chát, hương tình thoảng qua chỉ còn phận hẩm duyên ôi; tìm đến vàng trắng để mong tìm tri âm, chia sẻ nhưng chỉ thấy đêm tàn, trăng khuyết, tuổi xuân trôi qua mà tình duyên không trọn vẹn

- Cảm hứng về nỗi đau còn có nét tích cực hơn: mơ ước hạnh phúc, vàng trắng sẽ có ngày tròn, duyên phận sẽ được toại nguyện.

* Hai câu luận: Phản kháng và khát vọng

- Cảnh thiên nhiên được cảm nhận qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phẫn uất. Những sinh vật bé nhỏ, hèn mọn không chịu mềm yếu, đã rắn chắc lại càng rắn chắc hơn; cảnh như nổi loạn, như phản kháng, như muốn vạch đất, xé trời mà oán thán

- Nỗi phẫn uất và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc không kìm nén được đã trào ra, truyền vào cảnh vật, tạo nên sự trỗi dậy mạnh mẽ của cảnh vật. Trong lòng nữ sĩ bùng lên sự phản kháng, không chịu khuất phục, muốn vùng vẫy thoát khỏi hiện thực vươn tới cuộc sống đáng sống hơn, ngay cả trong tình huống bị thương.

* Hai câu kết: Nỗi chán chường.

- "Ngán" là chán ngán, ngán ngẫm, ngán nỗi đời éo le, bạc bẽo. Mùa xuân đi rồi sẽ trở lại với thiên nhiên đất trời, nhưng tuổi xuân con người sẽ không bao giờ trở lại, tạo hóa thật bất công với con người.

- Nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn, thật xót xa, tội nghiệp; nỗi thất vọng của một tâm hồn khát sống khát yêu.

2.3. Kết bài:

- Bài thơ mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện tiếng lòng của một cái tôi đa tình và khát khao hạnh phúc.

- Bài thơ cũng cho thấy tài năng nghệ thuật thơ Nôm của Hồ Xuân Hương: thơ Đường viết bằng tiếng Việt, từ ngữ, hình ảnh giản dị, giàu sức biểu cảm, táo bạo mà tinh tế.

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 17,18:

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

Nguyễn Đình Chiểu I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.
- Bức tượng dài bi tráng về người nông dân Nam Bộ yêu nước buổi đầu chống thực dân Pháp.
- Thái độ cảm phục, xót thương của tác giả.
- Tính trữ tình, thủ pháp tương phản và việc sử dụng ngôn ngữ.

2. Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS đọc sáng tạo đúng yêu cầu thể loại văn tế.
- Năng lực hợp tác thông qua thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: từ việc khai thác văn bản, HS được giao tiếp cùng tác giả, được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV văn ha. Vận dụng những kiến thức tiếng Việt của tác giả để hiểu hơn về văn bản và có thể thực hành trong những bối cảnh phù hợp.
- Năng lực thưởng thức văn học: Cảm nhận được vẻ đẹp ngôn ngữ văn học, biết rung động trước vẻ đẹp hiên ngang, bi tráng mà giản dị của người nghĩa sĩ Cần Giuộc; thái độ cảm phục, xót thương của tác giả đối với các nghĩa sĩ nông dân...

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi -Sưu tầm tranh, ảnh về :
 - + Chân dung Nguyễn Đình Chiểu, ảnh lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu.
 - + Bản đồ trận Cần Giuộc.
 - + Sách Nguyễn Đình Chiểu - về tác gia, tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc bài thơ Chạy giặc. Từ đó, suy nghĩ gì về tình cảm của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân dân, đất nước?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong một bài nghiên cứu về Nguyễn Đình Chiểu đã nhận định: *Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu có ánh sáng khác thường...càng nhìn càng thấy sáng.* Vậy ánh sáng khác thường ở cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của NĐC là gì? Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về tác giả và tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của ôn.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu về cuộc đời tác giả

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Em hãy nêu những điểm chính về cuộc đời nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p>	<p><u>A : PHẦN 1: TÁC GIẢ:</u></p> <p>I. Cuộc đời</p> <p>- NĐC(1822-1888)</p> <p>- Quê quán: sinh tại quê mẹ ở tỉnh Gia Định xưa trong một gia đình nhà nho.</p> <p>- 1843, đỗ tú tài.</p> <p>- 1846, ông ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì hay tin mẹ mất bỏ thi, về quê bị mù.</p>
--	---

<p>HS dựa vào SGK, tr. 66 - 67 , nói tóm tắt cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu.</p> <p>+ GV yêu cầu các nhóm khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p> <p>- GV nhận xét và mở rộng kiến thức:</p> <p>- NĐC (1822- 1888) , tự là Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai</p> <p>- Sinh ra ở quê mẹ: làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định(nay thuộc thành phố HCM)</p> <p>- Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho, Cha làm thư lại trong dinh tổng trấn Lê Văn Duyệt</p> <p>- Năm 1833 được cha đưa ra Huế để ăn học</p> <p>- Năm 1843 vào Gia Định thi đỗ tú tài. 1846 lại ra huế để chuẩn bị thi tiếp</p> <p>- Năm 1849 sắp thi thì được tin mẹ mất, ông bỏ thi về nam chịu tang mẹ. Dọc đường vất</p>	<p>- Về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân và làm thơ.</p> <p>- Giặc Pháp dụ dỗ, mua chuộc nhưng ông vẫn giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với đất nước và nhân dân.</p>
--	--

<p>vả lại thương mẹ khóc nhiều, ông bị đau nặng và mù cả hai mắt; - Ông học nghề thuốc sau đó về quê vừa dạy học vừa bốc thuốc vừa làm thơ, sống giữa tình thương và lòng hâm mộ của bà con cô bác</p> <p>- Khi TDP xâm lược, NĐC vẫn cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu định kế giết giặc. Thục dân</p>	
---	--

<p>Pháp tìm mọi cách mua chuộc Ông nhưng không được</p> <p>- Năm 1888 Ông từ trần, cánh đồng Ba Tri rợp khăn tang khóc thương Đồ Chiểu</p>	
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu sự nghiệp thơ văn

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được nội dung sáng tác của tác giả NĐC
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV phát vấn HS trả lời: <i>Hãy kể tên những tác phẩm chính của NĐC?</i></p> <p>HS thảo luận theo nhóm:</p> <p>Nhóm 1+2:</p> <p><i>Những nội dung chính trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu</i></p> <p>Nhóm 3: <i>Nêu những nét chính về nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu</i></p> <p>Nhóm 4: <i>Bài học rút ra từ cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p>	<p>II.SỰ NGHIỆP THƠ VĂN:</p> <p>1.Những tác phẩm chính</p> <p>a/Trước khi TDP xâm lược: b/</p> <p>Sau khi TDP xâm lược:</p> <p>2 .Nội dung thơ văn</p> <p>- Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa:</p> <p>- Lòng yêu nước, thương dân:</p> <p>(Phân tích ví dụ)</p>
---	---

<p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu</p>	<p>3. Nghệ thuật thơ văn</p>
<p>trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>HS kể tên các tác phẩm chính của Nguyễn Đình Chiểu.</p> <p>- Truyện Lục Vân Tiên</p> <p>- Dương Từ- Hà Mậu</p> <p><i>Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, văn tế</i></p> <p><i>Trương Định...</i></p> <p>Nhóm 1+2 trả lời: Nội dung thơ văn</p> <p>- Quan niệm nghệ thuật: <i>Học theo ngôi bút chí công - Trong thơ, cho ngụ tâm lòng Xuân Thu; Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm - Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà!</i></p> <p>-Thơ văn đề cao đạo đức, lí tưởng nhân nghĩa:Những bài học về đạo làm người mang tinh thần nhân nghĩa của đạo nho nhưng lại rất đậm đà tính nhân dân và truyền thống dân tộc -Thơ văn yêu nước chống Pháp: +Ghi lại chân thực một giai đoạn lịch sử khổ nhục, đau thương của đất nước.</p>	<p>- Văn chương trữ tình đạo đức: vẻ đẹp thơ văn tiềm ẩn trong tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm.</p> <p>- Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành... - Đậm đà sắc thái Nam bộ: Lời ăn tiếng nói mộc mạc.....</p> <p>- Lối thơ thiên về kể mang màu sắc diễn xướng rất phổ biến trong VHDG Nam Bộ.</p>

+ Khích lệ lòng yêu nước, căm thù giặc và ý chí cứu nước của nhân dân ta.

+Nhiệt liệt biểu dương, ca ngợi những anh hùng đã chiến đấu hi sinh vì độc lập, tự do của TỔ QUỐC.

Nhóm 3 trả lời: Toàn bộ viết bằng chữ Nôm.

- Không phát lộ bên ngoài mà tiềm ẩn ở tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm.

- Bút pháp trữ tình rung động mãnh liệt và bồi cái tâm trong sáng, chan chứa tình yêu nhân dân và nồng nàn tình yêu cuộc sống.

- Rất đậm sắc thái Nam Bộ độc đáo: xây dựng tính cách nhân vật, tả cảnh thiên nhiên, lời ăn tiếng nói: mộc mạc, giản dị, chắc, khỏe, bộc trực, từ ngữ địa phương, lối thơ thiên về kể (tự sự).

- Hạn chế: Đôi khi chưa thật trau chuốt, còn thô mộc, dễ dãi.

Nhóm 4 trả lời : bài học về nghị lực, bản lĩnh sống vượt lên bi kịch cá nhân, tinh thần bất khuất trước kẻ thù; tấm lòng yêu nước thương dân sâu nặng.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

2.Những đặc trưng của cuộc đời, trái tim và tình yêu

- Nghệ thuật:

- lối cấu trúc giả định rồi phủ định kết luận

- Dùng hình ảnh so sánh : viên ngọc, đá hoa với trái tim; lạc thú, khổ đau với tình yêu.

- cách nói nghịch lí : anh không dẫu >< em không biết gì

- Nội dung: sự phức tạp, bao la, vô tận và bí ẩn của cuộc đời, trái tim và sự vô biên của tình yêu.

<p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>trái tim là thế giới bí ẩn không có biên giới – tình yêu có nhiều cung bậc, mâu thuẫn.</p> <p>III /Tổng kết</p> <p>Nguyễn Đình Chiểu sống mãi bởi nhân cách cao đẹp. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vang mãi trong lòng dân tộc, là ngôi sao càng nhìn càng toả sáng.</p>
<p>Hoạt động 4: Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác tác phẩm</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được hoàn cảnh sáng tác tác phẩm</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đặt câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ?</i> <i>Vị trí bài văn tế trong sáng tác NĐC và trong lịch sử văn học Việt Nam ?</i> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p>	<p><u>B :TÁC PHẨM</u></p> <p>I. Tìm hiểu chung :</p> <p>1. Hoàn cảnh sáng tác :</p> <p>- Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An. Trận Cần Giuộc là một trận đánh lớn của quân ta diễn ra đêm 14/ 12/ 1861, hơn 20 nghĩa quân đã hi sinh anh dũng).</p> <p>-Theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, NĐC viết bài văn tế này đọc trong lễ</p>

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

1. Hoàn cảnh ra đời: bài văn tế được viết theo yêu cầu của tuần phủ Đỗ Quang để đọc tại lễ truy điệu các nghĩa sĩ Cần Giuộc; nhưng cũng là tiếng khóc từ đáy lòng tác giả và là tiếng khóc lớn của nhân dân trước sự hi sinh của những người anh hùng.

- Bố cục theo cấu trúc chung: lung khởi, thích thực, ai vãn, kết.

2. - Bài văn tế nằm trong giai đoạn thứ 2 thuộc bộ phận văn thơ yêu nước của NĐC. Là tác phẩm có giá trị đặc biệt và độc đáo trong văn học dân tộc.

- Lần đầu tiên trong lịch sử văn học tác giả đã dựng một tượng đài nghệ thuật về hình ảnh những người nông dân chống thực dân Pháp tương xứng với phẩm chất vốn có của họ ở ngoài đời.

3. - Văn tế là một thể văn dùng để tế người chết (đôi khi cũng để tế người sống)

- Nội dung : kể về tính tình công đức của người mất và tỏ lòng kính trọng thương tiếc của mình.

truy điệu các nghĩa sĩ. Bài văn là tiếng khóc từ đáy lòng của tác giả và là tiếng khóc lớn của nhân dân trước sự hi sinh của những người anh hùng.

2. Vị trí :

3. Thể loại và bố cục :

<p>- Bố cục: 4 phần.</p> <p>+ Lung khởi: khái quát bối cảnh của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân.</p> <p>+ Thích thực: Hồi tưởng lại hình ảnh và công đức người nông dân - nghĩa sĩ.</p> <p>+ Ai vãn: Bày tỏ lòng thương tiếc, sự cảm phục của tác giả đối với người nghĩa sĩ.</p> <p>+ Khóc tận (Kết): Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 4: Tìm hiểu Đoạn 1: thời cuộc và nhân vật người nông dân nghĩa sĩ</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được thời cuộc và nhân vật người nông dân nghĩa sĩ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV đọc mẫu vài ba câu, lần lượt gọi HS đọc cả bài từ 1 đến 2 lần; nhận xét cách đọc.</p>	<p>II. Đọc–hiểu:</p>

<p>Yêu cầu giọng đọc :</p> <p>Đoạn 1: giọng trang trọng;</p> <p>Đoạn 2: từ trầm lắng khi hồi tưởng chuyển sang hào hứng, sáng khoái khi kể lại chiến công.</p> <p>Đoạn 3: trầm buồn, sâu lắng, xót xa, đau đớn.</p> <p>Đoạn 4: thành kính, trang nghiêm.</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Câu “ súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ” đã khái quát đầy đủ hai mặt biến cố chính trị lớn lao của thế kỉ XIX như thế nào? Câu đầu tiên tạo ra sự đối lập nào? Phân tích ý nghĩa khái quát của các đối lập ấy. 2. Câu 2 tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nhằm mục đích gì? <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ</p>	<p>1. Giới thiệu khái quát về thời cuộc và nhân vật người nông dân nghĩa sĩ :</p> <p>- Với hình thức ngắn gọn, câu văn đã dựng nên khung cảnh bão táp của thời đại:</p> <p>+ “ Súng giặc đất rền “ → giặc xâm lược bằng vũ khí tối tân</p> <p>+ “ Lòng dân trời tỏ” → ta đánh giặc bằng tấm lòng yêu quê hương đất nước.</p> <p>- NT đối lập nhằm thể hiện khung cảnh bão táp của thời đại, những biến cố chính trị lớn lao. Tuy thất bại những người nghĩa sĩ hi sinh nhưng tiếng thơm còn lưu truyền mãi.</p>
--	--

<p>sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 5: Tìm hiểu Đoạn 2: Hình ảnh ngư ời nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1: Người nghĩa sĩ có nguồn gốc xuất thân như thế nào?</p> <p>+ Nhóm 2: Khi quân giặc xâm phạm bờ cõi, thái độ, hành động của họ ra sao?</p> <p>+ Nhóm 3: Tìm những chi tiết, hình ảnh khắc hoạ vẻ đẹp hào hùng khi xông trận của người nghĩa sĩ nông dân?</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>2. Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc :</p> <p>a. Nguồn gốc xuất thân :</p> <p>- Từ nông dân nghèo cần cù lao động “ cui cút làm ăn ”</p> <p>- NT tương phản “ chưa quen chỉ biết, vốn quen chưa biết.</p> <p>=> tác giả nhấn mạnh việc quen và chưa quen của người nông dân để tạo ra sự đối lập về tâm vóc của người anh hùng.</p> <p>b. Lòng yêu nước nồng nàn :</p> <p>- Khi TD Pháp xâm lược người nông dân cảm thấy lo sợ →</p>

luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1 trình bày:**

Trước khi thành nghĩa quân đánh giặc, họ là những người nông dân nghèo khổ, những dân ấp, dân lân bỏ quê đi khai khẩn những vùng đất mới để kiếm sống.

Từ cui cút: mò côi mò cút không chỉ thể hiện hoàn cảnh sống cô đơn, thiếu người tựa nương, dựa dẫm mà còn thể hiện biết bao yêu thương của tác giả.

Nguyễn Đình Chiểu nhấn mạnh việc quen (đồng ruộng) và chưa quen (chiến trận, quân sự) của những người nông dân Nam Bộ để tạo sự đối lập tâm vóc anh hùng trong đoạn sau.

*** Nhóm 2 trình bày:**

+ Thái độ đối với giấc:

Căm ghét, căm thù.

Thái độ đó được diễn tả bằng những hình ảnh cường điệu mạnh mẽ mà chân thực (*như nhà nông ghét cỏ muốn tới ăn gan, muốn ra cắn cổ*) - Nhận thức về tổ quốc:

+ Không dung tha những kẻ thù lừa dối, bịp bợm.

+ Do vậy, họ chiến đấu một cách tự nguyện

trông chờ $\rightarrow$ ghét $\rightarrow$ căm

thù → đứng lên chống lại.

→ Diễn biến tâm trạng người nông dân.

c. Tinh thần chiến đấu hi sinh của người nông dân :

- Quân trang, quân bị rất thô sơ chỉ có : một manh áo vải, ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, rơm con cúi đã đi vào lịch sử.

- Lập được những chiến công ấy:

“đốt xong nhà dạy đạo “

“chém rớt đầu quan hai nọ”

- Tác giả sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh mẽ với mật

<p>(<i>mến nghĩa... nào đợi ai đòi ai bắt....</i>) Đây là sự chuyển hoá phi thường.</p> <p>* Nhóm 3 trình bày:</p> <p>- Điều kiện và khí thế chiến đấu:</p> <p>+ Điều kiện: thiếu thốn:</p> <p><i>Ngoài cật= Một manh áo vải;</i></p> <p><i>Trong tay= Một ngọn tầm vông, một lưỡi dao phay, nồi rơm con cúi</i></p> <p>+ Khí thế: mạnh mẽ như vũ bão làm giặc kinh hoàng: <i>đốt, đâm chém., đập, lướt ..</i></p> <p>Hàng loạt các động từ mạnh được sử dụng:</p> <p>gọi ra khí thế tấn công như thác đổ.</p> <p>- Hiệu quả: đốt nhà thờ, chém rớt đầu quan hai.</p> <p>Nghệ thuật tả thực kết hợp với trữ tình, phép tượng phản, giàu nhịp điệu, tác giả đã dựng nên tượng đài nghệ thuật về người nông dân - nghĩa sĩ: bình dị mà phi thường.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>độ cao nhịp độ khẩn trương sôi nổi : “ đập rào, lướt, xông vào” đặc biệt là những động từ chỉ hành động dứt khoát “ đốt xong, chém rớt đầu”</p> <p>Sử dụng các động từ chéo “ đâm ngang, chém ngược” → làm tăng thêm sự quyết liệt của trận đánh. => NĐC đã tạc một tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân nghĩa sĩ đánh giặc cứu nước.</p>
<p>Hoạt động 6: Tìm hiểu Đoạn 3: Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc</p>	

<p>a) Mục tiêu: HS hiểu được hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p><i>Tiếng khóc của tác giả xuất phát từ nhiều nguồn cảm xúc? Theo em đó là nguồn cảm xúc gì?</i></p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trả lời cá nhân</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p><u>Gv giảng:</u> Tiếng khóc Đồ Chiểu hợp thành bởi 3 yếu tố : Nước, Dân, Trời. Đồ Chiểu nhân danh vận nước, nhân danh lịch sử mà khóc cho những người anh hùng xả thân cho Tổ Quốc.</p>	<p>3. Ai vẫn: sự tiếc thương và cảm phục của tác giả trước sự hi sinh của người nghĩa sĩ:</p> <p>- Hình ảnh gia đình tang tóc, cô đơn, chia lìa, gọi không khí đau thương, buồn bã sau cuộc chiến. - Tiếng khóc giọt lệ xót thương đau đớn của tác giả, gia đình thân quyến người anh hùng, nhân dân Nam Bộ, nhân dân cả nước khóc thương những người ra đi, khóc thương cho thân phận những người nô lệ.</p> <p>=> Tiếng khóc lớn, tiếng khóc mang tâm vóc lịch sử</p> <p>- Bút pháp trữ tình thấm thiết. - Giọng điệu đa thanh giàu cung bậc <i>tạo nên những câu văn thật vật vã, đớn đau.</i></p> <p>- Nhịp câu trầm lắng, gọi không khí lạnh lẽo, hiu hắt sau cái chết của nghĩa quân.</p>
--	---

Tiếng khóc ấy có tầm vóc sử thi, tầm vóc thời đại mà còn khích lệ lòng căn thù ý chí tiếp nối sự dở dang của người anh hùng nghĩa sĩ.

GV: Nhận xét nhịp văn, giọng điệu trong phần ai vãn?

GV: Tác giả đề cao một quan niệm sống cao đẹp là gì?

HS trả lời cá nhân:

a. Tiếng khóc cho người nghĩa sĩ:

- Tiếng khóc xót thương ở đây là của tác giả, của gia đình thân quyến, của nhân dân Nam bộ, và của cả nước.

Do vậy, đó là tiếng khóc có tầm vóc sử thi. -

Cộng hưởng với tình yêu thiên nhiên và con người: *cỏ cây, sông, chợ, ngọn đèn, vợ, mẹ...* - Lòng căm hờn quân giặc và triều đình gây nghịch cảnh éo le.

=> Tiếng khóc đau thương mà không bi lụy vì nó tràn đầy niềm tự hào, kính phục và ngợi ca những người đã chiến đấu và hi sinh cho Tổ quốc. Họ chết, nhưng tinh thần và việc làm của họ sống mãi trong lòng người.

b. Tiếng khóc cho thời đại đau thương:

- Trở lại hiện thực, khóc thương, chia sẻ với gia đình nỗi mất mát: mẹ mất con, vợ mất chồng.

4. Phần kết: ca ngợi linh

hồn bất tử của người nghĩa sĩ

- Tác giả đề cao quan niệm:

Chết vinh còn hơn sống

nhục. Nêu cao tinh thần

chiến đấu, xả thân vì nghĩa

lớn của nghĩa quân. Họ ra

trận không cần công danh

bổn lộc mà chỉ vì một điều

rất giản đơn là yêu nước.

- Đây là cái tang chung của mọi người, của cả thời đại, là khúc bi tráng về người anh hùng thất thế. => khẳng định sự bất tử của những người nghĩa sĩ.

<p>- Ngợi ca tấm lòng vì dân của nghĩa sĩ theo hướng vĩnh viễn hóa: danh thơm đồn sáu tỉnh..</p> <p>- Đông viên, tin tưởng, quyết tâm đánh giặc. - Cảm thương nhân dân đang phải khổ đau; thấp nén nhang tưởng nhớ người đã khuất lại chạnh lòng nghĩ đến nước non.</p>	
<p>Hoạt động 7: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung, nghệ thuật bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>GV giao nhiệm vụ: <i>Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.</p> <p>- GV nhận xét và bổ sung kiến thức</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Chất trữ tình.</p> <p>- Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu.</p> <p>- Ngôn ngữ vừa trân trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>- Vẻ đẹp bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ.</p> <p>- Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở</p>
	<p>vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

Trả lời:

- Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống Là những người nông dân sống cuộc đời lao động lam lũ, vất vả, hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao (Câu 3, 4, 5)

- Thái độ, hành động khi quân giặc tới- Khi quân giặc xâm phạm đất đai bờ cõi cha ông, họ đã có những chuyển biến lớn:

+ Về tình cảm: Căm thù giặc sâu sắc (Câu 6, 7) (Kiêu căm thù mang tâm lí nông dân.

+ Về nhận thức: ý thức được trách nhiệm đối với

- Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận- Vào trận với những thứ vũ dũng trong sinh hoạt hàng ngày (Câu 12, 13)

(Vẻ đẹp mộc mạc, chân chất nhưng độc đáo.

- Khí thế chiến đấu: Tiến công như vũ bão, đập lên đầu thù xốc tới **d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

+ **Bài tập ứng dụng:** Hoàn thành bảng phụ sau:

<i>Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống</i>	<i>Thái độ, hành động khi quân giặc tới</i>	<i>Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận</i>	<i>Nghệ thuật</i>

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời

- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1/ Văn bản trên thuộc thể loại văn tế.

Văn tế là loại văn gắn với phong tục tang lễ, nhằm bày tỏ lòng tiếc thương đối với người đã mất. Bài văn tế thường có 2 nội dung cơ bản : kể lại cuộc đời, công đức, phẩm hạnh của người đã khuất và bày tỏ nỗi đau thương của người còn sống trong giờ phút vĩnh biệt. Âm hưởng chung của bài văn tế là bi thương, nhưng sắc thái ở mỗi bài có thể khác nhau.

Văn tế có thể viết theo nhiều thể : văn xuôi, thơ lục bát, song thất lục bát, phú...Bố cục bài văn tế thường gồm 4 đoạn với các tên gọi : lung khởi, thích thực, ai vãn và kết. Giọng điệu chung của bài văn tế là lâm li, bi thiết, sử dụng nhiều thán từ và những từ ngữ, hình ảnh có giá trị biểu cảm mạnh.

2/Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật đối lập.

Hiệu quả nghệ thuật: khái quát khung cảnh bão táp của thời đại-phản ánh biến cố chính trị lớn lao chi phối toàn bộ thời cuộc. Đó là cuộc đụng độ giữa thế lực xâm lăng tàn bạo của thực dân Pháp và ý chí chiến đấu kiên cường để bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Hiện lên trên cái nền ấy là hình ảnh của đội quân áo vải được khắc họa bằng bút pháp hiện thực, không theo ước lệ của văn học trung đại **d)**

Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Hỡi ôi!

Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ.

Mười năm công vỡ ruộng, chưa chắc còn danh nổi tợ phao; một trận
nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ .

(Trích Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc- Nguyễn Đình Chiểu)

1/ Văn bản trên thuộc thể loại gì? Giới thiệu đôi nét về thể loại đó.

2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật biện
pháp nghệ thuật đó.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ , về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV
nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật

-Gv chốt lại: Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ

- Chuẩn bị bài: Thực hành về thành ngữ, điển cố

*Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 19:

THỰC HÀNH VỀ THÀNH NGỮ, ĐIỂN CỐ I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Biết nhận diện thành ngữ, điển cố trong văn bản văn học Ý nghĩa của thành ngữ, điển cố
trong văn bản văn học.

Củng cố và nâng cao hiểu biết về thành ngữ và điển cố, về tác dụng biểu đạt của chúng, nhất
là trong các văn bản văn chương nghệ thuật.

-Cảm nhận được giá trị thành ngữ và điển cố.

-Nhận diện và chỉ ra sự hợp lí , nét đặc sắc của các cách phân tích trong văn bản.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thành ngữ và điển cố

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản có sử dụng thành ngữ, điển cố

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của thành ngữ, điển cố

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các sử dụng thành ngữ, điển cố hợp lí trong tiếng Việt

- Năng lực phân tích, so sánh sự khác nhau khi dùng thành ngữ, điển cố .

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2 . Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ: Điền vào chỗ trống các câu sau:

+ Thất...buộc...

+ Mèo...gà....

+biết mấy nắng mưa

Có khi....đã vừa người ôm (Trích Truyện Kiều-Nguyễn Du) - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Thành ngữ gắn với cụm từ cố định còn tục ngữ gắn với câu, thường được cấu tạo dài hơn và có logic nội tại. Cả thành ngữ và điển cố đều là cụm từ cố định nhưng cấu tạo của điển cố không cấu tạo chặt chẽ như thành ngữ. Nhìn chung thành ngữ và điển cố đều có sức biểu cảm và khái*

quát. Ngoài ra điển cố còn giúp ta hiểu biết về xã hội, về lịch sử văn học . Vậy cụ thể thế nào, ta tìm hiểu bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS ôn lại khái niệm thành ngữ, điển cố.

a) **Mục tiêu:** Biết khái niệm thành ngữ, điển cố.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: Cho học sinh tìm hiểu lại kiến thức về thành ngữ, điển cố</p> <p>GV cho ví dụ: Tiêu biểu ở tiếng Việt là các thành ngữ so sánh (ví dụ: “nh nhanh như sóc”, thành ngữ đối (ví dụ “chân ướt chân ráo) thành ngữ thường (ví dụ” nói vãi bọt mép.)</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p>	<p>I. Khái niệm:</p> <p>- Thành ngữ: là những cụm từ cố định, được hình thành trong lịch sử và tồn tại dưới dạng sẵn có, được sử dụng nguyên khối, có ý nghĩa biểu đạt và chức năng sử dụng tương đương với từ nhưng có giá trị hình tượng và biểu cảm rõ rệt, mang lại cho lời nói những sắc thái thú vị.</p> <p>- Điển cố: Là những sự vật, sự việc trong sách vở đời trước, hoặc trong đời sống văn hoá dân gian, được dẫn gọi trong văn chương, sách vở đời sau nhằm thể hiện những nội dung tương ứng. Về hình thức, điển cố không có hình thức cố định mà có thể được</p>
--	--

<p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	<p>biểu hiện bằng từ ngữ, hoặc câu, nhưng về ý nghĩa thì điển cố có đặc điểm hàm súc, ý vị, có giá trị tạo hình tượng và biểu cảm.</p>
---	--

<p>Hoạt động 4: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được lí thuyết và vận dụng vào bài</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
--	--

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Bài tập 1,2 Nhóm 2: Bài tập 3,4</p> <p>Nhóm 3: Bài tập 5,6</p> <p>Nhóm 4: Bài tập 7</p> <p>- GV: Yêu cầu học sinh tìm các thành ngữ trong đoạn thơ, đồng thời giải nghĩa các thành ngữ đó?</p> <p>- GV: Yêu cầu học sinh so sánh các thành ngữ trên với các cụm từ thông thường về cấu tạo và ý nghĩa?</p> <p>- GV hướng dẫn học sinh làm các bài tập</p>	<p>II.LUYỆN TẬP:</p> <p>1. Bài tập1</p> <p>+ “ Một duyên hai nợ”</p> <p>+ “ Năm nắng mười mưa”</p> <p>2.Bài tập 2</p> <p>+ “ Đầu trâu mặt ngựa”</p> <p>+ “ cá chấu chim lồng”</p> <p>+ “Đội trời đạp đất”</p> <p>3. Bài tập 3:</p> <p>+ “Giường kia”:</p> <p>+ “đàn kia”</p>
--	---

<p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>1. Bài tập 1</p> <p>+ “ Một duyên hai nợ” -> Một mình phải đảm đang công việc gia đình để nuôi cả chồng và con</p> <p>+ “ Năm nắng mười mưa” -> Vất vả cực nhọc, chịu đựng dãi dầu nắng mưa</p> <p>=> Các thành ngữ ngắn gọn, cô đọng, cấu tạo ổn định, đồng thời qua hình ảnh cụ thể, sinh động thể hiện nội dung khái quát và có tính biểu cảm.</p> <p>2. Bài tập 2</p> <p>+ “ Đầu trâu mặt ngựa” -> biểu hiện được tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan quân đến nhà Thuý Kiều khi gia đình nàng bị vu oan</p>	<p>4 . Bài tập 4 + “Ba thu”:</p> <p>5. Bài tập 5</p> <p>- “ Ma cũ bắt nạt ma mới”</p> <p>- “ Chân ướt chân ráo” -> vừa mới đến còn lạ lẫm</p> <p>- “ Cười ngựa xem hoa”</p> <p>6. Bài tập 6</p> <p>VD : Nói với nó như nước đổ đầu vịt, chẳng ăn thua gì</p> <p>VD : Mọi người đã đi guốc trong bụng anh rồi</p> <p>7. Bài tập 7</p> <p>VD : Thời buổi bấy giờ thiếu gì những gã sỏ Khanh chuyên lừa gạt những phụ nữ thật thà ngay thẳng</p>
---	--

+ “ cá chậu chim lồng” -> biểu hiện được cảnh sống tù túng, chật hẹp, mất tự do

+ “Đội trời đạp đất” -> biểu hiện được lối sống và hành động tự do, ngang tàng, không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền nào. Nó dùng để nói về khí phách hảo hán, ngang tàng của Từ Hải

=> Các thành ngữ trên đều dùng hình ảnh cụ thể và đều có tính biểu cảm: Thể hiện sự đánh giá đối với điều được nói đến.

3. Bài tập 3

+ “Giường kia”: Gọi lại chuyện về Trần Phồn thời Hậu Hán dành riêng cho bạn là Từ Trĩ một cái giường khi bạn đến chơi, khi bạn về lại treo giường lên

+ “đàn kia” gọi lại chuyện Chung Tử Kì nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được ý nghĩ của bạn. Do đó sau khi bạn chết, Bá Nha treo đàn không gảy nữa vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình

-> Đặc điểm của điển cố: Chữ dùng ngắn gọn mà biểu hiện được tình ý sâu xa, hàm súc

-> Điển cố chính là những sự việc trước đây hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn ra và sử dụng lồng ghép vào bài văn, vào lời nói để nói về những điều tương tự

4 . Bài tập 4

+ “Ba thu”: Kinh thi có câu: “Nhất nhật bất kiến như tam thu hề” (Một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu)
 -> câu thơ trong “Truyện Kiều” muốn nói khi KT đã tương tư TK thì một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba năm

+ “ Chín chữ”

+ “Liễu Chương Đài”

+ “ Mắt xanh

5. Bài tập 5

- “ Ma cũ bắt nạt ma mới” -> ý thể thông thuộc địa bàn, quan hệ rộng...bắt nạt người mới đến lần đầu

Thay thế : bắt nạt người mới đến

- “ Chân ướt chân ráo” -> vừa mới đến còn lạ lẫm

- “ Cưỡi ngựa xem hoa” -> làm việc qua loa, không đi sâu đi sát, không tìm hiểu thấu đáo, kĩ lưỡng

Thay thế: Qua loa

=> Khi thay thế có thể biểu hiện được phần nghĩa cơ bản nhưng mất đi phần sắc thái biểu cảm, mất đi tính hình tượng và dài dòng hơn

6. Bài tập 6: Đặt câu với thành ngữ:

- Chị ấy sinh rồi, *mẹ tròn con vuông*.

- Mày đừng có *trúng khôn hơn vịt* nhé!
- Được chưa, *nấu sủ sôi kinh* vậy mà thi cử liệu có đậu không?
- Bọn này *lòng lang dạ thú* lắm, đừng có tin.
- Trời, bày đặt *phú quý sinh lễ nghĩa*!
- Tao *đi guốc trong bụng* mày rồi, có gì cứ nói thẳng ra.
- Chỉ bảo bao nhiêu lần rồi mà làm không được, đúng là *nước đổ đầu vịt* !
- Thôi, hai đứa lui ra đi, *dĩ hòa vi quý* mà!
- Mày đừng bày đặt xài sang, *con nhà lính, tính nhà quan* thì sau này đói rắng chịu nhé!
- Không nên hỏi làm gì, mất công người ta nói mình *thấy người sang bắt quàng làm họ* .
- **Đặt câu với mỗi điển cố.**
- Lần này thì lời *gót chân A- sin* ra rồi.
- Nó cứ chi tiêu hoang đàng, nên giờ *nợ như chúa Chôm*.
- Anh phải quyết đoán, chứ không là thành kẻ *đèo cày giữa đường* đấy!
- Nó là *gã Sở Khanh* , nên bây giờ cô ấy khổ.
- Với *sức trai Phù Đổng* , thanh niên đang đóng góp nhiều công sức cho công cuộc xây dựng đất nước.
- + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

Trả lời:

- Nhân vô thập toàn': con người không thể không có lỗi lầm/NB: nhìn nhận và đánh giá con người một cách độ lượng, bao dung.

- Vô danh tiểu tốt: tên lính nhỏ không có tên tuổi gì/NB: thân phận thấp hèn.

-Hữu danh vô thực: có cái danh (hào) nhưng không có thực tài hoặc thực quyền/NB: háo danh một cách mù quáng, tự biến mình thành một thằng hề làm trò cười cho thiên hạ.

-Hữu dũng vô mưu: có sức khỏe mà không có mưu kế/NB: hành động một cách mù quáng, mê muội; thường phải trả giá đắt.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng của các thành ngữ sau:

- Nhân vô thập toàn' -Vô danh tiểu tốt:

-Hữu danh vô thực:

-Hữu dũng vô mưu:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

- Thành ngữ: Khổ tận cam lai - Giải thích:

Đây là câu thành ngữ Hán Việt.

Khổ: nghĩa là đắng, khôn khổ (như từ "thống khổ" tức đau khổ)

Tận: nghĩa là hết, đến tận cùng

Cam: nghĩa là ngọt (như từ "cam thảo" tức cỏ ngọt)

Lai: nghĩa là đến, tới (như từ "tương lai" tức sắp đến, sắp tới)

Khổ tận cam lai nghĩa là Đắng hết ngọt đến, khổ cực hết thì vui tươi đến **d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Xác định thành ngữ và giải thích thành ngữ được dùng trong bài thơ sau:

Cảm ơn bà biếu gói cam,

Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai

Tháng 1 năm 1946

Hồ Chí Minh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- Thế nào là thành ngữ, điển cố? - Chúng có giá trị gì trong diễn đạt?
- Chuẩn bị bài: CHIẾU CẦU HIỀN

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 20:

Đọc thêm:

CHIẾU CẦU HIỀN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được kiến thức về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể loại Chiếu

Hiểu được chủ trương chiến lược của vua Quang Trung trong việc tập hợp người hiền tài

- Hiểu được tầm tư tưởng mang tính chiến lược, chủ trương tập hợp nhân tài để xây dựng đất nước của vua Quang Trung, một nhân vật kiệt xuất trong lịch sử nước ta. Qua đó HS nhận thức được tầm quan trọng của nhân tài đối với quốc gia

- Thấy được cách diễn đạt tinh tế bằng lời lẽ vừa tâm huyết vừa có sức thuyết phục cao và lập luận chặt chẽ của tác giả.

2. Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS đọc sáng tạo đúng yêu cầu thể loại chiếu.

- Năng lực hợp tác thông qua thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp tiếng Việt: từ việc khai thác văn bản, HS được giao tiếp cùng tác giả, được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV .

-Năng lực thưởng thức văn học: Cảm nhận được vẻ đẹp ngôn ngữ văn học, biết rung động, trân trọng những đóng góp của Ngô Thì Nhậm., trân trọng tài đức của vua Quang Trung, tự hào với quá khứ dân tộc.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sưu tầm ảnh, tranh chân dung Ngô Thì Nhậm.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
 - Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
 - Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

+ Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT): ảnh Quang Trung, Ngô Thì Nhậm

+ Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS:

+ Nhìn hình đoán tác giả Ngô Thì Nhậm

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Thiên đô chiếu (Chiếu dời đô) của Thái tổ Lí*

Công Uẩn mở đầu triều đại nhà Lí ở thế kỉ X. Tám thế kỉ sau – cuối thế kỉ XVIII,

sau khi đại thắng quân xâm lược Mãn Thanh, vua Quang Trung Nguyễn Huệ đã bắt đầu kế hoạch xây dựng đất nước, củng cố triều đại mới. Nhà vua sai quan Tả Thị lang Ngô Thị Nhậm – một danh sĩ Bắc Hà – thảo tờ chiếu cầu hiền với mục đích thuyết phục, mời gọi những người hiền tài ở khắp nơi, đặc biệt là giới nho sĩ – sĩ phu miền Bắc cởi bỏ mặc cảm, tị hiềm, đem hết tài sức cộng tác cùng triều đình và nhà vua chấn hưng đất nước.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS ôn lại khái niệm thành ngữ, điển cố.

a) **Mục tiêu:** Biết được những thông tin về tác giả, tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV: Gọi học sinh đọc Tiểu dẫn và yêu cầu nêu những nét cơ bản về tác giả Ngô</p> <p>Thị Nhậm o Hoàn cảnh ra đời của bài chiếu o Thể loại và bố cục của bài chiếu</p> <p>+ GV: Nêu những nét cơ bản hoàn cảnh ra đời của bài chiếu, thể loại và bố cục của bài chiếu?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I. Tìm hiểu chung :</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>2. Tác phẩm :</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác :</p> <p>b. Mục đích :</p> <p>“Chiếu cầu hiền” nhằm thuyết phục trí thức Bắc Hà hiểu đúng nhiệm vụ xây dựng đất nước mà Tây Sơn đang tiến hành để cộng tác phục vụ triều đại mới.</p> <p>c. Thể loại :</p>
--	--

<p>+ HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Ngô Thì Nhậm (1764 – 1803) , hiệu Hi Doãn.</p> <p>- Người làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay: Thanh Trì - Hà Nội)</p> <p>- Là người học giỏi đỗ đạt, từng làm quan đại thần dưới thời chúa Trịnh</p> <p>- Khi Lê – Trịnh sụp đổ, ông theo phong trào Tây Sơn và được vua Quang Trung tin nhiệm giao nhiều trọng trách.</p> <p>. Tác phẩm :</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác :</p> <p>“Chiếu cầu hiền” được viết vào khoảng năm 1788- 1789 khi tập đoàn Lê – Trịnh hoàn toàn tan rã.</p> <p>b. Mục đích :</p> <p>“Chiếu cầu hiền” nhằm thuyết phục trí thức Bắc Hà hiểu đúng nhiệm vụ xây dựng đất nước mà Tây Sơn đang tiến hành để cộng tác phục vụ triều đại mới.</p>	<p>- Chiếu là một thể văn nghị luận chính trị xã hội thời trung đại thường do nhà vua ban hành.</p> <p>d. Bố cục:</p> <p>- Ba phần.</p> <p>+Phần I: “Từng nghe.....người hiền vậy”.</p> <p>+ Phần II:“Trước đây thời thế....của trẫm hay sao?”</p> <p>+ Phần III:“Chiếu này ban xuống....Mọi người đều biết."</p>
---	--

c. Thể loại :

- Chiếu là một thể văn nghị luận chính trị xã hội thời trung đại thường do nhà vua ban hành.

- Xuống chiếu cầu hiền tài là một truyền thống văn hóa chính trị của triều đại phong kiến phương đông. Văn thể chiếu trang trọng, lời lẽ rõ ràng, tao nhã.

d. Bố cục:

- Ba phần.

+ Phần I: “Từng nghe.....người hiền vậy”.

Quy luật xử thế của người hiền

+ Phần II: “Trước đây thời thế....của trăm hay sao?”

Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà và nhu cầu của đất nước :

+ Phần III: “Chiếu này ban xuống....Mọi người đều biết.”

Con đường cầu hiền của vua Quang Trung.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và ý nghĩa văn bản
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV: Gọi 1-2 HS đọc văn bản. GV nhận xét và đọc mẫu, giải thích từ khó.</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Gv cho hs thảo luận nhóm 5', đại diện nhóm trả lời gv nhận xét chốt ý</p> <p><u>Nhóm 1.</u></p> <p>Quan điểm của nhà vua về người hiền tài như thế nào?</p> <p>Tác giả so sánh người hiền và thiên tử với những hình ảnh nào ?</p> <p>Cách so sánh như vậy có tác dụng gì ?</p> <p><u>Nhóm 2.</u></p> <p>Trước việc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc diệt Trịnh, nho sỹ Bắc Hà có thái độ như thế nào? Nhận xét cách sử dụng hình ảnh và hiệu quả đạt được ?</p> <p><u>Nhóm 3.</u></p>	<p>II. Đọc–hiểu:</p> <p>1. Mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử</p> <p>- Mượn lời Khổng Tử:</p> <p>+ “Người hiền như sao sáng trên trời” sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần” (thiên tử)</p> <p>Mối quan hệ giữa hiền tài và thiên tử: người hiền phải do thiên tử sử dụng, phải quy thuận về với nhà vua</p> <p>Khẳng định: “<i>Nếu như che mắt</i></p> <p><i>... người hiền vậy</i>”</p> <p>Nếu hiền tài không do thiên tử sử dụng là trái quy luật, trái đạo trời.</p> <p>⇒ Cách đặt vấn đề: có sức thuyết phục đối với sỹ phu Bắc Hà.</p>
--	--

Tâm trạng của nhà vua ra sao qua 2 câu hỏi: *Hay trầm ít đức...? Hay đang thời đổ nát ...?*

Triều đình buổi đầu của nền đại định gặp phải những khó khăn nào?

Trước tình hình khó khăn ấy, vua Quang Trung đã làm gì ?

Em có nhận xét như thế nào về cách nói ấy ?

Nhóm 4.

Đường lối cầu hiền của vua Quang Trung là gì? Gồm những đối tượng nào ? Có bao nhiêu cách tiến cử?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1 trình bày:**

- Đoạn 1: Quy luật xử thế của người hiền:

2. Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà và nhu cầu của đất nước:

a. Cách ứng xử của nho sĩ Bắc Hà:

- Thái độ của sĩ phu Bắc Hà: Bỏ đi ở ẩn, mai danh ẩn tích, uổng phí tài năng
- Những người ra làm quan cho Tây Sơn thì sợ hãi, im lặng, làm việc cầm chừng
- Không phục vụ cho triều đại mới

=> Sử dụng hình ảnh lấy từ kinh điển Nho gia hoặc mang ý nghĩa tượng trưng: Tạo cách nói tế nhị,

<p>Mở đầu một hình ảnh so sánh: người hiền</p> <p>- ngôi sao sáng, thiên tử – sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu).</p> <p>+ Từ quy luật tự nhiên (sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần) khẳng định người hiền phụng sự cho thiên tử là một cách xử thế đúng, là lẽ tất yếu, hợp với ý trời.</p> <p>+ Nêu lên một phản đề: Người hiền có tài mà đi ẩn dật, lánh đời như ánh sáng bị che lấp, như vẻ đẹp bị giấu đi.</p> <p>+ Viện dẫn Luận ngữ của Khổng tử: vừa tạo nên tính chính danh cho <i>Chiếu cầu hiền</i> (vì đối với nhà nho xưa, lời đức Khổng Tử là chân lý) vừa đánh trúng vào tâm lý sĩ phu Bắc Hà, cho thấy vua Quang Trung là người có học, biết lễ nghĩa. Cách lập luận chặt chẽ, thuyết phục tạo tiền đề cho toàn bộ hệ thống lập luận ở phần sau.</p> <p>* Nhóm 2 trình bày:</p> <p>- <u>Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà</u> :</p> <p>+ Mai danh ẩn tích bỏ phí tài năng "<i>Trốn tránh việc đời</i>".</p> <p>+ Ra làm quan: sợ hãi, im lặng như bù nhìn "<i>không dám lên tiếng</i>", hoặc làm việc cầm chừng "<i>đánh mõ, giữ cửa</i>".</p> <p>+ Một số đi tự tử "<i>ra biển vào sông</i>".</p>	<p>châm biếm nhẹ nhàng; thể hiện kiến thức sâu rộng của người cầu hiền</p> <p>- Tâm trạng của vua Quang Trung:</p> <p>+ "<i>Nay trẫm đang ... tìm đến</i>"</p> <p>Thành tâm, khắc khoải mong chờ người hiền ra giúp nước + Hai câu hỏi tu từ:</p> <p>"<i>Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng?</i>"</p> <p>"<i>Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?</i>" Cách nói khiêm tốn nhưng thuyết phục, tác động vào nhận thức của các hiền tài buộc người nghe phải thay đổi cách ứng xử.</p> <p>b. Thực trạng và nhu cầu của thời đại:</p> <p>- Thực trạng đất nước:</p> <p>+ Buổi đầu dựng nghiệp nên triều chính chưa ổn định</p> <p>+ Biên ải chưa yên</p> <p>+ Dân chưa hồi sức sau chiến tranh</p>
--	--

Vừa châm biếm nhẹ nhàng vừa tỏ ra người viết bài Chiếu có kiến thức sâu rộng, có tài năng văn chương.

*** Nhóm 3 trình bày:**

- Hai câu hỏi: “*Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng?*”. *Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự Vương hầu chăng?*”

Vừa thể hiện sự thành tâm, khiêm nhường, vừa thể hiện sự đòi hỏi và cả chút thách thức của vua Quang Trung. Khiến người nghe không thể không thay đổi cách sống. Phải ra phục vụ và phục vụ hết lòng cho triều đại mới.

- Tính chất của thời đại và nhu cầu của đất nước:

Thăng thần tự nhận những bất cập của triều đại mới, khéo léo nêu lên những nhu cầu của đất nước:

+ *Trời còn tối tăm*

+ *Buổi đầu đại định*

+ *Triều chính còn nhiều khiếm khuyết.*

Gặp nhiều khó khăn -> đòi hỏi sự trợ giúp của nhiều bậc hiền tài.

- Kết thúc đoạn 2: Hỏi mà khẳng định.

Nhân tài không những có mà còn có nhiều.

Vậy tại sao “*không có lấy một người tài danh*”

+ Đức của vua chưa nhuần thấm khắp nơi

Cái nhìn toàn diện sâu sắc: triều đại mới tạo lập, mọi việc đang bắt đầu nên còn nhiều khó khăn

- Nhu cầu thời đại: hiền tài phải ra trợ giúp nhà vua +

Dùng hình ảnh cụ thể:

“*Một cái cột ... trị bình*”

Khẳng định vai trò to lớn của người hiền tài

+ Dẫn lời Khổng Tử:

“*Suy đi ... hay sao?*”

Khẳng định đất nước có nhiều nhân tài để đi đến kết luận: người hiền tài phải ra phục vụ hết mình cho triều đại mới

⇒ Vua Quang Trung: Vị vua yêu nước thương dân, có tấm lòng chiêu hiền đãi sĩ. Lời lẽ: khiêm nhường, chân thành, tha thiết nhưng cũng kiên quyết, có sức thuyết phục cao

3. Con đường để hiền tài cống hiến cho đất nước:

<p><i>nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?”</i></p> <p>=> Cách nói vừa khiêm nhường tha thiết, vừa khiên quyết khiến người hiền tài không thể không ra giúp triều đại mới làm cho nho sĩ Bắc Hà không thể không thay đổi cách ứng xử.</p> <p>* Nhóm 4 trình bày:</p> <p>- Cách tiến cử những người hiền tài:</p> <p>+ Mọi tầng lớp đều được dâng thư bày tỏ việc nước</p> <p>+ Các quan được phép tiến cử người có tài nghệ.</p> <p>+ Những người ở ẩn được phép dâng sớ tự tiến cử.</p> <p>Biện pháp cầu hiền: đúng đắn, rộng mở, thiết thực và dễ thực hiện</p> <p>- Bài chiếu kết thúc bằng lời kêu gọi, động viên mọi người tài đức ra giúp nước:</p> <p><i>“Những ai ... tôn vinh”</i></p> <p>=> Quang Trung là vị vua có tư tưởng tiến bộ</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>- Cách tiến cử những người hiền tài</p> <p>- Bài chiếu kết thúc bằng lời kêu gọi, động viên mọi người tài đức ra giúp nước:</p> <p><i>“Những ai ... tôn vinh”</i> => Quang Trung là vị vua có tư tưởng tiến bộ</p> <p>4. <i>Nghệ thuật:</i> - Cách nói sùng cổ - Lời văn ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ, lập luận chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình.</p>
--	--

<p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
--	--

Hoạt động 4: Tổng kết

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và ý nghĩa văn bản
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

+ **GV:** Yêu cầu HS tổng kết nội dung và nghệ thuật văn bản?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ **HS** Tái hiện kiến thức và trình bày.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

III. Tổng kết

1. *Nghệ thuật:* - Cách nói sùng cổ - Lời văn ngắn gọn, súc tích, tư duy sáng rõ, lập luận chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về lý và tình.

2. *Ý nghĩa văn bản:* Thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc cầu hiền tài phục vụ cho sự nghiệp dựng nước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

Trả lời:

1/ Nội dung chính của văn bản trên: Vai trò và sứ mệnh của người hiền đối với nhà vua và đất nước.

2 / Hai câu trên sử dụng biện pháp tu từ so sánh : người hiền- ngôi sao sáng ; thiên tử- sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu)

Tác giả quan niệm về người hiền : tác giả ví người hiền như ngôi sao sáng. Quy luật vận động của các vì sao sáng là châu về Bắc Thần, mà Thiên tử là Bắc Thần. Như vậy, tác giả không chỉ đưa ra quan niệm về người hiền mà còn nêu rõ quy luật xử thế của người hiền : người hiền phải do Thiên tử sử dụng, nếu không làm như vậy là trái với đạo trời.

3 /Việc xác định vai trò và nhiệm vụ của người hiền tài có tác dụng khẳng định việc chiêu hiền, cầu hiền của nhà vua là có cơ sở, có căn cứ, là hợp lòng trời, lòng người.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy. (Trích Chiêu cầu hiền- Ngô Thì Nhậm)

1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.

2 / Câu văn *Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử* sử dụng biện pháp tu từ gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Từ vai trò người hiền trong bài Chiếu, thí sinh hiểu được người hiền là người như thế nào ? Làm thế nào để có được người hiền để phục vụ cho đất nước hôm nay ? Từ đó, bản thân rút ra bài học nhận thức và hành động. **d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ vai trò của *người hiền* trong cuộc sống hôm nay.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ , về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ**

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật

- Gv chốt lại: Tầm quan trọng của hiền tài đối với đất nước.

- Chuẩn bị bài: *Đọc thêm: Xin lập khoa luật*

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 21:**XIN LẬP KHOA LUẬT I. MỤC TIÊU 1 . Kiến thức:**

- Nêu được kiến thức về tác giả, hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa ra đời bản điều trần
- Nghệ thuật lập luận trong bản điều trần
 - Tầm nhìn xa rộng và tiên bộ về vai trò của luật pháp đối với việc đảm bảo và phát triển của nhà nước pháp quyền và xã hội tuân thủ luật pháp.
- Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, kín kẽ, thuyết phục lí tình và tấm lòng trung trực của tác giả đối với dân, với nước.

2. Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS đọc sáng tạo đúng yêu cầu thể loại văn bản điều trần.
- Năng lực hợp tác thông qua thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: từ việc khai thác văn bản, HS được giao tiếp cùng tác giả, được hiểu và nâng cao khả năng sử dụng TV .
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sơ đồ tranh, ảnh về Nguyễn Trường Tộ
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
 - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:
- + Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Trường Tộ*
- + Lắp ghép tác phẩm với tác giả - **HS** thực hiện nhiệm vụ:
- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: *Nguyễn Trường Tộ là một người có tài, thông thạo cả Hán học và Tây học. Ông cũng là người có tầm nhìn xa trông rộng, có chủ trương canh tân đất nước thông qua luật pháp. Điều này đã thể hiện rất rõ qua bài “Xin lập khoa luật” trích “tế cấp bát điều”.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**

- a) **Mục tiêu:** Biết các thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ * GV đặt câu hỏi: <i>Phần tiểu dẫn SGK trình bày những nội dung chính nào?</i> <i>-Trình bày vài nét về tác giả Nguyễn Trường Tộ ?</i> <i>-Trình bày xuất xứ và mục đích của bài “xin lập khoa luật” ?</i>	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: - Victo Huy-gô (1802-1885) nhà văn thiên tài của nước Pháp, danh nhân văn hóa nhân loại, người bạn lớn của những người khốn khổ luôn hoạt động động vì sự tiến bộ của con người.

- Theo em văn bản được chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

Kết quả mong đợi: đọc qua tiểu dẫn sgk.

GV hướng dẫn khái quát vấn đề.

1. Tác giả :

- 1830 – 1871 , quê ở Nghệ An. Là người có học, tầm nhìn xa trông rộng.

- Sinh thời ông có nhiều bản điều trần gửi nhà Nguyễn đề nghị thực thi việc cải cách , chấn hưng đất nước. Nhưng nhà Nguyễn hầu như không thực hiện.

- Các bản điều trần thể hiện một tấm lòng yêu nước tha thiết, lập luận chặt chẽ.

2. Bài “Xin lập khoa luật”:

- Trích từ bản điều trần 27, có nội dung bàn về sự cần thiết của luật pháp đối với xã hội, mục đích là thuyết phục triều đình cho lập khoa luật.

2 . Sự nghiệp:

- Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lừng lẫy nổi tiếng của nước Pháp của thế kỷ XIX

- Những tác phẩm tiêu biểu: Nhà thờ đức bà Pari, Những người khốn khổ, Tia sáng và bóng tối...

3. Tác phẩm:

a. Tóm tắt : (SGK)

b. Đoạn trích :

- Vị trí đoạn trích nằm ở cuối phần thứ nhất: Phăng-ti, thị trưởng Ma-đơ-len (Giăng Van-giăng) rơi vào tay Gia-ve. Phăng-tin tắt thở trước khi biết sự thật về ông thị trưởng và con gái mình.

<p>- Điều trần: văn nghị luận chính trị xã hội, trình bày vấn đề theo từng điều từng mục.</p> <p>- Bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> + (1) Vai trò và tác dụng của luật pháp đối với xã hội. + (2) Mỗi quan hệ giữa pháp luật với đạo Nho, văn chương và nghệ thuật. + (3) Mỗi quan hệ giữa luật pháp và đạo đức. <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu được nội dung và ý nghĩa văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV cho học sinh đọc</p> <p>Hướng dẫn đọc: Giọng khúc chiết, rõ ràng, rành mạch; chú ý các câu hỏi tu từ.</p>	<p>II. Đọc–hiểu:</p> <p>1. <i>Nội dung:</i></p> <p>a. Theo tác giả, luật pháp bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - kỷ cương, uy quyền, chính lệnh, tam cương ngũ thường..

<p>+ GV Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm.</p> <p>GV định hướng nội dung nghệ thuật qua hệ thống câu hỏi</p> <p>Nhóm 1: Theo Nguyễn Trường Tộ, luật bao gồm những lĩnh vực nào? Ông đã giới thiệu việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây ra sao?</p> <p>Nhóm 2 : Luật có vai trò như thế nào đối với đời sống con người ? Em có nhận xét như thế nào về cách lập luận của tác giả ?</p> <p>Nhóm 3: Tác giả quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp?</p> <p>Nhóm 4 : Theo Nguyễn Tường Tộ, Nho học truyền thống có tôn trọng pháp luật không?</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>- Việc thực thi luật pháp ở các nước phương Tây rất nghiêm minh công bằng. Không ai đứng trên luật pháp, mọi sự thưởng phạt đều dựa trên luật pháp. Đó là nhà nước pháp quyền.</p> <p>b. Tác giả chủ trương:</p> <p>- Mọi người phải có thái độ tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp. - Chủ trương vậy để bảo đảm công bằng XH.</p> <p>c. Nho học:</p> <p>- Không có truyền thống tôn trọng luật pháp, chỉ nói suông, làm tốt không ai khen, làm dở không ai phạt. - Khổng Tử cũng công nhận điều này.</p> <p>d. Đạo đức và luật pháp:</p> <p>- Có quan hệ thống nhất, đúng luật, đúng đạo đức.</p> <p>- Đạo đức lớn nhất là chí công vô tư.</p> <p>Trái luật là trái đạo đức.</p>
---	---

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

- Luật bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau: Kĩ cương, uy quyền, chính lệnh, tam cương ngũ thường...

- Việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây rất công bằng, nghiêm minh. Không có ai (kể cả vua chúa) được đứng ngoài, đứng trên luật pháp. Nhà nước xã hội vận hành và phát triển bằng luật pháp. mọi sự thưởng phạt đều dựa trên luật pháp. Đó là những *nhà nước pháp quyền*.

*** Nhóm 2**

+ Luật có tác dụng cai trị xã hội, duy trì sự tồn tại của đất nước, quan dùng luật để trị dân, dân theo luật mà giữ gìn. Bất cứ hình phạt nào trong nước đều không vượt khỏi luật. Làm trái luật và không nghiêm sẽ dẫn đến việc người dân coi thường pháp luật. Luật phải đề cao tinh thần dân chủ, gắn đời sống con người.

+ Luật còn là đạo đức, đạo đức làm người “trái luật là có tội, giữ đúng luật là đức” và “có cái đạo đức nào lớn hơn chí công vô tư”.

e. Việc nhắc đến Khổng Tử và các khái niệm đạo đức, văn chương:

- Có tác dụng làm cho nghệ thuật biện luận tác động đến tâm lí, tư duy các nhà Nho vốn theo đạo Khổng

- Để họ nhận ra vai trò quan trọng của luật pháp.

*** Nhóm 3**

- Quan hệ giữa đạo đức và luật pháp là ở chỗ thống nhất giữa đúng luật và đạo đức. Công bằng, luật pháp là đạo đức. Đạo đức lớn nhất là chí công vô tư.

Trái luật cũng đồng nghĩa với trái đạo đức.

*** Nhóm 4**

- Việc nhắc đến Khổng Tử và các khái niệm đạo đức, văn chương có tác dụng làm cho nghệ thuật biện luận tác động đến tư duy và tâm lí các nhà nho – vốn là những người gương cao ngạo cờ đạo đức của Thánh Khổng – và chính Khổng Tử đã nhận ra cái hạn chế, chủ quan và không tưởng của giáo lí, đạo đức, nghệ thuật nếu không có luật pháp làm nền tảng; để họ nhận thức rõ vấn đề quan trọng của luật pháp.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Hoạt động 4: Tổng kết

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được những nội dung và ý nghĩa tác phẩm.
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản?

* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày
- + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

III. Tổng kết

2. Nghệ thuật:

Lập luận chặt, dẫn chứng sát thực, lời lẽ mềm dẻo, có sức thuyết phục.

3. Ý nghĩa văn bản:

Bản điều trần thể hiện tư tưởng cấp tiến của Nguyễn Trường Tộ đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.
- b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

ĐÁP ÁN

[1]='c'

[2]='c'

[3]='d'

[4]='b'

[5]='a'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Nội dung của các văn bản điều trần là gì?

- Nói về đạo làm thầy.
- Nói về đạo làm vợ chồng.
- Trình bày kế sách để trị nước.
- Nói về đạo làm con.

Câu hỏi 2: Câu văn: “*Vì luật bao gồm cả kỉ cương. Uy quyền, chính lệnh của quốc gia, trong đó tam cương ngũ thường cho đến việc hành chính của sáu bộ đều đầy đủ*” nói về cái gì?

- Vai trò của luật
- Nội dung của luật.
- Cách thi hành luật.
- Người sử dụng luật

Câu hỏi 3: Câu văn nào nêu lên mối quan hệ của luật với quan và dân?

- a. *Bất luận hay quan dân, mọi người đều phải học luật nước và những luật mới bổ sung thêm từ thời Gia Long đến nay.*
- b. *Ai giỏi luật sẽ được làm quan*
- c. *Quan dùng luật để trị dân, dân theo luật mà giữ gìn.*
- d. *Dù vua, triều đình cũng không giáng chức họ được một bậc.*

Câu hỏi 4: Câu nào sau đây trực tiếp nêu lên vai trò của luật đối với con người và đời sống xã hội?

- a. *Nếu luật chỉ tốt cho việc cai trị chứ không có đạo đức tinh vi, thế là không biết rằng trái luật là tội, giữ đúng luật là đức.*
- b. *Nếu tận dụng cái lẽ công bằng ở trong luật mà xử sự thì mọi quyền, pháp luật đều là đức.*
- c. *Trong luật cái gì cũng công bằng hợp đức với trời, như vậy mà không đáng gọi là đạo đức tinh vi sao?*
- d. *Nếu tận dụng cũng đủ trọn vẹn đạo đức làm người rồi, bắt tất phải đi tìm cái gì khác.*

Câu hỏi 5: *Điều trần* thường do ai viết? Viết cho ai?

- a. Bề tôi viết để dâng lên vua
- b. Vua viết gửi cho bề tôi
- c. Quan viết gửi cho các quan
- d. Quan cấp trên gửi quan cấp dưới

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

- Giống: Lí - tình kết hợp, không chỉ đơn thuần là mệnh lệnh quan phương, thuyết phục và xúc động lòng người; những vấn đề trọng đại với non sông đất nước, triều đại; thể hiện tầm nhìn xa rộng và tấm lòng vì nước vì dân của bậc minh vương thánh đế.

Khác: ở Chiếu dời đô là việc thuyết phục chủ trương di dời thủ đô. Ở Chiếu cầu hiền là việc động viên, kêu gọi và sử dụng người hiền tài.) **d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

So sánh điểm giống và khác trong nghệ thuật lập luận giữa Chiếu dời đô và Chiếu cầu hiền.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài -Gv chốt lại: Tầm quan trọng của việc lập khoa luật.

- Chuẩn bị bài: THỰC HÀNH NGHĨA CỦA TỪ TRONG SỬ DỤNG

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 22:

THỰC HÀNH NGHĨA CỦA TỪ TRONG SỬ DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Xác định nghĩa của từ trong trường hợp từ chuyển nghĩa, từ nhiều nghĩa, từ đồng nghĩa

nghĩa của từ trong việc lĩnh hội và tạo lập văn bản

- Cùng cố và nâng cao những hiểu biết về phương thức chuyển nghĩa của từ và hiện tượng nhiều nghĩa, hiện tượng đồng nghĩa.
- Có kĩ năng sử dụng từ theo các nghĩa khác nhau, lĩnh hội các nghĩa của từ, kĩ năng lựa chọn từ đồng nghĩa cho thích hợp với ngữ cảnh.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến nghĩa của từ tiếng Việt
- Năng lực đọc – hiểu các văn bản, hiểu được nghĩa của từ trong các văn bản đó;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân khi dùng từ tiếng Việt;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nghĩa của từ;
- Năng lực phân tích, so sánh nghĩa của từ trong văn bản
- Năng lực tạo lập văn bản

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
 - Ngữ liệu liên quan thao tác lập luận so sánh ;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu ngữ liệu và HS trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

+Cháu **sốt** cao quá, phải cho đi viện ngay!

+Cơn **sốt** giá vẫn chưa thuyên giảm!

+Chưa vào hè mà đã **sốt** tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ!

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Cháu **sốt** cao quá, phải cho đi viện ngay! (một dạng ốm, thân nhiệt tăng không bình thường)

Cơn **sốt** giá vẫn chưa thuyên giảm! (giá cả các mặt hàng tăng liên tục, chưa dừng lại)

Chưa vào hè mà đã **sốt** tử lạnh, máy điều hoà nhiệt độ! (hiện tượng khan hiếm hàng hoá)

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Từ trong tiếng Việt vô cùng phong phú và đa dạng, cùng một từ có thể có nhiều nghĩa tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng. Tính nhiều nghĩa của từ là kết hợp của quá trình chuyển nghĩa. Quá trình chuyển nghĩa thường được thực hiện theo hai phương thức cơ bản là ẩn dụ và hoán dụ. Đồng thời chuyển nghĩa còn gắn với quá trình chuyển tên gọi từ đối tượng này sang đối tượng khác. Để hiểu được điều này ta tìm hiểu bài mới.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

a) Mục tiêu: Giải các bài tập phần luyện tập.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Nghĩa của từ là gì? Nêu các thành phần nghĩa của từ?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1 . Nghĩa của từ:</p> <p>2 Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây:</p> <p>+ <i>Nghĩa biểu vật</i></p> <p>+ <i>Nghĩa biểu niệm</i></p>
--	--

<p>Kết quả mong đợi:</p> <p>1. Nghĩa của từ: Là khả năng biểu hiện về nghĩa của từ đó trong thực tế sử dụng.</p> <p>2. Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây:</p> <p>+ <i>Nghĩa biểu vật</i></p> <p>+ <i>Nghĩa biểu niệm</i></p> <p>+ Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, khi xác định nghĩa của từ, người ta còn phân biệt hai thành phần nghĩa nữa. Đó là nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	<p>+ Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, còn có nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc.</p>
---	--

<p>Hoạt động2: Thực hành</p> <p>a) Mục tiêu: Giải các bài tập phần luyện tập.</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổng kết, thống nhất lời giải chung, nhấn mạnh kiến thức và kỹ năng chủ yếu.	II. Thực hành
---	----------------------

<p>GV: Yêu cầu đại diện nhóm trình bày lời giải bằng giấy trong:</p> <p>Nhóm 1: Bài 1 Nhóm 2: Bài 2 Nhóm 3: Bài 3 Nhóm 4: Bài 4</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi: Bài tập 1.</p> <p>Nhóm1. Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong câu thơ này, từ “lá” được dùng với nghĩa gốc: bộ phận của cây, ở ngọn, cành; màu xanh, mỏng, có bề mặt. - Các trường hợp chuyển nghĩa của từ: <ul style="list-style-type: none"> + <i>lá</i> chỉ bộ phận cơ thể người. + <i>l á</i> dùng với các từ chỉ vật bằng giấy. + <i>lá</i> dùng với các từ chỉ vật bằng vải. + <i>lá</i> dùng với các từ chỉ vật bằng tre, nứa, cỏ. + <i>lá</i> dùng với các từ chỉ vật bằng kim loại. - Từ lá dùng ở các trường nghĩa khác nhau nhưng có điểm chung: Các vật này có điểm giống nhau: hình 	
---	--

dang mỏng , dẹt, có bề mặt hoặc có cuống (như lá cây).

Nhóm 2. Bài tập 2:

Đặt câu với các từ lấy bộ phận cơ thể chỉ con

người: -Trình sát của ta đã tóm được một cái lưỡi, (tóm được một tên tù binh để khai thác tin tức)
 - Ông ấy có chân trong BCH Hội Cựu chiến binh của tỉnh, (chỉ vị trí của con người)
 -Anh ấy có trái tim thật nhân hậu. (người nhân hậu) -
 Những vị tai mắt trong làng xã (những người có chức vụ, có quyền hành nhất định)

3. Bài tập 3:

Đặt từ diễn tả cảm giác đã có sự chuyển nghĩa.

- “ Nói ngọt lọt đến xương.”
 - “Giọng hỏi mới chua chát làm sao.”
 - “Những đắng cay trong cuộc sống đã làm chị không còn biết khóc than khi hữu sự.”.....

4. Bài tập 4:

Giải thích, nhận xét cách dùng từ của Nguyễn Du.

* Từ *cậy*:

- Có từ *nhờ* là từ đồng nghĩa.
 - Nghĩa chung: bằng lời nói tác động đến người khác mong họ giúp mình làm một việc gì đó.
 - Nghĩa riêng:
 + *cậy* thể hiện niềm tin vào sự sẵn sàng giúp đỡ và hiệu quả chắc chắn của sự giúp đỡ ấy.

* Từ *chịu*:

- *chịu* có các từ đồng nghĩa như nhận, nghe, vâng lời.

- Nghĩa chung: chỉ sự đồng ý, chấp thuận.

- Nghĩa riêng:

+ *nhận* : tiếp nhận đồng ý một cách bình thường;
nghe, + *vâng* : đồng ý , chấp thuận của kẻ dưới
đối với người trên với thái độ ngoan ngoãn, kính
trọng;

+ *chịu* : chấp nhận theo một lẽ nào đó mà
không thể từ chối dù có thể không hài lòng.

Trong hoàn cảnh của Th.Kiều, dùng các từ cây,
chịu là thích hợp hơn.

5. Bài tập 5:

Chọn từ phù hợp .

- Câu a :

+ Từ “ *Canh cánh* ”: vừa chỉ việc thường xuyên
xuất hiện trong NKTT, vừa chỉ tâm tư day dứt
triền miên của Bác Hồ

Nhấn mạnh lòng yêu nước của Người.

+ Các từ khác: chỉ có giá trị nói đến tấm lòng
nhớ nước như là một đặc điểm nội dung của NKTT.

- Câu b:

+ Có thể dùng từ *dính dáng* hoặc *liên can* + Các từ
khác không hợp về nghĩa.

- Câu c:

+ Dùng từ *bạn* có tính chung và hợp với việc
ngoại giao.

+ Các từ *bầu bạn, bạn bè, bạn hữu* có nghĩa khái quát và chỉ số nhiều. không phù hợp hoặc quá suồng sã.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:

1. **Nghĩa của từ:** Là khả năng biểu hiện về nghĩa của từ đó trong thực tế sử dụng.

2. Khi nói về nghĩa của từ, người ta thường phân biệt các thành phần nghĩa sau đây:

+ *Nghĩa biểu vật*

+ *Nghĩa biểu niệm*

+ Ngoài hai thành phần nghĩa trên đây, khi xác định nghĩa của từ, người ta còn phân biệt hai thành phần nghĩa nữa. Đó là nghĩa ngữ dụng và nghĩa cấu trúc.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên

bảng

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh *Trả lời:*

Hội chứng miễn dịch mắc phải (SIDA).

-Hội chứng chiến tranh Việt Nam (nỗi ám ảnh, sợ hãi của các cựu binh và nhân dân Mỹ sau khi chiến tranh Việt Nam đã kết thúc).

-Hội chứng "kính thưa" (hình thức dài dòng, rườm rà, vô nghĩa, vô cảm).

-Hội chứng "phong bì" (một biến tướng của nạn hối lộ).

- Hội chứng "bằng rơm" (một hiện tượng tiêu cực: mua bán bằng cấp),... **d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi: **Đặt câu với từ Hội chứng (có sử**

dụng chuyển nghĩa)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

Trả lời:

- Bàn tay vàng: bàn tay tài giỏi, khéo léo trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc một thao tác kĩ thuật nhất định.

-Cầu truyền hình: hình thức truyền hình tại chỗ các lễ hội, giao lưu... trực tiếp thông qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau về cự li địa lí. -

Cơm bụi: cơm giá rẻ, thường bán trong các hàng, quán nhỏ, tạm bợ.

-Công nghệ cao: công nghệ dựa trên cơ sở của các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại, có độ chính xác và hiệu quả kinh tế cao.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Từ bài thơ Sa hành đoản ca (Bài ca ngắn đi trên bãi cát) của Cao Bá Quát, viết đoạn văn ngắn bình luận về con đường lập nghiệp của thanh niên hiện nay?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- Nắm được cách dùng các từ phù hợp về nghĩa trong câu văn, câu nói của mình.
- Làm bài tập thêm: Tìm nghĩa và phân biệt cách dùng các từ sau: yếu điểm- điểm yếu; cứu cánh- cứu hộ;
- Chuẩn bị bài: “ Ôn tập VH trung đại VN”

*Rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

Tuần:

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 23:

ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.
 - Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của văn học trung đại Việt Nam. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế.
- Hệ thống được những kiến thức cơ bản về văn học trung đại VN đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 11.
- Tự đánh giá về kiến thức về VHTĐ và phương pháp ôn tập, từ đó rút ra kinh nghiệm để học tập tốt hơn phần văn học tiếp theo

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các giai đoạn của văn học trung đại Việt Nam

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm giữa các giai đoạn của văn học trung đại Việt Nam
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *các tác giả văn học trung đại VN*
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) Nội dung:** +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

+ Nhìn hình đoán tác giả *văn học trung đại đã học*

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Như vậy, trong chương trình Ngữ văn 10 và 11 vừa qua, chúng ta đã tìm hiểu kiến thức về văn học sử, về tác gia, về tác phẩm văn học tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Hôm nay, chúng ta thực hiện giờ ôn tập để có cái nhìn toàn diện về văn học trung đại của nước nhà.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.

a) **Mục tiêu:** Biết các thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm trong chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Hướng dẫn HS hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS thực hiện theo bảng</p>	

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:

STT	Tên tác giả	Tên tác phẩm	Thể loại		
1	Lê Hữu Trác	Vào phủ chúa Trịnh(Trích <i>Thượng kinh kí sự</i>)	-Kí sự		
2	Hồ Xuân Hương	Tự tình (bài 2)	-Thơ TNBCĐL		
3	Nguyễn Khuyến	Câu cá mùa thu Độc thêm: Khóc Dương Khuê.	-Thơ TNBCĐL -Thơ lục bát		
		Thương vợ	Thơ		

4	Trần Tế Xương	Độc thêm: Vịnh khoa thi Hương	TNBCĐL.		
5	Nguyễn Công Trứ	Bài ca ngất ngưởng	Hát nói		

6	Cao Bá Quát	Bài ca ngắn đi trên bãi cát	Ca hành		
7	Nguyễn Đình Chiểu	Lẽ ghét thương (Trích Lục Vân Tiên) Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Độc thêm; Chạy giặc.	-Thơ lục bát. -Văn tế. -TNBCĐ L		

8	Chu Mạnh Trinh	Độc thêm: Bài ca phong cảnh Hương Sơn	Ca trù	thức => Ghi	
9	Ngô Thì Nhậm	Chiếu cầu hiền	Thể chiếu		

10	Nguyễn Trường Tộ	Đọc thêm: Xin lập khoa luật (Trích <i>Tế cấp bát điều</i>)	Điều trần.
Tổng số:	10 tác giả	05: Đọc thêm	09 thẻ loại
		09: Đọc văn	
		14 tác phẩm.	

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến

lên bảng	
Hoạt động 2: Hướng dẫn HS Ôn tập về nội dung VHTĐ a) Mục tiêu: HS nắm được nội dung chính của văn học trung đại b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: d) Tổ chức thực hiện:	

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1.</u></p> <p>Những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX ?</p> <p>Phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước qua các tác phẩm, đoạn trích đã học ?</p> <p><u>Nhóm 2.</u></p> <p>Vì sao có thể nói văn học ở thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo ?</p> <p>Biểu hiện phong phú của nội dung nhân đạo trong giai đoạn này?</p> <p>Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ?</p> <p><u>Nhóm 3</u></p> <p>- Đoạn trích <i>Vào phủ chúa Trịnh</i> mang giá trị phản ánh và phê phán hiện thực như thế nào?</p> <p>Nhóm 4</p>	<p>II. Ôn tập về nội dung VHTĐ.</p> <p><u>Câu 1 .</u></p> <p>- Nội dung yêu nước trong văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX:</p> <p>- Những biểu hiện mới :</p> <p>- Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước qua các tác phẩm và đoạn trích :</p> <p>+ Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu :</p> <p>+ Văn tế nghĩa sĩ cần giuộc (Nguyễn Đình Chiểu) :</p> <p>+ Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh)</p> <p>+ Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương) :</p> <p>+ Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ) :</p>
---	--

- Giá trị nội dung và nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu?
- Vẻ đẹp bi tráng và bất tử về người nông dân nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

- Nội dung yêu nước trong văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX: là tư tưởng trung quân ái quốc với cảm hứng: ý thức độc lập tự chủ, lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược, lòng tự hào đất nước con người...
- Những biểu hiện mới:
 - + Ý thức về vai trò củ trí thức đối với đất nước (chiếu cầu hiền)

- + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến):

Câu 2:

- Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thế kỉ XXVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, xuất hiện thành trào lưu nhân đạo vì: tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, liên tiếp tập trung vào vấn đề con người.

- Biểu hiện của nội dung nhân đạo:

=> Vấn đề cơ bản của nội dung nhân đạo, hướng vào quyền sống con người (con người trần thế) qua Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương, ý thức về cá nhân đậm

<p>+ Tư tưởng canh tân đất nước (Xin lập khoa luật)</p> <p>+ Mang âm hưởng bi tráng (tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu)</p> <p>+ Tìm hướng đi mới cho cuộc đời trong hoàn cảnh xã hội bế tắc (Bài ca ngắn đi trên bãi cát- Cao Bá Quát)</p> <p>- Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước qua các tác phẩm và đoạn trích :</p> <p>+ Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu : lòng căm thù giặc, nỗi xót xa trước cảnh đất nước bị giặc tàn phá.</p> <p>+ Văn tế nghĩa sĩ cần giuộc (Nguyễn Đình Chiểu) : sự biết ơn với những người đã hi sinh vì Tổ quốc.</p> <p>+ Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh) : ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên đất nước.</p> <p>+ Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương) : lòng căm thù giặc.</p> <p>+ Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ) : canh tân đất nước.</p> <p>+ Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) : ngợi ca vẻ đẹp của quê hương đất nước, đồng thời thể hiện tình yêu nước thầm kín của tác giả.</p> <p>* Nhóm 2</p>	<p>nét(ý thức về quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân), khẳng định con người cá nhân qua các tác phẩm như : Đọc tiểu Thanh kí của Nguyễn Du ; Tự tình của Hồ Xuân Hương ; Bài ca ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ.</p> <p>- <u>Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu :</u></p> <p>+ Truyện Kiều (Nguyễn Du) :</p> <p>+ Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn) :</p> <p>+ Thơ Hồ Xuân Hương</p> <p>+ Truyện Lục Vân Tiên(Nguyễn Đình Chiểu) :</p> <p>+ Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ) :</p> <p>+ Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) :</p> <p>+ Thơ Tú Xương :</p>
--	--

vì : tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, liên tiếp tập trung vào vấn đề con người.

Biểu hiện của nội dung nhân đạo :

- + Sự thương cảm trước bi kịch và đồng cảm trước khát vọng của con người
- + Khẳng định, đề cao nhân phẩm, tài năng, lên án thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người.
- + Đề cao truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc.

- Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu :

- + Truyện Kiều (Nguyễn Du) : đề cao vai trò của tình yêu. Đó là biểu hiện cao nhất của sự đề cao con người cá nhân.

Tình yêu không chỉ đem lại cho con người vẻ đẹp cuộc sống, qua tác phẩm, nhà thơ muốn đặt ra và chống lại định mệnh.

- + Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn) : con người cá nhân được gắn liền với nỗi lo sợ tuổi trẻ, hạnh phúc chóng phai tàn do chiến tranh.

- + Thơ Hồ Xuân Hương : đó là con người cá nhân bản năng khao khát sống, khao khát hạnh phúc, tình yêu đích thực, dám nói lên một cánh thẳng thắn những ước mơ của người phụ nữ bằng cách nói ngang với một cá tính mạnh mẽ.

Câu 3.

Giá trị phản ánh và phê phán hiện thực của đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* (Trích: *Thượng kinh kí sự* - Lê Hữu Trác).

+ Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu): con người cá nhân nghĩa hiệp và hành động theo nho giáo.

+ Bài ca ngất ngưỡng (Nguyễn Công Trứ): con người cá nhân công danh, hưởng lạc ngoài khuôn khổ.

+ Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến): con người cá nhân trống rỗng mất ý nghĩa.

+ Thơ Tú Xương: nụ cười giải thoát cá nhân và sự khẳng định mình.

* Nhóm 3

- Đoạn trích là bức tranh chân thực về cuộc sống nơi phủ chúa, được khắc họa ở hai phương diện:

+ Cuộc sống thâm nghiêm xa hoa, giàu sang.

+ Cuộc sống thiếu sinh khí, yếu ớt.

Một thế giới riêng đầy quyền uy: Những tiếng quát tháo, truyền lệnh, những tiếng dạ ran, những con người oai vệ, những con người khúm núm, sợ sệt...có nhiều cửa gác, mọi việc đều có quan truyền lệnh, chỉ dẫn. Thầy thuốc vào khám bệnh phải chờ, nín thở, khúm núm, lạy tạ.

P phủ chúa là nơi xa hoa, giàu sang vô cùng: từ nơi ở đến tiện nghi, từ vật dụng đến đồ ăn thức uống...nhưng thiếu sinh khí, âm u. Thiếu sự sống, sức sống.

Câu 4.

- Giá trị nội dung thơ văn

Nguyễn Đình Chiểu:

- Giá trị nghệ thuật:

- Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của hình tượng người nông dân - nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*:

+ Bi:

+ Tráng:

Trước Nguyễn Đình Chiểu, VHVN chưa có hình tượng nghệ thuật hoàn chỉnh về người anh

Ngòi bút tả thực điềm đạm, kín đáo nhưng lạnh lùng, thờ ơ, thậm chí coi thường của tác giả sự phê phán sâu sắc của Hải Thượng Lãn Ông.

*** Nhóm 4**

- Giá trị nội dung thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: Đề cao đạo lí nhân nghĩa, yêu nước chống giặc ngoại xâm.

- Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức - trữ tình. Màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật.

- Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của hình tượng người nông dân - nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*:

+ Bi: Gợi lên qua cuộc sống vất vả, lam lũ. Nỗi đau buồn, thương tiếc trước sự mất mát, hi sinh và tiếng khóc đau thương của người còn sống. + Tráng: Lòng căm thù giặc, lòng yêu nước, hành động quả cảm, anh hùng của nghĩa sĩ. Tạo nên tiếng khóc lớn lao, cao cả.

HS điền vào bảng hệ thống theo định hướng của GV.

hùng nông dân nghĩa sĩ. Sau Nguyễn Đình Chiểu rất lâu cũng chưa có một hình tượng nghệ thuật nào như thế. Vì vậy lần đầu tiên trong VHDT có một tượng đài bi tráng và bất tử về người nông dân nghĩa sĩ

Đặc điểm thi pháp	Nội dung biểu hiện.
Tư duy nghệ thuật	Theo kiểu mẫu, công thức, hình ảnh ước lệ, tượng trưng,

Quan niệm thẩm mỹ	Hướng về cái đẹp trong quá khứ, thiên về cái tao nhã, cao cả, ưa sử dụng điển tích, điển cố, thi liệu, thi liệu Hán học.	
Bút pháp	Thiên về ước lệ, tượng trưng, gợi nhiều hơn tả.	
Thể loại	Ký sự, thơ TNBCĐL, lục bát, hát nói, ca trù, văn tế, ca hành, chiếu, điều trần.	
<p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>		
<p>Hoạt động 4: Hướng dẫn HS ôn tập về thi pháp.</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>		
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: HS điền vào bảng hệ thống theo định hướng của GV.</p>		<p>1. <u>Một số đặc điểm quan trọng và cơ bản về thi pháp (đặc điểm nghệ thuật) của VHTĐ VN.</u></p>

<p>* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy</p>	Đặc điểm thi pháp	Nội dung biểu hiện.

nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

GV: Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.

- Thơ Nguyễn Khuyến, thơ Hồ Xuân Hương.

+ Hình thức: Thơ Nôm đường luật TNBC.

+ Sáng tạo: Thi đề, hình ảnh, từ ngữ, tính ước lệ.

- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc: Đảm bảo nghiêm ngặt thể loại văn tế, nhưng mang tinh thần thời

2. Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.

- Thơ Nguyễn Khuyến, thơ Hồ Xuân Hương.

- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:

- Thượng kinh kí sự. Bài ca ngất ngưỡng. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Sa hành đoản ca. Chiều cầu hiền. Tế cấp bát điều.

đại, mang tính hiện đại, vượt hơn hẳn những bài văn tế thông thường.

- Thượng kinh kí sự. Bài ca ngất ngưỡng. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Sa hành đoản ca. Chiều cầu hiền. Tế cấp bát điều.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.
- b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh *Trả lời:*

ĐÁP ÁN

[1]='b'

[2]='b'

[3]='c' [4]='d'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Nhận xét nào trong các nhận xét sau nói đúng về thể thơ hát nói?

- a. Hát nói trong văn học trung đại Việt Nam chính là hát ca trù.
- b. Hát nói là một trong những điệu chủ đạo của hát ca trù.
- c. Hát nói trong văn học trung đại Việt Nam chính là hát xẩm.
- d. Hát nói là một trong những điệu chủ đạo của hát đối đáp.

Câu hỏi 2: Dòng nào nêu đúng các nhà thơ trung đại “ *công khai khẳng định cá tính độc đáo của mình. Thơ văn của họ thể hiện sự bức bối của lịch sử muốn tung phá*

cái khuôn khổ trật hẹp, tù túng và giả dối của chế độ phong kiến trong thời suy thoái”?

- a. Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu.
- b. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát.
- c. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến.
- d. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu.

Câu hỏi 3: Dòng nêu đúng những biểu hiện của sự phân hoá trong văn học Việt Nam 1900 – 1945 ?

- a. Thể loại phong phú và đội ngũ tác giả đông đảo.
- b. Nhiều thành tựu nổi bật và nhiều thể loại mới xuất hiện.
- c. Nhiều bộ phận văn học và nhiều khuynh hướng thẩm mỹ.
- d. Nhiều tác giả có cá tính và cái tôi thể hiện đậm nét.

Câu hỏi 4: Yếu tố nào cho thấy rõ nhất dấu vết của tiểu thuyết trung đại? a. Sử dụng nhiều từ Hán Việt.

- b. Nhiều điển tích, điển cố.
- c. Nhiều hình ảnh ước lệ, tượng trưng.
- d. Kết cấu chương hồi và kết thúc có hậu.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1 / Mạch cảm xúc của bài thơ : Cô đơn- buồn chán- thách thức duyên phận-phẫn uất. Phẫn kháng- chán ngán, chấp nhận.

2 / *Hồng nhan* là nhan sắc người phụ nữ đẹp thường đi với đa truân hay bạc mệnh.

Hai thành ngữ có từ *hồng nhan* : hồng nhan đa truân ; hồng nhan bạc mệnh.

3/ Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : Nhà thơ đã Việt hóa thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật: cách dùng từ giản dị, dân dã, ý thức sử dụng sáng tạo các thành ngữ, tục ngữ, lối đảo từ, điệp từ, dùng từ mạnh.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Bài thơ là tiếng nói đau buồn, phần uất của nhà thơ trước duyên phận bất hạnh, gắng gượng vươn lên đầy bản lĩnh nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Đồng thời, bài thơ còn thể hiện khát vọng tự do, khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc cháy bỏng của nữ sĩ, của người phụ nữ tài hoa bạc mệnh, đa truân trong xã hội phong kiến .

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc bài thơ Tự tình II, Hồ Xuân Hương và trả lời câu hỏi 1/ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ?

2/ Em hiểu từ *hồng nhan* là gì ? Ghi lại 2 thành ngữ có từ *hồng nhan*.

3/Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì ?

4/ Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) trình bày ý nghĩa nhân văn của bài thơ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài

-Gv chốt lại: Nội dung cơ bản

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 24:

THAO TÁC LẬP LUẬN SO SÁNH I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Xác định đúng các thao tác lập luận so sánh trong những ngữ liệu cho trước

- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận so sánh
- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn GV đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.
- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.
- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu và HS trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

"Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi. Hai bài văn: hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Bài ca của Nguyễn Trãi là khúc ca khái hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang: "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia..."

(Trích trong bài "Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc" của tác giả Phạm Văn Đồng.)

Người viết đã so sánh *Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* với tác phẩm nào? Câu văn nào nói lên điều đó?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Trong bài văn nghị luận, để thuyết phục người đọc, người nghe tin và làm theo những gì mình định gởi gắm, cần sử dụng nhiều thao tác lập luận. Bên cạnh thao tác lập luận phân tích, lập luận so sánh được sử dụng khá nhiều và có những mục đích, hiệu quả riêng. Bài học hôm nay làm rõ những vấn đề trên.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu về thao tác lập luận so sánh

- a) **Mục tiêu:** Biết các thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Thao tác 1: GV hỏi Thế nào là so sánh? Trong cuộc sống chúng ta hay dùng so sánh không? So sánh để làm gì?</p> <p>* Thao tác 2 :</p> <p>Hướng dẫn HS làm bài tập và trả lời câu hỏi SGK bằng trao đổi thảo luận nhóm.</p> <p>Nhóm 1:</p> <p>Đọc đoạn trích và trả lời: Đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh là gì?</p> <p><u>Nhóm 2 .</u></p> <p>Điểm giống và khác nhau giữa đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh.</p> <p><u>Nhóm 3 .</u></p> <p>Phân tích mục đích so sánh trong đoạn trích?</p> <p><u>Nhóm 4.</u></p> <p>Mục đích và yêu cầu của thao tác so sánh?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p>	<p>I. Tìm hiểu bài:</p> <p>1. Khái niệm so sánh.</p> <p>2. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận so sánh.</p> <p>a. Tìm hiểu ngữ liệu:</p> <p><u>Câu 1.</u> Đối tượng được so sánh:</p> <p><u>Câu 2.</u> Điểm giống và khác nhau.</p> <p><u>Câu 3 .</u> Mục đích so sánh trong đoạn trích.</p>

<p>Kết quả mong đợi:</p> <p>Nhóm 1 trình bày:</p> <p>Đối tượng được so sánh: Bài văn <i>Chiêu hồn</i>. Đối tượng so sánh: <i>Chinh phụ ngâm</i>, <i>Cung oán ngâm khúc</i>, <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>Nhóm 2 trình bày:</p> <p>+ Giống: Đề bài về con người.</p> <p>+ Khác: <i>Chinh phụ ngâm</i>, <i>Cung oán ngâm khúc</i>, <i>Truyện Kiều</i> đều bàn về con người ở cõi sống, văn <i>Chiêu hồn</i> bàn về con người ở cõi chết.</p> <p>Nhóm 3 trình bày:</p> <p>- Nhằm làm sáng tỏ, vững chắc hơn lập luận của mình. Qua so sánh người đọc thấy cụ thể hơn, sinh động hơn ý của tác giả.</p> <p>Nhóm 4 trình bày:</p> <p>- Mục đích của so sánh là làm sáng rõ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác.</p> <p>- Yêu cầu của so sánh: Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến của người viết.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p>	<p>b. Kết luận.</p> <p>- Mục đích của so sánh :</p> <p>- Yêu cầu của so sánh:</p>
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu cách so sánh

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được cách so sánh
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hỏi:

- *Nguyễn Tuân so sánh quan niệm "soi đường" của Ngô Tất Tố với những quan niệm nào?*

- *Căn cứ để so sánh là gì?*

- *Mục đích của so sánh là gì?*

- *Có những cách so sánh nào?*

HS đọc mục II trong SGK và trả lời câu hỏi theo cặp.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo**3. Cách so sánh.****a. Tìm hiểu ngữ liệu:**

- Câu 1 .

- Câu 2 . Căn cứ so sánh:

- Câu 3 . Mục đích của so sánh: .

luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

Nguyễn Tuân so sánh quan niệm "soi đường" của Ngô Tất Tố với những quan niệm sau:

+ Quan niệm của những người chủ trương "cải lương hương ẩm" cho rằng chỉ cần bài trừ hủ tục là đời sống nông dân sẽ được nâng cao. + Quan niệm của những người hoài cổ cho rằng chỉ cần trở về với đời sống thuần phác, trong sạch như ngày xưa là đời sống của những người nông dân sẽ được cải thiện.

Dựa vào sự phát triển tính cách của các nhân vật trong "Tắt đèn", với các nhân vật khác trong một số tác phẩm cùng viết về đề tài nông thôn thời kì ấy- nhưng viết theo chủ trương *cải lương hương ẩm* hoặc *ngư ngư tiểu tiểu canh canh mục mục*.

Chỉ ra ảo tưởng của hai quan niệm trên để làm nổi bật cái đúng của Ngô Tất Tố:

Người nông dân phải đứng lên chống lại kẻ bóc lột mình, áp bức mình.

- Có 2 cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.

b. Kết luận:

- Có 2 cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.

- Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến quan điểm của người nói (người viết)

4. Ghi nhớ: SGK

<p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 4: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV:</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Câu 1 Nhóm 2: Câu 2 Nhóm 3: Câu 3</p> <p>* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p>	<p>II. Luyện tập:</p> <p>Đoạn trích Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.</p> <p>1) Tác giả đã ss “ Bắc” với “Nam” về những mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hiến (vốn xưng... đã lâu) - Lãnh thổ (núi sông... đã chia) - Phong tục (phong tục.. khác) - Chính quyền riêng (từ Triệu... một phương) - Hào kiệt (song hào kiệt... có) <p>2) Về mọi mặt, nước Đại Việt ta đều có từ trước, đủ tư cách là một nước có độc lập, chủ quyền,</p>

<p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>Câu 1: Tác giả so sánh Bắc và Nam.</p> <p>Giống: cả hai đều có lãnh thổ, văn hóa, phong tục, chính quyền, hào kiệt... Khác:</p> <p>+ Văn hóa: vốn xung nền văn hiến đã lâu.</p> <p>+ Lãnh thổ: núi sông bờ cõi đã chia.</p> <p>+ Phong tục: bắc nam cũng khác.</p> <p>+ Chính quyền riêng: từ Triệu, Đinh....một phương.</p> <p>+ Hào kiệt: song hào kiệt đời nào cũng có.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>Từ sự so sánh đó khẳng định Đại Việt là một nước độc lập, tự chủ, ý đồ xâm lược của phương Bắc là trái đạo lí, đạo trời</p> <p>Nhóm 3</p> <p>Đây là đoạn văn so sánh mẫu mực có sức thuyết phục cao.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>ngang hàng và không hề thua kém các triều đại Trung Hoa</p> <p>3) Đoạn văn có sức thuyết phục mạnh mẽ, đem đến cho người đọc niềm tin và niềm tự hào dân tộc.</p>
<p>học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.
- b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi
- c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

Trả lời:

Gợi ý: Thuộc thao tác lập luận so sánh tương đồng. Bởi vì:

- Thể dục đối với cơ thể giúp cơ thể được vận động, tránh được sức ỳ, tạo ra sự lành mạnh về thể chất.
- Cuốn sách hay chưa đựng nhiều vấn đề, buộc con người phải suy nghĩ, động não, tìm tòi.
- Vậy giống như thể dục đối với cơ thể, đọc cuốn sách hay giúp con người rèn luyện trí nhớ, tăng sức sáng tạo.
- Thể dục đối với cơ thể giúp khỏe mạnh về thể chất, đọc sách hay giúp con người phát triển về trí tuệ.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu nói sau thuộc dạng thao tác lập luận so sánh gì? Vì sao?

Đọc cuốn sách hay đối với trí tuệ giống như thể dục đối với cơ thể.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

- “Vinh” là vinh quang, vinh danh được mọi người ca ngợi, kính phục >< Nhục là nhục nhã, bị coi thường, sỉ vả.
- Vinh quang chỉ dành cho những gì cao cả, chân chính >< Nhục chỉ dành cho kẻ hèn hạ, xấu xa.
- Vinh quang giúp con người thấy tự tin, hạnh phúc, động viên con người tiếp tục hướng thiện >< Nhục nhã làm con người xấu hổ, đôi khi dẫn đến tự ti, mặc cảm.
- Con người phải biết làm điều thiện để nhận được vinh quang, tránh điều nhục nhã.
- Biết vượt qua sự mặc cảm tạm thời để hướng thiện

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “Vinh và nhục”. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- HS tự tóm tắt những nội dung chính
- Gv chốt lại: Mục đích, yêu cầu, cách so sánh của thao tác lập luận so sánh

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tiết 25 Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

TRẢ BÀI SỐ 2

I Mục tiêu

1.Kiến thức:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng viết văn nghị luận
- Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản có đủ bộ cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung

3. Thái độ, phẩm chất:

- Thái độ: Có tình cảm chân thành trước những vấn đề có ý nghĩa trong cuộc sống - Phẩm chất: Sống yêu thương, sống tự chủ và sống trách nhiệm...

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung:
- + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông - Năng lực riêng:
- + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
- + Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
- + Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

III. Chuẩn bị

1/Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2 /Chuẩn bị của học sinh

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Không**3. Tổ chức dạy và học bài mới:****Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học**

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt.
------------------------	------------------

<p>Hoạt động 1: Khởi động</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu một vài hình ảnh về việc thi cử và những hình ảnh gian lận khi thi của học sinh</p> <p>Yêu cầu HS xem hình ảnh đoán sự việc diễn ra</p> <p>Nhóm nào đoán đúng sẽ là nhóm thắng cuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.
--	---

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: suy nghĩ trả lời câu hỏi</p> <p>GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p> <p>HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận.</p> <p>GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>- Từ đó GV giới thiệu vào bài mới: <i>Ở tiết trước, các em đã được viết bài văn nghị luận xã hội. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ được nhìn nhận lại những điểm mạnh và điểm yếu trong bài viết của mình.</i></p>	
---	--

<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p> <p><i>Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm văn.</i></p> <p>- <i>Mục tiêu: Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình.</i></p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi</i></p>	<p>I. Sửa chữa bài làm :</p> <p>1. Yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề bài yêu cầu tạo lập văn bản nghị luận xã hội - Các ý phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý; phân tích triển khai các ý để bài viết không đơn điệu, khô khan.
---	--

<p>- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân -</p> <p>Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>- Lời văn phải đạt yêu cầu về ngữ pháp, tránh lặp từ.</p> <p>2. Lập dàn ý:</p> <p>2.1. Mở bài:</p>
---	--

<p>- Giáo viên chép đề lên bảng, yêu cầu học sinh phân tích đề và lập dàn ý, từ đó, giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét bài làm của học sinh, giúp học sinh chữa lỗi.</p>	<p>Giới thiệu bài thơ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Bi kịch duyên phận và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.</p> <p>2.2. Thân bài:</p> <p>* Hai câu đề: Nỗi buồn tủi của nhân vật trữ tình.</p> <p>- Câu phá đề:</p> <p>+ Mở ra thời gian đêm khuya, gọi không gian vắng vẻ, mênh mông</p> <p>+ Đây còn là không gian, thời gian của tâm trạng: nhịp trống gấp gáp liên hồi thể hiện bước đi dồn dập của thời gian, sự rối bời của tâm trạng</p> <p>- Câu thơ thứ hai:</p> <p>+ Từ <i>trơ</i> đầu câu và nhịp thơ 1/3/3: nhấn mạnh sự tủi hổ, bề bàng</p> <p>+ Hai chữ <i>hồng nhan</i> chỉ nhan sắc người phụ nữ đi cùng chữ <i>cái</i> rẻ rúng, mỉa mai, gọi lên nỗi xót xa, đau đớn thấm thía</p> <p>+ Bên cạnh nỗi đau, còn thấy bản lĩnh của Xuân Hương: bền gan, thách đố</p> <p>* Hai câu thực: Nỗi bế tắc</p> <p>- Tìm đến rượu để quên đời, nhưng không quên được, hương rượu đắng chát, hương tình thoảng qua chỉ còn</p>
---	---

	<p>phận hẩm duyên ôi; tìm đến vàng trắng để mong tìm tri âm, chia sẻ nhưng chỉ thấy đêm tàn, trăng khuyết, tuổi xuân trôi qua mà tình duyên không trọn vẹn</p> <p>- Cảm hứng về nỗi đau còn có nét tích cực hơn: mơ ước hạnh phúc, vàng trắng sẽ có ngày tròn, duyên phận sẽ được toại nguyện.</p> <p>* Hai câu luận: Phản kháng và khát vọng</p> <p>- Cảnh thiên nhiên được cảm nhận qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phẫn uất. Những sinh vật bé nhỏ, hèn mọn không chịu mềm yếu, đã rắn chắc lại càng rắn chắc hơn; cảnh như nổi loạn, như phản kháng, như muốn vạch đất, xé trời mà oán thán</p> <p>- Nỗi phẫn uất và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc không kìm nén được đã trào ra, truyền vào cảnh vật, tạo nên sự trỗi dậy mạnh mẽ của cảnh vật. Trong lòng nữ sĩ bùng lên sự phản kháng, không chịu khuất phục, muốn vùng vẫy thoát khỏi hiện thực vươn tới cuộc sống đáng sống hơn, ngay cả trong tình huống bị thương.</p>
--	---

	<p>* Hai câu kết: Nỗi chán chường.</p> <p>- "Ngán" là chán ngán, ngán ngẫm, ngán nỗi đời éo le, bạc bẽo. Mùa xuân đi rồi sẽ trở lại với thiên nhiên đất trời, nhưng tuổi xuân con người sẽ không bao giờ trở lại, tạo hóa thật bất công với con người.</p> <p>- Nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn, thật xót xa, tội nghiệp; nỗi thất vọng của một tâm hồn khát sống khát yêu.</p> <p>2.3. Kết bài:</p> <p>- Bài thơ mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện tiếng lòng của một cái tôi đa tình và khát khao hạnh phúc. - Bài thơ cũng xho thấy tài năng nghệ thuật thơ Nôm của Hồ Xuân Hương: thơ Đường viết bằng tiếng Việt, từ ngữ, hình ảnh giản dị, giàu sức biểu cảm, táo bạo mà tinh tế.</p>
<p>Hoạt động 3: Vận dụng</p> <p><i>Giáo viên rút kinh nghiệm về cách làm bài văn nghị luận xã hội</i></p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh rút kinh nghiệm, có kỹ năng làm bài tốt hơn.</i></p>	<p>II . Nhận xét về ưu khuyết điểm.</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <p>- Một số bài viết thể hiện được suy nghĩ cá nhân sâu sắc.</p>

<p>- <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i></p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức: học sinh hoạt động độc lập.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt vấn đề để học sinh tự nhận thức được những ưu, khuyết điểm, đưa ra những kinh nghiệm làm bài văn nghị luận</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: Tự rút ra những kinh nghiệm mình có được qua phần sửa chữa, nhận xét của giáo viên.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trình bày những kinh nghiệm đề rèn kỹ năng làm bài văn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv: Nhận xét. Chốt kiến thức</p>	<p>- Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp.</p> <p>2. Khuyết điểm:</p> <p>- Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân.</p> <p>- Nhiều bài trình bày cầu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ.</p> <p>3. Đọc bài làm tốt.</p> <p>4. Trả bài:</p> <p>- Tiếp thu ý kiến của HS.</p> <p>- Chỉnh sửa (nếu có)</p>
<p>Hoạt động 5: Mở rộng</p> <p>B1: GV giao nhiệm vụ cho HS (thực hiện ở nhà) Sưu tầm những câu ca dao, câu thơ về việc học tập và thi cử để làm tư liệu học tập.</p> <p>B2: HS làm bài tập ở nhà</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>
<p>B3: HS nộp sản phẩm trong tiết học sau.</p>	

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học. Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học từ đầu XX đến 8-1945. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

- Những đặc điểm cơ bản làm nên diện mạo và bản chất một nền văn học mới.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
 - Sơ đồ tranh, ảnh về VHVN từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/ Trò

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

+ Nhìn hình đoán tác giả

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả - **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Có thể nói VHVN là một nền văn học*

thống nhất, luôn vận động và phát triển theo những quy luật riêng. Các nhà nghiên cứu VH đã thống nhất trong việc phân kì văn học Việt Nam thành các thời kì, giai đoạn khác nhau. Mỗi thời kì, mỗi giai đoạn vận động và phát triển khác nhau, chịu sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử, xã hội. Vậy thời kì VHVN từ đầu thế kỉ XX đến CM8/1945 đã ra đời và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử, xã hội như thế nào? Đặc điểm và những thành tựu của nó ra sao? Tại sao nó được gọi là nền VH hiện đại ? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ điều đó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa

- a) **Mục tiêu:** Biết các đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945.
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV: Đọc trang 82, 83 và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Hoàn cảnh lịch sử văn hóa VN trong thời kì gần nửa TK ấy có những nét chính gì?</p> <p>2. Ảnh hưởng của những đặc điểm ấy đối với việc hình thành và phát triển nền VH nước ta?</p> <p>3. Hiện đại hóa là gì? Nội dung và tiến trình hiện đại hóa VHVN diễn ra như thế nào?</p> <p>4. Dựa vào SGK trang 83, 84, trình bày tóm tắt quá trình HĐH của VHVN. Các giai đoạn trên khác nhau ở những điểm nào? Nêu tên ở mỗi giai đoạn một vài tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p>	<p>I. Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945.</p> <p>1. Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa.</p> <p>- <u>Khái niệm hiện đại hoá</u> : <u>hiện đại hoá</u> : được hiểu là quá trình làm cho văn học thoát ra khỏi hệ thống thi pháp VHTĐ và đổi mới theo hình thức của văn học phương Tây, có thể hội nhập với nền văn học trên thế giới.</p> <p>- Cơ sở xã hội:</p> <p>- Quá trình hiện đại hóa diễn ra qua 3 giai đoạn.</p>
---	--

Kết quả mong đợi:

1. - Cơ sở xã hội:

+ Đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp xâm lược và đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, làm cho xã hội nước ta có nhiều thay đổi: xuất hiện nhiều đô thị và nhiều tầng lớp mới, nhu cầu thẩm mĩ cũng thay đổi.

+ Nền văn học dần thoát khỏi sự ảnh hưởng của văn học Trung Hoa và dần hội nhập với nền văn học phương tây mà cụ thể là nền văn học nước Pháp.

+ Chữ quốc ngữ ra đời thay cho chữ Hán và chữ Nôm.

+ Nghề báo in xuất bản ra đời và phát triển khiến cho đời sống văn hóa trở nên sôi nổi.

2. a/ Giai đoạn 1 : Từ đầu thế kỉ XX đến khoảng năm 1920.

- Chữ quốc ngữ được truyền bá rộng rãi, tác động đến việc ra đời của văn xuôi.

- Báo chí và phong trào dịch thuật phát triển giúp cho câu văn xuôi và nghệ thuật tiếng Việt trưởng thành và phát triển.

- Những thành tựu đạt được là sự xuất hiện của văn xuôi và truyện kí ở miền Nam.

- Thành tựu chính của văn học trong giai đoạn này vẫn thuộc về bộ phận văn học yêu

a/ Giai đoạn 1 : Từ đầu thế kỉ XX đến khoảng năm 1920.

→ Nhìn chung văn học chưa thoát khỏi hệ thống văn học trung đại.

nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế....

→ Nhìn chung văn học chưa thoát khỏi hệ thống văn học trung đại.

b/ Giai đoạn 2: Từ 1920 đến 1930.

Quá trình hiện đại hóa đạt được nhiều thành tích với sự xuất hiện của các thể loại văn học hiện đại và hiện đại hóa của các thể loại truyền thống: tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách..., truyện ngắn: Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tồn..., thơ: Tản Đà, Trần Tuấn Khải..., kí: Phạm Quỳnh, Trương Phổ, Đông Hồ...đều phát triển.

c/ Giai đoạn 3 : Từ 1930 đến 1945.

Có sự cách tân sâu sắc ở nhiều thể loại, đặc biệt là tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phóng sự, phê bình ra đời và đạt được nhiều thành tựu.

Về thơ có phong trào thơ mới.

Tiểu thuyết có nhóm Tự Lực văn đoàn.

Truyện ngắn có: Nguyễn Công Hoan, Nam

Cao,...

Phóng sự có Tam Lang, Vũ Trọng Phụng,...

Bút kí, tùy bút: Xuân Diệu, Nguyễn Tuân,...

b/ Giai đoạn 2: Từ 1920 đến 1930.

c/ Giai đoạn 3 : Từ 1930 đến 1945.

<p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>1. VHVN chia làm mấy bộ phận? Vì sao có sự phân chia ấy? Căn cứ để phân chia?</p> <p>+ Những biểu hiện của việc phát triển mau lẹ, nhanh chóng là gì? Nguyên nhân?</p> <p>+ Trình bày những bộ phận của VH giai đoạn này?</p> <p>+ Bộ phận VH công khai chia thành mấy xu hướng? Kể tên, nêu đặc điểm ?</p>	<p>2. Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển.</p>

2. GV: Những biểu hiện của tốc độ phát triển VH là gì? Vì sao VHVN phát triển vượt bậc như vậy?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
- + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

1.

2.1. Bộ phận VH công khai là văn học hợp pháp tồn tại trong vòng luật pháp của chính quyền thực dân phong kiến. Những tác phẩm này có tính dân tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân.

Phân hóa thành nhiều xu hướng:

- + Xu hướng văn học lãng mạn.

*Nội dung: Thể hiện cái tôi trữ tình đầy cảm xúc, những khát vọng và ước mơ.

*Đề tài: Thiên nhiên, tình yêu và tôn giáo

*Thể loại: Thơ và văn xuôi trữ tình.

2.1. Bộ phận VH công khai là văn học hợp pháp tồn tại trong vòng luật pháp của chính quyền thực dân phong kiến. Những tác phẩm này có tính dân tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân. Phân hóa thành nhiều xu hướng:

- + Xu hướng văn học lãng mạn.

*Nội dung:

*Đề tài:

*Thể loại:

- + Xu hướng văn học hiện thực.

*Nội dung:

*Đề tài:

*Thể loại:

2.2. Bộ phận VH không công khai là văn học cách mạng, phải

+ Xu hướng văn học hiện thực.

*Nội dung: Phản ánh hiện thực thông qua những hình tượng điển hình.

*Đề tài: Những vấn đề xã hội

*Thể loại: Tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự.

2.2. Bộ phận VH không công khai là văn học cách mạng, phải lưu hành bí mật. Đây là bộ phận của văn học cách mạng và nó trở thành dòng chủ của văn học sau này.

- Nội dung:

*Đấu tranh chống thực dân và tay sai

*Thể hiện nguyện vọng của dân tộc là độc lập tự do.

*Biểu lộ nhiệt tình vì đất nước.

- Nghệ thuật:

*Hình tượng trung tâm là người chiến sĩ

*Chủ yếu là văn vần.

Hai bộ phận văn học trên có sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mỹ.

2.

- VH phát triển mau lẹ cả về số lượng và chất lượng

- Nguyên nhân:

+ Sức sống văn hoá mãnh liệt mà hạt nhân là lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, biện hiện rõ

lưu hành bí mật. Đây là bộ phận của văn học cách mạng và nó trở thành dòng chủ của văn học sau này.

- Nội dung:

- Nghệ thuật:

Hai bộ phận văn học trên có sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mỹ.

3. Văn học phát triển với tốc độ hết sức nhanh chóng .

- VH phát triển mau lẹ cả về số lượng và chất lượng - Nguyên nhân:

<p>nhất là sự trưởng thành và phát triển của tiếng Việt và văn chương Việt.</p> <p>+ Ngoài ra phải kể đến sự thức tỉnh ý thức cá nhân của tầng lớp trí thức Tây học.</p> <p>+ Còn một lí do rất thiết thực: sự thúc bách của thời đại (Lúc này văn chương trở thành một thứ hàng hoá và viết văn là một nghề có thể kiếm sống).</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 4: Tìm hiểu những thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến CM/8.1945 .</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những những thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến CM/8.1945.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV: Những truyền thống tư tưởng lớn của lịch sử VH VN là gì? VH thời kì này có đóng góp gì mới về tư tưởng?</p> <p>- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm.</p>	<p>II.Thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến CM/8.1945 .</p> <p>1. Về nội dung, tư tưởng:</p>

<p>+ Nhóm lớn: 3 nhóm</p> <p>+ Thời gian: 5 phút</p> <p>- GV phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1: Các thể loại VH mới xuất hiện ở thời kì này là gì?</p> <p>+ Nhóm 2: Tiểu thuyết hiện đại khác truyện thơ Nôm thời trung đại như thế nào? Nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng cụ thể</p> <p>+ Nhóm 3: Thơ hiện đại khác thơ thời trung đại như thế nào? Nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng cụ thể</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>- Các thể loại văn xuôi phát triển đặc biệt là tiểu thuyết và truyện ngắn.</p> <p>+ Tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ ra đời. đến những năm 30 được đẩy lên một bước mới.</p>	<p>- VHVN vẫn tiếp tục phát huy 2 truyền thống lớn của văn học dân tộc: Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo.</p> <p>→ Nhân tố mới: Phát huy trên tinh thần dân chủ.</p> <p>- Lòng yêu nước gắn liền với quê hương đất nước, trân trọng truyền thống văn hóa dân tộc, ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước, lòng yêu nước gắn liền với tinh thần quốc tế vô sản.</p> <p>Chủ nghĩa nhân đạo gắn với sự thức tỉnh ý thức cá nhân của người cầm bút.</p> <p>2. Về hình thức thể loại và ngôn ngữ văn học:</p> <p>- Các thể loại văn xuôi phát triển đặc biệt là tiểu thuyết và truyện ngắn.</p>
--	--

- + Truyện ngắn đạt được thành tựu phong phú và vững chắc.
- + Phóng sự ra đời đầu những năm 30 và phát triển mạnh.
- + Bút kí, tuỳ bút, kịch, phê bình VH phát triển.
- Thơ ca: Là một trong những thành tựu VH lớn nhất thời kì này.

*** Nhóm 2**

Tiểu thuyết cổ điển	Tiểu thuyết hiện đại
<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài, cốt truyện: vay mượn. - Kể theo trật tự thời gian - Nhân vật: phân tuyến rạch ròi, thể hiện tâm lí theo hành vi bên ngoài - Chú trọng cốt truyện li kì. - Tả cảnh, tả người theo lối ước lệ. - Kết cấu tác phẩm: chương hồi. - Kết thúc tác phẩm: Có hậu. - Lời văn biến ngẫu. 	<p>Xoá bỏ những đặc điểm của tiểu thuyết trung đại</p>

- Thơ ca: Là một trong những thành tựu VH lớn nhất thời kì này.

*** Bảng so sánh:**

Tiểu thuyết cổ điển	Tiểu thuyết hiện đại
Thơ trung đại	Thơ hiện đại

- Lí luận phê bình.
- Ngôn ngữ, cách thể hiện, diễn đạt, trình bày.

*** Nhóm 3**

Thơ trung đại	Thơ hiện đại
Mang đầy đủ những đặc điểm thi pháp VH trung đại.	- Phá bỏ các quy phạm chặt chẽ. - Thoát khỏi hệ thống ước lệ mang tính phi ngã.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

+ Dẫn thoát li chữ Hán, chữ Nôm, lối diễn đạt công thức, ước lệ, tượng trưng, điển cố, qui phạm nghiêm ngặt của VHTĐ. Kế thừa tinh hoa của truyền thống văn học trước đó.

- Mở ra một thời kì

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='b'

[2]='a' [3]='b'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất danh mục thể loại có thành tựu xuất sắc trong giai đoạn thứ ba (khoảng 1930 – 1945) của quá trình hiện đại hóa văn học?

- a. Tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, phê bình văn học, tùy bút.
- b. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phê bình văn học, tùy bút.
- c. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phê bình văn học, kịch.
- d. Tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phê bình văn học, văn chính luận.

Câu hỏi 2: Sự khác biệt chủ yếu và quan trọng nhất giữa hai bộ phận văn học phát triển hợp pháp và văn học phát triển bất hợp pháp là gì?

- a. Có hoặc không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp chế độ thực dân.
- b. Được hoặc không được đăng tải công khai.
- c. Có hoặc không có điều kiện đầu tư công sức vào nghệ thuật.
- d. Có hoặc chưa có những đóng góp mang ý nghĩa quyết định đối với quá trình hiện đại hóa văn học thời kì này.

Câu hỏi 3: Đặc điểm nào sau đây gắn liền với quan điểm nghệ thuật của các nhà văn thuộc bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp?

- a. Là nhà văn của những nhà văn chiến sĩ.
- b. Xem văn chương là vũ khí chiến đấu, vận động cách mạng.
- c. Hình tượng trung tâm là người chiến sĩ cách mạng.
- d. Không có điều kiện gọt giũa về nghệ thuật.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Xu hướng	Xu hướng lãng mạn	Xu hướng hiện thực	Xu hướng cách mạng
----------	-------------------	--------------------	--------------------

<i>Nội dung</i>			
<i>Đề tài:</i>			
<i>Thể loại:</i>			
<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.</p>			

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài

-Gv chốt lại: Đặc điểm của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 28,29:

HAI ĐỨA TRẺ

- Thạch Lam-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nêu được tiểu sử tác giả, hoàn cảnh sáng tác, phong cách nghệ thuật của nhà văn... - Hiểu được sự cảm thông sâu sắc của Thạch Lam đối với cuộc sống quần quanh, buồn tẻ của những người nghèo phố huyện và sự trân trọng của nhà văn trước những mong ước của họ về cuộc sống tươi sáng hơn.

- Cảm nhận được tình cảm xót thương của Thạch Lam đối với những người phải sống nghèo khổ, quần quanh và sự cảm thông, trân trọng của nhà văn trước mong ước của họ về một cuộc sống tươi sáng hơn.

- Thấy được một vài nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Thạch Lam qua truyện ngắn trữ tình “ Hai đứa trẻ”

2. Năng lực:

-Năng lực giải quyết vấn đề: lí giải hiện tượng đời sống được thể hiện qua tác phẩm: hiện tượng sống mìn mõi, bế tắc; học sinh thể hiện được quan điểm cá nhân khi đánh giá hiện tượng đĩ.

-Năng lực sáng tạo:HS xác định và hiểu được những ý tưởng mà Thạch Lam muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hoạt động thảo luận nhĩm.

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt:HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học- tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Thạch Lam; biết rung động trước đời sống nghèo nàn nơi phố huyện; nhận ra được những giá trị thẩm mỹ của tác phẩm... **3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các ngữ liệu tiêu biểu về phong cách ngôn ngữ chính luận;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2 . Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

+ Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh về nhà văn Thạch Lam, phố Cẩm

Giảng(CNTT)

+ Nhìn hình đoán tác giả *Thạch Lam*

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Văn học giai đoạn thứ 3, từ năm 1930 đến khoảng năm 1945, đã xuất hiện trào lưu lãng mạn chủ nghĩa với những thành tựu nổi bật ở Thơ Mới; tiểu thuyết Tự lực văn đoàn. Có thể nói, trong số các nhà văn Tự lực văn đoàn, Thạch Lam là cây bút tuy đương thời không được chú ý nhiều, nhưng những truyện ngắn của anh có chất lượng nghệ thuật cao, đặc biệt là ở Thạch Lam có nghệ thuật viết truyện nhưng không có cốt truyện, tác phẩm của anh như một bài thơ dài của cảm xúc, tâm trạng. Truyện ngắn “ Hai đứa trẻ” là một trong những tác phẩm như vậy.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn đọc hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

- a) **Mục tiêu:** Biết các thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV: Giới thiệu những nét khái quát về tác giả?</p> <p>+ GV: Qua phần tiêu dẫn kết hợp với việc tìm hiểu về tác giả, em có nhận xét gì về văn chương Thạch Lam?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>Kết quả mong đợi</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p> <p><i>GV Tích hợp kiến thức địa lí, lịch sử để hiểu thêm quê ngoại của Thạch Lam-nơi để lại dấu ấn trong truyện Hai đứa trẻ:</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1 .Tác giả: SGK</p> <p>- Tên khai sinh: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lâm), 1910 – 1942.</p> <p>- Là em ruột của Nhất Linh và Hoàng Đạo. Cả ba người là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn.</p> <p>- Thuở nhỏ, sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương (sau này trở thành không gian nghệ thuật trong các tác phẩm của nhà văn). - Là con người điềm đạm, nồng hậu và rất đổi tinh tế.</p> <p>- Có biệt tài về truyện ngắn.</p> <p>- Truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác nội tâm nhân vật.</p> <p>- Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm, chứa đựng tình cảm chân thành và sự nhạy cảm tinh tế của nhà văn.</p> <p>- Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc.</p>
--	---

<p>++Thị trấn Cẩm Giàng có lịch sử gần bốn trăm năm, trong thư tịch cổ thì gọi là <i>Cẩm Giang (sông Gấm)</i>, về sau vì tránh tên húy của chúa Trịnh Giang nên đổi thành <i>Cẩm Giàng</i>.</p> <p>++Thị trấn Cẩm Giàng có một địa thế là phía Bắc và phía Tây được bao bọc bởi một nhánh của sông Thái Bình (tên sau này) cùng với con đê uốn quanh, tiếp giáp với nền văn hoá quan họ Kinh Bắc đồng thời cũng là điểm giao thoa hai vùng văn hoá hào hiệp, khoa cử xứ Đông. Phía Đông và phía Nam tiếp giáp với những vùng đất màu mỡ. Cẩm Giàng có chiều dài gần một nghìn mét, nằm dọc tuyến đường sắt Hà Nội- Hải Phòng.</p>	<p>2 . Truyện “Hai đứa trẻ”:</p> <p>- Trích trong tập “Nắng trong vườn” (1938).</p> <p>- Tiêu biểu cho truyện ngắn của Thạch Lam, kết hợp giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn.</p> <p>- Bối cảnh truyện: quê ngoại của tác giả - phố huyện, ga xép Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.</p>
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản/Tìm hiểu bức tranh phố huyện lúc chiều tàn</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc thơ và nội dung, ý nghĩa của bức tranh phố huyện lúc chiều tàn.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV hướng dẫn học sinh đọc một số đoạn tiêu biểu</p>	<p>II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN :</p> <p>II. ĐỌC –HIỂU :</p>

- Đọc với giọng nhẹ nhàng êm ái phù hợp với văn phong của Thạch Lam, phù hợp với chất trữ tình của truyện;

- Khi đọc, cần chú ý đến diễn biến tâm trạng buồn thương, day dứt của Liên, nhân vật mang chủ đề của truyện, theo thời gian: chiều buông, đêm xuống, khi đoàn tàu đêm đi qua... GVướng dẫn học sinh tìm hiểu Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn qua các câu hỏi dẫn dắt:

qua các câu hỏi dẫn dắt:

+ **GV:** Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật nào? Cách lựa chọn điểm nhìn miêu tả ấy có tác dụng nghệ thuật gì?

+ **GV:** Tìm những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện lúc chiều tàn (âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đường nét)? Cảnh này gợi cho em những suy nghĩ, xúc cảm gì?

GV Tích hợp kiến thức âm nhạc, hội họa để hướng dẫn học sinh tìm hiểu về âm thanh, màu sắc được miêu tả qua văn bản.

GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt để hướng dẫn học sinh khai thác biện pháp tu từ về từ,

1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn:

a. Bức tranh thiên nhiên nơi phố huyện lúc chiều tàn:

- Âm thanh:

+ Tiếng trống thu không gọi chiều về.

+ Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng.

+ Tiếng muỗi vo ve.

(“Tiếng trống thu không ... trên nền trời”)

- Hình ảnh, màu sắc:

+ “ *Phương tây đỏ rực như lửa cháy*”,

+ “ *Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*”.

- Đường nét: dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời.

biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong văn bản sau:

- Câu *Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn* sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy xác định và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó? - Nêu ý nghĩa nghệ thuật việc tạo nhịp điệu trong các câu văn *Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào.*

- GV : Tìm những chi tiết miêu tả cảnh chợ tan ? - GV: Cùng với cảnh chiều tàn, chợ tan, cảnh những kiếp người nghèo khổ nơi phố huyện được tả ra sao? Em nhận xét gì về cuộc sống của họ?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Bức hoạ đồng quê quen thuộc, bình dị, thơ mộng, gợi cảm, mang cốt cách Việt Nam.

- Câu văn: *điệu êm, nhịp điệu chậm, giàu hình ảnh và nhạc điệu, uyển chuyển, tinh tế*

Người đọc nhìn, nghe, xúc cảm trước một bức tranh quê rất Việt Nam.

b. Cảnh chợ tan và những kiếp người nơi phố huyện:

- Cảnh chợ tàn:

+ Chợ đã vắng từ lâu, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất.

+ Chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía.

- Con người:

<p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p><i>GV Tích hợp Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2014, trong đó có các quyền dành cho trẻ em như:</i></p> <p>Điều 16. Quyền được học tập</p> <p>Điều 17. Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch</p> <p>So sánh với cảnh <i>Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ</i> trong truyện, em thấy mấy đứa trẻ (kể cả chị em Liên và An) có được quyền đó không? Vì sao?</p> <p>+ GV: Trước cảnh chiều tàn, chứng kiến cảnh sống của những con người nghèo khổ, tâm trạng Liên ra sao? Qua việc thể hiện nội tâm của Liên, em hiểu thêm gì về tấm lòng của nhà văn Thạch Lam?</p>	<p>+ <i>Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ.</i></p> <p>+ Mẹ con chị Tí: với cái hàng nước đơn sơ, vắng khách.</p> <p>+ Bà cụ Thi: hơi điên đến mua rượu lúc đêm tối rồi đi lần vào bóng tối.</p> <p>+ Bác Siêu với gánh hàng phở - một thứ quà xa xỉ.</p> <p>+ Gia đình bác xẩm mù sống bằng lời ca tiếng đàn và lòng hảo tâm của khách qua đường. Cảnh chợ tàn và những kiếp người tàn tạ: sự tàn lụi, sự nghèo đói, tiêu điều của phố huyện nghèo.</p> <p>d. Tâm trạng của Liên:</p> <p>- Cảm nhận rất rõ: “<i>mùi riêng của đất, của quê hương này</i>”. - Cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn tạ: gợi cho Liên nỗi buồn thậm thía</p> <p>- Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị</p>
---	---

<p>GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10(bài CÔNG DÂN VỚI CỘNG ĐỒNG) để hướng dẫn học sinh tìm hiểu lòng thương người của Liên</p> <p>+ GV : giải thích, bình luận.</p> <p>Tích hợp GDCD: Từ tình thương của Liên đối với những con người nghèo khổ nơi phố huyện, bản thân thấy được trách nhiệm của cá nhân với cộng đồng...</p>	<p>cũng không có tiền mà cho chúng.</p> <p>- Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.</p> <p>Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, có lòng trắc ẩn, yêu thương con người.</p> <p>- Liên là nhân vật Thạch Lam sáng tạo để kín đáo bày tỏ tình cảm của mình:</p> <p>+ Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.</p> <p>+ Xót thương đối với những kiếp người nghèo khổ.</p>
<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu bức tranh phố huyện lúc đêm khuya</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bức tranh phố huyện lúc đêm khuya.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p><u>2. Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya:</u></p>

+ **GV** : Cảnh phố huyện về khuya có đặc điểm gì nổi bật? Hãy thống kê các chi tiết để làm rõ điều đó?

GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt phần biện pháp tu từ cú pháp (liệt kê) và biện pháp nghệ thuật tương phản được sử dụng trong văn bản.

GV : Trong bóng tối bao trùm, cuộc sống ở phố huyện vẫn thấp thoáng hiện ra qua những ánh sáng nào? Gắn liền với cuộc sống của những ai?

+ **GV** : Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng bóng tối và ánh sáng là gì?

+ **GV** : Trong bóng tối mênh mông như thế, cuộc đời những con người nơi phố huyện hiện lên như thế nào? Họ có ước mơ, mong đợi điều gì?

+ **GV** : Qua việc miêu tả cuộc đời, mơ ước của họ, ta hiểu thêm gì về tấm lòng của Thạch Lam đối với những con người nơi phố huyện nghèo?

* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.
Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

a. Hình ảnh của “bóng tối” và “ánh sáng”:

- Phố huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối:

+ “ Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối ”.

+ “ Tối hết con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng càng sẫm đen hơn nữa ”.

Bóng tối xâm nhập, bám sát mọi sinh hoạt của những con người nơi phố huyện.

- Ánh sáng của sự sống hiếm hoi, bé nhỏ.

Đó là thứ ánh sáng yếu ớt, le lói như những kiếp người nghèo khổ nơi phố huyện.

- Ánh sáng và bóng tối tương phản nhau

Biểu trưng cho những kiếp người nhỏ bé sống leo lét, tàn lụi trong đêm tối mênh mông của xã hội cũ.

<p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>Toàn bộ cảnh vật, cuộc sống được cảm nhận qua cái nhìn của nhân vật Liên.</p> <p>Ngôi kể thứ ba giúp câu chuyện trở nên khách quan.</p> <p>HS: Tìm hiểu, phát biểu, lí giải.</p> <p>Kiến thức âm nhạc:</p> <p>- Âm thanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng trống thu không gọi chiều về. + Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng. + Tiếng muỗi vo ve. <p>Kiến thức hội họa:</p> <p>- Hình ảnh, màu sắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + “<i>Phương tây đỏ rực như lửa cháy</i>”, + “<i>Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn</i>”. <p>Kiến thức Tiếng Việt:</p> <p>- sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá (qua từ gọi); so sánh (<i>như lửa cháy...như hòn than</i>)</p> <p>Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó:</p>	<p>b. Đời sống của những kiếp người nghèo khổ trong bóng tối:</p> <p>- Vẫn những động tác quen thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chị Tí dọn hàng nước + Bác Siêu hàng phở thổi lửa. + Gia đình Xẩm “<i>ngồi trên manh chiếu rách, cái thau sắt để trước mặt</i>”, “<i>Góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu bật trong im lặng</i>” + Liên, An trông coi cửa hàng tạp hoá nhỏ xú. <p>Sống quẩn quanh, đơn điệu không lối thoát.</p> <p>- Vẫn suy nghĩ và mong đợi như mọi ngày: Mong những người</p> <p>phu gạo, phu xe, mấy chú lính lệ vào hàng uống bát che tươi và hút thuốc lào.</p> <p>- Vẫn mơ ước: “<i>chùng ấy người trong bóng tối đang mong đợi một cái gì tươi sáng cho cuộc sống nghèo khổ hàng ngày của họ</i>”</p>
--	---

- Nhân hoá: Dưới ngòi bút nhà văn, tiếng trống không còn là một âm thanh bình thường mà nó còn vang lên tha thiết, tiếng gọi con người trở về mái ấm gia đình, gọi chiều buông vội, thức dậy trong vạn vật những nỗi niềm riêng.

- So sánh: gọi những màu sắc vụt sáng lên trước khi sắp tắt. Sự vật đang chuyển dần trạng thái, đang tự nó mất dần đi ánh sáng, sức sống, đang tàn tạ dần trong chiều muộn. Nhà văn đã vẽ nên những hình ảnh vừa tinh tế vừa thân thuộc, gần gũi với những tâm hồn quê.

- Ý nghĩa nghệ thuật việc tạo nhịp điệu trong các câu văn

+ Nhịp điệu câu văn nhẹ nhàng, êm ái nhờ sự phối hợp câu ngắn với câu dài hợp lí. Hai câu văn có nhiều thanh bằng.

Thanh bằng được đặt ở cuối nhịp câu văn (*chiều...rời...ru...vào*).

+ Hiệu quả: tạo chất thơ trong văn Thạch Lam, gọi bước chân nhẹ nhàng của thời gian buổi chiều buồn đang dần chuyển về đêm ở phố huyện nghèo. Qua đó, nhà văn thể hiện sự cảm nhận tinh tế và sự gắn bó sâu nặng với quê hương, với ruộng đồng.

- **HS** : Phát hiện các chi tiết.

+ Chợ đã vắng từ lâu, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất.

Ước mơ mơ hồ: tình cảnh tội nghiệp của những người sống mà không biết số phận mình sẽ ra sao.

Giọng văn: chậm buồn, tha thiết thể hiện niềm cảm thương của Thạch Lam với những người nghèo khổ.

+ Chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía.

- **HS:** Phát hiện các chi tiết.

+ Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ.
(*Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ... sót lại*”).

Chúng rất đáng thương, không được hưởng quyền được học tập, vui chơi như trẻ em ngày nay...

+ Mẹ con chị Tí: với cái hàng nước đơn sơ, vắng khách.
(*“Mẹ con chị Tí ... hàng nước nhỏ”*)

+ Bà cụ Thi: hơi điên đến mua rượu lúc đêm tối rồi đi lần vào bóng tối.
(*“Bà cụ Thi ... cuối làng”*)

+ Bác Siêu với gánh hàng phở - một thứ quà xa xỉ.

+ Gia đình bác xẩm mù

HS : phát hiện các chi tiết, nêu cảm nhận.

+Cảm nhận rất rõ: *“mùi riêng của đất, của quê hương này”*.

+ gọi cho Liên nỗi buồn thấm thía: *“Liên ngồi lặng yên ... lòng man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn”*.

+ Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.

+ Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu.

- Liên là nhân vật Thạch Lam sáng tạo để kín đáo bày tỏ tình cảm của mình:

+ Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước.

+ Xót thương đối với những kiếp người nghèo khổ.

HS : phát hiện các chi tiết, nêu cảm nhận.

- Phô huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối:

+ “ *Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối* ”.

+ “ *Tối hết con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng càng sẫm đen hơn nữa* ”.

HS : phát hiện các chi tiết, nêu cảm nhận.

- Ánh sáng của sự sống hiem hoi, bé nhỏ:

+ Một khe sáng ở một vại cửa hàng.

+ Quầng sáng thân mật quanh ngọn đèn chị

Tí.

+ Một chấm lửa nhỏ trong bếp lửa bác Siêu.

+ Ngọn đèn của Liên “ *thừa thốt từng hột sáng lọt qua phen nửa* ”.

- Ánh sáng và bóng tối tương phản nhau: Bóng tối bao trùm, dày đặc >< ánh sáng mỏng manh, nhỏ bé.

<p>+ HS : Mỗi người mỗi cảnh, nhưng họ đều có chung cái nghèo túng, buồn chán, mỗi mòn của những kiếp người nhỏ bé.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An.</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được ý nghĩa hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An.</p> <p>b) Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập.</p> <p><u>Nhóm 1</u> : Hình ảnh đoàn tàu được tác giả miêu tả như thế nào?</p> <p>? So sánh với âm thanh và ánh sáng của phố huyện lúc chiều tàn và đêm khuya khi tàu chưa đến?</p>	<p>3. Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An:</p> <p>- Lí do:</p> <p>+ Để bán hàng (theo lời mẹ dặn).</p> <p>+ Để được nhìn chuyến tàu đêm đi qua – hoạt động cuối cùng của đêm khuya.</p>

Nhóm 2 : So sánh để thấy được nghệ thuật tương phản về âm thanh và ánh sáng của đoàn tàu với âm thanh và ánh sáng nơi phố huyện bằng cách hoàn thành bảng sau:

Bảng 1:

Âm thanh	
Đoàn tàu	Phố huyện
.....	

Bảng 2:

Ánh sáng	
Đoàn tàu	Phố huyện
.....	

Nhóm 3 : Tâm trạng của hai đứa trẻ - trước khi tàu chưa đến, trong khi tàu đến và khi đoàn tàu đã đi qua?

GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt phân biện pháp tu từ ngữ âm (điệp thanh) được sử dụng trong văn bản.

Xác định sự phối âm bằng trắc và nêu hiệu quả nghệ thuật trong đoạn văn sau:
“[1]Liên lặng

- Hình ảnh đoàn tàu:
+ Âm thanh : sôi động
+ Ánh sáng : rực rỡ
-> *Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua.*

Bảng 1:

Âm thanh	
Đoàn tàu	Phố huyện
Còi xe lửa kéo dài	Tiếng trống thu không từng tiếng một
Tiếng dồn dập	Tiếng ếch nhái
Tiếng rít mạnh vào ghi	Tiếng muỗi bay vo ve
Còi rít lên	Tiếng đàn bầu bật trong yên lặng
Tàu rầm rộ đi tới	

theo *mơ tưởng*. [2] Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. [3] Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. [4] Một thế giới **khác hẳn** đối với Liên, **khác hẳn** cái vàng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. [5] **Đêm** tối vẫn bao bọc chung quanh, **đêm** của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.”

Nhóm 4: Phân tích ý nghĩa nghệ thuật của chuyến tàu đêm?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày **Kết quả mong đợi:**

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-> Âm thanh huyên náo, sôi động.	-> Âm thanh đơn điệu, buồn bã.
----------------------------------	--------------------------------

Bảng 2:

Ánh sáng

Đoàn tàu	Phố huyện
Ngọn lửa xanh biếc	Khe sáng
Khói bùng sáng trắng	Quầng sáng
Đèn sáng trung	Chấm nhỏ và vàng lơ lửng
Đồng và kèn lấp lánh	Thưa thớt từng hột sáng
Các cửa kính sáng	

<p>học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>-> Ánh sáng mạnh mẽ, rực rỡ.</p>	<p>-> Ánh sáng yếu ớt, tù mù.</p>	
	<p>* Ý nghĩa biểu tượng của ảnh con tàu:</p> <p>- Biểu tượng của một thế đáng sống: sự giàu sang và rỡ ánh sáng, nó đối lập với sống mỗi mòn, nghèo khổ, tăm của người dân phố huyện.</p> <p>- Hình ảnh của Hà Nội, của phúc, của những kí ức tuổi êm đềm.</p> <p>- Là khát vọng vươn ra ánh vượt qua cuộc sống tù túng, quanh, không cam chịu sống tầm thường, nhạt đang vây quanh.</p> <p>* Thông điệp nhà văn gửi gắm:</p> <p>- Đừng để cuộc sống chìm cái “ao đời phẳng lặng” (</p>	<p>hình giới rực cuộc tối hạnh thơ sáng, quần cuộc nhèo muốn trong Xuân</p>	

	<p>Điều). Con người phải sống cho ra sống, phải không ngừng khao khát và xây dựng cuộc sống có ý nghĩa.</p> <p>- Những ai phải sống trong một cuộc sống tối tăm, mòn mỏi, tù túng, hãy cố vươn ra ánh sáng, hướng tới một cuộc sống tươi sáng.</p> <p>Giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.</p>
<p>Hoạt động 5: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được nội dung và ý nghĩa văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Ý nghĩa văn bản Hai đứa trẻ là gì?</p> <p>* Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p>	<p><u>III. Tổng kết:</u></p> <p><u>1. Nghệ thuật</u></p> <p>- Cốt truyện đơn giản, nổi bật những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.</p> <p>- Bút pháp tương phản đối lập.</p>

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày cá nhân.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

GV chốt ý:

- Cốt truyện đơn giản, nổi bật những dòng tâm trạng
- Bút pháp tương phản đối lập.
- Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.
- Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.
- Giọng điệu thủ thi thâm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.
- Niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ
- Sự trân trọng của nhà văn với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.

- Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.

- Giọng điệu thủ thi thâm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng.

2. Ý nghĩa văn bản

Truyện ngắn *Hai đứa trẻ* thể hiện niềm cảm thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mỗi mòn, tăm tối, quanh nơi phố huyện trước Cách mạng và sự trân trọng với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='d'

[3]='a'

[4]='a'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Sức hấp dẫn của truyện Thạch Lam chủ yếu toát ra từ đâu? a. Tình huống, sự kiện.

b. Tính cách, số phận nhân vật.

c. Các xung đột.

d. Thế giới nội tâm của nhân vật.

Câu hỏi 2: Âm thanh nào trong các âm thanh sau được miêu tả ở truyện [Hai](#)

[đứa trẻ](#) có sức vang ngân, xao xuyến và náo nức nhất đối với những tâm hồn trẻ thơ nơi phố huyện?

a. Tiếng trống.

b. Tiếng đàn bầu.

c. Tiếng ếch nhái.

d. Tiếng còi tàu.

Câu hỏi 3: Trong truyện *Hai đứa trẻ* có nhiều hình ảnh tương phản. Sự tương phản nào gây ấn tượng rõ nhất về tình trạng sống mòn mỏi, le lói của con người nơi phố huyện?

- a. Ánh sáng của đoàn tàu và ánh sáng đèn con của chị Tí.
- b. Thế giới phố huyện và “một chút thế giới khác”.
- c. Ánh sáng và bóng tối thuộc về đêm nơi phố huyện.
- d. Hình ảnh vũ trụ bao la và hình ảnh những con người bé nhỏ.

Câu hỏi 4: Đoạn văn mở đầu *Hai đứa trẻ*: “*Tiếng trống thu không trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.*” đã tạo hiệu quả gì rõ nhất trong việc mở ra bức tranh tâm trạng của nhân vật?

- a. Nhịp điệu chiều hôm vang ngân trong tâm hồn nhân vật Liên.
- b. Ánh sáng, màu sắc chiều hôm lấp lánh trong tâm hồn Liên.
- c. Đường nét, hình khối chiều hôm chập chờn trong tâm hồn Liên.
- d. Hình ảnh, không gian chiều hôm ám ảnh trong tâm hồn Liên. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1/ Biểu hiện tương phản:

- a. Tương phản giữa ánh sáng và bóng tối:
- b. Tương phản giữa hình ảnh đoàn tàu và phố huyện (nhất là khi đoàn tàu đi qua và sau khi đoàn tàu đã đi qua).

c. Tương phản giữa cuộc sống thực tại và mơ ước xa xôi

2/Nêu tác dụng của bút pháp tương phản trong truyện *Hai đứa trẻ*.

- + Làm nổi bật bức tranh phố huyện êm đềm, bình lặng nhưng nghèo khó, tù túng, đơn điệu trong bóng tối mênh mông và hiu quạnh.
- + Thể hiện sinh động cuộc sống của con người lao động bé nhỏ, vô danh nơi đây. Họ không chỉ thiếu thốn về vật chất mà còn phải sống cuộc

sống tẻ nhạt, đơn điệu, không ánh sáng và niềm vui, chỉ có chút hi vọng bé nhỏ và mong manh, xa xôi và leo lét như chính những ngọn đèn nơi phố huyện.

+ Góp phần thể hiện và lí giải những biểu hiện tinh tế trong tâm hồn nhân

vật, nhất là Liên.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Nêu biểu hiện của bút pháp tương phản và tác dụng của nó trong truyện Hai đứa trẻ:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật
- Gv chốt lại: Tâm trạng của Liên
- Chuẩn bị bài: Luyện tập thao tác lập luận so sánh

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 30:

NGŨ CẢNH I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nắm được khái niệm ngữ cảnh, các yếu tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.

nói và viết phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp, đồng thời có kĩ năng lĩnh hội, phân tích nội dung và hình thức ngôn ngữ của ngôn ngữ trong quan hệ với ngữ cảnh. Nắm được khái niệm ngữ cảnh, các yếu tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2. Năng lực: của tiếng Việt.

4 . Định hướng hình thành phát triển năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến ngữ cảnh trong giao tiếp - Năng lực đọc – hiểu các văn bản, xác định ngữ cảnh của văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ngữ cảnh của văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về ngữ cảnh của văn bản.
- Năng lực tạo lập văn bản trong ngữ cảnh phù hợp tạo hiệu quả giao tiếp cao nhất.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:
- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Khi nói và viết, chúng ta cần phải lưu ý đến các vấn đề: ai nói (viết), nói, viết cho ai nghe, ai đọc, nói, viết ở đâu, lúc nào. Tất cả những vấn đề đó cho thấy: khi nói hay khi viết không phải chỉ cần câu chữ*

cụ thể trong văn bản mà còn phải quan tâm đến ngữ cảnh. Để hiểu được ngữ cảnh và vận dụng tri thức về ngữ cảnh vào thực tế giao tiếp, hôm nay chúng ta sẽ cùng nghiên cứu bài “ngữ cảnh”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm**

- a) **Mục tiêu:** Biết được khái niệm về ngữ cảnh
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS đọc mục I SGK và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu nói in đậm trong đoạn trích trên là của ai nói với ai?(nhân vật giao tiếp) - Câu nói đó vào lúc nào ở đâu?(hoàn cảnh giao tiếp hẹp) - Câu nói đó diễn ra trong hoàn cảnh xã hội nào?(hoàn cảnh giao tiếp rộng) - Theo em hiểu một cách đơn giản thì ngữ cảnh là gì? <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. 	<p>I. KHÁI NIỆM:</p> <p>1. Tìm hiểu ngữ liệu:</p> <p>2. Khái niệm: Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm</p>

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>Kết quả mong đợi</p> <p>- Câu “Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?”</p> <p>: nếu đột nhiên nghe câu này thì ta không thể hiểu được.</p> <p>- Đặt trong bối cảnh phát sinh ra câu nói, ta có thể hiểu.</p> <p>+ Câu nói đó là của chị Tí bán hàng nước.</p> <p>+ Chị nói câu này với những người bán hàng xung quanh mình (chị em Liên, bác Siêu bán phở, gia đình bác xẩm)</p> <p>+ Chị nói câu này vào một buổi chiều tối, tại một phố huyện nhỏ trong lúc mọi người đều chờ khách hàng.</p> <p>+ Họ là những “người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy thừa đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc Lào.”</p> <p>+ Rộng hơn, câu nói trên diễn tả trong bối cảnh XH VN trước CM tháng Tám.</p> <p>Nhờ bối cảnh trên ta mới hiểu ý nghĩa câu nói của chị Tí.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>=> Ghi lên bảng</p>	<p><i> cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo lời nói.</i></p>
---	---

--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu các nhân tố và vai trò của ngữ cảnh

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được các nhân tố và vai trò của ngữ cảnh
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>1. GV hướng dẫn HS đọc mục II SGK và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Theo em để thực hiện được giao tiếp chúng ta cần phải có những yếu tố nào?</p> <p>- Thế nào là nhân vật giao tiếp ?</p> <p>- Bối cảnh ngoài ngôn ngữ bao gồm những yếu tố nào ? Thế nào là bối cảnh giao tiếp hẹp, bối cảnh giao tiếp rộng và hiện thực được nói đến ? Cho ví dụ minh họa ?</p> <p>- Thế nào là văn cảnh ?</p> <p>- Các yếu tố của ngữ cảnh có mối quan hệ với nhau như thế nào?</p> <p>2. GV hướng dẫn HS đọc mục III SGK và trả lời câu hỏi.</p> <p>- Ngữ cảnh có vai trò như thế nào đối với việc sản sinh và lĩnh hội văn bản?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. CÁC NHÂN TỐ CỦA NGỮ CẢNH:</p> <p>1. Nhân vật giao tiếp: Người tạo lập, người lĩnh hội.</p> <p>2. Bối cảnh ngôn ngữ:</p> <p>- Bối cảnh giao tiếp rộng:</p> <p>- Bối cảnh giao tiếp hẹp:</p> <p>- Hiện thực được nói tới:</p> <p>3. Văn cảnh: Lời đối thoại hoặc lời đơn thoại, dạng nói hay dạng viết, nằm trước hay sau một đơn vị ngôn ngữ khác.</p> <p>III. VAI TRÒ CỦA NGỮ CẢNH :</p>
--	--

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:

1. Nhân vật giao tiếp.

- Gồm tất cả các nhân vật tham gia giao tiếp: người nói (viết), người nghe (đọc).

+ Một người nói - một người nghe: Song thoại.

+ Nhiều người nói luân phiên vai nhau: Hội thoại

+ Người nói và nghe đều có một "vai" nhất định, đều có đặc điểm khác nhau về lứa tuổi, nghề nghiệp, cá tính, địa vị xã hội, ...-> chi phối việc lĩnh hội lời nói.

b. Bối cảnh ngoài ngôn ngữ.

- Bối cảnh giao tiếp rộng (còn gọi là bối cảnh văn hóa): Bối cảnh xã hội, lịch sử, địa lý, phong tục tập quán, chính trị...ở bên ngoài ngôn ngữ.

- Bối cảnh giao tiếp hẹp (còn gọi là bối cảnh tình huống): Đó là thời gian, địa điểm cụ thể, tình huống cụ thể.

- Hiện thực được nói tới(gồm hiện thực bên ngoài và hiện thực bên trong của các nhân vật giao tiếp): Gồm các sự kiện, biến cố, sự việc, hoạt động...diễn ra trong thực tế và các trạng thái, tâm trạng, tình cảm của con người.

1. Đối với người nói (viết) và quá trình sản sinh lời nói, câu văn:

Ảnh hưởng, chi phối nội dung lời nói, câu văn.

2. Đối với người nghe (đọc) và quá trình lĩnh hội lời nói, câu văn:

Là căn cứ để lĩnh hội đúng lời nói, câu văn.

<p>c. <u>Văn cảnh.</u></p> <p>- Bao gồm tất cả các yếu tố ngôn ngữ cùng có mặt trong văn bản, đi trước hoặc sau một yếu tố ngôn ngữ nào đó. Văn cảnh có ở dạng ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 4: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được lí thuyết và vận dụng vào bài tập</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV:</p> <p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Trao đổi, thảo luận nhóm: 5 phút.</p> <p>- <u>Nhóm 1</u> : bài tập 1</p> <p>- <u>Nhóm 2</u>: Bài tập 2.</p> <p>- <u>Nhóm 3</u>: Bài tập 4.</p> <p>- <u>Nhóm 4</u>: Bài tập 5.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>III. LUYỆN TẬP:</p>

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1 cử đại diện trình bày:**

- Các chi tiết trong 2 câu văn đều bắt nguồn từ hiện thực

- Câu văn xuất phát từ bối cảnh: Tin tức về kẻ địch đến đã phong thanh mười tháng nay mà lệnh quan (đánh giặc) thì vẫn còn chờ đợi. Người nông dân đã thấy rõ hình ảnh dơ bẩn của kẻ thù và căm ghét chúng mỗi khi thấy bóng dáng tàu xe của chúng

*** Nhóm 2**

- Hai câu thơ của HXH gắn liền với tình huống giao tiếp cụ thể: đêm khuya, tiếng trống canh dồn dập mà người phụ nữ vẫn cô đơn, trơ trọi..

- Câu thơ là sự diễn tả tình huống, còn tình huống là nội dung đề tài của câu thơ

- Ngoài sự diễn tả tình huống, câu thơ còn bộc lộ tâm sự của nhân vật trữ tình- của chính tác giả, một người phụ nữ lận đận, trắc trở trong tình duyên

*** Nhóm 3**

- Những chi tiết trong hoàn cảnh sống của gia đình Tú Xương chính là bối cảnh tình huống cho nội dung của 6 câu thơ đầu

- VD: việc dùng thành ngữ “ Một duyên hai nợ” không phải chỉ để nói nỗi vất vả của bà Tú mà xuất phát từ chính ngữ cảnh sáng tác: bà Tú phải làm để nuôi cả con và chồng

*** Nhóm 4**

- Hoàn cảnh sáng tác chính là ngữ cảnh: Sự kiện vào năm Đinh Dậu (1897) chính quyền mới do TDP lập nên (nhà nước) đã tổ chức cho các sĩ tử ở HN xuống thi chung ở trường Nam Định. Trong kì thi đó toàn quyền Pháp đã đến dự.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=>
Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

Hệ thống lại kiến thức đã học. Chọn 1 đoạn thơ đã học để phân tích các yếu tố của ngữ cảnh.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Các yếu tố của ngữ cảnh có mối quan hệ với nhau như thế nào? Cho ví dụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

Văn cảnh của câu 3 là câu 1, 2, 4.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Chỉ ra văn cảnh của câu thơ thứ 3 trong đoạn thơ sau:

(1) Quanh năm buôn bán ở mom sông

(2) Nuôi đủ năm con với một chồng

(3) Lặn lội thân cò khi quãng vắng

(4) Eo sèo mặt nước buổi đò đông

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài

- Gv chốt lại: các nhân tố và vai trò của ngữ cảnh

- Chuẩn bị bài: Viết bài số 3

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Tiết 31-32 Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng viết văn nghị luận
- Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản có đủ bộ cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung

3. Thái độ, phẩm chất:

- Thái độ: Có tình cảm chân thành trước những vấn đề có ý nghĩa trong cuộc sống - Phẩm chất: Sống yêu thương, sống tự chủ và sống trách nhiệm...

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực chung:
 - + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực riêng:
 - + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
 - + Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
 - + Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

III. Chuẩn bị

1/Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Chuẩn bị của học sinh

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Không**3. Tổ chức dạy và học bài mới:****Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học****A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI**

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
----------------	-----------	------------	----------	--------------	------

I. Đọc hiểu					
<i>Số câu</i>	01	02	01		04
<i>Số điểm</i>	0,5	1,5	1,0		3,0
<i>Tỉ lệ</i>	5 %	15 %	10 %		30%
II. Tạo lập văn bản					
<i>Số câu</i>			0	01	01
<i>Số điểm</i>			0	7	7
<i>Tỉ lệ</i>			0%	100%	100 %
Tổng cộng					
<i>Số câu</i>	01	02	01	01	05
<i>Số điểm</i>	0,5	1,5	1,0	7,0	10
<i>Tỉ lệ</i>	0,5%	15%	10%	70%	100%

B. RA ĐỀ THEO MA TRẬN

PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi lại nhìn, như đôi mắt trẻ thơ
 Tổ Quốc tôi. Chưa đẹp thế bao giờ!
 Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển.
 Xanh trời, xanh của những giấc mơ.
 (Vui thế hôm nay – Tố Hữu)

Câu 1: (0,5đ) Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn thơ?

Câu 2: (1,0đ) Chỉ ra hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên? Tác dụng của biện pháp đó?

Câu 3: (0,5) Nhận xét về các kiểu câu được sử dụng trong đoạn thơ trên?

Câu 4:(1,0) Cảm nhận cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong đoạn thơ trên?
 (Hãy trình bày thành đoạn văn từ 7- 10 dòng)

PHẦN VIẾT: (7,0 điểm) :

Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa trong ba bài thơ: “*Bánh trôi nước, Tự tình*” (Hồ Xuân Hương), “*Thương vợ*” (Trần Tế Xương)

C.ĐÁP ÁN BÀI VIẾT SỐ 3 PHẦN ĐỌC HIỂU:**Câu 1:** (0.5đ) Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả**Câu 2:** Biện pháp tu từ:(1,0đ)

- So sánh: “nhìn như đôi mắt trẻ thơ” => cảm nhận mới mẻ của nhà thơ về quê hương
- Điệp từ: “Xanh” => Nhấn mạnh sức sống mới của quê hương

Câu 3: (0,5đ) Nhà thơ sử dụng linh hoạt các kiểu câu: Câu trần thuật, câu cảm than, câu rút gọn..**Câu 4:** (1,0đ)- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ

- Hs cảm nhận được cảm xúc: vui sướng, tự hào của nhà thơ trước sự đổi mới tràn đầy sức sống của quê hương.

PHẦN VIẾT:**1. Yêu cầu về kỹ năng :**

- Áp dụng kết hợp thao tác phân tích - tổng hợp và chứng minh, biểu cảm... ở những mức độ nhất định để làm rõ nội dung đề bài.
- Bài viết có bố cục rõ ràng, chặt chẽ, có văn phong nghị luận văn học. Hiểu yêu cầu của đề, có thể trình bày theo cách kết hợp hay chia tách, miễn là nêu được các ý cơ bản về nội dung kiến thức. Bài làm có luận điểm, dẫn chứng cụ thể hợp lí. Hạn chế lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức :

- Nắm vững yêu cầu của đề được thể hiện trong nhận định.
 - Chứng minh bằng các câu thơ cụ thể trong từng bài thơ.
- Bài viết có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần phải nêu được các ý cơ bản sau:

*** Giới thiệu:**

- Hình ảnh người phụ nữ trong văn học nói chung.
- Cảm hứng về người phụ nữ trong hai tác giả: Hồ Xuân Hương và Tú Xương.

*** Làm rõ vấn đề:****- Người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, gian nan, vất vả:**

- + *Bánh trôi nước*: thân phận trôi nổi lênh đênh, không có quyền quyết định tình duyên của mình. Họ mang dáng dấp của người phụ nữ tội nghiệp trong ca dao.

+ **Tự tình II**: Nỗi buồn về thân phận, về chuyện tình duyên và hạnh phúc gia đình. Đây là những điều quan trọng và có ý nghĩa nhất đối với người phụ nữ.

+ **Thương vợ**: Người vợ lặn lội, sớm khuya vất vả quanh năm. Đó là nỗi gian truân vì gánh nặng gia đình.

- **Người phụ nữ với nhiều phẩm chất tốt đẹp và khao khát yêu đương**:

+ **Hai bài thơ của Hồ Xuân Hương**: khát khao tình yêu thương và được yêu thương.

+ **Thương vợ**: Vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: chịu thương chịu khó, hi sinh vì chồng con.

- **Cảm nhận**: Cảm thông, thương xót, chia sẻ, nỗ lực, ngợi ca những phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam.

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 33

LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN SO SÁNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm về thao tác, so sánh
- Xác định đúng các thao tác lập luận so sánh trong những ngữ liệu cho trước
- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận so sánh
- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thể loại kịch, nghị luận;
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại kịch, nghị luận;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thể loại kịch, nghị luận;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về về thể loại kịch, nghị luận;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm sự khác nhau giữa thể loại kịch, nghị luận;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.
- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.
- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
 - Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
 - Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Tố Hữu nhìn cuộc sống bằng đôi mắt lạc quan của một người làm công tác chính trị, luôn hướng về tương lai tươi sáng và chỉ miêu tả những gì gợi sự phấn chấn, tin tưởng. Trái lại, Phùng Quán quan sát và miêu tả cuộc sống từ những hình ảnh thực đang diễn ra hằng ngày, trước mắt.* Nhận xét này có được nhờ có sự so sánh hình ảnh trẻ thơ trong 2 văn bản. Chúng ta đã học xong phần lí thuyết thao tác lập luận so sánh. Hôm nay, chúng ta tiếp tục làm phần thực hành.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS ôn tập về luyện tập so sánh

a) **Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm kịch

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi:</p> <p>- Thế nào là so sánh? Có mấy cách so sánh?</p> <p><i>HS Tài hiện kiến thức và trình bày.</i></p> <p>- So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy.</p> <p>- So sánh tương đồng: So sánh để thấy được sự giống nhau giữa các đối tượng.</p> <p>- So sánh tương phản: So sánh để thấy được sự khác nhau giữa các đối tượng.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và</p>	<p>I. Ôn tập về lập luận so sánh.</p> <p>- So sánh</p> <p>- So sánh tương đồng:</p> <p>- So sánh tương phản:</p>
--	---

<p>thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	
---	--

Hoạt động 2: Luyện tập

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng vào bài tập
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hỏi:

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1: Bài tập 1.

Nhóm 2: Bài tập 2 Nhóm 3: Bài tập 3

Nhóm 4: Bài tập 4

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ

II. Luyện tập.Bài tập1.

- Tình cảm khi về thăm quê của hai tác giả Hạ Tri

Chương và Chế Lan Viên trong hai bài thơ:

+ Điểm giống nhau:

+ Điểm khác nhau:

=> Hạ Tri Chương sống trước Chế Lan Viên hơn một nghìn năm nhưng tâm trạng khi xa quê

<p>câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày Kết quả mong đợi:</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>- Tình cảm khi về thăm quê của hai tác giả Hạ Tri Chương và Chế Lan Viên trong hai bài thơ:</p> <p>+ Điểm giống nhau: Đều rời quê hương đi xa từ lúc trẻ và trở về khi tuổi đã cao. Khi trở về đều trở thành người xa lạ trên quê hương mình.</p> <p>+ Hai nhà thơ sống ở hai thời đại cách xa nhau hơn một nghìn năm, có tâm sự giống nhau: Khoảnh khắc giật mình với những tiếc nuối, băng khuâng.</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>- Mùa xuân, mùa thu chỉ các giai đoạn khác nhau: ban đầu thu hoạch được ít, càng về sau thu hoạch được nhiều hơn. Học thì lúc đầu khó khăn. về sau hiểu dần, khôn lớn trưởng thành - có học vấn. Trồng cây thì tăng thu nhập kinh tế. Học tập thì trưởng thành về trí tuệ.</p>	<p>trở về đều có những nét tương đồng</p>
---	---

*** Nhóm 3**

+ Giống nhau: Cùng là thơ thất ngôn bát cú, đều tuân thủ cách gieo vần, luật đối chặt chẽ. + Khác nhau: Thơ Hồ Xuân Hương dùng nhiều từ ngữ gần gũi lời ăn tiếng nói hằng ngày như từ : tiếng gà, trên bom, mỡ thơm,...và cả những từ có vần hiểm hóc như: *có sao om; già tom; mồm mòm...* Có một câu dùng nhiều từ Hán Việt “ Tài tử văn nhân ai đó tá?”
=> Phong cách thơ Hồ Xuân Hương rất gần gũi, bình dị tuy có phần chua xót nhưng vẫn tinh nghịch.

Thơ Bà Huyện Thanh Quan dùng nhiều từ ngữ Hán Việt trang trọng như : hoàng hôn; mục tử; cô thôn;...và những thi liệu Hán học: ngàn mai; dặm liễu và sử dụng điển cố, điển tích như Chương Đài.

=> Phong cách thơ Bà Huyện Thanh Quan trang trọng đài các.

*** Nhóm 4**

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.
- b) **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:
- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;
 - Nội dung: Thấy được sự khác nhau: hình ảnh người lính xưa trong ca dao chỉ chiến đấu cho vua chúa, vì quyền lợi của vua chúa và giai cấp thống trị, bị bắt buộc đi tham gia chiến trận nên mang trong lòng nỗi đau đớn qua tiếng khóc xót xa. Còn người nông dân khoác áo lính trong bài Văn tế chiến đấu với tinh thần tự nguyện, sẵn sàng hi sinh xương máu để đem lại độc lập tự do cho Tổ quốc.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:
- So với người lính thú thời xưa trong ca dao *Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa*, người nông dân nghĩa sĩ trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu có điểm gì khác nhau? Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) làm rõ sự khác nhau đó.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS**Trả lời:**

Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lồng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Xác định câu văn thể hiện lập luận so sánh trong đoạn trích sau :

Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã từng ca ngợi Nguyễn Trãi như sau : “Gió thanh hây hây gác vàng, người như một ông tiên ở trong toà ngọc. Cái tài làm hay, làm đẹp cho nước, từ xưa chưa có bao giờ... Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lồng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý trọng của chúng ta. Ca ngợi người anh hùng của dân tộc, chúng ta đã rửa mối “hận nghìn năm” của Nguyễn Trãi!

(Phạm Văn Đồng, Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, dẫn theo Nguyễn Trãi - thơ và đời, Sđd)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ**

- HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài -Gv chốt lại: kiến thức của các bài tập.

- Chuẩn bị bài: Chữ người tử tù

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 34-36:

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

- Nguyễn Tuân- I. MỤC

TIÊU

1. Kiến thức:

Nêu được tiểu sử tác giả, hoàn cảnh sáng tác, phong cách nghệ thuật của nhà văn...

Hiểu được quan niệm về cái Đẹp của Nguyễn Tuân

Thấy được một vài nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Nguyễn Tuân. - Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao, đồng thời hiểu thêm quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Tuân qua nhân vật này.

- Hiểu và phân tích được nghệ thuật của thiên truyện: tình huống truyện độc đáo, không khí cổ xưa, thủ pháp đối lập, ngôn ngữ góc cạnh, giàu giá trị tạo hình.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: lí giải vấn đề đời sống được thể hiện qua tác phẩm sự đề cao cái đẹp, đề cao *thiên lương* của con người;

- Năng lực sáng tạo: học sinh xác định và hiểu được những ý tưởng mà tác giả muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.

- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hoạt động thảo luận nhóm.

- Năng lực giao tiếp TV: HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt.

- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học-tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân; biết rung động trước cái đẹp nhân cách và tài năng của nhân vật.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Suu tầm tranh, ảnh phóng to chân dung Nguyễn Tuân; tác phẩm Vang bóng một thời; một bức thư pháp trên giấy dó viết chữ Tâm, Đức, Trí, hay Phúc, Lộc, Thọ...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Trình chiếu đoạn văn và nhận xét.
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

+Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

+ Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Tuân*

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả - **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Dựa vào những câu chuyện do người cha Nguyễn An Lan kể lại về nhà nho, nhà thơ Chu Thần Cao Bá Quát, Nguyễn Tuân sáng tạo nên hình tượng nhân vật Huân Cao, thối linh hồn truyện ngắn cho “ Chữ người tử tù”. Cho đến bây giờ và có lẽ còn lâu nữa, người ta vẫn không biết dòng chữ cuối cùng ông Huân để lại cho quản ngục nhà lao tỉnh Sơn là chữ gì. Nhưng điều đó không mấy quan trọng. Chỉ biết rằng nhân cách, khí phách và tâm hồn nhân vật và tác giả thì vẫn sáng mãi.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

- a) **Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả và tác phẩm

- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ * GV đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần tiểu dẫn SGK trình bày những nội dung chính nào? - Nêu vài nét về tác giả Nguyễn Tuân? Xuất xứ của truyện “ Chữ người tử tù” ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi: Nhiều bút danh: +Thanh Hà (Thanh hoá- Hà Nội) nơi khởi nghiệp sự nghiệp văn chương của ông. 	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Tuân: 1910 - 1987 - Người Hà nội. - Sinh ra trong một gia đình nhà nho. - Ông là một nghệ sĩ tài hoa, uyên bác, phong cách nghệ thuật độc đáo: Luôn tiếp cận cuộc sống từ góc độ tài hoa uyên bác ở phương diện văn hoá, nghệ thuật. - Ngòi bút phóng túng và có ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân. - Sở trường là tùy bút. <p>2. Những tác phẩm chính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - SGK <p>3. Truyện ngắn: <i>Chữ người tử tù</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúc đầu có tên là: <i>Dòng chữ cuối cùng</i>, in 1938 trên tạp chí <i>Tao đàn</i>, sau đó đổi tên thành: <i>Chữ người tử</i>

<p>+ Ngọt lồi quật: Ngọt ngọt quá muốn làm</p> <p>Thiên lồi quật phá lung tung</p> <p>+ Ân Ngũ Tuyên: Nguyễn Tuân</p> <p>+ Nhất Lang: Chàng trai số 1 + Tuấn thừa sắc: Tuân.</p> <p>- Tác phẩm tiêu biểu: <i>Vang bóng một thời</i> + Được in lần đầu 1940 gồm 11 truyện ngắn viết về một thời đã xa nay chỉ còn <i>vang bóng</i>.</p> <p>+ Nhân vật chính: Phần lớn là nho sĩ cuối mùa - những con người tài hoa, bất đắc chí, dùng cái tôi <i>tài hoa nông nghênh</i> và sự thiên lương để đối lập với xã hội phàm tục.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	<p><i>tù</i> và được in trong tập truyện : <i>Vang bóng một thời</i>.</p> <p>Là “ một văn phẩm đạt tới sự toàn thiện, toàn mỹ”(Vũ Ngọc Phan)</p>
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản/ Tìm hiểu tình huống truyện.

a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc truyện và hiểu tình huống truyện.

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>1. GV yêu cầu: Đọc - kể tóm tắt, phân tích bố cục</p> <p>+ Yêu cầu giọng đọc: GV đọc hoặc đoạn đầu, hoặc đoạn cho chữ; gọi 3 - 4 HS đọc tiếp một số đoạn khác; nhận xét cách đọc;</p> <p>2. Yêu cầu HS kể tóm tắt truyện</p> <p>3. GV hỏi:</p> <p>+ <i>Hiểu khái niệm tình huống và vai trò của tình huống trong truyện? Trong Chữ người tử tù, tác giả đã xây dựng tình huống truyện như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Nhận xét về bút pháp xây dựng nhân vật của tác giả?</i></p> <p>+ <i>Nhận xét và chốt lại các ý.</i></p> <p>+ <i>Bút pháp miêu tả cảnh vật của tác giả như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Nhận xét và chốt lại các ý.</i></p> <p>+ <i>Qua phân tích, hãy cho biết ý nghĩa của văn bản ?</i></p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. Đọc hiểu văn bản:</p> <p>1. <u>Tình huống truyện</u> :</p> <p>- Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường :</p> <p>+ Viên quản ngục- kẻ đại diện cho quyền lực tăm tối nhưng lại khao khát ánh sáng và chữ nghĩa.</p> <p>+ Huân Cao – người tử tù có tài viết chữ đẹp, chống lại triều đình phong kiến.</p> <p>→ Cuộc hội ngộ diễn ra giữa chốn ngục tù căng thẳng, kịch tính, có ý nghĩa đối đầu giữ cái đẹp cái thiện lương >< quyền lực tội ác. → cái đẹp, cái thiện lương đã thắng thế.</p>
---	--

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ HS đọc chậm, trang trọng, cổ kính; chú ý những câu thoại ngắn của các nhân vật, cần đọc với giọng phù hợp.

Ví dụ câu ông Huấn trả lời quản ngục, những câu trao đổi giữa quản ngục và thầy thơ lại, câu Huấn Cao khuyên quản ngục trong đêm cho chữ và câu trả lời của quản ngục...

HS có thể kể một vài đoạn không đọc vì văn bản khá dài, sau đó có thể kể tóm tắt toàn truyện. Nhưng nhất thiết đoạn cho chữ phải được đọc diễn cảm.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

- Cuộc gặp gỡ giữa Huấn Cao và viên quản ngục trong tình thế đối nghịch, éo le:

+ Xét trên bình diện xã hội: o Quản ngục là người địa diện cho trật tự xã hội, có quyền giam cầm, tra tấn.

o Huân Cao là người nổi loạn, đang chờ chịu tội.

+ Xét trên bình diện nghệ thuật: o Họ đều có tâm hồn nghệ sĩ.

o Huân Cao là người tài hoa: coi thường, khinh bỉ những kẻ ở chốn nhơ nhuốc.

o Quản ngục: biết quý trọng, tôn thờ cái đẹp, yêu nghệ thuật thư pháp, xin chữ Huân Cao.

- Kịch tính lên đến đỉnh điểm khi viên quản ngục nhận lệnh chuyển các tử tù ra pháp trường.

GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

GV chốt lại: Tình huống truyện là tình thế xảy ra truyện; khoảng khắc sự sống hiện ra rất đậm đặc, khoảng khắc có khi chứa đựng cả một đời người, thể hiện mâu thuẫn hoặc quan hệ giữa nhân vật này với nhân vật khác hoặc mâu thuẫn trong lòng một nhân vật,

quan hệ giữa nhân vật và xã hội, môi trường... góp phần thể hiện chủ đề.

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng nhân vật

- a) **Mục tiêu:** HS hiểu được hình tượng nhân vật Huân Cao và nv quản ngục.
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1.</u></p> <p>- Tại sao Huân Cao bị bắt? Vẻ đẹp của hình tượng Huân Cao được thể hiện ở những phương diện nào?</p> <p>GV: Chữ Huân Cao không chỉ đẹp vuông mà còn nói lên hoài bão tung hoành của một đời người.</p> <p>Huân Cao gọi người đọc nghĩ đến Cao Bá Quát - một danh sĩ đời Nguyễn- cầm đầu cuộc khởi nghĩa Mĩ Lương chống triều đình Tự Đức bị thất bại: <i>Nhất sinh đê thủ bách hoa mai.</i></p>	<p><u>2. Nhân vật Huân Cao.</u></p> <p><i>a. Một người nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật thư pháp:</i></p> <p>- Người khắp vùng tỉnh Sơn khen Huân Cao là người có tài viết chữ “<i>rất nhanh và rất đẹp</i>”. Tài viết chữ Hán - nghệ thuật thư pháp</p> <p>- “ <i>Chữ ông Huân Cao đẹp lắm, vuông lắm ... có được chữ ông Huân mà treo là có một báu vật ở trên đời</i>”.</p> <p>- Ca ngợi tài của Huân Cao, nhà văn thể hiện quan niệm và tư tưởng nghệ thuật của mình: + Kính trọng, ngưỡng mộ người tài,</p>
--	--

<p><u>Nhóm 2.</u></p> <p>Theo em, quản ngục có phải người xấu, kẻ ác không? Vì sao? Vì sao quản ngục lại biệt đãi Huân Cao như vậy? Có phải chỉ vì ông tìm mọi cách xin chữ của ông Huân? Em hiểu nghĩa cụm từ biệt nhỡn liên tài là thế nào? Câu nói cuối cùng của quản ngục (Kẻ mê muội này xin bái lĩnh) có ý nghĩa gì?</p> <p><u>Nhóm 3.</u></p> <p>Cảnh cho chữ diễn ra vào lúc nào? ở đâu? Tại sao nói đây là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có?</p> <p><u>Nhóm 4.</u></p> <p>Nêu ý nghĩa cảnh cho chữ?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p>	<p>+ Trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc.</p> <p><i>b. Một con người có khí phách hiên ngang bất khuất:</i></p> <p>- Là thủ lĩnh của phong trào khởi nghĩa chống lại triều đình.</p> <p>- Ngay khi đặt chân vào nhà ngục:</p> <p>+ Trước câu nói của tên lính áp giải: không thềm để ý, không thềm chấp.</p> <p>+ Thản nhiên rũ rệp trên thang gông:</p> <p><i>“Huân Cao lạnh lùng ... nâu đen”</i></p> <p>Đó là khí phách, tiết tháo của nhà Nho uy vũ bất năng khuất. - Khi được viên quản ngục biệt đãi: <i>“Thản nhiên nhận rượu thịt”</i> như <i>“việc vẫn làm trong cái hứng bình sinh”</i></p> <p>phong thái tự do, ung dung, xem nhẹ cái chết.</p> <p>- Trả lời quản ngục bằng thái độ khinh miệt đến điều <i>“Người hỏi ta muốn gì ...vào đây”</i>.</p>
--	--

<p>* Nhóm 1 trình bày:</p> <p>- Kẻ cầm đầu cuộc đại nghịch chống triều đình bị bắt giam với án tử hình đang chờ ngày ra pháp trường.</p> <p>- Phẩm chất:</p> <p>+ Tài hoa, nghệ sĩ: <i>Có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp... Có được chữ Huấn Cao mà treo là có một vật báu trên đời... Thế ra y văn võ đều có tài cả.</i></p> <p>+ Nhân cách trong sáng, trọng nghĩa khinh lợi, có tài có tâm, coi khinh tiền bạc và quyền thế. Huấn Cao không chỉ là một nghệ sỹ tài hoa, mà còn là hiện thân của cái tâm kẻ sỹ. Có tấm lòng <i>biệt nhỡn liên tài</i>, một <i>thiên lương</i> cao cả.</p> <p>+ Khí phách hiên ngang: Coi thường cái chết, Mặc dù đang chờ ngày ra chặt đầu, vẫn nguyên vẹn tư thế ung dung, đàng hoàng, không biết cúi đầu trước quyền lực và đồng tiền. <i>Ta nhất sinh không vì tiền bạc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối ...đời ta mới viết... cho ba người bạn thân...</i></p> <p>- Hiểu tấm lòng và sở thích cao quý của thầy</p> <p>Quản, ông vô cùng xúc động và ân hận: <i>Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.</i></p>	<p>Không quy lụy trước cường quyền.</p> <p>=> Đó là khí phách của một người anh hùng.</p> <p>c. Một nhân cách, một thiên lương cao cả:</p> <p>- Tâm hồn trong sáng, cao đẹp: <i>“Không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ”</i>, và chỉ mới cho chữ <i>“ba người bạn thân”</i> trọng nghĩa, khinh lợi, chỉ cho chữ những người tri kỷ.</p> <p>- Khi chưa biết tấm lòng của quản ngục: xem y là kẻ tiểu nhân đối xử coi thường, cao ngạo. - Khi biết tấm lòng của quản ngục:</p> <p>+ Cảm nhận được <i>“Tấm lòng biệt nhỡn liên tài”</i> và hiểu ra <i>“Sở thích cao quý”</i> của quản ngục + Huấn Cao nhận lời cho chữ Chỉ cho chữ những người biết trân trọng cái tài và quý cái đẹp.</p> <p>- Câu nói của Huấn Cao:</p>
---	--

<p>* Nhóm 2 trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm nghề coi ngục (Cái xấu và cái ác) nhưng lại là người có tâm hồn nghệ sĩ, coi trọng cái đẹp, có tấm lòng “Biết nhõn liên tài” - Say mê kính trọng tài hoa và nhân cách anh hùng của Huấn Cao - Dám bất chấp luật pháp, làm đảo lộn trật tự trong nhà tù, biến một kẻ tử tù thành thần tượng để tôn thờ <p>-> Ngục quan có những phẩm chất khiến HC cảm kích coi là “ một tấm lòng trong thiên hạ” và tác giả coi đó là “ một thanh âm trong treo...”. Qua nhân vật này, nhà văn muốn nói, trong mỗi con người đều ẩn chứa tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. Cái đẹp chân chính, trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được “phẩm chất”, nhân cách”.</p> <p>Nhóm 3 trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc cho chữ vốn là một việc thanh cao, một sáng tạo nghệ thuật lại diễn ra trong một căn buồng tối tăm, chật hẹp..... <p>-> cái đẹp lại được sáng tạo giữa chốn hôi hám, như bản; thiên lương cao cả lại toả sáng ở chính nơi bóng tối và cái ác đang ngự trị</p>	<p><i>“ Thiếu chút nữa ... trong thiên hạ”</i></p> <p>Sự trân trọng đối với những người có sở thích thanh cao, có nhân cách cao đẹp.</p> <p>=> Huấn Cao là một anh hùng - nghệ sĩ, một thiên lương trong sáng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm của Nguyễn Tuân: Cái tài phải đi đôi với cái tâm, cái đẹp và cái thiện không thể tách rời nhau. <p>Quan niệm thẩm mỹ tiến bộ.</p> <p><u>3. Nhân vật Quản ngục.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẻ say mê chơi chữ đến kỳ lạ. - Kiên trì nhẫn nại, công phu, quyết xin chữ cho bằng được. - Suốt đời chỉ có một ao ước: <i>Có được chữ Huấn Cao mà treo trong nhà ...</i> - Có sở thích cao quý đến coi thường cả tính mạng sống của mình: <ul style="list-style-type: none"> + Muốn chơi chữ Huấn Cao. + Dám nhờ Thơ lại xin chữ. + Đối đãi đặc biệt với tử tù.
---	---

<p>- Người nghệ sĩ tài hoa say mê tô từng nét chữ không phải là người được tự do mà “ cổ đeo gông, chân vướng xiềng..”</p> <p>- Trật tự, kỉ cương trong nhà tù bị đảo ngược hoàn toàn: tù nhân trở thành người ban phát cái đẹp, răn dạy ngục quan; còn ngục quan thì khúm núm, vái lạy tù nhân</p> <p>-> Trong chốn ngục tù tăm tối đó, không phải cái xấu cái ác đang làm chủ mà chính là cái đẹp, cái thiện cái cao cả đã chiến thắng và toả sáng</p> <p>* Nhóm 4 trình bày:</p> <p>- Trong chốn ngục tù ấy cái đẹp, cái thiện, cái cao cả đã chiến thắng và toả sáng. Đây là việc làm của kẻ chi âm dành cho người tri kỷ, của một tấm lòng đền đáp một tấm lòng. Cái tâm đang điều khiển cái tài, cái tâm cái tài đang hoà vào nhau để sáng tạo cái đẹp.</p> <p>- Tư tưởng tác phẩm: Dù thực tại có tối tăm tàn bạo đến đâu cũng không thể tiêu diệt được cái đẹp. Cái đẹp bất khả chiến bại. Niềm tin mãnh liệt thuộc về chủ nghĩa nhân văn sáng giá của nghệ thuật Nguyễn Tuân, đó là một lối sống, một nhân cách, một mẫu người.</p>	<p>Đó là cuộc chạy đua nguy hiểm, nếu lộ chuyện quản ngục chắc chắn không giữ được mạng sống.</p> <p>- Lần đầu: Bí mật sai thầy Thơ dâng rượu thịt đều đều.</p> <p>- Lần hai: Nhẹ nhàng, khiêm tốn nhưng bị Huấn Cao miệt thị, xua đuổi, mà vẫn ôn tồn, nhã nhặn.</p> <p>Muốn xin chữ của Huấn Cao. - Chọn nhằm nghề. Giữa bọn người tàn nhẫn, lừa lọc, thì hẳn lại có <i>tính cách dịu dàng...biết trọng người ngay.</i></p> <p>- Một tâm hồn nghệ sĩ tài hoa đã lạc vào chốn nhơ bẩn. Tuy làm nghề thất đức nhưng có một tâm hồn.</p> <p>Trong XHPK suy tàn, chốn quan trường đầy rẫy bất lương vô đạo, Quản ngục đúng là một con người <i>Vang bóng.</i></p> <p>- <i>Một tấm lòng trong thiên hạ....một âm thanh trong trời chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luận đều hỗn loạn xô bồ.</i></p>
--	---

GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Biết phục khí tiết, biết quý trọng người tài và yêu quý cái đẹp - một tấm lòng *Biệt nhỡn liên tài*. * **Cảnh Huấn Cao**

cho chữ viên Quản ngục

- Trong không gian chật hẹp, ẩm ướt, tối tăm, bẩn thỉu, khói bốc nghi ngút, dưới ánh sáng của ngọn đuốc tấm đầu là hình ảnh 3 cái đầu chụm lại. Một người tù cổ mang gông chân vướng xiềng đang tô đậm những nét chữ trên vuông lụa trắng tinh, cạnh viên quản ngục khúm núm, thầy thơ lại run run.

- Đó là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có:

+ Bởi việc cho chữ diễn ra trong nhà ngục bẩn thỉu, tối tăm, chật hẹp.

+ Bởi người nghệ sỹ sáng tạo trong lúc cổ mang gông, chân vướng xiềng ...

+ Bởi người tử tù lại ở trong tư thế bề trên, uy nghi, lồng lộng.

	<p>Còn kẻ quyền uy lại khúm núm run run, kính cẩn, vái lạy.</p> <p>Tác giả dựng lên thật đẹp nhóm tượng đài thiên lương với bút pháp tài năng bậc thầy về ngôn ngữ.</p>
Hoạt động 2: Tổng kết	
<p>a) Mục tiêu: HS nắm nội dung và nghệ thuật của truyện.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS nhận xét về nghệ thuật xây và ý nghĩa văn bản.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tình huống truyện độc đáo, đặc sắc. - Sử dụng thành công thủ pháp đối lập tương phản. - Xây dựng thành công nhân vật Huân Cao – người hội tụ nhiều vẻ đẹp. - Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại. <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p>
<p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến</p>	<p>“Chữ người tử tù” khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng đối với cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu</p>

thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.	nước thăm kín của nhà văn.
	- Ghi nhớ: SGK

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='b'

[3]='b'

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Dòng nào sau đây nêu đúng và rõ nhất đóng góp riêng của Nguyễn Tuân về khả năng tạo dựng không khí truyện phù hợp trong *Chữ người tử tù* ?

- a. Tác phẩm mang đậm không khí một thời vang bóng.
- b. Tác phẩm mang đậm không khí buổi giao thừa.
- c. Tác phẩm mang đậm không khí một thời đại.
- d. Tác phẩm mang đậm không khí một cổ xưa.

Câu hỏi 2: Dòng nào sau đây nêu đúng và rõ nhất những đóng góp giá trị của Nguyễn Tuân về nghệ thuật viết truyện trong *Chữ người tử tù* ?

- a. Đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều; ngôn ngữ giàu chất tạo hình
- b. Tình huống truyện độc đáo; đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều; ngôn ngữ giàu chất tạo hình.
- c. Tình huống truyện độc đáo; đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều.
- d. Tình huống truyện độc đáo; đậm không khí cổ xưa; thủ pháp đối lập, tương phản được sử dụng nhiều; ngôn ngữ giàu chất hội họa.

Câu hỏi 3: Lời tóm tắt nào sau đây nêu bật được tình huống truyện của *Chữ người tử tù*?

- a. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa hai người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau.
- b. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ oái ăm giữa những người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau.
- c. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ kì dị giữa hai người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau.
- d. Truyện xoay quanh một cuộc gặp gỡ thú vị giữa hai người thực chất là tri âm tri kỉ, nhưng lại ở vào vị thế đối nghịch, đối địch với nhau

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1 / Văn bản trên viết về nhân vật viên quản ngục. Nhà văn tỏ thái độ trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp nhân cách biết quý trọng cái đẹp và người tạo ra cái đẹp của nhân vật viên quản ngục-nghệ sĩ.

2/ Câu văn ... *viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ* được sử dụng biện pháp tu từ so sánh.

Hiệu quả: - Là hình ảnh súc tích tạo ra sự đối lập sắc nét giữa trong với đục, thuần khiết với ô trọc, cao quý với thấp hèn; giữa cá thể nhỏ bé, mong manh với thế giới hỗn tạp, xô bồ.

- Là hình ảnh so sánh hoa mỹ, đắt giá, gây ấn tượng mạnh, thể hiện một sự khái quát nghệ thuật sắc sảo, tinh tế giúp tác giả làm nổi bật và đề cao vẻ đẹp của tâm hồn nhân vật. Là chi tiết nghệ thuật mang đậm dấu ấn phong cách tài hoa của Nguyễn Tuân.

3/ Thủ pháp tương phản qua văn bản:

- *tàn nhẫn, bằng lừa lọc- tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay*

- *thanh âm trong trẻo- xô bồ*

- *thuần khiết-cặn bã*

- *tâm điền tốt và thẳng thắn- lũ quay quắt*

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

“Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.”

Ông Trờì nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.”

(Trích Chữ người tử tù, Tr110, SGK Ngữ văn 11, Tập I, NXBGD 2007)

Đọc văn bản trên và thực hiện những yêu cầu sau từ câu 1 đến câu 4:

1/ Văn bản trên viết về nhân vật nào? Nhà văn tỏ thái độ như thế nào

khi viết về nhân vật đó?

2 / Câu văn ... viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ được sử dụng biện pháp tu từ gì?

Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.

3 / Xác định thủ pháp tương phản qua văn bản trên.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật

-Gv chốt lại: Hình tượng nhân vật Huân Cao, Quản Ngục

- Chuẩn bị bài: *Luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận phân tích và so sánh*

Tuần Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 37:

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP THAO TÁC LẬP LUẬN

PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nắm được khái niệm về thao tác, so sánh

Xác định đúng các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong những ngữ liệu cho trước

- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích, so sánh

- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS thể hiện quan điểm cá nhân khi đánh giá các đề văn Gv đưa ra, giải quyết được các tình huống GV đưa ra.

- Năng lực sáng tạo: Biết cách đặt các câu hỏi khác nhau về một đề văn-xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới-phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan để hoàn

thành nội dung kiến thức bài học. Trình bày suy nghĩ và khái quát hóa thành các luận điểm.

- Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thành công việc chung, HS biết cách lắng nghe người khác, hòa giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/ Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Tìm câu văn sử dụng thao tác lập luận phân tích và so sánh trong văn bản sau:

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa”... Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyến (suối ngọc). Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng

suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải ngẫu nhiên. Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc. Tiếng hát của một danh ca Pháp từng thích nghe thời trẻ,

đến tuổi bảy mươi Bác còn nhờ chị Madolen Rípphó tìm lại họ. Tiếng suối ngàn của đất nước hay đó là tiếng hát của trái tim người nghệ sĩ yêu đời.

(Lê Trí Viễn) - **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: Trong các tiết học trước các em đã được tìm hiểu hai thao tác lập luận rất phổ biến trong làm văn nghị luận đó là thao tác lập luận phân tích và so sánh. Tuy nhiên trong thực tế nói và viết không phải bao giờ chúng ta cũng chỉ sử dụng một thao tác lập luận riêng lẻ, mà phải biết vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận thì nói, viết mới đạt hiệu quả giao tiếp cao. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ luyện tập vận dụng kết hợp hai thao tác thường được sử dụng trong văn nghị luận là phân tích và so sánh.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS ôn lại lí thuyết

- a) **Mục tiêu:** Hiểu được thao tác lập luận phân tích và so sánh
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ * GV đặt câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - Thế nào là thao tác lập luận phân tích ? - Cách thực hiện thao tác lập luận phân tích ? - Thế nào là thao tác lập luận so sánh ? 	I. Ôn tập lí thuyết : 1. Lập luận phân tích:

- Cách thực hiện một thao tác lập luận so sánh ?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.
- + HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận

Kết quả mong đợi:

- Ôn lại thao tác lập luận phân tích và lập luận phân tích

+ Cách phân tích: Chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định

+ Yêu cầu của phân tích:

++ Khi phân tích cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (qhệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, qhệ giữa các đối tượng với các đối tượng liên quan, qhệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...); đồng thời đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, chú ý đến mỗi

Chia nhỏ vấn đề ra theo một tiêu chí nào đó để làm sáng tỏ vấn đề đang bàn luận.

2 . Lập luận so sánh:

Đặt đối tượng đang bàn luận trong tương quan với đối tượng khác để làm sáng tỏ đối tượng.

quan hệ giữa các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất

++ Phân tích cụ thể bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp và khái quát

++ Khi phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức.

- Ôn lại thao tác lập luận phân tích và lập luận so sánh

+ Có hai cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản.

+ So sánh phải dựa trên cùng một tiêu chí, chung một bình diện, so sánh phải đi đôi với nhận xét, đánh giá thì sự so sánh mới trở nên sâu sắc.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và làm bài tập.

b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) **Sản phẩm:**

d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi theo thảo luận nhóm.</p> <p><u>Nhóm 1+2 . Bài tập 1/tr 20:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đoạn trích sử dụng những thao tác lập luận nào? minh họa?</i> - <i>Mục đích, tác dụng kết hợp các thao tác lập luận đó?</i> - <i>Rút ra kết luận về việc vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận trong một đoạn văn?</i> <p><u>Nhóm 3+4. Bài tập 2/tr 20:</u></p> <p>HS vận dụng kết hợp phân tích và so sánh, viết đoạn văn trình bày vẻ đẹp của một bài thơ(bài văn) mà mình yêu thích.</p> <p>Đề: Trong <i>Hai Đứa Trẻ</i> , Thạch Lam đã làm người đọc xúc động trước tâm trạng của hai chị em Liên và An, đêm đêm chờ đợi chuyến tàu đi qua phố huyện. Hãy phân tích tâm trạng đó và cho biết qua đây ta có thể hiểu gì về tấm lòng của tác giả.</p> <p>GV: Có thể đọc các đoạn văn tham khảo trong SGK, sách hướng dẫn học bài ngữ văn 11.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. 	<p>II. <u>LUYỆN TẬP :</u></p> <p>1 . Bài tập 1/tr 120:</p>
--	---

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS báo cáo kết quả Kết quả mong đợi:

1. Bài tập 1

* Gợi ý

- Đoạn văn sử dụng thao tác phân tích và thao tác so sánh:

+ Phân tích “ Tự kiêu tự đại là khờ dại. Vì mình hay còn nhiều người hay hơn mình. Mình giỏi, còn nhiều người giỏi hơn mình. Tự kiêu tự đại tức là thoái bộ”

+ So sánh: Người mà tự kiêu tự mãn thì cũng như cái chén, cái đĩa cạn (để thấy sự nhỏ bé, vô nghĩa và đáng thương của thói tự kiêu tự mãn đối với mỗi cá nhân trong tập thể hoặc cộng đồng)

-> Thao tác phân tích đóng vai trò chủ đạo, thao tác so sánh có vai trò bổ trợ. Phân tích giúp con người nhận thức bằng tư duy trừu tượng, so sánh giúp con người nhận thức bằng tư duy cụ thể

2. Bài tập 2: Gợi ý

Phân tích tâm trạng của nhân vật Liên :

a. Hoàn cảnh của nhân vật (hoàn cảnh chi phối tâm trạng)

Gia đình đang trong cảnh cha thất nghiệp, mẹ tần tảo.

Liên phải phụ mẹ coi quán hàng xén .. phải xa Hà Nội. Cảnh ngày tàn, chiều xuống và đêm đen bao

2. Bài tập 2/tr 120:

- Xác định chủ đề bài văn cần viết.

- Xác định những ý chính nào để làm sáng tỏ chủ đề của bài văn và sắp xếp chúng thành một dàn ý hợp lí, khoa học.

- Luận điểm nào được chọn để làm sáng tỏ? Nó nằm ở vị trí nào trong bài dàn ý?

- Xác định câu chuyển ý cho phù hợp giữa các ý trong bài văn.

- Để làm sáng tỏ luận điểm trên cần phải có những luận cứ nào. Đây là lúc cần sử dụng các thao tác lập luận. Xác định rõ ràng nên sử dụng thao tác phân tích hay so

trầm tác động đến tâm trạng Liên . Nhưng ở tuổi của Liên, chưa có tâm trạng (như là dòng chảy cảm xúc suy nghĩ). Tâm trạng Liên thể hiện qua mắt nhìn của Liên trên cảnh vật.

b. Liên buồn trước thực tại:

-Cảnh ngày tàn “ Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn ”;

- Buồn nuôi tiếc quá khứ, buổi tối khi còn ở Hà Nội, Liên được đi chơi, được uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Buồn trước cuộc sống lam lũ, tù đọng, nghèo đói, tăm tối.

+ “Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm Tỏi . Chúng nhặt nhạnh thanh nứa thanh tre..Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó “

+ “Tất cả phố xá trong huyện bây giờ thu nhỏ lại nơi hàng nước của chị Tý ”

+ Mẹ con chị Tý dọn hàng chẳng bán được gì. Hôm nay chợ phiên mà Liên bán hàng “ chẳng ăn thua gì ‘. Gia đình bác xẩm lê la ở dưới đất , tiếng đàn bầu bần bật trong yên lặng. “Đêm ở trong phố tịch mịch và đầy bóng tối ”.

c. Liên mơ ước một thế giới khác:

sánh; thao tác nào là chủ đạo.

3. Bài tập 3/tr 121:

<p>- Liên thức để chờ tàu là để được nhìn thấy một thế giới khác : thế giới đầy ánh sáng , chuyển động , vui vẻ khác với thế giới tăm tối tù đọng hiện tại;</p> <p>“Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm. Hà Nội sáng rực vui vẻ huyền ảo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái quãng sáng ngọn đèn chị Tý và ánh sáng lửa của bác Siêu. Đêm tối bao bọc xung quanh, đêm của đất quê và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng” .</p> <p>- Thạch Lam tập trung miêu tả tâm trạng chờ tàu và cái nhìn của Liên lúc đoàn tàu đi qua. Đoàn tàu đến là một “ làn khói bừng sáng trắng lên từ xa ”. Khi tàu qua : “các toa đèn sáng trưng.., đồng và kèn lấp lánh và các cửa kính sáng”. Khi tàu đi khỏi , “ những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt ” . Màu trắng , đỏ, vàng lấp lánh là màu của rực rỡ niềm vui. Những âm thanh nhanh, mạnh , dồn dập : tiếng còi rít lên , tàu rầm rộ đi tới .. tất cả tương phản với thực tại tăm tối của Liên.</p> <p>- HS dựa vào phân thân bài đã xây dựng, lựa chọn viết một luận điểm trong đó sử dụng thao tác lập luận phân tích và so sánh.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học</p>	
--	--

tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

- Xây dựng đoạn văn Vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh. - làm rõ sự khác nhau giữa hình ảnh con cò trong 2 văn bản

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh, viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh con cò trong văn bản sau:

- Con cò lặn lội bờ sông (Ca dao)

- Lặn lội thân cò khi quãng vắng (Thương vợ-Trần Tế Xương) - HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

Trả lời:

Hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được khắc hoạ với những chuyển biến trong nhận thức, hành động và trở thành người anh

hùng cứu nước. Sử dụng thao tác lập luận phân tích, so sánh là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của đề bài.

- Bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, biết cách lựa chọn từ ngữ, câu văn diễn đạt mạch lạc ý văn nghị luận.

- Tìm ý và lập dàn ý.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Lập dàn ý cho đề bài sau:

Phân tích để thấy được sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của người nông dân trong hoàn cảnh đất nước có giặc xâm lược được thể hiện qua Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

-HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài

-Gv chốt lại: kiến thức lí thuyết và bài tập

- Chuẩn bị bài: **Hạnh phúc của một tang gia**

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 38, 39:

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA

-Vũ Trọng Phụng-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội, chủ đề, phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng qua tác phẩm;

- Hiểu được những đặc sắc nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng.

- Thấy được bản chất lố lăng, đồi bại của xã hội thượng lưu thành thị trước Cách mạng.

- Nhận ra bản chất lỗi lãng, đồi bại của xã hội “thượng lưu” thành thị những năm trước cách mạng tháng tám năm 1945.
- Thấy được thái độ phê phán mạnh mẽ và bút pháp châm biếm mãnh liệt, đầy tài năng của Vũ Trọng Phụng: vừa xoay quanh mâu thuẫn trào phúng cơ bản, vừa sáng tạo ra những tình huống khác nhau, tạo nên một màn hài kịch phong phú, biến hoá ở chương XV của tiểu thuyết “Số đỏ”.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: lí giải vấn đề đời sống được thể hiện qua tác phẩm sự lên án những nghịch lí, lỗi lãng của xã hội giao thời;
- Năng lực sáng tạo: học sinh xác định và hiểu được những ý tưởng mà tác giả muốn gửi gắm. Trình bày được suy nghĩ của mình trước giá trị cuộc sống được thể hiện qua tác phẩm.
- Năng lực hợp tác: HS cùng chia sẻ, phối hợp với nhau qua hoạt động thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp TV: HS giao tiếp cùng tác giả qua văn bản, nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ văn học-tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng; biết lên án cái xấu, biết hướng thiện..

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Ngữ liệu nghị luận xã hội và nghị luận văn học để tóm tắt;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- GV giao nhiệm vụ:
 - + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) + Chuẩn bị bảng lắp ghép hình ảnh tác giả *Vũ Trọng Phụng*.
 - HS thực hiện nhiệm vụ:
 - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Xã hội tư sản thành thị Việt Nam những năm 30 thế kỷ XX thực chất là một XH thực dân nửa phong kiến thuộc địa đầy bất công, giả dối, nhố nhăng với những phong trào Âu hóa, vui vẻ trẻ trung do bọn thực dân Pháp khởi xướng, một XH chó đẻ, khốn nạn đáng khinh bỉ, lên án và tố cáo. Vũ Trọng Phụng đã làm việc đó bằng vũ khí sở trường của mình, tiếng cười tự trào phúng qua tiểu thuyết trào phúng lừng danh Số đỏ*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tóm tắt ý chính trong Tiểu dẫn, trình bày hiểu biết về nhà văn? • Tóm tắt tác phẩm theo đoạn cuối mục Tiểu dẫn? • Nhấn mạnh lại những giá trị chính về nội dung và nghệ thuật. • Nêu vị trí đoạn trích và chia bố cục đoạn trích 	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vũ Trọng Phụng (1912 – 1939), quê Hưng Yên, sống chủ yếu ở Hà Nội. - Nổi tiếng ở hai lĩnh vực phóng sự và tiểu thuyết. - Các tác phẩm tiêu biểu: <i>Số đỏ</i>, <i>Giông tố</i>, <i>Vỡ đê</i>, <i>Cạm bẫy người</i>....
--	---

<p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận - Trình bày lại một cách ngắn gọn nội dung của văn bản nghị luận gốc theo mục đích đã định trước. - Mục đích quyết định lựa chọn những thông tin đưa vào văn bản nhằm: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được bản chất của văn bản + Nguồn dữ liệu dùng vào nhiều trường hợp + Người đọc nắm chắc các thao tác, có dịp rèn luyện tư duy và cách diễn đạt cho mình. <p>Mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hình thành các tư tưởng, luận điểm của văn bản gốc. - Không được xuyên tạc và tự ý thêm những điểm không có trong văn bản gốc. - Diễn đạt ngắn gọn súc tích, loại bỏ những thông tin không phù hợp với mục đích tóm tắt 	<p>2. Tác phẩm <i>Số đỏ</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt: SGK - Giá trị: phản ánh hiện thực, phê phán xã hội thượng lưu thành thị ở VN trước 1945, đặc biệt là những trào lưu Âu hóa, văn minh rôm đời lố lăng. - Bố cục: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: Từ đầu đến “<i>cho Tuyết vậy</i>”: niềm vui và hạnh phúc của các thành viên gia đình và mọi người khi cụ tổ qua đời. + Đoạn 2: Tiếp theo đến “<i>Đám cứ đi</i>”: Cảnh đám ma gương mẫu. + Đoạn 3: Còn lại: Cảnh hạ huyệt.
--	--

<p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p> <p>- GV Nhấn mạnh những điểm chính.</p> <p><i>GV tích hợp kiến thức Lịch sử để làm sáng tỏ bối cảnh lịch sử Việt Nam 30 đầu thế kỉ XX, đó là xã hội giao thời thực dân nửa phong kiến mà nhà văn đã sống và cảm nhận vô cùng.</i></p>	
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc – hiểu văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS nắm được cách tóm tắt văn bản nghị luận</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Em có suy nghĩ gì về nhan đề đoạn trích : <i>Hạnh phúc của một tang gia</i>?</p> <p>GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1 : Niềm vui chung cho cả gia đình cụ cố Tổ thể hiện như thế nào?</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản</p> <p>1. Ý nghĩa nhan đề</p> <p>- Nhà có tang mà lại vui vẻ, sung sướng, hạnh phúc</p> <p>→ Hạnh phúc của một gia đình vô phúc, niềm vui của lũ con cháu đại bất hiếu.</p> <p>- Phản ánh một sự thật mỉa mai, hài hước và tàn nhẫn:</p>

Nhóm 2 : Thái độ của từng thành viên trong gia đình cụ cố Hồng khi cụ Tổ chết(Cô Tuyết, cậu Tú Tân, ông Phán, Xuân tóc đỏ)?

Nhóm 3: Cái chết của cụ Tổ còn đem lại niềm vui và hạnh phúc cho những ai nữa ? Tại sao họ lại *hạnh phúc* khi cụ Tổ chết?

Nhóm 4: Tác giả muốn nói gì với bạn đọc thông qua cách miêu tả thái độ của các thành viên trong và ngoài gia đình cụ cố Hồng?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

* **Nhóm 1 trình bày:**

“cụ cố tổ chết- cái chúc thư kia sẽ đi vào thời kì thực hành chứ không còn lí thuyết viển vông nữa”

=> Một gia đình đại bất hiếu.

Con cháu của đại gia đình này thật sung sướng khi cụ cố tổ chết → Tình huống trào phúng chủ yếu của toàn bộ chương truyện.

2. Tâm trạng các nhân vật trước cái chết của cụ Tổ

a/ Cụ cố Hồng: “ *mơ màng đến cái lúc lão mặc đồ xô gai, chống gậy ho khạc...*” để được thiên hạ khen. đưa con bất hiếu, háo danh.

b/ Vợ chồng Văn Minh : mừng vì di chúc sẽ được thực hiện, những món đồ đạc tang sẽ được tung ra. hám của, hám lợi.

c/ Tuyết: được dịp ăn mặc thời trang, khoe khoang.

Cơ hội để chưng diện, khoe khoang sự hư hỏng

d/ Cậu tú Tân: sướng vì được dùng máy ảnh mới, khoe tài chụp hình.

là dịp để giải trí, khoe tài chụp ảnh.

*** Nhóm 2**

a/ Cụ cố Hồng: “ *mơ màng đến cái lúc lão mặc đồ xô gai, chống gậy ho khạc...* ” để được thiên hạ khen.

đứa con bất hiếu, háo danh.

b/ Vợ chồng Văn Minh : mừng vì di chúc sẽ được thực hiện, những moden đám tang sẽ được tung ra.

hám của, hám lợi.

c/ Tuyệt: được dịp ăn mặc thời trang, khoe khoang.

Cơ hội để chung diện, khoe khoang sự hư hỏng

d/ Cậu tú Tân: sướng vì được dùng máy ảnh mới, khoe tài chụp hình. là dịp để giải trí, khoe tài chụp ảnh.

e/ Ông Phán mọc sừng: vui vì được chia món tiền to, tính chuyện làm ăn với Xuân. Được chia một phần tiền vì “đôi sừng” của mình

- Xuân Tóc Đỏ: “*Ông già ... thêm to ... dám nhận*”

Danh giá và uy tính của Xuân càng cao thêm

e/ Ông Phán mọc sừng: vui vì được chia món tiền to, tính chuyện làm ăn với Xuân. Được chia một phần tiền vì “đôi sừng” của mình

- Xuân Tóc Đỏ: “*Ông già ... thêm to ... dám nhận*”

Danh giá và uy tính của Xuân càng cao thêm

=> *Cả nhà đều sung sướng đến bất hiếu mà quên đi đạo lí thông thường của dân tộc .*

“cụ cố tổ chết- cái chúc thư kia sẽ đi vào thời kì thực hành chứ không còn lí thuyết viển vông nữa”

=> Một gia đình đại bất hiếu.

=> *Cả nhà đều sung sướng đến bất hiếu mà quên đi đạo lý thông thường của dân tộc .*

*** Nhóm 3**

- Hai vị cảnh sát Mìn Đơ và Mìn Toa “sung sướng cực điểm” vì đang thất nghiệp được thuê dẹp trật tự cho đám đông.
 - Bạn bè cụ cố Hồng: Có dịp phô trương đủ thứ huân, huy chương, các kiểu quần áo, đầu tóc, râu ria...
 - Đám phụ nữ quý phái, đám trai thanh gái lịch: Có dịp tụ tập để khoe khoang, hợ hờ nhau, chim chuột nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau...
 → Mọi người dù chủ hay khách đều vui vẻ, hạnh phúc trước cái chết của cụ cố Tổ.

*** Nhóm 4 :** Đó chính là sự suy đồi về đạo lý, sự tha hoá về nhân cách con người. Tác giả khai thác những yếu tố mâu thuẫn để gây cười, cái cười phê phán đây mỉa mai châm biếm về một xã hội thực dân thu nhỏ với tất cả sự đồi bại, xuống dốc của đạo lý và nhân cách con người, đó là lời tố cáo của tác giả đối với xã hội Âu hoá rởm.

Cái chết của cụ Tổ là sự mong đợi của tất cả đám con cháu đại bất hiếu. Hạnh phúc của

<p>mỗi người trong tang gia không ai giống ai, mỗi niềm vui thể hiện một tính cách và bản chất của từng người một.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu đám tang của cụ Tổ</p> <p>a) Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa trào phúng của truyện</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đám tang cụ Tổ được miêu tả như thế nào? - Nhận xét thái độ của mọi người trong đám tang? - Suy nghĩ của em về những chi tiết cuối cùng trong đoạn trích (<i>Ông phán mọc sừng khóc muốn lặn đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã...Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra thì chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư...)?</i> 	<p>3. Đám tang của cụ Tổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề ngoài thật long trọng, “ gương mẫu” nhưng thực chất chẳng khác gì đám rước nhố nhăng : đám ma to tát, đi đến đâu làm huyên náo đến đâu. Có sự phối hợp cả Ta - Tàu -Tây, mọi người thi nhau chụp ảnh như hội chợ, tràn ngập vọng hoa, câu đối, đầy đủ các loại một quần áo, râu ria...

<p>Nhận xét tiếng khóc của ông Phán mọc sừng? về hình ảnh: <i>Đám cứ đi?</i> và chi tiết miêu tả : <i>người chết nằm trongmỉm cười sung sướng..?</i></p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>- Bề ngoài thật long trọng, “ gương mẫu” nhưng thực chất chẳng khác gì đám rước nhố nhăng : đám ma to tát, đi đến đâu làm huyền não đến đấy. Có sự phối hợp cả Ta - Tàu - Tây, mọi người thi nhau chụp ảnh như hội chợ, tràn ngập vọng hoa, câu đối, đầy đủ các loại một quần áo, râu ria...</p> <p>- Mọi người không ai đi đưa tang mà đang mãi trò chuyện về nhà cửa, vợ chồng, con cái, tất cả đang mãi bình phẩm, chê bai lẫn nhau, tình tự, chim chuột, hện hò nhau bằng cái vẻ mặt buồn buồn lằng mạn rất đúng mốt.</p>	<p>- Mọi người không ai đi đưa tang mà đang mãi trò chuyện về nhà cửa, vợ chồng, con cái, tất cả đang mãi bình phẩm, chê bai lẫn nhau, tình tự, chim chuột, hện hò nhau bằng cái vẻ mặt buồn buồn lằng mạn rất đúng mốt.</p> <p>Sự giả tạo, đóng kịch của giới tri thức rơm, đạo đức suy đồi của nền văn minh Âu hoá rơm.</p>
---	---

Sự giả tạo, đóng kịch của giới tri thức rởm, đạo đức suy đồi của nền văn minh Âu hoá rởm.

* Cảnh hạ huyết :

- Cậu Tú Tân yêu cầu mọi người tạo dáng để chụp ảnh, con cháu tự nguyện trở thành những diễn viên đại tài:

Cụ Cô Hồng ho khạc, máu mếu và ngất đi. Đặc biệt là “màn kịch siêu hạng” của ông Phán mọc sừng cứ oặt người đi khóc to bằng những âm thanh lạ:

Hút!...Hút!...Hút!...

Đám tang diễn ra như một tấn đại hài kịch. Nó nói lên tất cả sự lố lăng vô đạo đức của cái xã hội thượng lưu ngày trước. Cái xã hội mà tác giả gọi là *Chó đếu, khôn nạn*.

→ Kết thúc là chi tiết chua chát: *Phán mọc sừng cứ oặt người đi khóc trong tay xuân, bên cạnh bố vợ ho, khạc, mếu máu đúng qui cách..* nhưng thực chất là lén lút thanh toán tiền trả công cho xuân.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

(GV tích hợp kiến thức GD&ĐT, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh để hướng dẫn HS liên hệ bản thân về bài học đạo đức của con người trong xã hội hiện đại: lên án sự xuống dốc đạo đức, thái độ bất nhân, bất nghĩa, bất hiếu)

Hoạt động 3: Tổng kết

- a) **Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và ý nghĩa của truyện.
 b) **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
 c) **Sản phẩm:**
 d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi: *Nêu nội dung và nghệ thuật đặc sắc của truyện?*

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.
- b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='c'

[3]='a'

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: Dòng nào dưới đây nêu đúng mối quan hệ giữa từ **đỏ** trong nhan đề tác phẩm (Số đỏ) và đỏ trong tên nhân vật chính (Xuân Tóc Đỏ)?

- Chỉ hai từ đồng âm khác nghĩa, không có liên hệ gì với nhau.
- Cùng gợi liên tưởng đến một vài gì đặc biệt, hiếm có.
- Cùng gợi lên ý niệm về sự may mắn.
- Cùng tô đậm ấn tượng về loại tình huống, số phận kì lạ, khôi hài.

Câu hỏi 2: Chương *Hạnh phúc của một tang gia* có ý nghĩa gì trong sự phát triển, khơi sâu chủ đề “số đỏ”?

- Thêm một lần Xuân gặp vận may (“số đỏ”).
- Làm cho vai trò của Xuân Tóc Đỏ càng thêm nổi bật trong xã hội hợm hĩnh.
- Ngầm giải thích cái “số đỏ” kì lạ của Xuân và chuẩn bị cho một bước thăng tiến mới nhân vật này.
- Chương này có một ý nghĩa độc lập.

Câu hỏi 3: Dòng nào khái quát đủ và đúng nhất những điều kì quặc, khác thường mà tác giả phát hiện, miêu tả trong đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*?

- Tang gia thường bất hạnh, tang gia này ai ai cũng “hạnh phúc”.
- Tang gia thường buồn đau, tang gia này vui như mở cờ, mở hội.
- Đám tang thờn trang nghiêm, đám tang này thật ồn ào, bát nháo.
- Người đưa đám thường chân thành đến chia buồn, người ở đây phần nhiều vờ vịt, giả dối.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

1. Nội dung chủ yếu của đoạn văn là : kể về cảnh hạ huyết trong đám tang cụ cố tổ khi ông đã *chết thật*. Cậu Tú Tân say sưa chụp ảnh. Cụ cố Hồng cố tỏ vẻ đau khổ, ông Phán vừa khóc than thảm thiết vừa lên trả tiền công cho Xuân vì Xuân đã gây ra cái chết của ông cụ.

2. a/Biểu hiện các phép tu từ trong đoạn văn đó là :

- Liệt kê : *hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau mắt* -

Điệp từ: *Hút!...Hút!...Hút...*

b/Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là :

-Biện pháp liệt kê nhằm đưa ra những động tác mà cậu Tú Tân chỉ cho mọi người khi chụp hình lúc hạ huyết, đồng thời vạch trần bộ mặt *hạnh phúc* của đứa cháu bất hiếu này.

- Biện pháp tu từ điệp từ để nhấn mạnh tiếng khóc thu hút sự chú ý của mọi người, không phải xuất phát từ trái tim, cất lên từ đáy lòng của các nhân vật là con cháu cụ cố Tổ. Cụ Hồng khóc là cốt để người ta phải chú ý đến và khen cái gậy trong tay cụ và trầm trồ khen rằng “con giai nhón đã già đến thế kia”. Ông Phán mọc sừng khóc “oạt cả người đi” là cốt để người ta phải tưởng rằng, ông là một chàng cháu rể “quý hóa”.

3. a/Cảnh hạ huyết: một màn hài kịch nhỏ.

+ Cậu tú Tân: bắt bẻ mọi người tạo dáng chụp ảnh + Cụ cố Hồng: gần như ngất đi.

+ Chi tiết bất ngờ : ông Phán khóc đến oạt cả người nhưng vẫn tỉnh táo dúi tờ bạc vào tay Xuân, chuẩn bị cho một cuộc doanh thương mới.

b/ Hiệu quả nghệ thuật của màn hài kịch này:

- Tô đậm mâu thuẫn giữa bề ngoài đau đớn, tiếc thương và thực chất bên trong lạnh lùng, tính toán của ông Phán mọc sừng. Chính ông Phán đã thuê Xuân tóc đỏ làm cho cụ cố tổ uất mà chết nên phải trả tiền để giữ chữ tín ngay trong đám tang.

- Vạch trần sự bịp bợm, đẽo cáng của xã hội tư sản thành thị trước ma lực của đồng tiền; thể hiện tài phác thảo chân dung biếm họa và cảm quan hiện thực sắc nhọn của Vũ Trọng Phụng.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc đoạn trích:

“Đến huyết, lúc hạ quan tài,...

Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy...”

(Trích “*Hạnh phúc của một tang gia*”, Vũ Trọng Phụng)

Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 3:

- 1 . Nội dung chủ yếu của đoạn văn là gì ?
2. Trong đoạn văn trên, Vũ Trọng Phụng sử dụng các biện pháp tu từ như liệt kê, điệp từ . Xác định biểu hiện các phép tu từ đó và nêu tác dụng của hình thức nghệ thuật này là gì ?
3. Có thể nói đoạn văn trên là một màn hài kịch nhỏ. Hãy chỉ ra màn hài kịch đó và nêu hiệu quả nghệ thuật của nó ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ , về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung và nghệ thuật
- Gv chốt lại: Niềm vui của những người trong và ngoài gia đình.
- Chuẩn bị bài: **Phong cách ngôn ngữ báo chí**

Tuần 40

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 119:

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nắm được khái niệm ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ báo chí; các đặc trưng cơ bản của PCNN báo chí, phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác; Bước đầu làm quen với một số loại văn bản báo chí ở mức đơn giản: tin ngắn, phỏng vấn, quảng cáo,...

- Giúp HS nắm được khái niệm, đặc trưng ngôn ngữ báo chí và phong cách ngôn ngữ báo chí. Phân biệt được ngôn ngữ báo chí với ngôn ngữ ở văn bản khác được tăng tải trên báo.
- Có kĩ năng viết một mẫu tin, phân tích một bài phóng sự báo chí.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề: HS biết viết báo với các thể loại: phóng sự, bản tin, tiểu phẩm.
- Năng lực sáng tạo: qua thực hành, HS biết đặt các câu hỏi khác nhau về một vấn đề, xác định và làm rõ thông tin...

-Năng lực hợp tác: thảo luận nhóm.

-Năng lực giao tiếp: vận dụng những kiến thức tiếng Việt cũng như tri thức về bài học vào thực hành.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Suru tầm một số tờ báo chính thống.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV** giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và em có nhận xét gì về nội dung, ngôn ngữ sử dụng?

Chủ đề cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 45 là “Hãy viết một bức thư cho chính mình năm 45 tuổi”, hướng tới sự kích thích trí tưởng tượng và sự sáng tạo của các em học sinh.

Vượt qua hàng trăm bài viết của các thí sinh đến từ nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, bức thư viết về cậu bé Syria của Nguyễn Thị Thu Trang đã xuất sắc giành giải nhất Quốc tế trong cuộc thi Viết thư Quốc tế UPU lần thứ 45.

Với việc hóa thân vào cậu bé Aylan Kurdi- đứa trẻ đã chết trên bờ biển Bodrum, Thổ Nhĩ Kỳ trong một cuộc chạy trốn bạo lực cùng gia đình, vào tháng 5/2016 Nguyễn Thị Thu Trang cũng đã nhận giải nhất UPU Việt Nam.

(Nguồn

<http://vov.vn/xã-hoi/giao-duc/nu-sinh-viet-nam-dat-giai-nhat-viet-thu-quoc-te-up-u-553172.vov>)

- **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: *Lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân vốn là nguyên liệu vô tận của ngôn ngữ văn bản. Nhưng mỗi loại VB lại sử dụng ngôn ngữ theo một phong cách riêng. Để hiểu thêm điều đó, hôm nay chúng ta*

hãy tìm hiểu thêm phong cách ngôn ngữ của một loại VB mới: Phong cách ngôn ngữ Báo chí

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về một số thể loại văn bản báo chí

- a) **Mục tiêu:** Nắm được một số thể loại văn bản báo chí
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>* GV cho hs đọc các vd ở sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ <i>Bản tin cung cấp cho ta những thông tin gì? H: Nhận xét về ngôn ngữ.</i></p> <p>+ <i>So sánh điểm giống và khác nhau giữa vd1 và vd2. Từ đó nhận xét bản tin và phóng sự có gì giống và khác nhau?</i></p> <p>+ <i>Ngôn ngữ phóng sự có đặc điểm ntn?</i></p> <p>+ <i>Đọc tiểu phẩm ở sgk và nhận xét nội dung, ngôn ngữ của tiểu phẩm.</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo</p>	<p>I. Tìm hiểu bài :</p> <p>1. Ngôn ngữ báo chí.</p> <p>a. Một số thể loại văn bản báo chí.</p> <p>- Bản tin:</p> <p>- Phóng sự:</p> <p>- Tiểu phẩm:</p> <p>Ngoài ra còn một số thể loại khác như: <i>Phỏng vấn, bình luận, thời sự, trao đổi ý kiến, thư bạn đọc...</i></p> <p>+ Phân loại báo chí theo phương tiện: <i>báo viết, báo nói, báo điện tử.</i></p>
--	---

<p>luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>- Bản tin: Thời gian, địa điểm, sự kiện chính xác nhằm cung cấp tin tức cho người đọc.</p> <p>Thường theo một khuôn mẫu: <i>Nguồn tin – thời gian - địa điểm – sự kiện – diễn biến – kết quả.</i></p> <p>- Phóng sự: Cung cấp tin tức nhưng mở rộng phần tường thuật chi tiết sự kiện, miêu tả bằng hình ảnh, giúp người đọc có một cái nhìn đầy đủ, sinh động, hấp dẫn.</p> <p>- Tiểu phẩm: Giọng văn thân mật, dân dã, thường mang sắc thái mỉa mai, châm biếm nhưng hàm chứa một chính kiến về thời cuộc.</p> <p>Ngoài ra còn một số thể loại khác như: <i>Phỏng vấn, bình luận, thời sự, trao đổi ý kiến, thư bạn đọc...</i></p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =></p> <p>Ghi lên bảng</p>	<p>+ Phân loại theo định kỳ xuất bản: <i>báo hàng ngày (nhật báo), báo hàng tuần (tuần báo), báo hàng tháng (nguyệt báo, nguyệt san).</i></p> <p>+ Phân loại theo lĩnh vực hoạt động xã hội: <i>Báo Văn nghệ, báo Khoa học, báo Pháp luật, báo Thương mại, báo Giáo dục Thời đại...</i></p> <p>+ Phân loại theo đối tượng độc giả: <i>báo Nhi đồng, báo Tiền phong, báo Thanh niên, báo Phụ nữ, báo Lao động...</i></p>
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu về ngôn ngữ báo chí</p> <p>a) Mục tiêu: Hiểu được kiến thức về ngôn ngữ báo chí</p>	

<p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>

<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thế nào là ngôn ngữ báo chí ? - Mặc dù có nhiều thể loại khác nhau nhưng ngôn ngữ báo chí chung một mục đích và nhiệm vụ gì? - Văn bản báo chí và ngôn ngữ báo chí có những điểm chung gì? <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nhóm lần lượt trình bày <p>Kết quả mong đợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. 	<p>b. Ngôn ngữ báo chí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tồn tại ở 2 dạng chính: Báo viết và báo nói. - Ngoài ra còn: Báo hình, báo điện tử. <p>Ngôn ngữ báo chí có một chức năng chung là cung cấp tin tức thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng. Đồng thời nêu lên quan điểm chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.</p>
--	---

<p>- Chức năng chung: cung cấp tin tức thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng. Đồng thời nêu lên quan điểm chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 3: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: Nắm được kiến thức lí thuyết và vận dụng vào làm bài tập</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Viết bản tin về đề tài trật tự an toàn giao thông. - Nhóm 2: Viết bản tin về vấn đề học đường. - Nhóm 3: Viết bản tin phản ánh tình hình học tập của lớp mình. - Nhóm 4: Viết bản tin về vấn đề an ninh khu dân cư. 	<p>II. Luyện tập.</p> <p>Bài 2: Phân biệt:</p> <p>a/Bản tin :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin ngắn gọn - Thông tin kịp thời, cập nhật <p>b/Phóng sự :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vừa đủ thông tin sự việc, vừa miêu tả cụ thể

<p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>- Yêu cầu gợi cảm, gây được hứng thú.</p>
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh: 1B, 2A</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Tin tức, phóng sự, bình luận và tiểu phẩm thuộc phong cách ngôn ngữ cụ thể nào?</p> <p>A. Phong cách ngôn ngữ văn chương</p> <p>B. Phong cách ngôn ngữ báo – công luận</p> <p>C. Phong cách ngôn ngữ gọt giũa</p>	

D. Phong cách ngôn ngữ chính luận

2. Ngôn ngữ báo chí có được sử dụng những cách diễn đạt biểu cảm và những biện pháp tu từ hay không?

A. Có

B. Không

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Trả lời:

- Thông tin đưa ra phải chính xác, kịp thời, có chọn lựa;

Chỉ ra những từ ngữ, câu văn được dùng thể hiện phong cách ngôn ngữ báo chí. **d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ: **Viết những tin vắn về hoạt động của lớp trong tháng 9 và tháng 10. Phân tích ngôn ngữ báo chí thể hiện qua văn bản***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

-HS tự tóm tắt những nét chính về bài học HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

- HS tự tóm tắt những nét chính về bài học

Tiết 41 Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

TRẢ BÀI SỐ 3

I Mục tiêu

1.Kiến thức:

- Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng viết văn nghị luận
- Rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản có đủ bộ cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung

3.Thái độ, phẩm chất:

- Thái độ: Có tình cảm chân thành trước những vấn đề có ý nghĩa trong cuộc sống - Phẩm chất: Sống yêu thương, sống tự chủ và sống trách nhiệm...

4.Phát triển năng lực:

- Năng lực chung:
- + Năng lực tự học, năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tính toán, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông - Năng lực riêng:
- + Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày
- + Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học
- + Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

III. Chuẩn bị

1/Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Chuẩn bị của học sinh

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

IV. Tổ chức dạy và học .

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ:Không

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt.
Hoạt động 1: Khởi động Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Chiếu một vài hình ảnh về việc thi cử và những hình ảnh gian lận khi thi của học sinh Yêu cầu HS xem hình ảnh đoán sự việc diễn ra	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

<p>Nhóm nào đoán đúng sẽ là nhóm thắng cuộc.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: suy nghĩ trả lời câu hỏi GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận. GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>- Từ đó GV giới thiệu vào bài mới: <i>Ở tiết trước, các em đã được viết bài văn nghị luận xã hội. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ được nhìn nhận lại những điểm mạnh và điểm yếu trong bài viết của mình.</i></p>	
---	--

<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p> <p><i>Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm văn.</i> - Mục tiêu: Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình. - Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi</p> <p>- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân</p>	<p>I. Sửa chữa bài làm :</p> <p>1. Yêu cầu.</p> <p>- Đề bài yêu cầu tạo lập văn bản nghị luận xã hội</p> <p>- Các ý phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lý; phân tích triển khai các ý để bài viết không đơn điệu, khô khan.</p>
<p>- Các bước thực hiện:</p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Giáo viên chép đề lên bảng, yêu cầu học sinh phân tích đề và lập dàn ý , từ đó, giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình.</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình.</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét bài làm của học sinh, giúp học sinh chữa lỗi.</p>	<p>- Lời văn phải đạt yêu cầu về ngữ pháp, tránh lặp từ.</p> <p>2 . Lập dàn ý:</p>

<p>Hoạt động 3: Vận dụng</p> <p><i>Giáo viên rút kinh nghiệm về cách làm bài văn nghị luận xã hội</i></p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh rút kinh nghiệm, có kỹ năng làm bài tốt hơn.</i></p> <p><i>- Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i></p> <p><i>- Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi</i></p>	<p>II . Nhận xét về ưu khuyết điểm.</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bài viết thể hiện được suy nghĩ cá nhân sâu sắc. - Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. <p>2. Khuyết điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân.
<p><i>- Hình thức tổ chức: học sinh hoạt động độc lập.</i></p> <p><i>- Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV đặt vấn đề để học sinh tự nhận thức được những ưu, khuyết điểm, đưa ra những kinh nghiệm làm bài văn nghị luận</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>HS: Tự rút ra những kinh nghiệm mình có được qua phần sửa chữa, nhận xét của giáo viên.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kỹ năng làm bài văn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Gv: Nhận xét. Chốt kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều bài trình bày câu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ. <p>3 . Đọc bài làm tốt.</p> <p>4. Trả bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu ý kiến của HS. - Chỉnh sửa (nếu có)

Hoạt động 5: Mở rộng B1: GV giao nhiệm vụ cho HS (thực hiện ở nhà) Suu tầm những câu ca dao, câu thơ về việc học tập và thi cử để làm tư liệu học tập. B2: HS làm bài tập ở nhà	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.
B3: HS nộp sản phẩm trong tiết học sau.	

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 42:

CHÍ PHÈO

Nam Cao I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nắm được những nét cơ bản về tiểu sử, quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính, tư tưởng chủ đạo và phong cách nghệ thuật của Nam Cao.

Ảnh hưởng của quê hương, gia đình, hoàn cảnh xã hội làm nên tài năng Nam Cao -Tác giả: những đặc điểm chính về quan điểm nghệ thuật; những đề tài chủ yếu; phong cách nghệ thuật của nhà văn.

- Tác phẩm Chí Phèo

2. Năng lực:

-Năng lực sáng tạo: HS xác định và hiểu được ý đồ nghệ thuật của nhà văn Nam Cao thông qua nội dung tác phẩm; định hướng được thái độ của mình trước hiện tượng xã hội đương thời; đọc văn bản dưới sự hướng dẫn của GV và trở thành người đồng sáng tạo với tác phẩm.

-Năng lực hợp tác: thể hiện qua thảo luận nhóm.

-Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ được thể hiện trong tp: cái đẹp, cái xấu, cái bi, cái hài...từ đó cảm nhận được giá trị tư tưởng và cảm hứng nghệ thuật của nhà văn.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Sưu tầm tranh, ảnh về chân dung Nam Cao, quê hương, gia đình, ngôi mộ mới xây, nhà tưởng niệm nhà văn
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
 - GV giao nhiệm vụ:

- + Trình chiếu một đoạn Phim Làng Vũ Đại ngày ấy, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
- + Nhìn hình đoán tác giả *Nam Cao và truyện Chí Phèo*.
- + Lắp ghép tác phẩm với tác giả - **HS** thực hiện nhiệm vụ:
- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả Nam Cao

- a) **Mục tiêu:** HS biết được tiểu sử và con người nhà văn Nam Cao
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phần tiểu dẫn/SGK + GV: Em có nhận xét gì về cuộc đời Nam Cao? Có thể gọi Nam Cao là nhà văn chiế sĩ, nhà văn liệt sĩ được không? Vì sao? <i>Đặc điểm nổi bật về con người Nam Cao ?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i> , đoạn viết trong SGK, tr 137 – 138, tự tóm tắt những ý chính.	PHẦN MỘT: TÁC GIẢ. I. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ VÀ CON NGƯỜI. 1. Con người - Trần Hữu Tri (1917-1951) , quê Hà Nam => vùng chiêm trũng, nông dân xưa nghèo đói, bị ức hiếp, đực khoét. - Sau khi học xong bậc thành chung, ông vào Sài Gòn làm

+ HS lần lượt trả lời từng câu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:	báo, thất nghiệp, đi dạy học ở Hà Nội, về quê. - 1943 tham gia Hội văn hóa cứu quốc, làm chủ tịch xã
---	---

<p>- Nam Cao tên thật là Trần Hữu Tri, quê làng Đại Hoàng, thuộc tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo. Nam Cao là người con duy nhất trong một gia đình đông con được ăn học tử tế. Học xong bậc thành chung (Cấp THCS), năm 1935 Nam Cao vào Sài Gòn và có ý định ra nước ngoài học tập. Sau khoảng hơn ba năm, do đau ốm, ông phải trở về quê. Từ đó NC phải sống một cách chật vật, làm đủ nghề: viết văn, làm báo, làm gia sư, viết quảng cáo...</p> <p>- NC sớm giác ngộ CM: Tháng 4 năm 1943 NC tham gia vào Hội văn hóa cứu quốc do Đảng cộng sản tổ chức và lãnh đạo. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ tháng 12/1946 NC về làm công tác tuyên truyền ở tỉnh Hà Nam. Mùa thu 1947, NC lên Việt Bắc làm phóng viên, thư kí tòa soạn báo Cứu quốc. Năm 1950 tham gia chiến dịch Biên giới. Tháng 11/1951 trên đường đi công tác vào vùng địch hậu thuộc Liên khu 3, NC đã</p>	<p>(1945), kháng chiến chống Pháp. Hy sinh 1951.</p> <p>2 . Con người</p> <p>- Thường mang tâm trạng u uất, bất hòa với XHTDPK. Thương luôn tự đấu tranh nội tâm để hướng tới những điều tốt đẹp.</p> <p>- Có tấm lòng đôn hậu, yêu thương con người, nhất là những người bé nhỏ, nghèo khổ; gắn bó sâu nặng với bà con ruột thịt ở quê hương.</p>
---	---

hi sinh khi tuổi đời còn quá trẻ, tài năng đang độ sung mãn và đầy hứa hẹn.

- Nam Cao là con người có bề ngoài lạnh lùng, ít nói nhưng có đời sống nội tâm phong phú. Ông luôn nghiêm khắc đấu tranh với bản thân để thoát khỏi lối sống tầm thường nhỏ hẹp, vươn tới một cuộc sống cao đẹp xứng đáng với danh hiệu con người. Nam Cao thường hổ thẹn về những gì mà ông cảm thấy tầm thường, thấp kém của mình

- Có tấm lòng đôn hậu, chan chứa tình thương, đặc biệt có sự gắn bó sâu nặng với quê hương và những người nông dân nghèo khổ, bị áp bức và khinh miệt trong XH cũ, vì thế không ít tác phẩm của Nam Cao viết về kiếp người lâm than là những thiên trữ tình đầy sự đồng cảm, xót thương. Ông hay suy nghĩ về nhiều vấn đề trong đời sống để rút những nhận xét có tầm triết lí sâu sắc và mới mẻ.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu sự nghiệp văn học

- a) **Mục tiêu:** HS nắm được về phương pháp tóm tắt bản nghị luận
- b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm bản:**
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học

tập Hướng dẫn HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1: Trình bày quan điểm nghệ thuật của nhà văn Nam Cao ?

Nhóm 2: Những đề tài chính của NC trước và sau CM8 ? Tác phẩm , nội dung ?

Nhóm 3: Sau CM tháng 8 /1945, sự nghiệp sáng tác của ông có gì đáng lưu ý?

Nhóm 4: Phong cách nghệ thuật của tác giả

NC

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

* **Nhóm 1** trình bày:

II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC.

1 . Quan điểm nghệ thuật .

Ông trình bày quan điểm của mình qua những nhân vật. Có các điểm chính:

- *Văn chương phải vì con người*, phải trung thực, không nên viết những điều giả dối, phù phiếm.

- *Tác phẩm VH phải có ý nghĩa* XH rộng lớn sâu sắc, phải có nội dung nhân đạo sâu sắc.

- *Người viết văn* phải không ngừng sáng tạo, tìm tòi.

- *Nhà văn phải có vốn sống* phong phú thì mới viết được tp có giá trị.

2. Các đề tài chính .

a. Đề tài người trí thức.

- Nội dung :miêu tả sâu sắc tấn bi kịch tinh thần của những người

- Nhà thơ không chạy theo cái đẹp cái thơ mộng mà quay lưng với hiện thực để rồi viết ra những điều giả dối, phù

trí thức nghèo trong XH cũ.Họ có hoài bão, lí tưởng, tài năng nhưng bị gánh nặng

<p>phiếm. Mà trái lại phải nói lên những nỗi khổ đó của họ mà lên tiếng (Lên án VH lãng mạn thoát li cũng có nghĩa là Nam Cao lên án quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, khẳng định nghệ thuật vị nhân sinh. Nam Cao yêu cầu nghệ thuật phải gắn bó với đời sống của nhân dân lao động “Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than” nhà văn cần phải “đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...” (<i>Giăng sáng</i>))</p> <p>- Văn chương chân chính là văn chương chương thấm đượm lí tưởng nhân đạo, vừa mang nỗi đau nhân tình (Trong <i>Đời thừa</i> dẫu nuôi nhiều hoài bão về nghệ thuật, nhưng Hộ vẫn có thể hi sinh nghệ thuật cho cuộc sống, dù trong hoàn cảnh nào nhân vật này cũng không thể bỏ người vợ gầy yếu và những đứa con thơ dại của mình. Bài học có thể rút ra từ nhân vật Hộ là nhà văn muốn viết cho nhân đạo thì phải sống cho nhân đạo.)</p> <p>-Nhà văn phải biết “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một</p>	<p>cơm áo và hoàn cảnh XH bóp nghẹt, trở thành những người thừa, sống mòn.</p> <p>- Các tp tiêu biểu: “ <i>Trăng sáng</i>”, “<i>Đời thừa</i>”, “<i>Mua nhà</i>”</p> <p>...</p> <p>b. Đề tài người nông dân.</p> <p>- Nội dung chín h</p> <p>+ Một bức tranh chân thực về nông thôn VN nghèo đói, thê thảm những năm trước 1945.</p> <p>+ Nhà văn đặc biệt chú ý hai đối tượng : những người thấp cổ bé họng bị chà đạp nhẫn nhục và những người bị đẩy vào tình trạng bán cùng hóa bị tha hóa, lưu manh hóa.</p> <p>+ Nhà văn đi sâu miêu tả tâm lí để khẳng định bản chất lương thiện của họ.</p> <p>- Các tp tiêu biểu: “ <i>Lão Hạc</i>”, “<i>Chí Phèo</i>”, <i>Dì Hảo</i>”</p>
--	---

vài kiểu mẫu đưa cho, VC chỉ dung nạp ...Khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa ai có” (Đời thừa).
-“Văn chương không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối...”

* Nhóm 2

Trước CM 8/1945:Tập trung 2 đề tài chính:

**Đề tài người trí thức nghèo*: TP: Trăng sáng, Sống mòn, Đời thừa ND:

+ Tình cảnh nghèo khổ, sống dở chết dở của những nhà văn nghèo, những ông giáo khổ trường tư ...

+ Phát hiện và miêu tả tấn bi kịch tinh thần của họ (Mâu thuẫn giữa khát vọng chân chính, ý thức sâu sắc về giá trị cuộc sống và nhân phẩm – Với hoàn cảnh XH, với gánh nặng cơm áo gạo tiền → Để rồi họ phải sống “cuộc đời thừa”, “chết mòn về tinh thần”

+Qua đó nhà văn phê phán, lên án tố cáo XH phi nhân đạo đã cướp đi sự sống và tâm hồn của những trí thức

**Đề tài người nông dân nghèo*:

III. Sau cách mạng tháng

Tám, ông có các tp: “ *Nhật kí “Ở rừng”, truyện ngắn “Đôi mắt”, kí sự “Chuyện biên giới”*”.

TP: Chí Phèo, Trẻ con không được ăn thịt chó, Mua danh, Tư cách mõ, Một bữa no,

Lão Hạc, Lang Rận ND:

+Quan tâm tới những kẻ bần cùng, thấp cổ bé họng, hiền lành bị lãng nhục, bị đối xử bất công, bị xô đẩy vào con đường lưu manh. + Nhà văn phát hiện ở họ những khát vọng hướng thiện, những phẩm chất cao quý.

+ Phê phán XH thối nát, bất công đã chà đạp lên quyền sống và quyền hạnh phúc của con người

Nhóm 3: -Sau CM8/1945:

Nam Cao lao mình vào mọi công tác CM và kháng chiến . Ông tự nguyện làm cán bộ tuyên truyền, ý thức rèn luyện và cải tạo mình.

TP: Đôi mắt (1948)

Nhật kí ở rừng (1948)

Chuyện Biên Giới (1950)

*** Nhóm 4**

+ Đặc biệt quan tâm đến đời sống tinh thần của con người.

+ Biệt tài phát hiện, miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật.

- + Rất thành công trong ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm.
- + Kết cấu truyện thường theo mạch tâm lí linh hoạt, nhất quán và chặt chẽ.
- + Cốt truyện đơn giản, đời thường nhưng lại đặt ra vấn đề quan trọng sâu xa, có ý nghĩa triết lí về cuộc sống và con người xã hội. + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh: **1b,2d**

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

1/ Tác phẩm nào của Nam Cao trực tiếp cho thấy Nam Cao xem lòng thương như một tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá nhân cách con người? a. Lão Hạc

b. Đời thừa

c. Giăng sáng

d. Sống mòn

2/ Ở Nam Cao, cũng như nhân vật trí thức nghèo trong sáng tác của ông, không thấy diễn ra cuộc đấu tranh giữa 2 mặt nào sau đây?

- a. Nhân đạo, vị tha- tàn nhẫn, ích kỉ
- b. Dũng cảm-Hèn nhát
- c. Chân thực-Giả dối
- d. Cái đẹp-cái thiện

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
- c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

- Khi viết về đề tài đời sống trí thức nghèo: Nhà văn phản ánh chân thực, sinh động tình trạng mòn mỏi về tinh thần, bị huỷ hoại dần những phẩm chất tốt đẹp của người trí thức nghèo;

- Khi viết đề tài đời sống nông dân nghèo: Tác giả thể hiện bi kịch bị tha hoá, bị từ chối quyền làm người.

- Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong 2 truyện để phân tích, chứng minh. **d)**

Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Nêu những đóng góp riêng của Nam Cao khi viết về đề tài đời sống trí thức nghèo và đề tài đời sống nông dân nghèo? Chứng minh qua tác phẩm

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

Hoạt động 3: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ

HS tự tóm tắt những nét chính về nội dung của bài

Gv chốt lại: Phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí.

- Chuẩn bị bài: *CHÍ PHÈO (Nam Cao)*

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 44:**CHÍ PHÈO (Nam Cao)**

_____ tiếp theo _____

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- Nêu được kiến thức về tác giả, khái quát tác phẩm, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của truyện ngắn.
- Hiểu được sự cảm thông sâu sắc của Nam Cao đối với bi kịch bị tha hoá của Chí Phèo và sự trân trọng của nhà văn trước khát vọng hoàn lương của người nông dân. Thấy được một vài nét độc đáo trong bút pháp nghệ thuật của Nam Cao.
- + Hình tượng nhân vật Chí Phèo (những biến đổi về nhân hình, nhân tính sau khi ở tù; nhất là tâm trạng và hành động của Chí sau khi gặp thị Nở cho đến lúc tự sát); + Giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc, mới mẻ của tác phẩm.
- + Những nét đặc sắc trong nghệ thuật truyện ngắn Nam Cao như điển hình hoá nhân vật, miêu tả tâm lí, nghệ thuật trần thuật, ngôn ngữ nghệ thuật.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Nam Cao - Năng lực đọc – hiểu truyện ngắn Chí Phèo.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả, tác phẩm;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công, hạn chế, những đóng góp nổi bật của nhà văn
- Năng lực phân tích, so sánh các đề tài trong sáng tác của Nam Cao - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Suu tầm tranh, ảnh về Nam Cao, phim Làng Vũ Đại ngày ấy.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

+ Trình chiếu một đoạn phim Làng Vũ đại ngày ấy, tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)

+Chuẩn bị bảng lắp ghép

+ Nhìn hình đoán tác giả *Nam Cao*